

Lê Xuân Khoa

BÙI KIẾN
THÀNH
*Người mở khóa
lãng du*

Lời giới thiệu

Có những cuộc hội ngộ thật lý thú.

Tôi gặp anh Bùi Kiến Thành lần đầu tiên khi anh trình bày ý tưởng tại buổi hội thảo với một tập đoàn của Mỹ về dự án sân bay Chu Lai. Ấn tượng đầu tiên của tôi về anh là một người thông minh, luôn cầu thị, chịu khó ghi chép và lắng nghe, trầm tĩnh và có tư duy phản biện để tìm ra giải pháp.

Tôi kém tuổi anh Thành khá xa, cách hẳn một thế hệ. Lúc tôi còn là đứa trẻ, thì anh đã là một chính khách tầm cỡ quốc gia. Nửa thế kỉ sau, chúng tôi lại cùng ngồi chia sẻ, trao đổi với nhau chuyện về những dự án, những công trình để thúc đẩy kinh tế đất nước đi lên.

Tôi đã biết đến anh từ lâu qua em trai của anh, kiến trúc sư Bùi Kiến Quốc, người với tôi cũng là chỗ thân tình. Trong câu chuyện bạn bè, anh Quốc thường kể về người anh cả lãng tử, có cuộc đời phiêu lưu, lại rất tài năng, tâm huyết với sự phát triển của đất nước. Hôm nay, đọc bản thảo cuốn sách của nhóm tác giả viết về anh Bùi Kiến Thành, tôi lại hiểu thêm về anh ở nhiều khía cạnh và càng thấy trân trọng anh hơn.

Anh sinh ra trong một gia đình họ Bùi tại Quảng Nam có truyền thống hiếu học. Đó không phải là cái học từ chương mà học để hành, để ứng dụng và... làm giàu! Từ chuyện ông bà nội anh dồn tiền cho con du học đến công cuộc làm ăn của ông bà thân sinh ra anh, với tư tưởng lúc nào cũng hướng ra biển lớn, đều rất đáng khâm phục.

Điều gây ấn tượng nhất với tôi là, anh Thành khi đã ra được biển lớn rồi, lại quay về với đất nước, bỏ công bỏ sức để góp phần tạo nên những đổi thay rõ rệt cho kinh tế xã hội Việt Nam. Từ câu chuyện công cuộc Đổi mới đất nước, đến chuyện bình thường hóa quan hệ Việt - Mỹ rồi những dự án như dự án cảng Vân Phong trong những năm gần đây, tôi tự hỏi, sức hút nào đã kéo anh về? Có lẽ đó chính là tình yêu quê hương, đất nước, mong muốn là một người đi tìm chìa khóa, mở những cánh cửa khó mở để dẫn đến những cơ hội tốt đẹp hơn cho người dân Việt Nam.

Trong cuốn sách này, anh cũng không ngại chia sẻ cho người đọc biết những tháng năm anh làm việc dưới chính quyền miền Nam hay anh là bạn cố tri của Tổng thống Việt Nam Cộng hòa. Trong mắt tôi, dù cho dưới chế độ nào, thời đại nào, anh cũng đã cống hiến hết mình công sức và trí tuệ theo cái tâm của một con người.

Cả một đời bôn ba, đến nay, đã ngoài 80 tuổi, anh vẫn giữ được thú vui làm bạn với công việc. Đó thực sự là một trong những niềm hạnh phúc cho những người yêu lao động, say mê cống hiến cho đời như anh.

Hi vọng khi cầm cuốn sách *Bùi Kiến Thành - Người mở khóa lãng du* này trên tay, bạn đọc, nhất là những người trẻ, cũng như tôi lúc này, sẽ có được một mối duyên hội ngộ với

anh Thành cùng nhiều suy tư về cuộc sống...

Hà Nội, ngày 06/3/2015

Vũ Ngọc Hoàng

**Phó Trưởng ban Thường trực
- Ban Tuyên giáo Trung ương**

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Lời tựa

Tân chào quý vị độc giả vô cùng quý mến và đáng yêu,

Đầu tiên, tôi xin được cảm ơn bạn vì đã cầm trên tay cuốn sách này, cuốn sách nói về cuộc đời tôi.

Cuộc đời tôi cũng như bao cuộc đời, có lúc thăng lúc trầm, vinh quang trộn lẫn với đắng cay. Tôi may mắn được chứng kiến và tham gia vào những khúc quanh quan trọng của lịch sử, lại được đem chút tài hèn của mình phụng sự cho đất nước, quê hương. Nay sau chặng đường dài, nhân cơ duyên nhận được lời đề nghị của Công ty Cổ phần Sách Thái Hà, tôi xin ghi lại dăm ba mẫu chuyện gọi là góp vui cho quý bạn những lúc trà dư tửu hậu, mà biết đâu cũng thêm được vài điểm đáng để ngẫm của thế sự hưng vong.

Gần một thế kỉ trước, tôi còn là một cậu bé ngây thơ chưa biết gì, nhưng cũng đủ thấm cảnh nước nhà nằm dưới ách đô hộ của thực dân Pháp, nhân dân ta sống trong lầm than nô lệ, con người không có “địa” để phát triển tài năng, trí tuệ. Rồi sau khi nước nhà giành được độc lập năm 1945, đồng bào tiếp tục chịu đựng nỗi đau chia cắt, biết bao máu và nước mắt đã đổ xuống giữa bom đạn chiến tranh, thịt xương của hàng triệu con người đã ngấm vào mảnh đất quê hương. Khi thống nhất hai miền Nam - Bắc, những tưởng được tận hưởng hoa thơm trái ngọt thì chúng ta lại phải đương đầu với đói nghèo, lạc hậu bởi tư duy kinh tế chậm tiến. Chứng kiến bao cảnh chưa xót như vậy, tôi không lúc nào nguôi niềm mong mỏi được chung tay, góp chút sức mọn vào công cuộc xây dựng cuộc sống giàu đẹp hơn, tươi sáng hơn cho nhân dân tôi, đồng bào tôi...

Hôm nay, những năm tháng cùng khổ đen tối đã lùi xa. Được nhìn thấy quê hương yêu dấu ngày một khởi sắc, ấm no, niềm hạnh phúc trong tôi dâng lên không sao tả xiết. Có thể nói, những gì chúng ta đang được hưởng chính là thành quả của rất nhiều, rất nhiều sự hi sinh. Cuộc sống mà chúng ta hiện đang có chính là ước mơ của những năm tháng trước kia. Đó là hòa bình, thống nhất, thịnh vượng, sự hồi sinh mạnh mẽ của cả dân tộc Việt Nam đang từng giây từng phút vươn lên từ đồng tro tàn. Cuộc sống của tôi thường bận rộn, công việc nối tiếp công việc. Khi chia sẻ câu chuyện của mình với nhóm tác giả, những người bạn trẻ đáng yêu của mình, tôi mới có chút thời gian lắng đọng để nhìn lại. Những tình cảm của ngày hôm qua cứ từ từ sống dậy trong tim, trong óc tôi. Những kỉ niệm cũ, những bài học đã trải, những kinh nghiệm nhiều năm đúc rút lần lượt được lật lại, chậm chậm, rõ nét với nguyên vẹn cảm xúc. Giờ đây, được mang những điều đó đến với bạn đọc, tôi mong được góp chút ít tư liệu về một chặng đường lịch sử từ góc nhìn của cá nhân tôi.

Cảm ơn nhóm tác giả. Cách thể hiện mà các bạn lựa chọn không hoàn toàn giống với tưởng tượng ban đầu của tôi, khiến tôi thấy bất ngờ, thú vị vô cùng bởi sự mới mẻ, trẻ trung và nhiều màu sắc. Vì thế, tôi tin tưởng cuốn sách sẽ đến được với đông đảo bạn đọc gần xa thuộc nhiều độ tuổi khác nhau, không chỉ thế hệ những người trưởng thành mà cả những

bạn đọc trẻ ở độ tuổi đôi mươi cũng có thể tìm thấy điều gì đó ý nghĩa từ cuốn sách.

Ngoài kia, xã hội còn vô vàn bất cập, cuộc sống làm sao có thể hoàn toàn chấm dứt những trở ngại, khó khăn. Hàng ngày chúng ta vẫn nghe nhiều tiếng kêu oán than, đau khổ. Tuy nhiên, trong nỗi trăn trở với nhiều mối lo âu cho tiền đồ của đất nước, tôi vui mừng vì có thể nhìn thấy nhiều nụ cười hơn, nhiều cặp mắt sáng hơn, nhiều bàn tay hơn. Đó là những con người không chấp nhận ngồi yên, đang không ngừng nỗ lực góp sức vào sự thay đổi. Tôi lạc quan cho rằng Việt Nam đang bước vào một kỉ nguyên mới, của tuổi trẻ và sức sáng tạo. Nhiều bông hoa đẹp sẽ tạo ra một cánh rừng. Cánh rừng đó sẽ ngày càng đẹp với sự tham gia của tôi và của bạn.

Tôi xin chia sẻ câu chuyện của tôi tới tất cả các bạn và chúc các bạn ngày ngày vui vẻ, mọi sự tốt lành.

Bùi Kiến Thành

Nhiều câu chuyện trong một cuộc đời

Trước đây, một vài dịp tôi có nhìn thấy ông phát biểu trên truyền hình, nhưng tới tháng 6 năm 2011, tôi mới trực tiếp gặp mặt Bùi Kiến Thành lần đầu tiên khi đang làm truyền thông ở một công ty chuyên về dịch vụ cộng đồng. Công ty của tôi phối hợp với Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa, Hội Quy hoạch Phát triển đô thị Việt Nam tổ chức hội thảo *Khánh Hòa - Vận hội đầu tư và phát triển* tại thành phố biển Nha Trang và ông được mời làm một trong ba chủ tọa. Hội thảo đề cập đến cơ chế, chính sách, môi trường đầu tư của tỉnh Khánh Hòa; quy hoạch và định hướng phát triển cơ sở hạ tầng tỉnh; quy hoạch tổng thể khu kinh tế Vân Phong và cảng nước sâu Vân Phong; góc nhìn của các nhà đầu tư kinh tế về Nha Trang - Khánh Hòa.

Trong các cuộc phỏng vấn ở Hà Nội mà tôi sắp đặt để khởi động cho sự kiện, sự minh mẫn, thông tuệ, thái độ làm việc chuyên nghiệp của ông khiến tôi vô cùng ngưỡng mộ, nhưng ấn tượng nhất là cách ông trao đổi rành mạch với một giọng nói truyền cảm.

Vào Nha Trang, tôi được quan sát và lắng nghe ông nói về “giấc mơ” xây dựng một cảng hàng hải quốc tế Vân Phong ngang tầm với Thượng Hải hay San Francisco. Đó không chỉ là tầm nhìn 5 năm, 10 năm hay 20 năm, mà là hàng trăm năm, không chỉ thay đổi vị thế của Vân Phong hay Khánh Hòa nói riêng mà là cả nước nhà. Sau hội thảo, ông cùng chúng tôi du ngoạn về Hội An, nơi ông đi học thuở nhỏ. Trong buổi liên hoan, ông say sưa ngâm thơ. Thơ về khí phách dân tộc, về quê hương Quảng Nam, và cả thơ tình. Tôi đón được những tia sáng kì lạ phát ra từ mắt ông, tự nhủ thầm: “Sao một người đã bước sang tuổi 80 mà vẫn đam mê công việc đến thế, vẫn ưa xê dịch đến thế, hết ra Bắc lại vào Nam? Ông già rồi còn yêu, còn sống mãnh liệt như vậy, thế hệ con cháu như mình phải cố gắng lên mới được.”

Tiếp xúc nhiều hơn, tôi nhận ra hoài bão Vân Phong chỉ là một phần trong chuỗi năm tháng với biết bao chuyện “ly kì” mà ông đã trải qua. Ông nội Bùi Kiến Thành là nhà khản hoang Bùi Biên có nhiều công hiến cho kháng chiến chống Pháp tại Trung Phước - Quế Sơn - Quảng Nam. Bùi Kiến Thành là con cả của bác sĩ Bùi Kiến Tín, một doanh nhân - nhân sĩ uy tín ở Sài Gòn trước năm 1975. Là một trong số những người Việt Nam đầu tiên được đào tạo bài bản về tài chính tại Hoa Kỳ, năm 1954, chàng thanh niên 23 tuổi Bùi Kiến Thành được mời về nước làm trợ lý cho Thủ tướng Quốc gia Việt Nam⁽¹⁾ Ngô Đình Diệm và cố vấn Ngô Đình Nhu. Năm 1956, ông được cử trở lại Hoa Kỳ học nâng cao và thành lập văn phòng Đại diện Ngân hàng Quốc gia Việt Nam, là người trẻ tuổi nhất trong hơn 60 đại diện Ngân hàng nhà nước tại Hoa Kỳ bấy giờ. Quay về Sài Gòn, ông thôi làm việc cho Chính phủ, ra ngoài hoạt động kinh tế tư nhân và trở thành một trong những doanh nhân có ảnh hưởng nhất tại miền Nam Việt Nam khi đó. Ông được mời làm Chủ tịch kiêm Giám đốc điều hành Công ty Bảo hiểm Quốc tế AIU, tiền thân của AIG. Năm 1963, Chính quyền Ngô Đình Diệm bị đảo chính, Bùi Kiến Thành bị bắt giam hơn một năm. Từ năm 1965, ông

sang Paris định cư, bắt đầu quãng thời gian dài xa quê hương, rồi trở thành một nhà đầu tư bất động sản tại miền Nam nước Pháp. Hơn nửa đời người bôn ba, đầu thập niên 80 của thế kỷ XX, chuyên gia tài chính Bùi Kiến Thành được Chính phủ Việt Nam liên hệ xin ý kiến tư vấn góp sức cho tiến trình ĐỔI MỚI. Năm 1991, ông trở về Việt Nam và chính thức sinh sống tại quê nhà từ năm 1993. Ông đã góp công lớn trong tiến trình bình thường hóa quan hệ Việt - Mỹ và đề xuất cũng như tham gia rất nhiều dự án kinh tế chiến lược. Kể từ đó tới nay, ông làm cố vấn cho ba đời thủ tướng của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, đó là các thủ tướng Võ Văn Kiệt, Phan Văn Khải, Nguyễn Tấn Dũng, tiếp tục đưa ra nhiều ý kiến và giải pháp về lĩnh vực tài chính, tháo gỡ những khó khăn cho nền kinh tế đến thời điểm hiện tại.

Năm nay đã ngoài 80 tuổi, Bùi Kiến Thành vẫn đang làm việc không mệt mỏi. Những hoạt động của ông tương đối thâm lặng, cộng với việc thông tin về ông trên truyền thông đại chúng còn hạn chế nên hiếm người biết tường tận về cuộc đời thú vị của ông. Chúng tôi quyết định thực hiện cuốn sách này như một sự tri ân tới những cống hiến của ông đối với đất nước. Việc nhìn lại quãng đời nhiều dấu ấn của một chứng nhân đã chứng kiến nhiều đổi thay của lịch sử cũng là cách chúng ta đúc rút những bài học từ ngày hôm qua để suy ngẫm và hành động cho hôm nay.

Lặn sâu vào hành trình từ cậu bé Bê rôm đến chuyên gia tài chính Bùi Kiến Thành, bạn sẽ thấy đó là cuộc phiêu lưu của một nhân cách đặc biệt, một trái tim đa cảm, một tâm hồn tự do, bay bổng, muốn phá bỏ các giới hạn. Những biến cố của cá nhân ông giữa biến cố của thời cuộc đã làm nên bức tranh nhiều sắc thái, nhiều mảng màu. Và ở những thời kì khác nhau, ông miệt mài kiếm tìm phương cách đổi thay cuộc đời mình, đồng thời nỗ lực đổi thay cả hoàn cảnh xung quanh một cách tích cực. Không ít lần ông đã trực tiếp hoặc góp phần tìm ra chìa khóa khai thông những điểm nút gây ùn tắc trên diện rộng. Đó là lí do vì sao chúng tôi đặt tên cuốn sách này là: *Bùi Kiến Thành - Người mở khóa lãng du*.

Tôi rất hãnh diện vì cơ duyên trở thành người chấp bút cho cuốn sách này. Mặc dù vậy, cuốn sách mà các bạn đang có trên tay không phải là kết quả lao động của một mình tôi, mà là của một nhóm. Các cộng sự đầy nhiệt tình và tài ba là hai bạn Thanh Huyền và Xuân Chi đã cùng tôi thực hiện tổng cộng hơn 40 cuộc gặp gỡ với Bùi Kiến Thành và một số nhân vật liên quan đến ông trong vòng hai năm từ giữa năm 2012, bên cạnh đó còn rất nhiều cuộc trao đổi, chi tiết có, chớp nhoáng có, qua điện thoại và mạng internet. Cho nên trong sách, bạn đọc sẽ bắt gặp những đoạn tác giả xưng “tôi” hoặc “chúng tôi”.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn tất cả những cá nhân, tổ chức đã hỗ trợ, cung cấp thông tin làm chất liệu cho từng trang sách, cảm ơn Nhà xuất bản Thế Giới và Công ty Cổ phần Sách Thái Hà đã tạo mọi điều kiện để cuốn sách được ra mắt bạn đọc.

Một điều nữa tôi xin được lưu ý các bạn, **đây không phải là một cuốn sách lịch sử. Mặc dù liên quan đến nhiều sự kiện và nhân vật lịch sử, nhưng đây vẫn là một tập hợp hồi ức mang tính cá nhân với những ý kiến chủ quan của nhân vật.** Tôi có xâu chuỗi, sắp xếp, bố cục lại nhưng không sửa chữa mà hoàn toàn tôn trọng ý kiến, quan

điểm riêng của ông. Tôi cũng đề nguyên cách xưng hô thân mật giữa chúng tôi cũng như giọng kể tự nhiên của ông nhằm giúp bạn đọc nhìn nhận về ông một cách chân thực nhất. Vì nhiều lí do chủ quan lẫn khách quan, không phải tất cả những gì chúng tôi trao đổi với Bùi Kiến Thành đều được đưa vào cuốn sách này, tuy nhiên, tôi tin tưởng những câu chuyện được kể đủ để các bạn hình dung ra chân dung con người ông, một doanh nhân, một chính khách, một chuyên gia cố vấn, từ bước đi chập chững đến khi trưởng thành, những câu chuyện về gia đình và xã hội, tình yêu và tình bạn, những quyết định đúng đắn và sai lầm, niềm vui lẫn nỗi buồn của ông...

Bùi Kiến Thành, với tư duy và trí tuệ mẫn tiệp, đã kể lại hành trình gần một thế kỷ của ông một cách thoải mái và gần gũi, nhưng lớp bụi thời gian vẫn che phủ kìm ỨC ít nhiều. Là những người sinh ra trong thời đại hòa bình, chúng tôi cố gắng quay lại quá khứ để tái hiện cuộc đời ông theo cách khách quan nhất, nhưng chắc hẳn vẫn không tránh khỏi thiếu sót. Chúng tôi rất mong được đón nhận những chia sẻ từ chính bạn đọc trong quá trình thưởng thức cuốn sách này để những câu chuyện ngày một đầy đặn hơn, chi tiết hơn. Đó sẽ là mối nhân duyên tuyệt vời giữa tất cả chúng ta.

Lê Xuân Khoa



NHỮNG NGÀY
Thơ đại

Tết Quảng Nam

Sau thời gian thường xuyên gặp gỡ trò chuyện, bác cháu chúng tôi đã trở nên gần gũi và thân thiết. Một năm trước, ông dự định ăn Tết Nguyên đán ngoài Hà Nội nhưng bất thành. Bạn bè đây đó gọi mời, thế là ông lại xỏ giày lên đường, như cuộc dạo mát nhẹ nhàng của cánh chim quen bốn phương trời chao liệng. Năm con ngựa⁽¹⁾ này, dự định ấy mới trở thành hiện thực khi ông chọn Hà Nội là điểm dừng chân sau một hành trình dài. Chúng tôi tới thăm ông vào những ngày miền Bắc lạnh cắt da, cùng ông đi du xuân, ngắm những sắc đào hồng đang rực lên trên phố phường. Nhìn lũ trẻ chạy đuổi nhau hò hét oang oang dọc đường, ông nhớ lại những kỷ niệm thời thơ ấu:

“Lúc bác Thành còn nhỏ, dì Chín bác Thành nghịch lắm, như con trai vậy đó. Dì Chín có trò chơi là bắt mấy con thạch sùng, cho mỗi đứa một con xong sắp hàng ra cho nó chạy đua, đua xe.

Nay nghĩ lại thấy hồi đó nhỏ dại thật, chưa biết gì và ở thôn quê chẳng có đồ chơi...”

Nghe ông kể mấy trò nghịch của trẻ con, tôi bỗng tò mò về Tết cổ truyền ở làng quê Việt Nam gần một thế kỷ trước, thế là tôi hỏi:

“Bác ơi, những cái Tết ngày nhỏ của bác thì như thế nào ạ?”

Ông hướng ánh nhìn ra xa, đón bắt những vạt nắng mỏng len lỏi giữa màn sương mờ:

“Mỗi dịp Tết như vậy nhộn nhịp lắm. Các cô, các dì, các thím, toàn phụ nữ lo việc làm bánh cả tháng trước Tết lặn, làm bánh khô trước. Ở Quảng Nam có nhiều thứ bánh lắm: nào là bánh thuẫn, bánh nỏ... Bánh nỏ được làm từ gạo nếp và đường cái, người ta rang nếp hạt lên, rồi nấu đường trộn vào, đổ ra đập thành miếng vuông rồi. Có một loại bánh rất đặc biệt gọi là bánh tổ, là một thứ bột khuấy với đường cái màu nâu, đổ vào một cái tổ làm bằng tre lót một ít lá chuối trong đó. Loại bánh tổ đó ăn suốt cả mùa xuân, mà không ăn sống, phải chiên lên. Lại còn bánh in đậu xanh. Người ta sấy, in trong cái khuôn rồi đem nướng thế nào đó nó chín, cứng lại chứ không mềm mềm khi bẻ rớt ra như bánh đậu xanh Hải Dương đâu, ăn nó khác mà để được lâu nữa. Đủ các thứ bánh như thế đấy...” Kể về các loại bánh, giọng ông chộn rộn hẳn lên, mắt ông long lanh như đứa trẻ, khiến mấy người chúng tôi cũng xôn xao một niềm vui rất trẻ thơ.

Rồi ông chậm rãi kể tiếp về thời gian cận Tết. Tới ngày cúng Ông Táo mọi người dọn dẹp nhà cửa, đem câu đối đỏ về dán. Gần Tết rất nhộn nhịp, mấy ông thầy đồ tới nhà chơi, bà con cô bác gần xa đến. “Thường thì ông nội ngồi trên phản tiếp khách, cái phản giữa ngôi nhà ba gian năm chái. Ông nội có cái ống thuốc lá vắn sẵn. Khách tới ngồi hút thuốc lá. Cánh đàn ông thời đó đều hút thuốc cả. Thường mấy anh quê ở Quảng Nam hút thuốc lá Cẩm Lệ, sản xuất ra tại làng Cẩm Lệ, cuốn bằng lá. Ông nội có một chú người làm, gọi là chú Hội Thám, chuyên xắt thuốc. Xắt thuốc ra cũng là cả một nghệ thuật. Cuốn lá thuốc lại

thành một cuộn tròn lớn bằng ba bốn ngón tay, có một cái cây với một cái lỗ ngang, để thuốc qua cái lỗ đó rồi cắm dao vào ngạch cửa, ngồi xất xất nó ra thành từng lát, gọi là thuốc rê, rồi mua giấy quỳên, cái giấy trắng trắng, cuộn lại. Nó không tròn như cái điếu thuốc bây giờ đâu, một đầu nó lớn, một đầu nó nhỏ tí. Thuốc lá này không rút ra rút vào gạt tàn được, cứ hút hết từ từ vậy, mỗi lần hút thì để trên môi lưỡi của mấy ông đó, đầu nhỏ nó ướt hết, không hiểu làm sao lại hút được. Mà thuốc nặng lắm, ai mà không biết hút hút chừng một, hai hơi là say à.”

“Tết ngày đó... có pháo không bác?” Tôi cầm cặp cho ông. Rảo bước ven hồ, ông kể:

“Có chứ. Từ trước Tết tụi bác đi mua pháo về, rồi bắt đầu đốt lẹt đẹt chứ không phải đợi tới giao thừa mới đốt đâu. Mấy đứa trẻ nghịch ngợm tháo từng quả pháo ra khỏi bánh pháo, anh nào bạo dạn là cầm quả pháo với cây nhang châm rồi vút đi, nhiều khi vút vào bếp nó nổ tung lên làm mấy bà la làng la xóm. Chúng còn vút pháo vào chân cẳng mấy cô mấy dì, cũng hơi nguy hiểm, hay là vút pháo vào chỗ mấy con chó đang ngủ. Chó đứng dậy chạy oăng oăng là tụi con nít sướng lắm. Đủ kiểu nghịch.” Ông cười nhăn mặt. “Tối tám, chín giờ tới 30 Tết, trước đêm khuya, những con lợn béo mập bị lòi ở trong chuồng ra chọc tiết, kêu éc éc um xùm. Cảnh đấy dễ sợ lắm, bây giờ nghĩ thấy khủng khiếp luôn. Trẻ con tụi bác đứng xem giết lợn đó, để chờ có một chuyện thôi, tới khi người ta làm xong, mổ bụng thì xin được cái bong bóng của con lợn, dặn mấy chú đừng làm thủng bong bóng của tui nha, nói mấy chú xát muối vào cho nó mềm ra rồi thổi lên cho mình. Hồi xưa làm gì có bóng bay đâu, nên xin cái bong bóng đó làm quà Tết thích lắm, làm gì có cái gì khác.

Khi giao thừa, ông nội đứng ra cúng tổ tiên rồi bắt cháu đích tôn đi theo. Ông nội đi tới đâu, bác Thành theo tới đó. Ông nội có trách nhiệm lo việc cúng lễ trong nhà, còn các cô các dì thì lo nấu nướng đủ thứ đồ ăn, như hội thi nữ công gia chánh vậy. Món gan thì làm đủ thứ kiểu gan. Gà thì vào chuồng bắt nó thôi. Vịt thì nuôi trong cái sân rộng, nó chạy cả đàn thế này nè, không phải nhào qua mà nắm nó được. Người ta cầm cây sào dài, thấy con nào chạy qua mà nhắm bắt thì lấy cây sào đè cổ nó xuống rồi tới nắm đầu nó xách đi. Con gà thì cầm cổ rồi cầm hai cái cánh cái chân, con vịt thì cổ dài nên không khi nào bắt con vịt mà cầm cái mình nó cả, chỉ cầm cái cổ nó dờ lên thôi là nó hết rục rịch rồi... Ba mươi Tết là thức suốt, rồi ông nội cho tiền mấy đứa cháu đi đánh bài. Bài trùng, bài cát tê⁽²⁾, bài nọ, bài kia... Các chú, các cô, các dì, các cháu từ bao nhiêu nơi về chia ra từng nhóm từng nhóm đánh bài... Cả nhà quây quần bên nhau thật rộn ràng.”

Cứ như thế, hình ảnh cái Tết sum vầy dần dần mở ra bức tranh về thời ấu thơ của ông tại miền quê Quảng Nam những năm 30 của thế kỷ XX, và mở đầu cho câu chuyện dài về những con người “tâm cỡ” trong gia đình đã nuôi nấng nên một Bùi Kiến Thành của ngày hôm nay.

Cây lớn bắt rễ sâu

Trong số hơn 200 dòng họ ở Việt Nam, suốt chiều dài lịch sử từ thời Hùng Vương đến thời đại Hồ Chí Minh, họ Bùi là một trong những dòng họ lớn sản sinh ra nhiều người con ưu tú. Đó là những danh tướng, danh sĩ, nhà văn hóa, nhà khoa học, nhà yêu nước... đã cống hiến tài năng, trí tuệ và sinh mệnh cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Theo chân Bùi Kiến Thành, chúng tôi may mắn được tham dự một buổi họp Ban liên lạc họ Bùi Việt Nam.

Bùi Kiến Thành nói: “Các bác ấy làm rất tốt. Buổi họp mặt lần trước của họ Bùi phía nam được tổ chức trong Dinh Độc Lập có đến 2.500 đại biểu tham gia.” Thật đáng ngưỡng mộ cho nỗ lực kết nối để phát triển của những con người họ Bùi hiện nay, điều mà không phải dòng họ nào cũng thực hiện được.

Văn phòng liên lạc họ Bùi Việt Nam nằm tại phố Tạ Quang Bửu, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Các thành viên của Ban liên lạc có mặt lúc này đều là những người họ Bùi uy tín đã có những cống hiến được ghi nhận cho đất nước ở lĩnh vực của họ. Khoảng hơn 10 con người ngồi quanh bàn họp lúc ấy đa số đều tóc bạc da mồi, nhưng vẫn nhiệt huyết với công việc chung. Cuộc họp kéo dài từ tám rưỡi sáng đến khoảng hai giờ chiều. Trong lúc bụng chúng tôi réo vang thì các bác vẫn tập trung, không ai than phiền hay đả động đến cơm nước.

Cuối buổi, Giáo sư Thiếu tướng Bùi Phan Kỳ, nguyên Trưởng ban Nghiên cứu Đường lối Học thức Quân sự Viện Chiến lược - Bộ Quốc phòng, nay là Chủ tịch Ban Chấp hành Cộng đồng họ Bùi Việt Nam khóa I, nắm tay tôi, cười: “Việc họ tộc mệt mỏi như thế đấy, chứ không đơn giản như bạn bè mình chơi với nhau.” Quả thực chúng tôi có hơi ả ngại khi chứng kiến các vấn đề hoạt động cũng như hành chính được đưa ra mổ xẻ thẳng thắn, nhiều lúc gay gắt đến mức chúng tôi ngồi phía sau phải nín thở nắm chặt tách trà.

Rời đi, chúng tôi được tặng một tập san *Họ Bùi Việt Nam* số đặc biệt và một cuốn sách *Họ Bùi Việt Nam trong quá trình phát triển của lịch sử* dày hơn 600 trang do tác giả Bùi Văn An sưu tầm và biên soạn. Sách ghi chú về họ Bùi Việt Nam từ những dấu tích truyền thuyết xa xưa, về Quốc Mẫu Bùi Thị Dung, mẹ của Thánh Gióng đời Hùng Vương thứ sáu, khoảng năm 1760 trước Công nguyên, đến những danh nhân rất gần thời đại chúng ta như thi sĩ Bùi Giáng, họa sĩ Bùi Xuân Phái... Chương XXI *Họ Bùi Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945* có nhắc đến hai nhân vật là Bùi Biên và Bùi Kiến Tín, chính là ông nội và thân sinh của Bùi Kiến Thành.

Vài hôm sau, vào một buổi sáng thứ bảy ả trong một quán cà phê nhỏ trên đường Đặng Dung, Bùi Kiến Thành chậm rãi kể cho chúng tôi nghe câu chuyện của họ tộc mình:

“Họ Bùi nhà bác ở làng Vĩnh Trinh, phủ Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam...”

Xưa, đất Quảng Nam vốn của người Chiêm Thành. Khi Huyền Trân Công chúa được gả

cho Chế Bồng Nga, họ mới hồi môn lại cho nước Việt hai châu Ô, Lí, từ Quảng Bình tới Phú Yên.

Hai châu Ô, Lí vuông ngàn dặm

Một gái Huyền Trân của mấy mươi. [\(1\)](#)

Sau đời nhà Trần, đời nhà Lê lên, tiếp tục khai phá, đưa quân, đưa dân đi mở mang bờ cõi, đi đến đâu thì đóng đồn lại. Lĩnh phải biến những đất đai chung quanh đồn thành nơi khai khẩn trồng trọt được. Thường sau ba năm, những người lính đó được ở lại trên mảnh đất mới để làm ăn sinh sống, trở thành dân cư. “Cu” là “ở”. Vậy nên học trò sáu, bảy tuổi mới hay đọc bài thơ:

Ba năm trấn thủ lưu đồn

Ngày thì canh điểm, tối dồn việc quan

Chém tre dẫn gỗ trên ngàn

Hữu thân, hữu khổ phần nàn cùng ai

Miếng ăn măng trúc, măng mai

Những giang cùng nứa lầy ai bạn cùng

Nước giếng trong con cá nó vầy vùng.

“Đây là một trong số những bài thơ mà bác Thành được học khi mới có sáu, bảy tuổi, nằm trong *Quốc văn Giáo khoa thư* - bộ sách giáo khoa đầu tiên bằng chữ Quốc ngữ do ông Trần Trọng Kim cùng một số văn hào trong Bộ Giáo dục của Nam Triều biên soạn. Cho nên, phải nói là giáo dục khi xưa của Việt Nam mình hay lắm. Những chuyện bác Thành đọc từ hồi đấy mà bây giờ nhớ hết. Người ta vừa được dạy văn học, vừa được dạy công dân giáo dục, là dạy ở đời phải như thế nào, nhiều thứ nhiều thứ lắm.

Nói tiếp câu chuyện... Ngoài việc cho quân đi lập đồn, triều đình còn cho phép những người có tiền bạc, gọi là phú hộ đi lập điền. Ví dụ như ông Bùi Đại Lang, xin với triều đình đưa người đi mở mang bờ cõi ở vùng đất Quảng Nam, khi đó, vua mới lệnh cho được đưa bao nhiêu tráng đinh, tức là thanh niên mạnh khỏe, đi vào đó để mà khai khẩn. Không phải lập đồn mà là lập điền, đồn là quân sự còn điền là dân sự mở mang bờ cõi. Ông vào đó rồi phát quang rừng rậm, phân chỗ nào đồi cao đồi thấp, chỗ nào ruộng cao ruộng thấp rồi dẫn thủy nhập điền đủ thứ kiểu hết.”

Đồn điền hoạt động đến khi có đủ tiêu chí thì dân lập sở dâng lên, vua duyệt rồi ra chiếu chỉ lập nên làng. Dân cử ra hội đồng làng. Hội đồng làng bầu ra ông hương chỉ, người đứng đầu làng đó, giống như chủ tịch Hội đồng Nhân dân bây giờ. Hội đồng làng lại cử ra Lí trưởng, giữ triện vua ban, giống như Ủy ban Nhân dân bây giờ, quản vấn đề hành chính.

Ông này chỉ có quyền đại diện thôi, mỗi lần lên gặp có việc trình báo triều đình thì phải qua ông tri huyện. Trên tri huyện có tri phủ. Tri huyện là người của triều đình cử ra để quản lý một số làng. Có làng rồi mới có tổng, có huyện.

“Cho nên trước khi đi gặp cấp trên thì lí trưởng xin ý kiến của hội đồng làng xem lên huyện trình chuyện gì chuyện gì. Thí dụ, mỗi năm việc quan trọng nhất của làng là nộp thuế. Hội đồng làng nói với lí trưởng là năm nay làng làm ăn mất mùa lắm, cho nên làng xin nộp cho quan huyện 100 ang lúa. Lí trưởng giống như ông đại sứ đặc biệt gửi lên huyện, thương lượng với tri huyện. Ông huyện đập bàn, làm sao mà lại mất mùa, tao lên kiểm tra lại đàng hoàng năm nay làng làm ăn tốt sao gọi là mất mùa, 100 ang là không được, phải nộp 150 ang. Lúc ấy ông lí trưởng xin với quan huyện về trình lại với làng và hội đồng làng, chứ ông không có quyền quyết định. Khéo léo là ở chỗ này. Hội đồng làng mới hội lại: Thôi thì ông lí trưởng lên trình lại rằng thật sự làng cũng mất mùa nên xin nộp huyện 120 ang.”

Qua lời ông kể, tôi thấy tổ chức hành chính khi xưa đã có quy tắc rất rõ ràng.

Ông giải thích rành rẽ cho chúng tôi các loại đất đai quy định ngày xưa. Theo luật Hồng Đức⁽²⁾ thì làng phải có điền và thổ, đo bằng “sào”. Đủ số sào quy định, triều đình mới ra chiếu công nhận đó là làng đúng chuẩn. Điền là đất trồng cây, trồng lúa, trồng màu, thổ là đất để làm nhà. Không được làm nhà trên điền, nơi để sản xuất ra thức ăn, chỉ được làm nhà trên thổ mà thôi. Đặc biệt làng còn có công điền, công thổ, là đất chia cho tất cả người dân trong làng. Chẳng hạn, làng có 100 dân cư, làng đó có 10 mẫu công điền thì 100 dân cư kia mỗi người được hưởng 1/10 mẫu, được một miếng đất trên công thổ làm nhà ở.

“Anh phải là dân cư, tức là người có gốc gác, có công khai khẩn ra cái làng đó, còn không phải dân cư thì gọi là dân ngụ. Bây giờ gọi người thường trú là dân cư còn tạm trú là dân ngụ đó. Dân ngụ không được hưởng quyền lợi trên công điền. Một người luôn được thừa hưởng đất đai mà cha ông mình khai phá, dù họ không có tiền mua. Vậy nên, người dân Việt Nam theo luật Hồng Đức, không có người nào là vô gia cư, vô sự nghiệp, người nào cũng có nhà ở, người nào cũng có miếng ăn. Người có công thành lập, khai phá làng được gọi là thành hoàng. Người dân sẽ lập đền thờ thành hoàng. Linh thiêng lắm đó.

Khi ông chết, mọi người tôn ông lên, lập một đền thờ thành hoàng làng lớn lắm...”

Tiền hiền⁽²⁾ của họ Bùi ở Vĩnh Trinh là cụ Bùi Đại Lang, từ đất Hoan-Châu, tức tỉnh Nghệ An bây giờ, cùng đoàn quân Nam tiến của triều Lê Trung Hưng khoảng thế kỷ XV, theo hệ dân sự, vào thiết lập tại Thăng Ba Phủ, Ba Châu Thuộc, tức là vùng hai phủ Điện Bàn và Duy Xuyên ngày nay. Cụ Bùi Đại Lang cùng với vị Tổ đầu tiên của tộc họ Đào đã lập ra làng Vĩnh Trinh. Theo phổ hệ Bùi tộc ghi lại, từ ngài Đệ tứ thế tổ đến ngài Đệ cửu thế tổ, bị thất lạc chưa tìm được danh tính mô tả vì trải qua nhiều biến cố, giờ tới Bùi Kiến Thành là thế thứ 18.

Ông có của Bùi Kiến Thành là Bùi Túc, tục gọi là Bá Huynh vì có hàm cửu phẩm bá hộ. Thời nhà Nguyễn và bảo hộ của Pháp, triều đình đặt ra phẩm hàm gồm chín phẩm, tức cửu phẩm. Nhất phẩm là phẩm cao nhất dành riêng cho các quan lớn. Các phẩm ở dưới như bát



Ông Bá Huynh



phẩm, cửu phẩm thì dân chúng ai có tiền là có thể mua được, gọi là “quyên hàm” trong các dịp chính quyền cần tiền cho công quỹ. Phụ nữ không được quyên hàm nhưng được gọi theo hàm của chồng. Phẩm hàm cũng có thể được thưởng cho một số cựu công chức, quân nhân hoặc những người có công. Hàm thất, bát, cửu được dùng để xưng hô suốt đời. Bùi Túc là trưởng nam của Bùi Thân, tục gọi là ông Quản Nghi hay ông Thị, vì giữ chức Thị giảng Đại học sĩ, là người giàu có nổi tiếng ở Duy Xuyên. Dân gian lúc ấy vẫn lưu truyền câu “Tiền Hương Đạo, gạo Quản Nghi”.

Ông nội của Bùi Kiến Thành là Bùi Biên, hay còn gọi là ông Cửu Thứ, sinh năm 1891. Đến lúc ngoài hai mươi tuổi, đã có vợ con, ông được cụ Bá Huynh gọi lên bảo: “Bây giờ cấp cho con mấy mẫu đất ở làng Trung Phước trên Quế Sơn, cách Duy Xuyên khoảng hơn một ngày đường hoặc một ngày đi ghe thuyền ngược dòng. Con lên trên đó khai phá thêm mà làm ăn.” Bấy giờ Trung Phước là vùng rừng thiêng nước độc, bồng con đại ngược dòng lên nguồn định cư là mạo hiểm lắm. Cụ Bá Huynh cấp cho con gạo đủ ăn trong sáu tháng cùng hai con trâu tơ lực lưỡng, mỗi con mua tới 50 đồng, giá cao nhất đương thời, con trâu Xe và con trâu Pháo. “Sau này đến khi có bác thì ông nội nhiều trâu lắm rồi. Có một con tên là con trâu Nuôi mà ông nội hay trở vào đùa, bảo con trâu của thằng cu Thành đó.” Bùi Kiến Thành khoe.

Chàng thanh niên Bùi Biên chiêu mộ trai bạn cùng đi khai phá vùng đất mới. “Trai bạn” là người đàn ông giúp việc khỏe mạnh, nhưng là bạn chứ không phải đầy tớ. Vợ chồng đi bộ. Bùi Biên bấy giờ mới làm lễ thôi nôi người con trưởng tên Bùi

Ông Quản Nghi Thứ, chính là bố của Bùi Kiến Thành, bỏ trong cái thúng đằng sau gánh đi.

“Tại sao cụ Bùi Biên lại được gọi là ông Cửu Thứ hả bác?” Tôi thắc mắc.

“Ở Quảng Nam và trong Nam, người ta hay lấy tên con đầu lòng để gọi cha mẹ, đầu đứa con ấy có thể đã mất sớm. Vì phép lịch sự, như vậy khỏi phải gọi đến tên của người lớn khi họ đã lập gia đình. Ông nội bác có con trai đầu lòng tên Thứ nên được gọi là Cửu Thứ.”

Khoảng thời gian từ năm 1915 đến năm 1920, vùng Trung Phước hoang vu, dân cư thưa thớt lắm. Cũng như các anh em khác, khi ra biệt cư, ông Cửu Thứ được phụ thân tạo lập cho một sở nhà nằm bên bờ sông Thu Bồn, một nơi hùng vĩ, uy nghi. Sở nhà gồm: Một nhà chứa lúa năm căn hai chái, dài 30 thước⁽⁴⁾, rộng 20 thước; một nhà trên để ở, ba căn hai chái, dài 15 thước, rộng 10 thước; một nhà bếp dài sáu thước rộng năm thước. Các nhà này đều bằng gỗ mít, tường xây đá thước, tô vôi, lợp ngói. Ngoài ra là một nhà trại cột gỗ mái tre lợp tranh. Tất cả xây cất giữa một sở vườn rộng bốn mẫu ta, tức



Ông Cửu Thứ

20.000 thước vuông⁽⁵⁾. Nhà xây tựa lưng vào sông, mặt tiền nhìn về hướng đông, đằng xa có bức bình phong sừng sững là Hòn Quắp, hay còn gọi là Hòn Núi Chúa. Dãy núi Hòn Ngang ôm mặt bắc và Hòn Cà Tang ôm mặt nam. Cụ Bá Huynh từng du ngoạn qua đây, tự xem xét phương hướng, địa lí kĩ lưỡng. Theo sách vở thì khung cảnh sơn thủy hùng vĩ này chỉ dành cho người nào hưởng được phúc đức của ông bà và có thể thành đại phú đại quý.⁽⁶⁾

Ông Cửu Thứ điều khiển trai bạn canh tác theo phương pháp nhà nông “Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống”. Sau những năm khó khăn đầu tiên, nhờ có được lòng trung thành của nhà làm rẽ và mưa thuận gió hòa, được mùa liên tiếp, lúa bắp đầy vựa, giá lại cao, nên khoảng năm 1922, ông đã bắt kịp những con cháu có sản nghiệp đồ sộ nhất của cụ Quản Nghi. Nghe tiếng giàu có, nhân một đêm tối trời ăn cướp đến bừa cửa mặt tiền nhà trên nhưng chưa kịp lấy của thì dân làng đã đánh mõ đốt đuốc đến tiếp cứu. Bấy giờ trong làng có vẻ rằng:

Chiều chiều ra giữa Đồng Quan

Ngó vô trong xóm giàu sang bọn bè.

Một mình ông Cửu Thứ phủ phê,

Bà Hương thiếu đủ chẳng hề vay ai.

Có ông Bát Quế thậm tài

Ở nhà đôi ba tháng quan đòi xuống nha...

Năm 1923, ông Cửu Thứ khởi công xây cất một sở nhà mới, là “nhà lúa” ở phía nam vườn sau, sát hàng rào vườn bà Thủ Tuấn. Nhà này toàn bằng gỗ mít, mua lại nhà cũ ở ngõ Sông Con, giá 1.000 đồng. Tường xây đá tô vôi, mái ngói, dài năm căn hai chái, 30 thước, rộng ba căn hai chái, 20 thước, tổng cộng 600 thước vuông. Việc xây cất tốn thêm 2.000 đồng nữa. Theo thời giá năm 1975 thì nhà này khoảng 40 triệu đồng Việt Nam. Nhà lúa có sẵn cũng lớn như vậy, được rời xuống hướng bắc, sát hàng rào nhà bà Hương Nhị.

Năm 1924, ông Cửu Thứ khởi công xây dựng một sở nhà lâu ở khoảng đất trống giữa hai nhà lúa. Công trình kiến trúc này được xem là rất to lớn lúc đương thời. Ở nơi thôn quê hẻo lánh, người ta chưa biết đúc bê tông cốt thép nên công tác xây dựng trải qua nhiều khó khăn. Nền nhà lâu cao hai thước, đóng móng, lóng cát, bọc đá thước, tô xi măng. Tường cột tầng dưới xây gạch vòng cuốn đội tầng trên. Cột kèo trên lâu toàn bằng gỗ kiên kiên. Nhà lâu dài năm căn, khoảng 20 thước tây. Cả ba dãy nhà nhìn thông suốt với nhau qua hành lang nhà lâu nên rất tiện cho việc trông coi hoạt động hai nhà lúa. Ba sở nhà sắp hàng chữ nhật nối liền, dài khoảng 90 thước, chạy dài theo mặt tiền là một cái sân dùng để phơi lúa bắp. Theo thời giá năm 1975, toàn sở nhà ước tính trị giá 140 triệu đồng Việt Nam. Giữa núi rừng trùng điệp, nhìn cái nhà lâu mà biết chí lớn của ông Cửu Thứ. Từ tầng lâu nhìn ra thấy ruộng vườn xanh tốt với con sông Thu Bồn uốn khúc lững lờ trôi. Cảnh vật ngoạn mục nên có người đề thơ tặng:

Khen ai tô điểm vẽ nên tranh

Phong cảnh trên ngời thú hữu tình

Phía trước non cao, cao ngất ngất

Đằng sau sông uốn, uốn quanh quanh

Trong vườn quế phượng chen nhau chuỗi

Bên chái tùng thông lẫn quýt chanh

Trên gác xa trông trời bằng lãng

Vàng mây trắng xóa núi xanh xanh.

Từ mấy mẫu đất cù Bá Huynh cho đó, ông Cửu Thứ khai khẩn, đến năm 1952 khi ông mất thì cũng được mấy chục héc-ta.

Lật xem tập hình xưa cũ đã phai màu, hai cộng sự của tôi không ngớt trầm trồ về dung mạo tuấn tú thời thanh xuân của cù thân sinh ra Bùi Kiến Thành.

“Bác ơi, chúng cháu được biết cù thân sinh ra bác là bác sĩ Bùi Kiến Tín, nhưng vừa rồi bác lại kể là Bùi Thứ. Phải chăng ông cù có hai tên ạ?”

“Thật ra là có việc đổi tên các cháu ạ. Chuyện của ông papa⁽⁷⁾ thú vị lắm... Năm 1912, bà nội sinh con đầu lòng ở bên ngoại, Bảo An, đặt tên là Bùi Thứ. Năm 1917, ông papa học chữ Nho với một thầy đồ. Sau đó, ông bà nội gửi ông papa xuống nhà ông bà ngoại đi học Quốc ngữ tại trường làng Bảo An. Sau Tết năm 1919, ông bắt đầu học chữ Pháp với cậu là ông giáo Hồ, anh cả của bà nội, làm hương sư ở làng Văn Cù, tỉnh Thừa Thiên. Hồi đó, ở Trung Phước chưa có trường học, muốn học cấp hai phải xuống trường ở Hội An.”

Năm 1925, Hai Thứ được vào lớp đệ nhất niên trường Quốc học Huế. Đó là một trong những trường tư thục đầu tiên của Việt Nam dưới triều đình Huế, do Ngô Đình Khả, bố của Ngô Đình Diệm lập ra. Hai Thứ học chung trường với Võ Nguyên Giáp. Cũng năm ấy, cù Phan Bội Châu bị Pháp bắt tại Thượng Hải giải về nước xử án chung thân. Học sinh sinh viên cả trường nhộn nhạo cả lên, phản đối đủ kiểu. Nhờ sự đấu tranh của nhân dân cả nước, thực dân Pháp chỉ giam lỏng ông ở Huế. Một hôm, Hai Thứ ngồi trong lớp nghe dạy về sử kí thì bà giáo người Pháp tên Lambert giảng rằng: “Tổ tiên chúng ta là người Gô-loa”. Hai Thứ giơ tay nói: “Xin lỗi, madam. Tổ tiên chúng tôi không phải người Gô-loa” làm cả lớp cười rộ lên.

Đến Tết năm 1926, Hai Thứ bị đuổi học. Ông Cửu Thứ bỏ việc nhà cấp tốc ra Huế tìm cách xin cho con học lại nhưng không được, vì Hai Thứ đã có tên trong sổ đen mật thám Pháp do thường lui tới chỗ cù Phan Bội Châu ở gần chùa Từ Đàm. Cù Phan hay ý nhị kể cho đám thanh niên những chuyện quốc gia hưng vong. Cùng năm ấy, cù Phan Châu Trinh mất. Cả trường đi đưa đám, chính quyền Pháp không hài lòng nên đàn áp. Phong trào bãi khóa của học sinh trường Quốc học lan rộng đến các trường khác ở Huế.

“Ông papa bác Thành bị đuổi học, vậy thì...”

“Ước mơ của ông nội sụp đổ. Ngày xưa làm dân đen mà đi chiều lí trưởng đã mệt, ông tri huyện thì ‘to’ như ông trời. Ông tri phủ thì thôi còn ghê gớm hơn nữa. Mấy ông làm huyện làm phủ đó thường đã kinh qua thi cử quan trường rồi. Ông nào đỗ cử nhân mới được làm tri huyện, ông nào đỗ tiến sĩ mới được bổ nhiệm làm tri phủ, lớn hơn nữa thì có ông tổng đốc. Ở trong một tỉnh thì người ta chỉ biết ông tổng đốc thôi chứ chưa biết chức nào cao hơn.

Mỗi lần có việc gì đi xuống huyện, ông nội cũng trịnh trọng ghê lắm. Hồi đó vào hầu quan huyện thường chỉ là vấn đề đi kiện thôi, kiện tụng về đất đai. Ví dụ như là bị người ta chiếm đất đai, mình mua đất nhưng người ta cấm cộc không đứng chẳng hạn. Một người

dân xuống huyện là phải coi ông tri huyện như ông trời vậy đó, đem theo mấy con gà con vịt, xách một giỏ đủ thứ làm quà. Tới nơi chỉ được ngồi ngoài nhà khách. Có anh lính lệ, mặc đồ lính, chân thì đi đất, đứng ngoài canh giữ, khi nào tri huyện gọi thì mới cho vào. Ông nội đi từ trên rừng trên quê xuống, thả ghe đi suốt một ngày, có khi phải ngủ ở ngoài quán, sáng vào hầu quan huyện. Thế nên ông tức lắm. ‘Được rồi. Tưởng tri huyện mà ghê hả? Tao đề ra thằng Phủ thằng Huyện cũng được.’ Ông nội dồn hết phương tiện cho con trưởng học Luật là để sau này ra làm quan huyện. Giờ mới tới lớp chín, Hai Thứ đã bị đuổi học, ước mơ của ông gần như tiêu tan. Nhưng ông nội không thối chí. ‘Ta phải cho con ta học trường tốt nhất Việt Nam luôn.’

Ông nội vác cây dù, đi đôi giày loẹt xoẹt từ Quảng Nam ra ngoài bắc, không rõ quan hệ thế nào nhưng mang theo một đồng tiền, xin cho con học trường Lycée Albert Sarraut. Đó là trường Pháp lập ra dành riêng cho con em của quan Pháp, thương gia Pháp với con của một số quan lớn trong triều đình Việt Nam theo học. Ban đầu trường nằm trên quảng trường Ba Đình ngày nay, đối diện với Phủ Chủ tịch, giờ là trụ sở Bộ Chính trị đó.” Sau này, trường rời địa điểm tới gần Nhà Hát Lớn và là tiền thân trường Trung học phổ thông Trần Phú hiện nay. “Đó là trường số một Việt Nam thời đó và chỉ dạy bằng tiếng Pháp thôi. Ông nội chạy ngược xuôi, đứt tiền chỗ này chỗ nọ nhưng vẫn còn một vấn đề, tên của Hai Thứ đã được liệt vào danh sách chống lại Chính phủ Pháp nên mấy ông quan không dám nhận. Ông nội về mới nói: ‘Thôi được rồi, tôi sẽ làm giấy khai sinh khác, tôi đổi tên cho nó.’ Từ đây Bùi Thứ mới đổi thành Bùi Kiến Tín. Từ trường cũ đến trường mới, lúc nào ông cũng học rất giỏi, lớp nào cũng đứng đầu, tệ lắm thì đứng nhì chứ không khi nào đứng tới thứ ba.”

Từ năm 1923 đến năm 1930, giá lúa rất cao, ngoài việc lo cho cậu con trưởng ăn học ngoài Hà Nội rất tốn kém, ông Cửu Thứ mua thêm cả trăm mẫu đất tốt, cấy lúa hai mùa đều trúng, và mấy nà bắp phù sa. Mỗi mùa lúa bắp đổ vào vựa căng đầy thêm tới nóc.

“Ông papa ở xa thì ông nội cũng sợ bị cô nào bắt mát, thế là đi hỏi vợ, mà phải kiếm nhà nào môn đăng hộ đối. Các cháu có nhớ khi nãy bác kể chuyện ‘Tiền Hương Đạo, gạo Quán Nghi’ không?”

“Dạ, ông Quán Nghi là cụ Bùi Thân đó ạ?”

“Ừ. Cái ông Quán Nghi ấy có tiếng là ruộng nhiều lắm, ‘cò bay thẳng cánh, chó chạy ngay đuôi’ à. Còn ông Hương Đạo ở Đại Lộc, họ Nguyễn, là người sinh ra ông cố ngoại của bác Thành đây. Ông cố ngoại, tức là bố của ông ngoại bác Thành là ông Hương Yên, rồi tới ông ngoại là ông Nghè Liệu, Nguyễn Liệu. Vậy là con cháu Quán Nghi từ Trung Phước xuống Đại Lộc tìm con gái nhà Hương Đạo. Ông ngoại ở làng Quảng Huế, nhưng làm quan ngoài Huế. Ở nhà có mấy người con. Cậu hai là cậu Nguyễn Lạng thì cũng đi học ngoài Huế. Bà má bác Thành là cô ba Nguyễn Thị Hòa. Năm 1930, lúc ông nội tới hỏi thì cô ba có 15 tuổi, mà ông papa Bùi Thứ - Bùi Kiến Tín là 18 tuổi. Ông nội lo ông papa thả ra Hà Nội lỡ cô nào bắt mát thì mệt, nên phải để cháu nội ở nhà rồi mới cho đi, kiểu vậy.” Bác Thành vừa kể vừa cười.



Nhà ông Hương Yên, cổ ngoại của Bê rôm tại Quảng Huế - Đại Lộc - Quảng Nam

Năm 1931, xứ mình chịu ảnh hưởng dây chuyền của nạn khủng hoảng kinh tế thế giới. Một ang lúa trước kia bán 40 xu nay chỉ còn tám xu, mà một đồng bạc là 100 xu. Ông Cửu Thứ vẫn can đảm cho con ở nội trú trường Tây, mỗi tháng trả 70 đồng, trị giá cỡ 700.000 Việt Nam đồng năm 1975, bằng lương tri huyện hoặc bằng giá 1.000 ang lúa. Một năm học chín tháng tốn hết số lúa của mùa gặt chính trong những năm được mùa. Nghe bà con kể lại, cả gia đình ở quê lắm khi chỉ ăn cơm trộn với khoai với bắp để dành tiền gửi ra cho Bùi Kiến Tín đi học.

“Năm đó bà má 16 tuổi sinh con đầu lòng, là thằng cháu đích tôn, ban đầu ông papa đặt tên là Bùi Kiến Trí. Đến lúc làm khai sinh để thăng nhóc vào học lớp một, khi đó ông papa đang ở bên Pháp, thì ông nội đổi lại tên là Bùi Kiến Thành. Có nhiều người không hiểu, tưởng ý cái tên mình là kiến tạo nên cái bức thành trì. Có người lại cho ‘thành’ là thành đạt, thành công, làm việc gì cũng đạt được thành công. Nhưng người nào thông hiểu đạo Phật thì mới biết. Tên bác do ông nội đặt. Hai chữ Kiến và Thành trích từ cụm ‘Kiến tánh thành Phật’ trong Kinh Pháp Bảo Đàn⁽⁸⁾ của Lục Tổ Huệ Năng. ‘Kiến’ là thấy, ‘tánh’ là chân tâm Phật tánh. Mình thấy rõ được chân tâm Phật tánh của mình như thế nào thì kể như mình thành Phật rồi. Các vị sư nghe chữ ‘Kiến Thành’ người ta cũng ngạc nhiên lắm.”

“Như vậy, năm sinh chính xác của bác là 1931?”

“Đúng rồi. Các cháu đọc trên một số trang mạng, người ta viết bác Thành sinh năm 1932 là không đúng. Chiến tranh giặc giã bị mất mấy năm học rồi mới đi học lại, đã trễ mà lại còn mất hết giấy tờ nên mình cũng ngại, sợ quá tuổi thi nên đến năm 1945 làm lại thì mới khai là 1932.”

Tôi là con cha mẹ cháu ông bà

Tâm Giao là quán cà phê nhỏ nằm ven con đường chạy quanh hồ Ba Mẫu. Thời gian này Bùi Kiến Thành ở nhà một người bạn gần đây, nên đây trở thành nơi chúng tôi thường hẹn nhau. Chúng tôi hay gọi trà, ngồi trên gác. Đường Lê Duẩn ngay ngoài kia thì đông xe cộ lắm, vào đây thì thưa hơn, nên trên gác có thể ngắm cảnh và hóng gió những ngày nóng.

“Mấy hôm nay thầy bận quá, ngày nào cũng tiếp khách,” chị chủ quán bảo trong lúc tôi đang dựng xe. Hẳn là trong mắt chị, bác là một ông giáo già đáng kính, được rất nhiều học trò các thế hệ đến tầm sư học đạo.

Lên lưng chừng cầu thang, tôi nghe giọng “ông giáo già” đang trả lời phỏng vấn một tờ báo qua điện thoại về vấn đề giá điện của EVN. Chúng tôi cứ ngồi và nghe cuộc nói chuyện dài đến gần nửa tiếng. Xong xuôi, ông nhìn tôi:

“Hôm trước bác đang kể cho Khoa nghe chuyện ông papa với bà má đúng không?”

“Dạ, đến đoạn bác Thành chào đời.”

Bùi Kiến Thành hắng giọng:

“Bấy giờ bên ngoài thì cậu Hai đi học xa, ở nhà cô Ba là người lớn nhất, bao nhiêu việc nhà phải giao cô Ba quán xuyến hết. Bao nhiêu đất đai dưới Quảng Huế, Đại Lộc trồng dâu, nuôi tằm, trồng bắp, trồng thuốc lá, chứ ít trồng lúa. Từ từ mờ sáng, cô Ba phải lo dẫn người ra ngoài ruộng cày cấy, tới cổng làng thì bao nhiêu người giúp việc tập trung lại đi theo, nay làm đám ruộng này, mai làm đám ruộng kia. Bà má hồi đó có 15, 16 tuổi mà chỉ huy cả một đạo quân, cô Ba đi trước rồi có mấy người trai bạn đi theo đằng sau hộ vệ. Ngoài ruộng, người ta cất một cái chòi cao, cô Ba leo lên chòi ngồi giám sát, đốc thúc những người làm công ở dưới. Đi sớm như vậy muốn giữ ấm thì cuốn một mớ thuốc lá cầm theo, không phải như thuốc lào để hút bằng điếu cày mà vẫn lại hút như xì gà vậy.”

“Nó có giống loại thuốc rê các ông hay hút mà hôm trước bác kể không?”

“Cái này khác, là do sáng sớm ở quê lạnh lắm, mỗi buổi sáng thì cầm cả bó như vậy đi hút cả ngày, từ năm giờ sáng cho tới năm giờ chiều mới về.”

Cô Ba quản bao nhiêu ruộng đất, trang trại, trông trọt ở bên ngoài, khi có chồng rồi vẫn tiếp tục ở nhà chứ không về bên chồng. Ông Bùi Kiến Tín ở rảnh một thời gian rồi đi học, cô Ba 16 tuổi thì sinh con nhưng vẫn tiếp tục đi làm ruộng như thế và giao con cho bà ngoại trông.

“Ở làng quê khi xưa, những nhà có tiền một chút ít khi người mẹ nuôi con mà toàn thuê vú em trông trẻ vì họ thường cứ đẻ năm một năm một cho nên vừa sinh con được ba, bốn

tháng thì lại có bầu. Trường hợp như vậy nên phải thuê vú em, có người nào trong làng trong xóm mới đẻ con, mình thuê tới chăm nom cho bú, nuôi nấng. Bác Thành sinh ra còn nhỏ thì mẹ đi làm, không biết có bú sữa mẹ được ngày nào không. Chị vú em hỏi đó nuôi bác Thành khéo lắm, béo tốt, mập mạp. Được chín tháng chắc nhớ chồng nhớ con, chị ấy xin nghỉ thôi không nuôi nữa để về nhà chồng, vậy là bác bị cắt sữa luôn, cắt chứ không phải cai. Vì xung quanh không có ai cho sữa bú nữa nên mình gầy teo gầy tóp. Bà ngoại với mẹ không có sữa rồi, nên nhà chất nước cơm, nước cháo sôi hòa với đường cho uống. Khi xưa ở quê không có sữa hộp hoặc ít lắm, không mua được. Hồi bé xiu dễ thương lắm, ông ngoại mới gọi là Bê Bê, tức là búp bê, sau chín tháng gầy còi ốm yếu nên mọi người gọi bác là Bê ròm. Bác Thành sinh năm Tân Mùi thì hai năm sau, năm Dậu, ông papa đi học về mới có thêm một người con gái đặt tên là Bùi Thị Ngọc Hoa, ở nhà thường gọi hai đứa là Bê em và Bê anh. Cô em được nuôi nấng tử tế cho nên bụ bẫm lắm, gọi là Bê ù.”

Tháng 6 năm 1932, Bùi Kiến Tín là người đầu tiên ở đất Quảng Nam đậu tú tài, gọi là “baccalauréat” của Pháp. Tú tài tương đương với cấp ba bây giờ, trước khi vào đại học. Đến năm 1935, cả tỉnh Quảng Nam trên 900 ngàn dân mà chỉ có hai người đậu tú tài Tây là Lê Nhiếp đậu bên Pháp và Bùi Kiến Tín đậu ở Hà Nội. Cho nên chuyện ông đỗ tú tài cả đất Quảng Nam vinh dự lắm, giống như khi xưa đậu trạng nguyên, tiến sĩ vậy. Cả làng, tổng, phủ, huyện, họ hàng bên nội, bên ngoại, bên vợ, đều tổ chức đón rước vinh quy bái tổ rất trọng thể. Kể từ đây Bùi Kiến Tín được gọi là Tú Tín. Cờ trống vống lọng với một đoàn người cưỡi ngựa rước cậu Tú đi theo đường bộ từ đền thờ Khổng Tử ở Hội An về đến bên nội Vĩnh Trinh, qua bên ngoại Bảo An, đến bên vợ Quảng Huế rồi lên Trung Phước, tới đâu cũng “đóng quân” lại tiệc tùng mấy ngày đêm. Trống chiêng rộn rã, ngựa hí vang lừng, cờ đuôi nheo xanh đỏ bay phấp phới. Cậu Tú cưỡi ngựa có hai người hầu cầm quạt lông che hai bên, mình mặc áo rộng xanh, đầu bịt khăn đóng. Liền đối chúc mừng treo đầy vách đầy nhà trong nhà ngoài, nhà rạp. Hôm ấy có cả ông Phủ, ông Huyện đến tận nhà ông Cửu Thứ dự tiệc. Cụ Bá Huynh cùng mọi người trong họ đều cưỡi ngựa đưa đến tận nơi.

Bà Cửu Thứ nghe chiêng trống biết con về, mặc áo dài bước ra đứng ở hàng hiên nhà lầu lạng lẽ nhìn, chúm chím cười rồi lui bước trở vào. Sau đợt đó thì bà đau bệnh nặng. Bà sinh tới 12 người con, năm nào cũng sinh, thế nên bà kiệt sức, nằm liệt giường không dậy nổi, đi chữa chạy nhiều lần, có lần theo Tú Tín ra tận Hà Nội, nhưng không thuyên giảm. Kể đến đây, Bùi Kiến Thành chùng giọng: “Ông nội bác Thành thì mong mỗi con trai học Luật để sau làm quan huyện, nhưng ông papa nghĩ thế nào mới xin với ông nội: ‘Thôi, bây giờ cho con đi học thuốc, con học xong con về con chữa bệnh cho mẹ.’ Quyết định như vậy nên ông papa đòi qua học trường thuốc, giáo sư toàn người Pháp chứ đâu có người Việt Nam. Ông học cực giỏi. Hình như học đến năm thứ ba thì có ông giáo sư Le Maitre chuyên về tai mũi họng từ bên Pháp sang chấm thi. Ở đời nhiều cái hay lắm. Mình giỏi thì giỏi nhưng cũng cần gặp may nữa. Ông cụ kể lại là không biết sao đó, đêm trước khi thi thì ông lục sách ra ngòai đọc rất chi tiết về bộ phận lỗ tai nhỏ sau lỗ tai lớn ‘oreillette’, cấu trúc như thế nào, đọc thuộc lòng hết không thiếu chi tiết gì. Khi giáo sư Le Maitre chấm bài viết thì không nói gì, nhưng đến khi hỏi bài vấn đáp mới quan trọng: Ông ấy đặt câu hỏi: ‘Parlez moi de l’oreillette gauche’, tức là ‘Nói cho tôi biết về cái lỗ tai trong phía bên trái’, trúng tủ! Nói một hồi, ông giáo sư chống tay nghe, thấy khủng khiếp quá, thằng này nói không thiếu chi

tiết nào cả. Xong rồi ông giáo sư cho 20/20, đồng thời làm nguyên một cái đề nghị với Chính phủ Pháp cho ông papa học bổng toàn phần để qua bên Pháp học. Vì vậy cho nên tháng 2 năm 1935, Tú Tín mới được qua bên Paris học chứ nhà mình làm gì đủ tiền. Nhà cũng phải bán trâu bán bò để mua cho ông vé tàu hạng tư qua Pháp, là hạng chót vậy. Tàu của hãng Messagerie Maritime, tàu kiêu mà Bác Hồ đi đó, hơn 20 ngày thì tới Pháp. Câu chuyện Tú Tín đi qua Pháp học là như vậy.”

“Như vậy, tài năng không phải yếu tố duy nhất dẫn đến thành công?”

“Ồ đời, mình học giỏi, có tài là một chuyện, nhưng phải có may nữa. May mắn là ông papa gặp được ông thầy đây, là chuyên gia, và cũng rất tâm huyết về vấn đề tai mũi họng, ông thầy hỏi đúng câu tủ của mình rồi đề nghị Chính phủ Pháp cho mình một cái học bổng toàn phần. Mình hãy cố gắng hết sức những gì mình có thể làm được, không nề hà gì.

Người mà không có phước, thì giỏi đến đâu cũng không đạt được gì. Ví dụ, trong lịch sử nước Pháp, thời kì Napoléon có rất nhiều tướng giỏi, như tướng Marceau⁽¹⁾, mới 27 tuổi đã chết trận vì trúng một phát đạn. Mạng sống còn không giữ được chứ nói gì đến sự nghiệp. Mỗi người có vận hạn là như thế.”

Điều ông vừa chia sẻ quả là một kinh nghiệm quý báu. Ông vẫn chưa ngừng lại:

“Học trò thời nào cũng vậy. Cái gì mình cũng phải cố hết sức, đừng có đặt câu hỏi trước rằng mình học để làm chi, mình biết tới sao, làm sao được, liệu sẽ thế nào, thế nào. Đừng có nói rằng mình làm nửa chừng rồi chờ đợi, đi lễ, đi chùa,... để mong có kết quả. Phải làm ‘tận nhân lực’, làm hết khả năng của mình. ‘Tri thiên mạng’, lúc đó mới biết mệnh trời dành cho mình là gì. Hồi ở Mỹ, bác từng đọc được một câu rất hay trong Serenity Prayer trên một cái bookmark khi ở bên Mỹ: ‘God, grant me the serenity to accept the things I cannot change, the courage to change the things I can, and the wisdom to know the difference.’ Mình phải cố hết sức để thay đổi những gì mình thay đổi được, phải có sự can đảm để chấp nhận những gì không thay đổi được và sáng suốt để phân biệt cái gì thay đổi được và cái gì chưa thay đổi được. Vì vậy mà mình phải làm hết sức, nhưng cũng phải khôn ngoan, đừng có đập đầu vào tường.”

“Khi mình đụng tường thì sao ạ?” - Tôi liền hỏi bác.

“Khi mình gặp khó khăn thì một là đi vòng, hai là mình đi lên trên hay đào xuống dưới. Máy đưa có biết trận đánh đồi A1 Điện Biên Phủ không? Đồi đó phòng thủ cực kỳ vững chắc, không cách nào tấn công vào được, tấn công tới đâu là chết tới đó. Cuối cùng thì sao? Bác Võ Nguyên Giáp yêu cầu đào hầm xuống dưới rồi đặt hơn một tấn thuốc nổ vào đó cho nổ tung quả đồi. Ta suy nghĩ, đánh thẳng không được, đi vòng không được, đánh trên không được thì phải đào xuống dưới. Phải có trí óc suy nghĩ tính toán để giải quyết vấn đề chứ đừng ngồi ôm đầu nản chí đau khổ trước khó khăn. Không giải pháp này thì có giải pháp khác. Thế nên quân Pháp không thể theo mình được. Sau này Mỹ cũng thế thôi, không theo nổi. Tại vì họ không suy nghĩ theo cách mình suy nghĩ. Thí dụ đường sinh lầy như thế thì làm sao xe chở hàng năm tấn hay chục tấn chạy qua được, khi đó, mình chặt tre

thả xuống là chạy được thôi. Thứ nhất là ‘power’. ‘Power’ đây không chỉ là sức lực, quyền lực, mà còn là ‘power of thought’, lực của suy nghĩ, suy nghĩ về tất cả khả năng của mình để thay đổi những gì mình có thể thay đổi.”

Bùi Kiến Tín sang Pháp học cho tới năm 1938 mới về. Trong giai đoạn đó, lúc đầu hai anh em Bê Bê ở bên ngoại, chơi với các dì, các cậu. Dì Sáu mất sớm, còn cậu Bảy hay còn gọi là cậu Phan thì lớn rồi. Cậu ấy sinh ngày 18/03/1921, lớn hơn Bê rôm 10 tuổi nên Bê rôm không chơi cùng được. Cậu Tám sinh ngày 30/12/1924 lớn hơn bảy tuổi, hai cậu cháu hay dẫn nhau đi chơi khắp xóm làng. Khăng khít nhất là dì Chín, lớn hơn Bê rôm bốn tuổi thôi. Dì Chín dễ thương lắm, có cái gì cũng cho chơi, cho ăn, dì Chín chăm nom săn sóc Bê rôm không ngại chi hết.

Họ Nguyễn giàu nhất huyện, nhà lớn nhất huyện. Ông ngoại Bê rôm là ông Nghè, tên Nguyễn Liệu nên gọi là ông Nghè Liệu. Ông ngoại với ông cố ngoại ở cùng khuôn viên, có một cái sân chung lớn. Nhà cách mặt đất khoảng chừng một mét rưỡi, phòng khi nước lụt vào nhà, leo lên có đến 10 bậc thang. Nhà ở dưới Quảng Huế thì hơi giống kiểu như là nhà cấp bốn, về kiến trúc thì không bằng nhà của ông nội, nhưng vườn rất rộng, trồng nhiều ôi, cam... Bà má Bê rôm cứ sáng đi làm, tối thì về, Bê rôm không gặp mẹ được nhiều mà hay ở cùng bà ngoại. Bà ngoại thích ăn bún, thường chia cho hai đứa Bê Bê ăn cùng. Làng Quảng Huế có cái chợ ở một khu đất cao rộng gần bên sông. Chợ bán đủ thứ, ngày nào cũng họp. Xung quanh chợ là những tiệm tạp hóa. Đặc biệt Bê rôm chỉ thích mua kẹo thôi, tới chợ là mua đủ thứ kẹo. Kẹo cau, viên kẹo giống như cái múi cau, ở trong có đường đen, xung quanh xốp xốp. Ngày đó hình như kẹo cau một xu được khoảng sáu cục, có lẽ là kẹo rẻ nhất trong chợ...

Bùi Kiến Thành như đứa trẻ khi nhớ về những ngày thơ bé. “Ở nhà quê vui lắm, đi mua thịt lợn người ta luôn cho một miếng gan và một miếng tiết luộc. Miếng gan, miếng tiết luộc ấy bà ngoại cho ăn sướng lắm, hai anh em cứ chia nhau, bữa thì em ăn miếng gan, bữa thì anh ăn, ăn với một bát bún to, thích lắm. Bún chỉ có chan nước mắm hành tỏi thôi, không có gì. Tối nào cũng đi ngủ với bà ngoại.”

“Bác cứ ở bên ngoại mãi thế ạ?”

“Giữa hai bên nội ngoại đã xảy ra tình trạng ‘tranh nhau’, khi ông papa chưa về mình sống bên ngoại, khi ông papa về dẫn mình về bên nội thì bên nội muốn mình ở lại luôn bên này. Cháu đích tôn không cho ở bên ngoại như thế được. Từ nhỏ sống bên ngoại, nên bảo về bên nội mình không chịu về. Có quen ai đâu mà chơi. Không chịu về thì người ta mới dụ mình. Hồi đó đi đâu xa là đi đường sông. Đi thuyền từ phía bên ngoại sang bên nội ngược dòng sông thì phải chèo phải chống hơn một ngày mới lên tới nơi, còn nếu bên nội đi sang bên ngoại thì chỉ xuôi theo dòng nước, chạy nhanh lắm. Mọi người dụ mình lên trên thuyền bảo dẫn lên nội chơi chứ không nói gì. Tới nơi rồi thì kêu mình xuống, mình không xuống mới dụ cái này cái nọ. Khi mình lên trên bờ chơi thì thuyền nhỏ sào chạy mát. Ôi lúc ấy giận quá mình la hét om sòm. Nhưng cuối cùng mình cũng phải ở lại bên nội.

Lúc đó mình cũng đi chơi với các cô các chú nhưng không thân bằng bên ngoại. Các cô

các chú cũng đồng tuổi. Chú Mười Một thì hơn mình khoảng bốn tuổi. Mấy chú kia thì nhỏ hơn. Chú Mười Lăm, chú Mười Bốn thì nhỏ hơn mình hai, ba tuổi, bốn, năm tuổi. Đám trẻ con chạy chơi với nhau. Ở bên ngoại các cậu các dì thương mình cách khác, sang đây các chú coi mình như kẻ xa lạ. Các chú vẫn là con nít mà, nên bỗng nhiên mình về nhập bọn thì chưa có ‘tinh thần đồng đội’. Hồi đó chưa có mẫu giáo, tới năm hay sáu tuổi thì mình đi học với một ông cậu bà con xa, phải tới nhà để ông chỉ cho mình học. Cô em thì không học gì, chỉ có mình lủi thủi đi học thôi, đi bộ theo đường làng mất khoảng 15 phút đến nửa tiếng. Mỗi lần trời mưa kinh khủng lắm. Trời mưa tầm tã cũng phải đi như thường. Ở nhà quê hồi đó làm gì có áo mưa, chỉ có cái gọi là áo toi. Đó là áo mưa có cái cổ tròn tròn, xung quanh lợp lá như lá dừa lá cọ, còn cái nón thì lợp lá cọ xung quanh. Tới nhà cậu quần áo ướt hết, phải chịu thôi. Cậu chỉ cho cái gì mình học cái đó, viết A, B, C, học chữ Quốc ngữ. Đó là những ngày đầu đi học của mình.”

“Bà má bác để bác sang bên nội như vậy sao?”

“Ở bên nội một thời gian thì bà má thấy không yên, phải bỏ việc đồng áng bên ngoại để về bên nội lo cho. Bà má ngày đó nhiều tiền lắm, chứ không như các cô bên nội là không có quản tiền. Bà má mới mua một bầy gà to, nhỏ đủ loại. Tối tối là bà má nấu cháo gà cho mình và các cô các chú ăn. Cô tú⁽²⁾ nấu cháo cho ăn, sẵn sóc cho nhưng cũng không lớn được, tại vì khi nhỏ từ hồi chín tháng là bị thiếu sữa mà. Chỉ sau này 13, 14 tuổi vào Quy Nhơn, vào Sài Gòn rồi mới tự mình tập thể dục, đi học võ Tàu, người mới nở nang ra. Còn hồi nhỏ bé tí, ốm yếu lắm. Nhưng mà lạ lắm, thân hình thì ốm yếu, nhưng đi đâu mình cũng luôn thấy trong lòng rất tự tin, kiêu hãnh. Nhiều người gặp mình thấy mặt mũi sáng sủa nên trầm trồ khen: ‘Ồi, cái thằng nhỏ không biết con ai mà dễ thương, mà đẹp vậy!’ Rồi người ta hỏi: ‘Cháu ơi, cháu con ai vậy?’ Mình không biết ai dạy cho mà trả lời ngỗ nghịch lắm nên trả lời: ‘Tôi là con cha mẹ, cháu ông bà.’ Không biết sao trong đầu óc mình có cảm tưởng mình không phải người ở đây, mà giống như ở đâu tới vậy. Khi nhỏ có thể không phải là nghịch, nhưng đi đâu ai chụp hình thì cũng đứng dang chân ra, hai tay chống nạnh thế này này.” Nói đoạn bác Thành chống tay vào hông, lắc lắc đầu vui vẻ: “Làm oai mà, tức cười lắm.”

“Bác có nhớ nhiều về ông nội, ông ngoại không bác?”

“Ông ngoại làm quan thường xuyên xa nhà, có cái xe kéo sơn son thếp vàng màu đen, đi đâu cũng có người kéo. Bác ít khi ngồi chơi với ông ngoại nhưng mình là cháu ngoại đầu tiên nên ông quý lắm, dạy cho đủ thứ. Nhà ông ngoại là nhà quan quyền, ở giữa nhà có cái bàn, hai bên là ghế trường kỷ lớn để tiếp khách. Cậu Hai chưa lấy vợ nên bác là cháu lớn nhất của ông. Mỗi lần ông về thì ông luôn ngồi trên ghế và kêu bác Thành lên ngồi kế bên. Ông ngoại có tinh thần cách mạng. Bác hồi đó chừng năm tuổi thôi nhưng ông đọc cho nghe bài thơ này một lần mà bác nhớ mãi:

Phen này cắt tóc đi tu

Tụng kinh Độc Lập ở chùa Duy Tân

Đêm ngày khấn vái ân cần

Cầu cho ích nước lợi dân mới là

Tu sao cho phỉ chí dân nhà

Tu sao đạo được nước ta phú cường

Lòng thành thắp một nén hương

Nam mô Phật tổ Hồng Bàng chứng minh...[\(3\)](#)

Ông nội thì làm ruộng, nhưng cũng nói chuyện chữ Nho, một mặt ông muốn con trai ra làm quan, mặt khác ông lại ghét quan quyền, không thích chế độ tri dân độc đoán. Ông nội không khó tính nhưng nghiêm lắm. Ông sống với những người làm của mình, ai cũng sợ, nể nhưng thương ông lắm chứ không coi là một ông điền chủ. Ở Quảng Nam, ‘thầy’ là ông chủ, nhưng không khi nào người ta gọi là ông chủ cả. Ông nội đối với các cháu cũng nghiêm nhưng không có dữ. Bác là cháu đích tôn, cho nên có những biệt đãi. Ông nội ngồi trên cái phản giữa nhà thì ông cũng cho mình leo lên ngồi bên cạnh. Đích tôn là quan trọng như vậy đó.”

Cả gia đình thường tụ họp ở cái nhà ngang ba gian năm chái. Giữa nhà kê một tấm phản, giống cái sập ngoài Bắc. Một bên phản kê cái bàn dài cho người giúp việc ăn cơm, còn một bên là cái bàn dài để sắp cơm cho gia đình ăn. Ở nhà, người ta gọi nhau là “mì” với “tau”, ít khi xưng “ông”, “bà”, “con”, “cháu”. Ông nội Bê ròm sáng sáng dậy hút thuốc lá, khoan chân ngó trời ngó đất nghĩ chuyện này chuyện kia. Năm, sáu tuổi bác về với ông nội, ngồi chơi một hồi mệt rồi, Bê ròm nói: “Ông nội ơi, ông nội đỡ tau xuống.” Mấy cô mấy chú nghe thấy, hét hồn la: “Mì không được nói ông nội như vậy!” thì Bê ròm mới bắt đầu biết sửa đổi. Thế mà ông nội nói cái gì Bê ròm nghe là nhớ hết. Mỗi lần đi đâu ông nội đều dắt cu cậu đi theo. Ông nội đi ra ngoài coi việc đồng áng, Bê ròm cũng chạy theo, xem có bao nhiêu cái xe nước.

“Mấy đứa biết cái xe nước không? Đó là dụng cụ múc nước dưới sông đổ vào đồng. Con sông chảy ngang vậy, muốn lấy nước lên tưới ruộng thì phải làm cái bánh xe cao năm mét, sáu mét, 10 mét đặt trong dòng sông, nước chảy làm bánh xe chạy. Người ta cột mấy cái ống tre trong bánh xe đó, khi nó xuống thì mức nước lên, khi nó lên thì đổ ra, người ta mới gọi là cái xe nước. Ở trên quê nội, xe nước lớn lắm, làm 10 cái bánh xe liên tiếp với nhau để mức nước lên tưới cho đồng ruộng. Mỗi lần đi qua, bác Thành nghe nó chảy ào ào ào ào vui lắm.”

Ông mơ màng kể tiếp:

“Ở quê bác, khi nào tới mùa sim trên núi chín, các cô các chú rủ nhau lên hái sim. Tới mùa trái chà là trên núi thì mình không hái được vì ở xa lắm, nên thường ra chợ mua. Mỗi lần mua về thì ông bà bảo chia, nói mỗi đứa chìa tay ra, bùm một bùm tay đầy thì thôi.

Mình bé tí, cái bụm tay nhỏ, bắt công quá, các cô các chú tay lớn thì làm sao. Hồi đó đã có chuyện bắt công trong xã hội rồi.” Bùi Kiến Thành cười rung rinh. “Đất Quảng Nam dựa vào núi, đó là cả dãy Trường Sơn, nhất là Quế Sơn sống trong cảnh núi non hùng vĩ ấy, suy nghĩ của con người cũng có phần ảnh hưởng. Với bác, từ nhỏ tới lớn bác vẫn nhớ chuyện đồng quê, vẫn nhớ cảnh chiều tà mặt trời đỏ ửng, chim bay về tổ, cò bay trắng cả trời...”

Ngao du từ tấm bé

Thình thoảng tôi đi xe máy đến đón, bác Thành vát vả trèo lên yên xe. Yên xe hơi cao mà chân bác thì không còn khỏe. Lần nào leo lên xong, bác cũng bảo: “Xe này đúng là cho thanh niên” khiến tôi áy náy lắm. Chúng tôi lướt qua những con đường, lướt qua những dòng người, bao nhiêu gương mặt.

Tôi hỏi:

“Trong những nơi bác từng sống, bác thích nơi nào nhất?”

“Khó nói lắm, mỗi nơi có một nét riêng.”

“Thời gian này bác ở Hà Nội nhiều để làm việc ạ?”

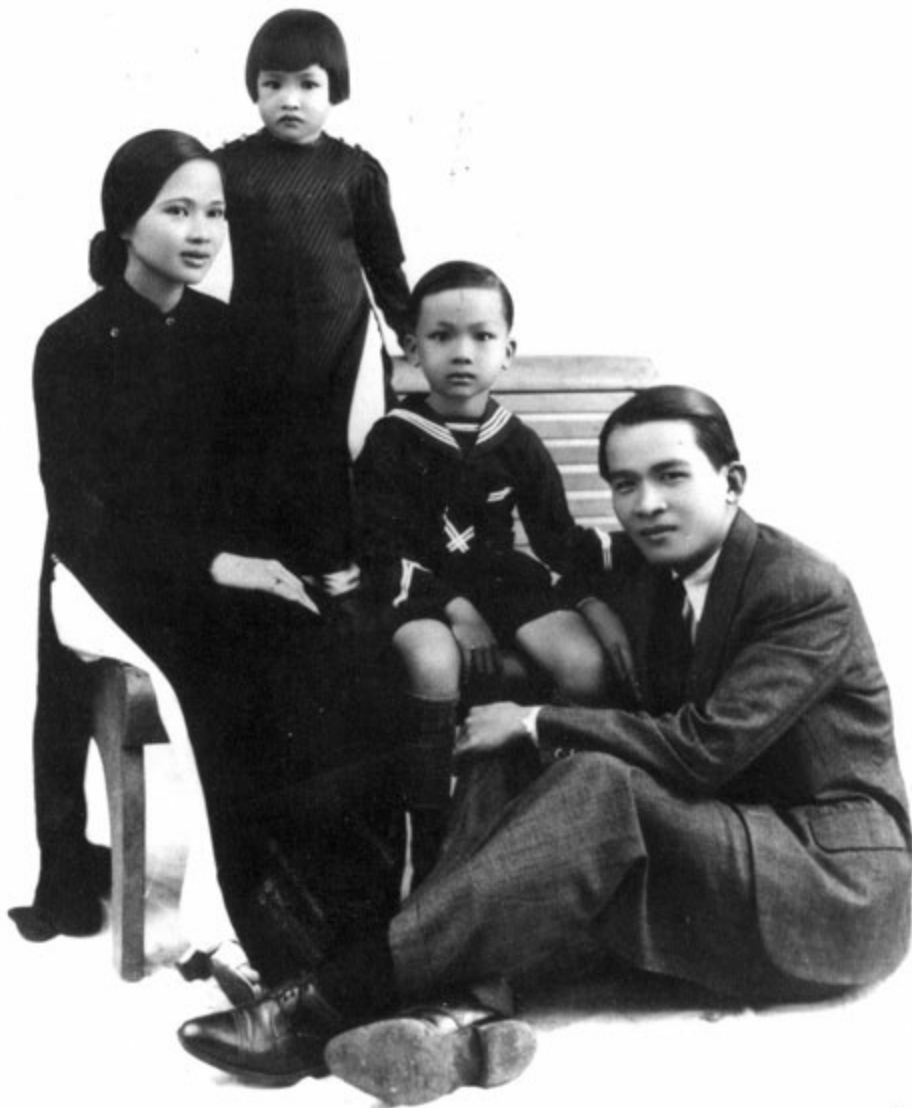
“Ừ, bác ở đây tiện cho công việc hơn. Chứ ở Hà Nội có những thứ không thoải mái. Nhiều cái hư rồi, con người cũng hư rồi, bon chen, lộn xộn, không giống với Hà Nội thời 20 năm trước, càng khác xa với Hà Nội của lần đầu tiên bác đặt chân ra...”

“Bác ra Hà Nội lần đầu là khi nào ạ?”

“Đó là... sau một loạt biến cố gia đình...”

Năm 1935, bà nội Bùi Kiến Thành ôm rất nặng nên thân nhân khuyên nhủ, sắp xếp để ông nội cưới người em gái áp út của bà nội làm kế thất. Tháng 1 năm 1937, bà nội mất. Năm 1938, ông papa từ bên Pháp về. Một hôm, ông ngoại tổ chức đám cưới cho cậu Hai Nguyễn Lạng với con gái ông bà Bát Tiểu thì xảy ra sự cố. Một toán cướp vào nhà bắn ông ngoại chết, cậu Hai gãy chân. Bác Thành hơi cụp mắt xuống khi nhắc chuyện buồn.

“Ông Bùi Kiến Tín về nước có một năm thôi. Bác được gặp bố, dắt tay nhau đi, vui lắm, thích lắm! Anh em trong họ họp nhau lại, dẫn nhau đi chơi, thăm họ Bùi từ làng này, huyện nọ, huyện kia. Bên ông nội đẻ nhiều con lắm, Bùi Thứ đứng đầu, cô Ba mất sớm, chú Phú là thứ tư, chú Năm là chú Thạnh. Cô Sáu, cô Bảy thì cũng chết sớm. Tám là cô Tám này, rồi chú Chín, cô Mười, chú Mười Một, cô Mười Hai. Sau một thời gian, ông papa dẫn bác Thành cùng chú Năm, chú Chín, cô Mười, chú Mười Một ra ngoài Hà Nội để đi chơi và xin học. Bác được đăng kí vào trường École Saint-Pierre. Nhưng mà đâu học được nhiều, được mấy tháng ông lại dẫn đi Đà Lạt vì ông chú Năm Thạnh thích lên Đà Lạt học hơn Hà Nội.”



Ảnh gia đình Bê rôm chụp tại Hà Nội

“Hà Nội thời đó thế nào hả bác?”

“Ở Hà Nội có mấy tháng nhưng mình nhớ kĩ lắm. Đi học thì mặc đồ Tây, quần sọc, mang vớ dài, đi giày bốt. Hồi đó mình ở cái nhà gần cổng xe lửa trên đường Nguyễn Thái Học bây giờ, số nhà 103 thì phải. Cách đây 20 năm, khi về Hà Nội thì cái nhà mình ở vẫn còn nguyên vẹn, bây giờ chỗ đó xây dựng thêm nhiều công trình khác. Kế bên là nhà một người bạn của ông papa, sau này cũng làm bác sĩ. Gia đình ông này có cái nhà in Trung Bắc Tân Văn, in sách rất nhiều. Hàng ngày bác chạy qua bên nhà in lục sách ra đọc. Nhiều sách lắm, ham lắm, sách gì cầm được cũng đọc. Trong đó, bác thấy cả chồng tạp chí *Tứ Dân Văn Uyển* có bao nhiêu thơ văn của các anh tài: Tản Đà, Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh... Hồi đó mình đã bắt đầu thích thơ rồi. Ngâm thơ nhiều kiểu lắm, ngâm thơ của mình là tùy theo linh hồn bài thơ. Mỗi bài thơ phải có một âm thanh đặc biệt. Mình đọc những bài thơ mà đến bây giờ vẫn còn nhớ, ví dụ bài thơ ngụ ngôn ‘Gạch và ngói’ của Nam Hương nhé:

Gạch hỏi ngói: Đôi ta dù khác,

Mà giống nòi chất phác như nhau;
Cớ sao bắt cứ đâu đâu,
Các cô cũng ở trên đầu chúng tôi?
Hay trần thế lắm người tây vị,
Khiến đôi mình kẻ quý người khinh.
Ngói rằng: Anh chữa thấu tình,
Hai ta mỗi đứa một hình trời cho.
Anh lực lưỡng, việc to gánh vác,
Xây bức tường nhà gác nguy nga.
Mong manh như thể đàn bà,
Che mưa đỡ nắng ấy là phận tôi.

Lại có truyện thơ hay, có hình ảnh lạ, chẳng hạn ‘Người săn phượng hoàng’:

Ngày xưa có bác đi săn
Leo lên núi đá định ăn phượng hoàng;
Đi vừa đến chỗ rừng hoang,
Tiếng chim sở ước kêu vang bên mình.
Anh ta nhìn khắp chung quanh,
Thấy con vật quý đồ càn cây thông,
Đã toan lấy thế gương cung,
Thấy chim đang ngủ giấc nồng lại thôi
Chim kia mới nói ra lời:
Hỡi người tráng sĩ nghe tôi bảo này:
Xét trong tất cả đời nay,
Khó lòng gặp được một tay như chàng!

Thật là can đảm giỏi giang,

Mới không thêm bắt phượng hoàng ngủ quên!...

Chuyện còn dài lắm. Văn xuôi cũng có nhiều cái hay. Trong Quốc văn *Giáo khoa thư* có truyện tên là ‘Kẻ ở người đi’, mấy đứa nghe nha:

Cơm nước xong rồi, thầy mẹ tôi, anh em, chị em tôi, cả đến kẻ ăn người ở trong nhà, đều tiễn tôi ra tận bờ sông, chỗ thuyền đậu.

Vừa ra khỏi nhà, thì trong lòng tôi tự nhiên sinh ra buồn rầu vô cùng. Từ thuở bé đến giờ, chỉ quen vui thú ở nhà, nay tôi mới biết cái cảnh biệt ly là một! Chân bước đi, mắt còn ngoảnh lại: Từ cái mái nhà, cái thềm nhà, cái lối đi, cho đến bụi cây, đám cỏ, cái gì cũng làm cho tôi quuyến luyến khác thường!

Thuyền nhỏ sào, ai nấy đều chúc cho tôi được thuận buồm xuôi gió, bình yên khỏe mạnh. Thuyền đi đã xa, mà tôi còn đứng nhìn trở lại, nhìn mãi cho đến lúc không trông thấy nhà nữa mới thôi. Ôi! Cái cảnh biệt ly sao mà buồn vậy!”

Bùi Kiến Thành mỗi lần đọc thi ca thì ánh mắt long lanh, chữ nghĩa trong đầu tuôn như nước chảy, giọng diễn cảm như bay theo con chữ. Nhiều đoạn văn xuôi đến giờ ông vẫn còn đọc làu làu. Tôi có tra cứu lại văn bản ở thư viện và trên mạng thì thấy một vài điểm sai khác, có thể là nhầm lẫn trí nhớ sau khoảng thời gian dài hoặc các tác phẩm ấy có những dị bản khác nhau. Chúng tôi rất thích nhìn ông lúc ông đắm mình vào những con chữ, có cảm giác ông kéo mọi người bay theo.

Ngưng một lát, nhấp ngụm trà, ông kể tiếp. Vào Đà Lạt, ông papa đăng kí cho cả nhà học trường Lycée Yersin⁽¹⁾. Ông Docteur Yersin chính là người khai phá, xây dựng nên thành phố Đà Lạt. Hồi đó ông ấy vẫn còn sống. Bùi Kiến Tín tìm ông ấy nói chuyện và gửi gắm mấy đứa nhỏ. Chú Năm Thạnh sinh năm 1917, lớn hơn Bùi Kiến Thành khá nhiều. Học một thời gian ở Đà Lạt thì chú lại chán, bỏ dở giữa chừng. Thế là Bùi Kiến Thành phải trở lại Quảng Nam. Tháng 2 năm 1939, ông papa trở lại Pháp trình luận án y khoa, ông nội bắt kẻ phí tổn, lại cho chú Bùi Thạnh đi theo. Hai anh em mua vé tàu thủy hạng chót từ Sài Gòn đến Marseille. Tháng chín năm đó, chiến tranh thế giới thứ hai nổ ra làm hai anh em kẹt lại Pháp. Năm 1940, Bùi Kiến Tín đậu bác sĩ. Sang năm 1941, ông hồi hương trên một chiếc tàu thủy nhỏ, từ Marseille đi vòng quanh Nam Phi mất 75 ngày mới về tới Sài Gòn. Bùi Thạnh ở lại Pháp mãi đến năm 1958. Kể từ lúc này, Bùi Kiến Tín được gọi là “Bác sĩ Tín”, hay “Độc Tín” thay vì “Tú Tín”.

Trong thời gian papa chưa về, Bùi Kiến Thành đi học trên quê một thời gian rồi ông nội cho cậu bé Thành cùng các chú xuống Hội An ở trọ tại gia đình ông Tống Quyền. Ông này làm công chức của nhà nước Pháp, phòng của ông ấy gần như là công sứ của Pháp tại Hội An, còn em trai ông là Tống Khuyến làm giám học, như là hiệu trưởng một trường. Bà Khuyến cũng là giáo viên của một trường nữ sinh.

Bác sĩ Tín trở về, thừa với cha cho vào Quy Nhơn lập nghiệp, rồi dẫn theo cả Bùi Kiến Thành với chú Chín, cô Mười, chú Mười Một vào đó xin học. Ngay trong năm 1941, Bùi Kiến Thành học xong tiểu học ở Quy Nhơn rồi ra Huế học ở trường đạo Providence, do đức cha Ngô Đình Thục sáng lập, dạy tiếng Tây và tiếng Latinh chứ không dạy tiếng Việt. Nhưng cũng không được lâu, chưa đầy một năm, tới năm 1942 thì Mỹ đánh nhau với Nhật, cho máy bay thả bom. “Mỹ thả bom ở Đà Nẵng, học sinh người ở người về. Mình ở nội trú một mình buồn lắm, nhớ nhà, xin về ông papa không cho, bắt ở lại học nên mình trốn về thôi. Bác ở Quy Nhơn từ năm 1942 đến năm 1944 thì chuyển vào Chợ Lớn, ở Chợ Lớn đến năm 1945 thì đánh giặc, sơ tán vào trong quê, tới năm 1946 mới trở lại. Suốt thời kì giặc giã, bác hầu như không học gì nữa. Khi nào trong nhà thuốc có gì làm thì mình cũng xắn tay áo mình làm, dán nhãn thuốc rồi đóng hộp..., hay cần dùng cái gì, đi mua đinh, búa, đi làm những chuyện lặt vặt thôi chứ không có đi học.”

“Nhà thuốc này là của phòng khám bác sĩ Tín đúng không ạ?”

“Không. Ông ấy không mở phòng khám mà chỉ sản xuất thuốc.”

Điều này khiến tôi ngạc nhiên. Một người quyết tâm sang tận Pháp học ngành y, rồi sau khi khó khăn lặn lội về quê nhà với cái danh “bác sĩ Tín” lại không hành nghề bác sĩ ư? Vậy, nguyên do là vì đâu?

Nhà thuốc Bác sĩ Tín

Bác Thành và tôi cùng ngồi bên ban công, lơ đãng nhìn ra phía hồ. Trời vừa mưa đã hừng. Hai bác cháu sau một hồi trò chuyện liên tục thì cùng im lặng, mỗi người một dòng suy tư. Rồi các cộng sự xinh đẹp của tôi xuất hiện, mang theo bánh và hoa quả. Bây giờ mới thấy bụng đói cồn cào, tôi vừa nhai ngấu nghiến vừa thuật lại cho hai bạn nghe câu chuyện làm thuốc của ông bà bác sĩ Tín.



Ông bà bác sĩ Tín

Lúc nghe Bùi Kiến Tín trình bày về chuyện đi Quy Nhơn lập nghiệp, ông Cửu Thứ sốt sắng đem bằng khoán đất đai xuống Hội An cầm thế cho ông Chấn Long, một người Hoa thường mua lúa của ông nội trên Trung Phước, vay 5.000 đồng cho con làm vốn kinh doanh, tương đương với 40 triệu Việt Nam đồng năm 1975. Ở Quy Nhơn có một ông bác sĩ bà con tên là Trương Đình Ngô, cả gia đình cũng học bên Pháp về, thêm ông Trương Đình Nam học dược sĩ. Kiến Tín hợp tác với mấy người đó lập cơ sở sản xuất thuốc tây giá rẻ cho đại chúng. Sau ông Nam rút lui, Bùi Kiến Tín mở Nhà thuốc Bác sĩ Tín. Ông không làm bác sĩ mà lo tìm cách sản xuất thuốc.

“Sao lại thế ạ?”

Bác Thành chậm rãi giải thích:

“Ông làm luận án bác sĩ bên Pháp về tình hình sức khỏe của người dân ở Đông Dương. Cái luận án của ông cũng lạ lùng lắm. Việt Nam hồi đó chưa đầy 20 triệu dân, nằm trong cộng đồng Đông Dương, Bắc Kỳ gọi là Tonkin, Trung Kỳ là Annam, Nam Kỳ là Cochinchine, bên này có Lào gọi là Ai Lao, Campuchia gọi là Cao Miên. Cao Miên, Ai Lao, miền Bắc, miền Trung, miền Nam. Tầm nhìn của bác sĩ Tín khi đi học bên Pháp thì cả cộng đồng đó là một. Trong luận án ông nói, muốn có một đất nước hùng mạnh thì Việt Nam phải tăng dân số lên khoảng 50 triệu dân. Muốn như vậy thì vấn đề quan trọng nhất là chăm nom sức khỏe cho dân chúng. Từ năm 1941 đến năm 1945 là đại chiến, cho nên nguồn thuốc chở qua Việt Nam bị cắt đứt, mà có chở qua đi nữa thì giá thuốc cũng rất cao không phù hợp với thu nhập của dân chúng. Dân mình không đủ tiền mua thuốc tây. Đông dược cũng rất tốt nhưng sản xuất chưa đúng với phương pháp khoa học, chưa hiệu quả. Ông muốn thay đổi nó. Nghe ông nói, mấy người bạn là bác sĩ cười bảo: ‘Mày đi học Tây Âu về giờ đi làm thuốc ta như mấy ông lang băm ấy. Thầy lang như mày đi học làm chi cho uổng công uổng sức. Học bảy tám năm bên Tây về làm thầy lang, mà còn chẳng bằng thầy lang, đi sản xuất mấy cái thứ tầm bậy tầm bạ.’”

“Và bác sĩ Tín vẫn quyết tâm làm ạ?”

“Tất nhiên, đầu phải dự định ngày một ngày hai. Ông đã suy nghĩ dân chúng cần nhất cái gì. Đầu tiên ông làm thuốc chữa táo bón. Mọi người hỏi tại sao, ông nói ông nghiên cứu rồi, phụ nữ Việt Nam 10 người thì tới tám người bị táo bón. Không lo vấn đề tiêu hóa, vệ sinh buổi sáng buổi tối cho nên phân đông là bị táo bón. Bị táo bón thì ảnh hưởng đến sức khỏe, phân không ra thì nước đọng lại trong người và phát sinh ra bao nhiêu loại bệnh. Vấn đề sức khỏe thân thể đã không tốt rồi, sức khỏe tinh thần mới quan trọng. Khi bị táo bón thì người bực bội, nhăn nhó, khó chịu, gây gổ với chồng con, ảnh hưởng đến đời sống gia đình. Nên đầu tiên ông làm ra thuốc táo bón. Ông nghiên cứu từ hồi ở bên Pháp, nói nhà gửi qua cho ông những nguyên liệu để làm thuốc táo bón như rong biển nấu thành thạch, cắt ra phơi khô gửi qua Pháp. Rồi hột ươi, hột é khi thả vào trong nước nó nở ra, có tác dụng làm trơn. Một vài thứ khác như lá mần, có chất làm cho tiêu hóa đồng thời làm phân nhuyễn. Tiếp theo, ông làm thuốc ho. Hỏi tại sao, ông nói: Mình bị ho nhiều lắm, dân quê đi làm ngoài đồng bị mưa bị gió nên hay ho. Ho là bệnh thường xuyên của người Việt Nam. Xong rồi ông làm thuốc bổ trẻ em. Ông nói trẻ em thiếu canxi nên bị còi xương, thế rồi ông mua xương heo xương bò về nghiền thành canxi cho trẻ con. Những loại thuốc đầu tiên của bác sĩ Tín là như vậy. Sau một thời gian ông thấy ở Quy Nhơn xa thị trường, cuối năm 1944 mới rời cơ sở sản xuất vào Sài Gòn trong Quận 5, Quận 6 bây giờ, hồi đó là Chợ Lớn. Ông sản xuất thêm dầu gió, đặt tên là ‘Khuyन्ह Diệp Bác sĩ Tín.’”

“Còn những vấn đề như quảng cáo với phát triển thị trường, hồi đó mình có làm không ạ?”

“Một mình ông làm hết, vấn đề quảng cáo ông siêu lắm. Thời kì 1944 - 1945, dân chúng sôi sục cách mạng lắm rồi, muốn đuổi Tây đuổi Nhật. Vì học bên Pháp về nên ông quen với

mấy ông Tây, mấy ông công sứ, tụi Tây cũng nể ông nên có thể nói những chuyện mà không ai nói được. Thuốc ho ông quảng cáo là ‘Thở không khí tự do, uống thuốc ho Bác sĩ Tín. Uống thuốc ho Bác sĩ Tín, thở không khí tự do.’ Ông cho đăng báo, và tụi trẻ con đâu đâu cũng hát đi hát lại câu đó. Còn chuyện bán... Hồi đó, hệ thống phân phối của mình trong tay Hoa kiều chứ người Việt Nam mình không có bao nhiêu, Hoa kiều bán từ tỉnh cho tới các làng xóm. Trước ở chợ Trung Phước cũng có một hai cái tiệm Tàu bán tạp hóa, gọi là chạp phô⁽¹⁾. Trên Trung Phước, ông nội làm ra bao nhiêu lúa, bao nhiêu gạo thì cũng có một ông người Hoa ở Hội An lên mua. Ở Sài Gòn cũng vậy. Ông papa suy nghĩ làm sao phải tiếp cận được với cộng đồng người Hoa để bán thuốc cho mình. Một mặt ông thuê một căn phố trong chợ Lớn, chỗ trung tâm của người Hoa, một mặt ở nhà ông giao lại vấn đề quản lí sản xuất nhà thuốc cho bà má. Thật sự mà nói không có bà má thì bác sĩ Tín lập nghiệp sẽ khó thành.”

Nhân một chuyên công tác, Bùi Kiến Thành đã bố trí cho chúng tôi gặp các bác tộc Bùi Vĩnh Trinh ở Sài Gòn. Các bác đều rất nhiệt tình và chu đáo, chuẩn bị sẵn bao nhiêu chuyện thú vị để kể cho chúng tôi nghe. Khi tiếp xúc với những ai từng làm việc hay gần gũi với gia đình bác sĩ Tín, ngoài năng lực không thể phủ nhận của ông bác sĩ, tất cả đều nhắc đến bà bác sĩ Tín với sự khâm phục và ngưỡng mộ lớn lao. Cùng những người em họ Nguyễn của mình, bà rất có đầu óc kinh doanh, tài quản lí, và là một “nội tướng” xuất sắc. Về nhà thuốc, bác Thành lại nói:

“Trở lại chuyện thuốc một chút cho vui, là khi nấu thuốc ho thì phải cho đủ các thứ thuốc vào để nấu, nên cần cái nồi đồng lớn nhất có thể, phải hỏi xem tất cả bà con, ai có cái nồi lớn không, để mua hay mượn lấy một cái. Hồi năm 1941, bà má mới có hai mươi mấy tuổi, được giao đi kiếm cái nồi đồng đó. Bà xuống nhà ông Nghè Thống, trưởng nam đích tôn họ Bùi. Họ Bùi có cả trăm người về mỗi năm ăn đám giỗ. Ông Nghè Thống nghe một hồi thì nói không có. Ngồi cạnh ông Nghè Thống hôm ấy có ông Bùi Thuyên, còn gọi là ông Cửu Tỷ, là bố của chú Bùi Giáng đó. Ông này nghèo lắm, không có gì nhiều, nghe chuyện chỉ ngồi lặng yên. Bà má buồn lắm, lẹ mọ đi xuống thuyền thì ông Cửu Tỷ đi theo, bảo: ‘Chị ơi, nhà tôi có cái nồi không lớn lắm, nhưng mà nó cũng lớn, chị đợi một chút tôi bảo bọn nó mang xuống cho chị.’ Cái ông nghèo nhất của tộc đã cho bà má mượn nồi nấu thuốc đó.”

“Bùi Giáng? Có phải là ‘thi sĩ điên’ Bùi Giáng nổi tiếng không bác? Bác gọi ông ấy bằng ‘chú’ à?”

“Đúng, ông là chú họ của bác. Chú Giáng sau này vào Sài Gòn đi học đã được bà má đỡ đầu, giúp đỡ. Mấy ông họ Bùi ở Quảng Nam vào học cũng nhờ ông bác sĩ Tín nhiều lắm. Không ở cùng gia đình thì ông thuê nhà cho, sau thì ông mua nhà cho ở. Bà má chăm lo săn sóc dữ lắm, có thể thuê cả người tới chăm nom. Hồi nhỏ chú Giáng không phải gầy còm ốm yếu, mặt mũi xop lóp như trong hình đâu, chú là một chàng trai sáng sủa, đẹp trai lắm. Nhưng khi nhỏ chú đã bất bình thường rồi. Có tối chú chạy ra ngoài sân ôm mấy cây cau, đập đầu vô đó chú than chú khóc, cũng lạ đời lắm. Ông Cửu Tỷ thì cũng hơi gàn gàn. Ông nghèo lắm nên không đủ lúa ăn cho cả nhà, năm nào cũng lên ông anh hai Nghè Thống, nhà có ruộng nhiều, mượn lúa. Ông mới dẫn Bùi Giáng theo, ông nói: ‘Anh ơi, em

mất mùa, không có được bao nhiêu, thôi thì mượn anh vài chục ang về cho con cho cháu.’ Ông Nghè Thống nói: ‘Ôi chú ơi, thôi, anh em mà mượn cái gì. Chú cần bao nhiêu thì chú nói, tôi bảo nó đem xuống thuyền cho chú.’ Ông Cử Tỷ giận, nói: ‘Tôi có xin anh đâu mà anh cho, tôi mượn anh thôi. Anh có cho mượn thì tôi lấy, còn anh cho tôi hồng lấy.’ Khi ấy ông Nghè Thống phải nói: ‘Ồ, thôi được, chú mượn.’ Năm nào ông cũng mượn hết đó. Bùi Giáng mới hỏi: ‘Cha ơi, tại sao mà bác cho cha không lấy mà cha mượn?’ Ông nói: ‘Mi ngu lắm. Người ta cho thì mình lấy được một lần thôi, mình mượn thì mình luôn luôn có quyền mượn. Mình mượn là mình không có xin, còn trả thì khi nào mình có thì mình trả, chưa có thì thôi mình không trả.’ Bùi Kiến Thành cười giòn.

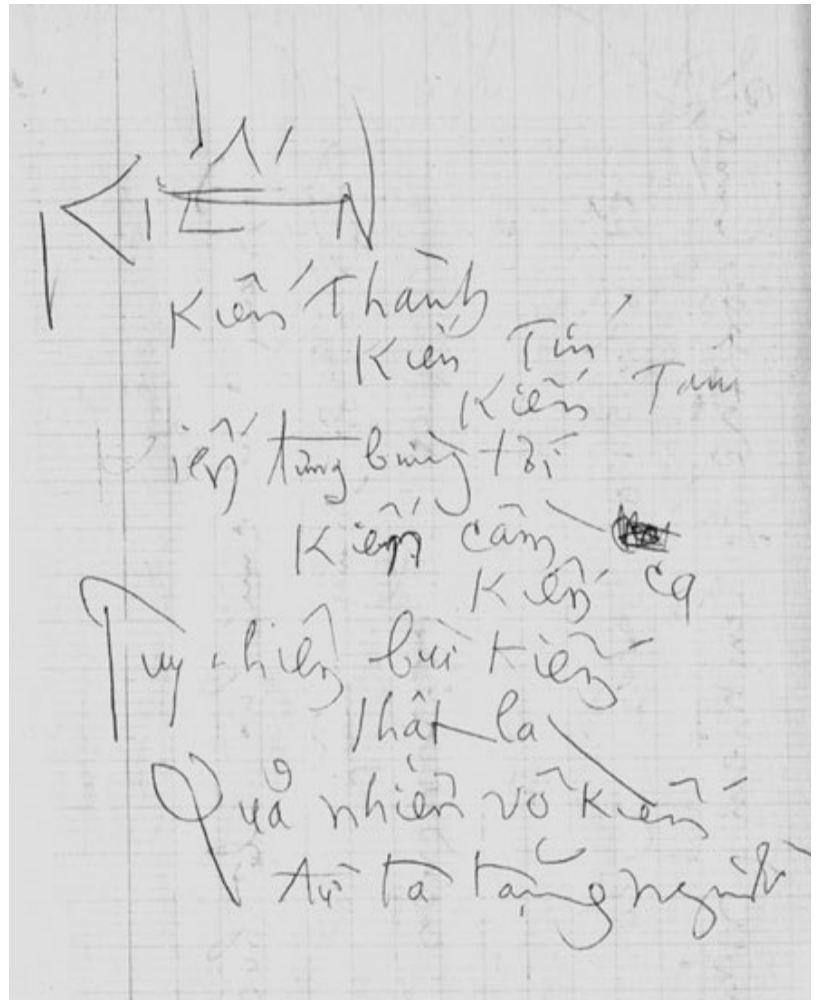
Kể đến đây, ông vào mở tủ lấy cho chúng tôi xem một tập giấy lưu bút tích của thi sĩ Bùi Giáng. Đó là kỷ niệm năm 1992, khi Bùi Kiến Thành mới trở về Việt Nam. Trên trang mở đầu một cuốn vở ô ly có viết: “Kính gửi anh Bùi Kiến Tín. Em - Bùi Giáng vẫn thỉnh thoảng nghĩ đến anh nhiều, và anh chị Thạnh. Bây giờ gặp cháu Thành mừng rỡ lắm lắm. Bao nhiêu kỷ niệm xa xôi xô ùa về tấp nập trong máu me tim phổi/ Bùi Giáng Bùi.” Tôi lấy làm phấn khích trước nét chữ vừa “say xin”, vừa phóng khoáng, bất cần của thi sĩ nổi danh.

Trở lại chuyện nhà thuốc, tôi hỏi:

“Cháu nghe nói mấy ông cậu của bác cũng tham gia việc nhà thuốc?”

“Chính thế, bà má kêu mấy ông cậu vào, nhất là cậu Bảy, làm trợ lý cho mình, như là giám đốc sản xuất của cái nhà thuốc vậy. Ông cậu Bảy cực kỳ giỏi, nhưng bà má còn siêu hơn nữa, kiểu như bà má là tướng thì ông là tá ấy mà. Các cô, các chú, các dì, người lớn người nhỏ, bả không nói gì nhiều nhưng mà sợ bả lắm. Mấy ông cậu cũng sợ, ông papa cũng sợ, sợ lắm. Mười bốn, mười lăm tuổi đã điều khiển cả trăm nhân công ngoài ruộng mà, nên bả có phong cách của người tướng.

Còn bác sĩ Tín khi nãy kể, lên trung tâm cộng đồng người Hoa mở phòng khám chữa bệnh. Cũng lạ, tại sao hồi trước ông không khám bệnh, giờ lại làm? Là vì thế này, cộng đồng người Hoa họ được tổ chức rất quy củ, họ chia ra thành các ban: ban Triều Châu, ban Phúc Kiến, ban Quảng Đông... Luôn có một ông là Ban trưởng, điều khiển tất cả hoạt động trong ban. Ông papa mở phòng bệnh cốt để chữa bệnh cho mấy ông lãnh đạo cộng đồng



Bùi Giáng viết cho Bùi Kiến Tín

người Hoa. Nhiều ông hút thuốc phiện nữa, ông papa cố gắng giúp họ cai được thuốc phiện. Những ông ban trưởng ban đó rất biết ơn bác sĩ Tín chữa cho gia đình mình hết bệnh này nọ. Nhờ đó, ông papa đạt được sự hợp tác của cả cộng đồng người Hoa. Trong số họ có ông Minh Lí, đại lí lớn, rất thân cận với bác sĩ Tín. Hồi trước chưa có người Việt Nam nào thâm nhập được vào cộng đồng phân phối bán lẻ của người Hoa, bác sĩ Tín là người đầu tiên chinh phục được điều đó. Từ đó trở đi, nhà thuốc của bác sĩ Tín bán thuốc không có chỗ nào là không vào được. Giữa người Hoa và ông bác sĩ Tín hết sức thân thiết với nhau, nhờ đó mà thương mại phát lên rất mạnh.

Rồi ông nghĩ, cần có cách đem thuốc tới tận tay người dân. Ông mới tổ chức ra đoàn xe Bác sĩ Tín. Ông mua mấy chục chiếc xe vận tải có thùng. Mỗi xe được ngăn ra từng ngăn, chỗ này thuốc gì thuốc gì, và đều có sổ lưu trữ bao nhiêu thuốc. Ông tuyển mỗi xe một đội trưởng, dẫn theo mấy anh nữa làm thành một đội đi bán lưu động. Ông chia nước Việt Nam ra làm các khu, mỗi khu giao cho một anh phụ trách. Nhà thuốc đầu tư chiếc xe, giao cho anh này mang đi bán. Ngoài phần lương cứng, anh bán được thì anh có phần trăm nữa. Xe đi hai, ba tuần bán hết thì trở về. Hồi đó xe chưa ra tới ngoài Bắc này, nhưng đã ra tới Quảng Nam, Đà Nẵng, sau ra tới Hà Tĩnh, Nghệ An. Mỏ mang bờ cõi như thế, lần lần đẩy thuốc đi bán như vậy, thành ra thuốc của ông bán chạy lắm, không ai theo nổi. Cứ như vậy thêm xe thêm đội, nhưng ông thấy thế là chưa đủ...”

“Vẫn là chưa đủ?” Chúng tôi há hốc mồm.



“Ông nghĩ phải làm thế nào để phát triển mạnh hơn, và có thể đánh được các đối thủ cạnh tranh. Ông mới gọi ông Minh Lí, một đại lí lớn, lên nói: ‘Minh Lí à, bây giờ thế này nhé, tháng tới tôi lên giá thuốc rồi đó, vì thời giá mà, nên phải lên giá. Nhưng thôi, đối với ông thì tôi bán giá cũ, bây giờ ông muốn mua bao nhiêu thì tôi bán bấy nhiêu. Ông muốn mua một tháng hay là hai tháng, ba tháng, bốn tháng cho năm này, lượng của ông có thể bán được bao nhiêu, ông muốn đặt mua thì tôi bán cho ông với giá cũ, trước khi lên giá.’ Ông kia về nhà ngồi mới tính: ‘Ồ lên giá thì mình phải mua tới đa chớ.’ Rồi ông lên nói với bác sĩ: ‘Ông bán được cho tôi bao nhiêu, tôi mua bấy nhiêu.’ ‘Ông muốn bao nhiêu tôi cũng bán, nhưng ông phải trả tiền trước.’ Với người Hoa thì ăn thua ở chỗ tin nhau. Ông Minh Lí mới nói: ‘Tôi mua sáu tháng liền, tôi trả tiền trước cho ông.’ Khi thấy Minh Lí mua như vậy thì các đại lí khác cũng làm theo, người thì ba tháng, người thì sáu tháng, người thì bốn tháng. Có bao nhiêu tiền tuồn ra hết, đem tiền đến đặt lên bàn ông bác sĩ Tín: ‘Tôi mang tiền đến đây, ông bán cho tôi đi. Tôi chỉ có ba tháng thôi thì tôi đặt ông ba tháng.’ Thế là bao nhiêu tiền mặt của mấy ông đại lí ấy được đem đến mua thuốc giá cũ. Thế là thế nào? Thứ nhất, ông huy động số vốn của các đại lí để có cái phát triển. Thứ hai, ông chiếm lĩnh thị trường, vì họ mang hết tiền đến chỗ bác sĩ Tín rồi thì còn đâu mà mua của các đối thủ cạnh tranh.”

Nói say sưa một hồi, Bùi Kiến Thành uống nước rồi lại tiếp:

“Chưa hết đâu. Ông papa nghĩ ra nhiều chiêu khác... Ông nói cần làm cái gì mà cả Nam chí Bắc phải biết tên Nhà thuốc Bác sĩ Tín. Nghĩ thế ông quyết định mua một cái xe tải lớn, dài bảy tám mét, không đóng tải, chỉ để mặt bằng ở trên. Ông mua thêm một chiếc xe hơi Austin mới thật đẹp, rất đắt tiền, đặt trên chiếc xe tải kia, rồi làm một cái biển to ‘Giải thưởng Bác sĩ Tín’. Ai mua thuốc của bác sĩ Tín cũng được cho một con số kèm theo. Ông gửi theo một đoàn múa lân nữa, đánh trống tùng tùng xèng. Xe từ ngoài Nghệ An, Hà Tĩnh chạy suốt cho tới Cà Mau, tới chợ nào cũng dừng xuống múa hát rất tung bừng. Xe dừng lại chỗ nào trẻ em, người lớn đều đến xem rất đông. Xổ số ông làm rất nghiêm túc, mời mấy ông đại lí lớn đến giám sát. Giải thưởng là giải thưởng thật, ngoài cái xe hơi đó còn những mấy chục giải nào xe đạp, nào thêm thuốc... Đây là giai đoạn từ năm 1942 cho tới năm 1956. Hơn 10 năm ông papa làm tất cả những chuyện đó. Nhà thuốc Bác sĩ Tín trở thành nhà thuốc Đông dược hàng đầu của cả nước và là nhà thuốc Đông dược đầu tiên của Việt Nam sản xuất theo phương pháp khoa học. Đó là câu chuyện và cách làm của một người suy nghĩ cách phát triển dân số từ 20 cho tới 50 triệu dân, nghĩa là làm sao bảo vệ được sức khỏe cho người ta và phải đưa thứ hàng hóa mà nhân dân cần tới tận đường làng ngõ xóm.”

Bác Thành tiết lộ thêm về bà má:

“Còn bà má thì vui lắm, bà làm được những điều mà bác sĩ Tín không làm được. Bà giống như một tướng quân vậy. Thời kì kháng chiến từ năm 1945 đến năm 1975, bà đã điều khiển mặt trận ngầm. Thí dụ, khi xưa mà bán hàng cho những người theo Cách mạng thì tụi Tây bắt. Hay dưới chính thể Việt Nam Cộng hòa của ông Ngô Đình Diệm cũng vậy, cung cấp

hàng hóa cho Việt cộng là bị bắt. Nhưng bà bác sĩ Tín thì nghĩ rằng người nào thì người, cũng cần phải dùng thuốc, người nào cũng cần được chữa bệnh, nên bà bắt chấp. Bà có cái thể của mình. Ngày ông Ngô Đình Diệm còn cơ cực, phải trốn ở nhà thờ Chúa cứu thế ở trong Nam đó. Là chỗ quen biết, bà má nấu mì Quảng rồi bảo bác Thành đem cho ông Diệm ăn. Hồi đó bác còn ở nhà, mới khoảng 14, 15 tuổi thôi. Bà thương ông Diệm lắm. Vì ông không vợ không con mà sống chui sống lủi trong nhà thờ, không ai săn sóc.



Bảng quảng cáo dầu khuynh diệp Bác sĩ Tín

Vì thế khi ông lên làm Thủ tướng hay Tổng thống đối với bà cũng không thành vấn đề. Ông Diệm kính trọng bà má, vậy nên bao nhiêu tướng tá thời Ngô Đình Diệm đều rất nể nhà bác sĩ Tín, không dám làm gì. Bà thì thoải mái. Mấy anh ở trong rừng U Minh hay là chiến khu D cần dùng cái gì thì tới gặp bà bác sĩ Tín. Họ nói 'Chúng tôi mua chứ không xin đâu, nhưng làm thế nào đem thuốc vào chiến khu mà không bị bắt.' Bà nói: 'Không sao, anh đừng có lo. Anh cần dùng bao nhiêu anh cho tôi biết. Rừng U Minh, chiến khu D hay bất cứ chỗ nào, miễn là xe tôi chạy tới được thì tôi đem tới cho.' Ông bác sĩ Tín bán qua các đại lí, còn bà má thì cho xe chạy thẳng tới rừng U Minh, hay tới chiến khu D mà giao hàng. Bà cứ làm lì lợm, không nói cho ai hết, ngay cả ông bác sĩ Tín. Bà nói với các cậu: 'Ồ, mày sắp cho tao một xe như thế vậy, hai xe như thế kia' rồi bao giờ mấy anh kia nói cho bà biết địa điểm thì bà cho tài xế lái xe tới giao hàng. Dầu khuynh diệp Bác sĩ Tín là thứ thuốc mà bên kháng chiến rất cần. Anh nào cũng có trong túi một hai lọ khuynh diệp Bác sĩ Tín. Người ta coi đó là loại dầu trị bách bệnh, thoa trên lưng và có thể cho trẻ sơ sinh uống. Dầu khác mạnh lắm, có thể làm cho trẻ con nghẹt thở. Bộ đội rừng U Minh anh nào cũng thủ sẵn một chai. Chất liệu của nó là chất liệu thiên nhiên mà mọi người dân đều dùng nên bộ đội hành quân có bôi dầu cũng không bị phát hiện. Trong thời kì kháng chiến, thuốc bác sĩ

Tín giúp cho bộ đội của mình giải quyết được một phần đáng kể nhu cầu thuốc.”

Tôi thầm nghĩ, ông bà bác sĩ Tín quả là sự kết hợp hoàn hảo, trời sắp đặt cho họ là một cặp.

“Bây giờ còn dầu khuynh diệp Bác sĩ Tín không ạ?”

“Bây giờ trong Nam vẫn còn, và ở nước ngoài họ cũng sản xuất dầu khuynh diệp theo công thức đây. A, bác có đây này...” Nói rồi ông đi lấy cho tôi xem một cái nhãn của chai dầu khuynh diệp Bác sĩ Tín mà ông còn giữ. “Câu chuyện của nhà thuốc Bác sĩ Tín phát triển tới như vậy. Trong Nam mà nhắc tới nhà thuốc Bác sĩ Tín thì không ai không biết, nói tới dầu khuynh diệp Bác sĩ Tín thì trẻ con nó cũng biết. Những năm 1954, 1955 miền Nam có 17 triệu dân mà mỗi năm riêng dầu khuynh diệp thôi đã bán ra 25 triệu chai. Ông Diệm về năm 1954, tới 1955, 1956 thì ông bác sĩ Tín bận ra làm việc khác. Ông giao lại việc quản lý nhà thuốc cho bà má với lại các cậu. Sau này cậu Phan, tức cậu Bảy làm lên bằng 10 lần những gì tiếp nhận từ bác sĩ Tín. Thế mới là giỏi. Tới năm 1962, cậu Bảy tách ra thành lập công ty bột giặt NET, cũng rất thành đạt, là công ty bột giặt hàng đầu miền Nam Việt Nam trước năm 1975. Việc ở nhà thuốc cậu Bảy lại giao cho anh Nguyễn Quang Sanh điều hành, rồi năm 1963 giao cho người khác. Sau này quân đội giải phóng tiếp quản nhà thuốc Bác sĩ Tín, trên cơ sở đó họ phát triển thành Công ty Dược phẩm OPC. Loại dầu khuynh diệp này được ông papa mua về cất giữ dưới hầm rất nhiều, mà những người tiếp quản dùng từ năm 1975 tới năm 1995 vẫn còn. Sau họ đổi tên thành dầu khuynh diệp Mẹ bỗng con. Có nhiều loại dầu khuynh diệp nhưng theo bác, đây là loại tốt nhất ở Việt Nam.”

Bác Thành tỏ ra tự hào:

“Mỗi năm, ông papa nhập khẩu 20% tổng sản lượng dầu khuynh diệp từ Bồ Đào Nha. Bồ Đào Nha khi đó là số một thế giới về sản lượng dầu khuynh diệp. Cho đến bây giờ, màu xanh trong loại dầu này là của bác sĩ Tín, trong đó trữ lại nguyên liệu sản xuất như vậy chứ các dầu khác không có màu xanh này. Nguyên liệu từ hồi đấy mà đến bây giờ vẫn còn, phải nói ông papa rất biết nhìn xa trông rộng. Nếu mình đưa ra màu khác là không được, màu là thương hiệu mà. Màu thì không cần dùng nhiều gì, một kilôgam màu xài cả năm không hết. Việc gì mua một kilôgam, mua 100 kilôgam xài 100 năm cũng không hết. Làm được một thương hiệu, xây dựng được một doanh nghiệp như thế là không đơn giản.”

Đất nước Việt Nam thời đó còn nghèo, hoạt động thương mại còn sơ khai. Những chiến lược kinh doanh của ông bà bác sĩ Tín thể hiện một tầm vóc tư tưởng lớn, một tầm nhìn đi trước thời đại. Bài học kinh doanh rút ra từ câu chuyện này cho đến bây giờ vẫn không hề lạc hậu.

Trong gia đình

Tháng 3 năm 2014, chúng tôi trở lại Đà Nẵng. Hàng năm, cứ đến mùa mưa lũ, miền Trung là khu vực hứng chịu nhiều bão tố thiên tai nhất nước, nhưng thời điểm này, trong lúc Hà Nội mưa nồm hàng tháng trời, Sài Gòn nắng như thiêu thì thời tiết ở đây thật dễ chịu. Đà Nẵng cách Hội An chỉ một con đường thẳng khoảng 30 cây số. Hành trình ấy quá quen thuộc vì năm nào tôi cũng đi ít nhất một lần, hoặc công tác hoặc du lịch, tôi yêu mảnh đất và con người nơi này. Nhưng năm nay, chuyến đi của tôi trở nên đặc biệt hơn vì lần đầu tiên tôi sẽ đi vào những vùng sâu hơn của tỉnh Quảng Nam, thăm miền đất tuổi thơ của cậu bé Bê rôm.

Không có Bùi Kiến Thành đi cùng, nhưng chúng tôi lại được chào đón bởi em trai ông, kiến trúc sư Bùi Kiến Quốc. Sinh năm 1945, sang Pháp từ năm 1951 nhưng đến năm 14 tuổi thì ông được ông bà bác sĩ Tín gọi về Việt Nam một thời gian, hết phổ thông trở lại Pháp. Bùi Kiến Quốc tốt nghiệp khoa Kiến trúc Đô thị Đại học Mỹ thuật Paris năm 1969 và được bầu là Viện sĩ Viện Hàn lâm Kiến trúc Cộng hòa Pháp năm 1991. Chỉ bốn năm sau, năm 1995, nghe lời mời của nhà ngoại giao Trịnh Ngọc Thái (người được Chính phủ Pháp trao Huân chương Bắc đẩu Bội tinh hạng Nhì⁽¹⁾ năm 2013, bây giờ là Đại sứ Việt Nam ở Cộng hòa Pháp), Bùi Kiến Quốc theo chân anh trai về nước.

*Derrière le projet un architecte,
derrière l'architecte un homme,
derrière l'homme une idée.*

BUI KIÊN QUỐC

TIGRE DE PAPIER OU TIGRE DE BETON

De l'année du singe à l'année du tigre (1986), plus de quarante ans ont coulé sous le pont japonais de la rivière de Phai Phô.

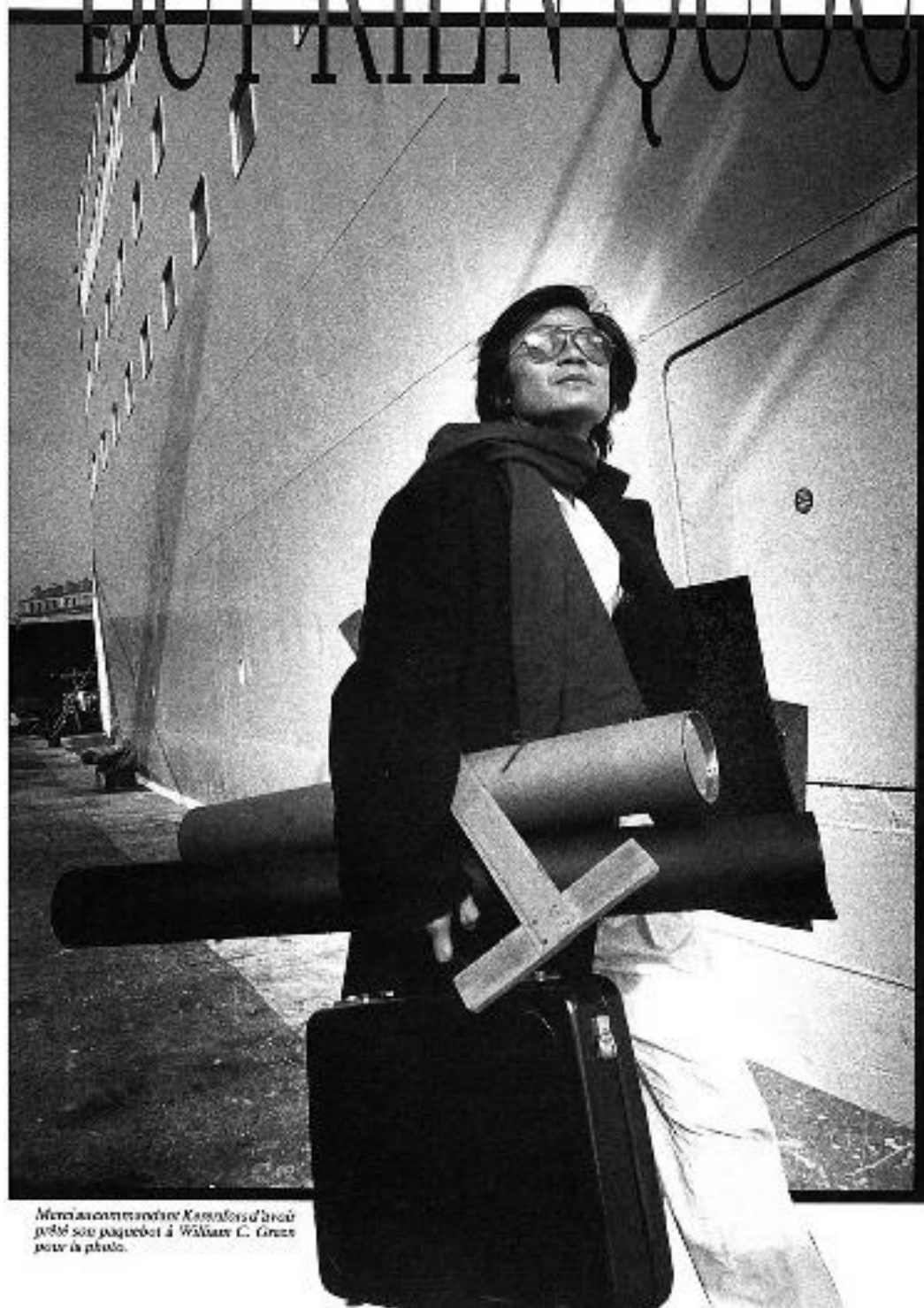
Bui Kien Quoc est né au Viet Nam. Il passe son bac dans le bruit et la fureur de Saïgon. Diplôme en poche, ses 17 ans assumés, il débarqua sur le Quai Malaquais pour entrer à l'Ecole Nationale Supérieure des Beaux-Arts, dans l'atelier Lemaire. C'était l'époque où certains Labro, Grumbach, Castro et Sarlati fréquentaient, eux aussi, ce lieu saint. 1968, il se retrouve sur le pavé de Saint-Germain, quand la fête matraquait son plein, ce mois de mai restera pour lui insubliable.

La fête finie, ses vacances commencent dans le Midi ; Bui Kien Quoc s'installe à Carqueiranne. En 69, il épouse Florence, en 77 lui fait deux enfants, mi-vietnamiens mi-juifs-berbères. Kenzo et Shonga sont un mélange exotico-détournant.

Il travaille dans la solitude, se passionne pour les concours, il vénère un arbre, devinez lequel ? Il dit de son architecture deux choses : "Je voyage entre le papier et le béton, et dans mes projets, je ne mets pas de bambou, je mets les qualités du bambou".

A un an près, Bui Kien Quoc a quarante ans. Quarante ans est un âge terrible car c'est l'âge où nous devenons ce que nous sommes.

LE TRIEU TUONG ▲▲▲



*Merci au commandant Karim d'avoir
prêté son paquebot à William C. Green
pour la photo.*

Bùi Kiến Thành từng kể: “Lúc bác Thành 16, 17 tuổi thì Quốc mới ba, bốn tuổi. Mình ngồi sửa đồng hồ, tháo ra lau chùi rồi lắp vô. Quốc ngồi bên cạnh nhìn, đến lúc mình lắp lại xong hết rồi nó loay hoay tháo hết ra lắp lại, bắt chước rất nhanh. Quốc khéo tay từ bé, thích làm cái gì tay chân, sau này làm kiến trúc sư vẽ công trình rất đẹp. Quốc về Hội An thì rất thân với anh Vũ Ngọc Hoàng, hồi đó là Bí thư Tỉnh ủy Quảng Nam, một người bình dân mà cầu thị lắm. Quốc mặc quần bò, áo sơ mi bỏ ngoài đi lang thang, nghệ sĩ mà, nhiều khi đi xe cộc cạch đến cổng nhà bí thư. Bảo vệ hỏi ‘Anh đi đâu?’ thì trả lời: ‘Tôi đi thăm Bí thư.’ Vui lắm.”

Chúng tôi tới khách sạn Hà An do ông làm chủ, nằm ở đường Phan Bội Châu trong khu phố cổ Hội An. Trung tâm khách sạn là khoảng sân lớn cây cối thoáng đãng, gần cổng dựng một dãy xe đạp cho khách mượn đi. Giữa sân, rất nhiều khách du lịch quốc tế đang ra vào nhộn nhịp. Chúng tôi phải chờ một lúc cho khách trả phòng để “check in”. Tôi được nghe, khi Hà An mới đi vào vận hành, lúc đó hoạt động du lịch Hội An chưa sôi động như hiện nay thì nó đã là khách sạn số một tại đây. Đến giờ hiệu năng hoạt động của khách sạn này vẫn rất cao.

Khác với phong cách ăn mặc kín chu với vest hay sơ mi đóng thùng thường thấy ở Bùi Kiến Thành, Bùi Kiến Quốc mặc áo phong bình dân, mái tóc hơi dài chất nghệ. Đó là con người bận rộn, đam mê, cực kì giàu năng lượng ở độ tuổi bảy mươi. Ông kể, ban đầu chỗ này là khu đất hoang của thị xã Hội An, ông định xây một ngôi nhà đủ lớn cho tất cả mọi người trong gia đình sum họp, “một gia đình nhiều người, chung sống đầm ấm bên nhau nhưng lại có những công việc độc lập và sẵn sàng giúp đỡ nhau như truyền thống các gia đình Việt Nam... Chứ muốn thế, nhưng rốt cục mỗi người tứ tán một phương, không ai chịu về.” Chắc vì vậy nên khách sạn Hà An có được không khí thoải mái của gia đình, bè bạn mà khách ngoại quốc mê mẩn.

Căn phòng chúng tôi ở cho cảm giác dễ chịu. Phòng không quá rộng, nội thất sử dụng nhiều chất liệu thiên nhiên. Giường mới dọn được đặt những cánh hoa hồng, xà phòng trong buồng tắm mùi hương trầm. Kéo rèm, ta sẽ bước ra ban công treo nhiều chậu cây xanh chạy ngang qua cả các phòng khác. Các bạn lễ tân, phục vụ khá niềm nở, chu đáo khiến chúng tôi vô cùng hài lòng. Nhưng Bùi Kiến Quốc nói, mọi người cần học thêm nữa, ông muốn phải chuyên nghiệp hơn nữa.

Một cậu bé bước tới chào chúng tôi. Đây là con trai ông, hiện là học sinh lớp 8, tên là Bùi Kiến Đức, trùng tên với một người con quá cố của bác sĩ Tấn. Em bảo, em thích giao lưu học hỏi bằng tiếng Anh với người nước ngoài. Đức có gương mặt sáng, ánh mắt tinh anh rất giống bố. Còn Bùi Kiến Quốc, dù thời gian chung sống với ông anh trưởng không nhiều, ta vẫn có thể nhận ra nhiều nét tương đồng với Bùi Kiến Thành, từ khuôn mặt trí thức, chất giọng đến cách nói chuyện hóm hỉnh đầy thu hút. Ông cho chúng tôi xem nhiều công trình mà ông đã và đang thực hiện, những bức ảnh gia đình, cả những bài viết về ông trên báo Pháp khi ông còn trẻ.

Ông đưa chúng tôi ra thăm khu nhà vườn Triêm Tây, một dự án ông đã dồn vào rất nhiều tâm huyết. Tại một ngôi làng nằm ven sông Thu Bồn cách Hội An khoảng mười lăm phút đi thuyền, người dân khi xưa có nghề truyền thống là dệt chiếu cói nhưng gần đây phải di dời đi nhiều vì những cơn bão không ngừng làm đất làng sụt lở. Bùi Kiến Quốc đã lập dự án từng bước xử lý kỹ thuật tình trạng sụt lở, chống bão, giữ nghề truyền thống cho dân làng, rồi trên nền đất đó xây lên một tổ hợp công trình vừa hiện đại, tiện nghi vừa gần gũi với thiên nhiên. Những ngôi nhà khung gỗ, tường bằng kính hướng ra dòng sông, xung quanh rất nhiều tre. Ngôi trong nhà, ta vẫn cảm nhận được không gian thoáng đãng, hoàng hôn phủ vàng mặt đất. Bùi Kiến Quốc vẫn ấp ủ những giấc mơ phát triển kiến trúc và du lịch Hội An vượt qua cả Bali ở Indonesia.

Chúng tôi cùng chú Quốc lấy xe đạp dạo quanh phố cổ, đến thăm gia đình bên vợ của thi sĩ Bùi Giáng, cũng là nơi Bùi Giáng từng trọ học, ở một căn nhà nhỏ nằm trên đường Nguyễn Thị Minh Khai, phía bên kia Chùa Cầu. Rồi chúng tôi đi qua trường Trần Quý Cáp, nơi các cô chú của bác Thành đều có thời gian học khi còn nhỏ. Về tới khách sạn, chú Quốc gọi ông Bùi Bảy, một người họ hàng đứng vai chú của chú Quốc với bác Thành. Ngoài bảy mươi nhưng ông rất năng nổ, nhiệt tình kể chuyện và đưa mấy đĩa đi khắp nơi. Chúng tôi mượn xe máy theo ông Bảy đi Vĩnh Trinh, ông đi bằng bằng trên đường, thỉnh thoảng tới chỗ rẽ thì dừng lại đợi. Ở Vĩnh Trinh, nhà cũ của thi sĩ Bùi Giáng giờ không còn gì ngoài một cái giếng cạn. Nhà thờ họ Bùi Vĩnh Trinh nằm cách đó không xa, khang trang và to đẹp gần cánh đồng.

Sau một vài trục trặc, chúng tôi liên lạc được với Bùi Kiến Thái, con trai út của Bùi Kiến Thành. Anh sinh năm 1962, sang Pháp từ năm lên bốn tuổi. Anh sống trong một căn nhà giản dị ngay gần bãi biển Cửa Đại, bên ngoài lợp lá cọ, có một con chó hiền trông cửa và một con gà thả rong. Đồ đạc tuềnh toàng nhưng bàn thờ mẹ trong nhà to đẹp, gọn gàng. Anh là Thạc sĩ Kinh tế, về Việt Nam từ năm 1992, sau ‘bố Thành’ một năm. Anh có tham gia hỗ trợ ‘bố Thành’ trong việc xúc tiến những bước ban đầu dự án cảng Đình Vũ - Hải Phòng, bình thường hóa quan hệ Việt - Mỹ. Anh mê Hội An từ những thước phim ‘bố Thành’ ghi hình từ năm 1991, đến năm 1994 thì anh về đây. Anh chia sẻ: “Sống bên kia không thoải mái đâu. Mình là người châu Á ở Paris, đi ra ngoài đường là họ bảo ‘Á, papa le Chinois’, tức là người Trung Quốc đó. Ở Pháp có sự phân biệt, ở Mỹ còn nặng nề hơn vì họ có truyền thống phân biệt chủng tộc với người da đen. Tôi về Việt Nam hồi đó là đợt đầu tiên, toàn những người như mình hồi hương, rất thoải mái.”

Về nước, anh không làm tài chính nữa, giờ anh đang mở lớp nấu ăn cho người nước ngoài. “Lớp dạy trà ở bờ sông khu Thuận Tình, đi thuyền ra, 30 đô một người, dạy nấu bốn món, mấy tiếng là xong. Mỗi tháng được 900 khách. Lớp cao cấp học ngay bờ biển, tôi trực tiếp dạy. Nhiều khách sạn quốc tế gửi người sang cho tôi dạy...” Nhớ lại kỷ niệm thơ ấu, anh Thái kể: “Hồi xưa, trường tôi học bên Pháp là trường cấp ba số một ở Paris nhưng tôi chưa thua một ván cờ vây nào. Lúc đó, mình có loa, có máy chạy rồi, đang tiết kiệm tiền mua âm ly. Đáng lí ra phải đợi thêm một năm, nhưng bố Thành nói, con đứng nhất toán ở lớp thì bố mua cho. Mình đang đứng thứ 11, mà bố không biết có thần đồng ở lớp đó nữa, một cậu rất giỏi Toán, sau này là người đầu tiên vẽ bản đồ sao Hỏa. Ba tuần sau, mình nhất Toán rồi, bố

Thành, phải chỉ cái âm ly cho mình.” Rồi anh nói thêm về ‘bố Thành’: “Ông đọc sách thánh hiền nhiều lắm. Ông rất quý mấy đứa nhỏ. Tết năm ngoái ông dẫn bọn trẻ đi chơi ở mấy cái công viên Sài Gòn đông nghẹt người, đi bộ nhiều mà ông không kêu ca. Mấy đứa nhỏ, ông chiều lắm.”

Chia tay anh Thái, chú Quốc lại bố trí một chuyến ô tô đưa chúng tôi về quê nội của bác Thành ở Trung Phước, Quế Sơn. Nơi này cách Hội An chừng 70 cây số, là vùng sâu của tỉnh nên nhiều người ở Quảng Nam cũng chưa đặt chân đến bao giờ. Hòn Ngang, Núi Chúa, những ngọn núi hùng vĩ bên dòng sông Thu Bồn, cảnh quan bao la hùng vĩ. Chúng tôi ăn cơm ở nhà ông Bốn Phương, từng là người làm công cho ông Cửu Thứ. Ngày ông Cửu Thứ từ Vĩnh Trinh lên đây khai hoang, ông đã cho ông nội của Bốn Phương làm quản gia. Ông Bốn Phương vẫn còn nhớ rất nhiều chuyện về ông Cửu Thứ và bác sĩ Tín.

“Đất của ông Cửu Thứ, ông cho nước. Ông nuôi cả người dẫn nước đó, không ai phải trả tiền như bây giờ, trả đủ thứ tiền để dẫn thủy. Làm cho ông thì không đói, không ăn cơm độn. Người làm cho ông đông lắm đều nể sợ ông. Ông có cái phách, cái tướng người làm lớn. Ông đi qua là mình tránh sang bên, giơ nón chào: ‘Thưa thầy’. Ông kêu la ai ông không nạt nộ, chỉ hỏi: ‘Chú đói⁽²⁾ đất ai đấy chú?’” Ông Bốn Phương nhớ lại.

Ngày Bốn Phương mới 13, 14 tuổi đi giữ trâu thì ông Cửu Thứ đã theo Việt Minh rồi. Sau khi Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập tháng 9 năm 1945, ông Cửu Thứ hăng say hoạt động cứu quốc, được cử làm Chủ tịch Ủy ban Vận động kháng chiến huyện Quế Sơn. Ông đi bộ từ Trung Phước qua Đèo Le xuống huyện Quế Sơn hô hào nhân dân phụng sự quốc gia đang bị thực dân Pháp tái chiếm. Về sau, ông còn làm Chủ tịch Hội Liên Việt tỉnh Quảng Nam, trụ sở đặt tại Phủ Tam Kỳ, cách Trung Phước đến 60 cây số, vậy mà ông vẫn đi bộ ngày đêm để dự họp. “Ông là địa chủ nhưng ông thương hết. Thời Việt Minh đấu tố đó, dân chẳng ai đấu tố ông. Bùi Phú, em thứ tư của ông Tín, sau còn làm Chủ tịch Quế Sơn. Còn bác sĩ Tín năm 1963 ứng cử Quốc hội Chính phủ Ngô Đình Diệm thì đậu 99,9%, mới về cho dân ở đây 200 ngàn, hồi đó to lắm. Ông cho đất, cho tiền xây dựng trường cấp một, chừ vẫn còn.”

Thời kì chiến đấu, máy bay Pháp thường bay từ Đà Nẵng lên thả bom đánh phá chiến khu Trung Phước. Ông Cửu Thứ xây một hầm trú ẩn kiên cố bên hông nhà bếp. Ông Bốn Phương dẫn chúng tôi đi xem dấu vết còn lại của cái hầm phủ đầy cỏ dại. Rạng sáng ngày 9/11/1952, hầm trúng ba trái bom 500 kilôgam làm 18 người tử nạn, trong đó có cả ông bà Bùi Biên và một số người trong gia đình. Chỉ có ba người sống sót. “Mỗi ông Cửu Thứ còn nguyên người, những người kia nát bét hết. Lúc đó tôi đang đi giữ trâu cách đó mấy cây số... Lẽ ra ông Cửu Thứ có việc đi rồi, nhưng vì bà sui gia là dòng tộc vợ vua Khải Định tới nên ông quay về tiếp khách. Rồi bà cũng chết luôn. Họ đồn rằng có người trong họ Bùi chỉ điểm, tổ chỗ có cây cau hai nhánh ngay miệng hầm, giờ chỉ mà còn. Tội đó tôi ngồi giữ xác trong kia kia...” Đó là đại nạn trong gia đình ông Cửu Thứ - Bùi Biên.

Khoảng một tháng sau chuyến đi Quảng Nam, dịp 30/4/2014, chúng tôi gặp Hải An, một kĩ sư địa chất chuyên tìm hiểu kết cấu đất để xây dựng các công trình và các loại đá quý, người gọi Bùi Kiến Thành bằng ‘cậu’. Chị là con của bà Bùi Thị Ngọc Nữ, con thứ tư

của ông bà bác sĩ Tín. Hải An có thể giao tiếp bằng các thứ tiếng Pháp, Anh, Đức, Thái, và dù sinh ra, lớn lên ở Pháp, mới chỉ về nước đôi lần, nhưng chị vẫn khiến chúng tôi ngỡ ngàng vì nói tiếng Việt khá tốt. Lần này từ Pháp về, chị chuẩn bị cùng bạn trai đi xem đá ở Lục Yên - Yên Bái. Trong một buổi chiều vội vã cùng chị ra ga hỏi mua vé tàu, chúng tôi được nghe thêm một số điều thú vị về gia đình chị.

“Từ nhỏ tới 11 tuổi chị nói tiếng Việt ở nhà, còn đi học thì nói tiếng Pháp. Bà ngoại không cho ai nói tiếng Pháp trong nhà. Gia đình chị có một căn hộ ở Quận 5, trung tâm Paris, có đường tàu điện, trường đại học lớn, khu lân cận cổ kính và sang trọng. Hồi bé xiu, có lần chị bảo ông: ‘Đồ chơi của cháu rơi vào gầm tủ rồi, ông tìm đi’. Khi ông đang cúi xuống thì chị nhảy lên đầu ông và hét: ‘Cháu đùa đấy’ rồi cười khoái chí. Cả nhà đều bảo chị là một trong những đứa cháu được ông bà cưng nhất, có thể vì chị là đứa cháu gái đầu tiên trong nhà trong khoảng 15 năm.”

“Như vậy, ông bà bác sĩ Tín dành rất nhiều thời gian cho con cháu phải không chị?”

“Ông ngoại lúc nào cũng cười. Ông dạy chị vẽ, có lẽ đó không phải là hình ảnh người khác thấy ở ông. Với chị, ông chẳng khó tính bao giờ. Ông sẵn sàng chơi với chị đủ các trò, từ ghép các nhân vật cổ tích, giờ chị vẫn giữ cái hộp đó, rồi chơi rubik... Chính nhờ ông mà chị biết cách thông cảm, giao tiếp, vui cười với mọi người. Hồi sáu tuổi, chị đã vẽ tặng ông con linh dương, một trong những động vật mà ông yêu thích. Ông cắt vào ngăn kéo cẩn thận.

Bà ngoại thì ít khi cười, hầu như lúc nào cũng rất nghiêm khắc. Nhưng bà nghiêm khắc với con hơn với cháu, thường bênh chị trước mẹ hay các cậu, nên chị thích làm gì cũng được. Không hay lắm cho họ vì chị cũng hơi lạm dụng việc đấy, chị rất hiếu động. Mẹ chị thì ở phe kia, luôn phải đằng thẳng, rõ ràng. Chị bị đánh một lần, đó là lần đến nhà một người bạn của mẹ và giành đồ chơi của con họ, bị mẹ phạt cho một cái. Như thế là quá đủ cho lòng tự trọng của chị rồi, đủ để dạy cho chị biết phải trái.

Còn trong công việc ư? Ông ngoại lúc nào cũng đi đi lại lại, làm công việc kinh doanh, lúc nào cũng thử cái mới. Văn phòng ông đủ thứ giấy tờ. Cậu tám Bùi Kiến Nghĩa ở Canada thường bảo với bọn chị rằng ông có rất nhiều ý tưởng điên rồ. Ông tới Mỹ và muốn làm một công viên Disneyland tại Việt Nam từ những năm 1970. Sau này nhà chị dọn dẹp đóng giấy tờ thì tìm thấy mấy đồ cũ của ông. Có những ghi chú của ông về ‘holistic healing’, tạm gọi là ‘sức khỏe toàn diện’, đưa vấn đề tâm lý vào việc chữa trị cùng với cơ thể vật lý và thần kinh. Đó là tầm năm 1989, tức là đi trước mọi người khoảng 20 năm. Bây giờ ở Mỹ và châu Âu đâu đâu cũng nói về ‘holistic healing’ hết. Một số ý tưởng của ông điên đến mức không làm được vì đi trước thời đại nhiều quá. Một số khác thì có thể làm được, chị tin là có khi còn đáng giá cả triệu đô.”

“Bà ngoại của chị thì sao? Em được nghe kể nhiều về khả năng quản lý của bà.”

“Bà ngoại khác hẳn. Bà không làm cái xa vời nhưng một khi bà đã làm gì bà sẽ đúng 100%, không thì cũng là 90%. Thế nên các con của ông bà nghe lời mẹ hơn bố. Bà chị dạy là

nếu không nấu thì ít nhất cũng phải biết trân trọng món ăn. Bà nấu ăn ngon lắm. Chị chưa bao giờ ăn thức ăn ngon như vậy từ khi bà mất. Bà chăm chị lúc chị ốm, cho chị ăn nhiều đồ rán, rồi rau, rồi thịt. Bà có xu hướng chỉ đạo trong mọi việc, làm cái này đi, làm cái kia đi, và ai cũng sẽ nghe theo. Thật buồn cười vì nhiều người kể với chị về ông ngoại, những việc ông làm, ông như một người anh hùng vậy. Thực tế trong nhà chị, người được coi là anh hùng chính là bà ngoại. Ông chị sẽ làm bất cứ việc gì bà bảo. Bên trong với bên ngoài có thể ngược nhau thế đấy. Mẹ và các cậu chị có thể không nghe lời ông khi ông bảo mọi người làm gì đó, nhưng họ không bao giờ dám như thế với bà.”

“Ở nước ngoài, mọi người trong gia đình chị có hay tụ họp không?”

“Ngày bà ngoại còn sống, gia đình vẫn thường tụ họp tại ngôi nhà ở Paris, một tháng một lần, có mẹ, cậu Quốc, cậu Nghĩa, dì Ngọc Liên, dì Lưu, con nuôi của bà. Riêng cậu Thành chị chưa bao giờ gặp cho tới khi 12 tuổi. Bà mất thì tan rã cả, bà là người giữ cho cả gia đình gắn kết với nhau. Mỗi mùa hè, nhà chị sẽ tới Montréal thăm cậu Nghĩa và dì Liên ở đó. Cho tới khi chị ba, bốn tuổi thì ông vẫn đi cùng, sau đó thì lúc nào ông cũng đi đâu đấy, Mĩ chẳng hạn, chả biết làm gì nhưng về đều có quà. Ông sang Australia gần hai năm, mang về cho chị một con kaola nhé.”

“Gia đình chị toàn những người tài giỏi, chị có thấy áp lực không?”

“Sống trong gia đình như thế cũng khó. Lúc nào cũng có ai đó bảo chị là cậu chị, dì chị đã làm được thế này cơ này. Mẹ chị học 10 hay 12 năm để trở thành dược sĩ, chị sẽ không bao giờ làm được điều đó. Ông bà ngoại nuôi chị lớn vì mẹ chị không mấy khi ở nhà, toàn đi làm. Mẹ rất tận tụy trong công việc, có hôm từ bảy giờ sáng tới 11 giờ khuya mới về. Mẹ làm Giám đốc trung tâm dược lớn nhất Paris, Central Pharmacy of Paris, cung cấp thuốc cho tất cả các bệnh viện ở thủ đô. Bà là người đầu tiên ứng dụng máy tính vào ngành dược. Bà từng mua rất nhiều nhà ở Paris, giờ bà vẫn để lại hai căn nhà. Một căn ở miền nam nước Pháp, bà sửa và cho thuê, bà không phải kiến trúc sư và không biết gì về xây dựng nên phải tự học.

Mẹ chị là người rất ương bướng, đã có gì trong đầu bà thì rất khó để loại bỏ nó, mọi việc phải làm theo đúng cách của bà chứ không theo cách khác. Chị đã làm mẹ đau đầu nhiều. Làm mẹ đơn thân rất vất vả. Mẹ chị muốn có một gia đình thật lớn, có sáu đứa con như bà ngoại, tuy nhiên mọi việc với bố chị không thành. Bà ngoại không thích bố, hai bên không thỏa thuận được vấn đề hôn nhân, đã làm đám cưới truyền thống Việt Nam còn đám cưới theo luật pháp của Pháp thì bố chị từ bỏ trước mặt mẹ và luật sư khi chỉ còn ba ngày và 800 khách đã được mời. Sau đó mẹ không kết hôn cùng ai khác.”

“Chị thấy không khí trong nhà mình thế nào?”

“Không hoàn toàn viên mãn, vì xa quê hương không phải là điều dễ dàng. Bà ngoại có một đức tính khá độc đáo, kiên quyết đưa tất cả các con đều phải đi học nước ngoài, kể cả con gái. Ông bà cho con đi khắp nơi, rải rác ở các lục địa. Kết quả của việc đó cũng không tốt lắm, cuối cùng các con không ở gần nhau. Ai cũng sống đời mình, cách xa những người còn

lại. Anh chị em trong nhà thì có nhiều khác biệt tuổi tác. Cậu Thành thì 83, mẹ chị 69, bà vừa mất năm nay. Các dì cậu khác trẻ hơn nhiều. Thường nhà chỉ có bốn người là ông, bà, mẹ và chị cùng với một cô giúp việc, mẹ với ông đi làm suốt thì còn chị với bà.

Nhưng dù yêu công việc, gia đình với mẹ vẫn quan trọng hơn. Khi bà chị ốm và muốn chuyển nhà xuống phía nam để gần cậu Quốc, mẹ đã xoay sở bỏ việc và tìm việc mới dưới miền nam để cả nhà được ở bên nhau. Bà chị mất chỉ khoảng sáu tháng sau đó. Đó là tháng 7 năm 1991, chị 11 tuổi. Đám tang bà có rất nhiều người tới, từ khắp mọi nơi. Từ khi bà mất, ông lặng lẽ phai nhạt dần. Thật buồn cười vì trước đó ông đi suốt, chẳng mấy khi ở gần vợ. Chị tin là ông cũng có cả những người đàn bà khác nữa. Dù thế, giữa ông và bà có sự gắn kết đặc biệt với nhau, nên khi bà mất ông cứ dần dần mờ nhạt đi. Một con người sống động bỗng nhiên mờ dần...”

Trong thư gửi em trai Bùi Thanh ngày 8/8/1992, Bùi Kiến Tín viết:

“... Từ ngày thể xác nhà tôi không còn sống trên địa cầu, tôi quá cô đơn và rất nhiều ân hận. Ngày và đêm mở mắt hay nhắm mắt đều thấy hình ảnh của nhà tôi và không biết bao nhiêu là kỷ vật xung quanh.

Tôi đi chợ Tàu mua đồ ăn, thấy hình ảnh nhà tôi ở tiệm thịt, tiệm rau. Vừa rồi, đi ngang số 1 Rue Vanquelin và trường cũ của Hải An, thấy nhà tôi đứng trời mưa đợi đón Hải An ra lớp học chiều...”

Năm 1994, ông qua đời.

Ra biển lớn

Từ năm 1941 đến năm 1946 là năm năm trời, thời gian thâm thoát, Bùi Kiến Thành khi ấy thường được gọi là Hai Thành nay đã là một cậu thanh niên sức dài vai rộng. Cứ quanh quẩn làm những việc lật vật ở nhà, cu cậu ngửa ngáy chân tay làm sao. Một hôm cậu thưa với bác sĩ Tín: “Con muốn đi học lại thì ba nghĩ thế nào?” Ông bèn gửi cậu đến chỗ bạn mình, một ông đại gia trong miền Nam làm doanh nghiệp về điện: “Chú mày xuống đó coi thử học được cái gì không.” Hai Thành tới xưởng điện ngồi suốt một buổi chiều đành cấp đít ra về vì thấy không phù hợp.

Ông chú họ Bùi Liêm Ngoạn giới thiệu Hai Thành tới một ông thầy ở Tân Định, vốn là kĩ sư nông nghiệp, tên là Vương Gia Cẩn. Từ Chợ Lớn lên Tân Định, hàng ngày Hai Thành phải đạp xe 11 cây số chiều đi, 11 cây số chiều về. Tháng đầu tiên, Vương Gia Cẩn dạy Hai Thành hết chương trình lớp sáu, tháng thứ hai ông dạy hết chương trình lớp bảy. Thầy thì giỏi nhưng đi lại cực quá, Hai Thành thưa với bà má mời thầy về dạy tại nhà. Bà bác sĩ Tín nghe thấy được là tán thành ngay. Bấy giờ họ hàng Quảng Nam vào Sài Gòn học có hai người cùng độ tuổi với Hai Thành là Phan Hoàng Định và Trương Đình Lâm.

Hai Thành gọi Phan Hoàng Định bằng chú. Anh chàng đó vừa mang họ Phan vừa mang họ Hoàng, hai họ đều có những người làm cách mạng nổi tiếng. “Dưới Bảo An, Điện Bàn, họ Phan mạnh lắm. Đó là nơi sinh ra những ông Phan Thành Tài, Phan Diễn, Phan Thanh... Anh Định này là cháu nội của ông Phan Thành Tài. Ông ấy làm cách mạng bị Pháp bắt, chém ngang lưng dã man lắm. Nhưng mẹ của Định lại bên họ Hoàng, là cháu nội của cụ Hoàng Diệu. Hoàng Diệu thì tử tiết ở thành Hà Nội. Ngoài ra họ Phan còn có ông Phan Bôi, sau này là Hoàng Hữu Nam đi theo cụ Hồ đấy. Hay có ông Phan Khôi nổi tiếng vì lí luận hùng. Ví dụ, anh ngồi hỏi tại sao cái cổ con ngỗng nó dài. Mọi người đem sách vở ra nói tại vì cấu trúc thân thể nó thế, nó cần cái cổ dài để cúi xuống nước tìm ăn này nọ. Một hồi Phan Khôi nói không phải đâu, cái cổ nó dài vì cái đầu nó xa cái mình.” Bùi Kiến Thành bật cười sảng khoái. “Không ai cãi được, lí luận Phan Khôi mà. Sau này, ông bị vướng vào phong trào Nhân văn Giai phẩm. Ông bị cắt sổ lương và bị phê bình đủ kiểu, ông mới làm mấy câu thơ mà giờ mọi người vẫn nhớ:

Làm chi cũng chẳng làm chi

Nếu có làm gì cũng chẳng làm sao

Làm sao cũng chẳng làm sao

Nếu có bề nào cũng chẳng làm chi.

Đó là Phan Khôi. Phan Khôi của Điện Bàn đó.”

Còn Trương Đình Lâm là con bác sĩ Trương Đình Ngô, người cũng học bên Pháp về và

có thời gian hợp tác với bác sĩ Tín. Họ Trương là một trong bốn họ lớn nhất của Quảng Nam, sản sinh ra nhiều tên tuổi lớn. Chủ tịch Hội đồng Quản trị FPT Trương Gia Bình cũng thuộc họ Trương ở Quảng Nam.

Vậy là ba thanh niên gộp lại học chung. Bà bác sĩ Tín thu xếp mời cả nhà thầy Vương Gia Cẩn, gồm gia đình, vợ con, về ở một căn nhà trong vườn dưới Phú Lâm. “Mỗi ngày ba thằng qua đó học, quyết tâm với nhau học thật nhanh. Học từ năm... coi thử nào, cuối năm 1946 cho tới cuối năm 1948 là phải xong từ lớp sáu tới lớp 12. Mà hồi đó là chăm chú vào học cái gì? Học Toán, học Lí là chính. Ngày nào cũng học, học xong rồi không tìm ra cách làm, đêm ngủ nghĩ miên man thì giữa đêm giật mình tỉnh dậy reo ‘Tìm ra rồi mày ơi’, kêu nhau dậy giải bài toán... Cứ như vậy, ba đứa với nhau, dốt nhau mà học. Có bạn mà, học vui lắm.”

Hết lớp 12, đến đầu năm 1949, ba thanh niên ngồi bàn xem thi cái gì. Nhất trí rồi, Hai Thành vào nói với bà má: “Tụi con học hết rồi đó, cho tụi con qua Pháp thi.” Bà má bảo: “Mày muốn đi thì mày đi đi.” Lại ông chú Bùi Liêm Ngoạn đứng ra chỉ đường tính lối, lo chạy giấy tờ cho. Muốn qua Pháp thì phải có hộ chiếu...

“Nước mình khi ấy là thuộc địa, vậy cũng có hộ chiếu hả bác?” Tôi vừa rót nước vừa hỏi.

“Hộ chiếu là hộ chiếu của Tây chứ không có của Việt Nam, Việt Nam hồi đó chưa có hộ chiếu. Ngoài Bắc này là ‘protectorat’, không phải là thuộc địa nhưng gọi là bảo hộ. Còn miền Trung là Nam Triều. Cho nên những người nào mà ở trong Nam thì được coi như là dân Pháp, đi đâu là có hộ chiếu Pháp. Hay những người nào mà sinh ở Hà Nội, ở Đà Nẵng, là những thành phố trực thuộc Pháp thì có quyền có hộ chiếu của Pháp... Khoảng tháng ba, ba đứa lên tàu. Bác với mấy ông như ‘trois mousquetaires’, ba chàng ngự lâm pháo thủ, đi đâu cũng có nhau. Hai mươi mấy ngày đi đến Marseille...”

Ba thanh niên có chỗ dựa ở Pháp là chú Năm Bùi Thanh, trước qua Pháp cùng với Bùi Kiến Tín rồi ở lại học kĩ sư dệt. Bên cạnh đó là ông Phan Thuyết, chú của Phan Hoàng Định, qua Pháp từ những năm 1939, thời kì chiến tranh lại qua bên Đức. Ông sang dạy tiếng Pháp cho người Đức. Lên tới Paris, chú Thanh bố trí chỗ ở cho ba anh em, nấu cơm cho ăn. “Ông còn làm phở, nấu nướng, giống như bà mẹ nuôi chăm lo cho ba đứa này. Ông hỏi: ‘Thế các chú qua đây làm gì?’ ‘Tụi tôi qua đi thi.’ ‘Đi thi cái gì?’ ‘Đi thi *Bacc* ⁽¹⁾.’ Đi thi trung học đó. Ông nói: ‘Bộ các chú điên rồi hả? Các chú sức mấy mà đòi đi thi *Bacc*? Mấy cái này khó lắm.’ Mình nói khó không sao, khó thì mình cứ việc cố gắng học thôi. Ông nói chuyện một hồi thì ông giơ tay lên trời nói mấy thằng này điên hết rồi. Việt Nam mình qua đây, tiếng Tây còn ba rí ba nổ ló nhố mà. Cho nên ông thử bắt mình làm mấy bài tiếng Pháp thì mình làm chẳng ra làm sao cả. Thi bên Pháp là tất cả mọi chuyện bằng tiếng Pháp, và vẫn là phải ‘classic’. Bao nhiêu sách về văn của Pháp từ thế kỷ XVII, XVIII, XIX phải học hết, rồi từ đó mới viết ra những bài luận. Mỗi lần đi thi mình phải viết luận theo yêu cầu của một đề thi. Đề thi đó, có thể là một câu nói, một tác phẩm... của Corneille thế kỷ thứ XVII hay của Molière hay Pascal. Thế thì phải học hết để làm luận văn. Luận văn dưới 3 điểm trên 10 thì phải thi lại.”

Câu chuyện tiếp tục bằng những tràng cười rôm rả:

“Bấy giờ ông chú ngồi thở ra hoài không biết làm sao. Ông mới gọi điện, viết thư cho ông chú Phan Thuyết bên Berlin. Ông nói: ‘Giờ mấy thằng cháu sang đây để đi thi Bắc mà tôi coi tụi nó không xong rồi, chú về chú coi thử giúp cho chúng nó làm sao’. Ông Thuyết ở Berlin mới đi xe lửa về Pháp, ngồi nói chuyện một hồi rồi ra đề bài Văn cho ba đứa viết xem sao. Mấy đứa ngồi viết xong, ông đọc rồi cười ngất. ‘Các chú viết thế này thì làm sao mà đi thi được.’ Ông đứng ngồi suy nghĩ, bóp đầu bóp trán, chấp tay sau lưng rồi đi tuốt ra ngoài. Ông đi dạo ở gần công viên Luxembourg. Một hồi ông về, nói: ‘Chuyện này các chú phải cố gắng.’ Mình đáp: ‘Thì tụi tôi qua đây tụi tôi cố gắng chứ sao nữa.’ ‘Các chú viết ra một câu mà sai chính tả, sai văn phạm hết. Các chú viết như vậy khó mà qua được. Giờ chỉ có một cách thôi, là học thuộc lòng.’

Ông nói có một bộ sách Văn. Trong đó có những bài văn người ta làm rồi, đề ra rồi. Cái khung của văn học Pháp nằm trong này. ‘Có khoảng chừng 10 tập thì các chú học thuộc lòng thôi. Học thuộc rồi khi nào họ ra đề đó, nó na ná giống giống như vậy thì cắt dán lại với nhau. Cắt chỗ này lại, chỗ kia lại thì nó thành ra bài văn của mình.’ Ông nói: ‘Tôi đi chấm thi rồi, không có sợ. Không ai nói rằng anh cốp bài người khác, đọc thấy xuôi xuôi là được rồi. Người ta cũng không nghĩ mình học thuộc lòng để làm gì đâu. Tôi chỉ giúp cho các chú về phần viết Văn thôi. Toán, Lí, Hóa là chuyện của các chú, còn cái Văn này tụi lo, được không?’”

Bên Pháp lúc ấy đã cuối tháng ba, đầu tháng bốn rồi, mà tháng sáu phải thi. Ba thanh niên rầm rập ôm mỗi đứa mười mấy cuốn tuyển tập Văn mẫu Phan Thuyết mua cho, mỗi buổi sáng ông Thuyết dạy mấy tiếng. Sáng hôm sau, ông ra đề thi, ba đứa viết đưa ông xem. Từ ông tác giả này tới ông văn hào kia, cứ thế, ngày nào ba đứa cũng học, cũng nhận đề thi, cũng làm đề thi cho Phan Thuyết chấm. Trong khi đó, việc đăng kí thi chú Bùi Thanh lo giúp.

“Phải nói lại là trong quá trình học đuổi lên lớp 12 ở Việt Nam, thì bác Thành học từ lớp sáu, còn Phan Hoàng Định với Trương Đình Lâm đã học lớp tám, lớp chín rồi, cho nên Pháp văn các anh cứng hơn mình, còn mấy thứ khác thì cũng ‘xêm xêm’ nhau thôi. Bên Pháp thi thế này, nếu tháng sáu không đậu thì tháng chín thi lại. Có thể là tháng sáu đi thi thì mình đậu viết mà không đậu vấn đáp, còn nếu không đậu viết thì không thi vấn đáp, tới tháng chín thi viết lại và thi vấn đáp tiếp. Cái đó là bằng trung học một. Tới tháng sáu thi thì các anh kia viết tiếng Pháp giỏi hơn mình, các anh đậu liền. Còn bác Thành cũng vào làm bài, vui lắm, xong rồi đem về cho ông Thuyết coi. Ông coi rồi cười ngất. Hỏi chuyện gì mà chú cười, ông bảo: ‘Kiểu này chú mày chắc chắn thi lại rồi. Mày làm thì hay lắm nhưng mà thiếu một khúc. Cắt dán đủ thứ mà cắt đâu thiếu mất một khúc, không ai hiểu mày nói gì cả.’ Dưới 3 điểm thì không được thi lại vào đợt tháng chín, nhưng từ 3 điểm trở lên thì được thi lại, may ông thầy chấm thi, ông cho mình đúng 3 điểm.” Bác Thành lại cười. “Ông nghĩ có chuyện gì đấy, đánh rớt luôn thì cũng tội cho nên cho đủ 3 điểm để có cơ hội thi lại đợt sau, còn mấy anh kia đã qua phần một. Thế là ba tháng tiếp theo từ tháng sáu tới tháng chín mình bác Thành tới nào cũng ngồi học rồi kiểm tra cùng ông Thuyết. Cuối cùng tới

tháng chín thì mình cũng đậu như ai.”



Bùi Kiến Thành tại Pháp năm 1949

“Ba đưa học chung trường, cùng đi xuống Fontainebleau để học và thi phần hai. Hai anh kia thi dễ dàng lắm. Còn bác Thành hơi xui là đến khi thi thì mình hơi mệt chút nên kì

tháng sáu năm đây mình cũng không có đậu. Trong kì nghỉ hè, bác Thành về học trong trường Louis le Grand, trường trung học lớn bậc nhất của Pháp. Trường này dạy rất tốt, học ở đó khó có thể nào thi trượt. Nhiều đại văn hào, nhà khoa học, lãnh đạo doanh nghiệp, chính trị của Pháp đều học từ trường đó. Học ra thì bác Thành thi như đi chơi. Kì thi thứ hai đó có bài toán cực kì khó. Đề bài không những đưa ra bài toán mà còn cho cả phương pháp để giải nữa vì khó quá sợ học trò không biết làm. Khi mình làm bài, mình giải đúng phương pháp đó, nhưng mình nói thêm phương pháp này chưa hay, tôi sẽ giải bằng một cách khác có lẽ là hay hơn. Và mình đã làm bài theo hai cách khác nhau, vui lắm. Thế là được điểm cao chót vót.”

“Cháu không ngờ bác cũng học hành lận đận vậy.”

“Ừ, mọi thứ mới bắt đầu thôi, từ từ còn nhiều chuyện nữa. Việc học đó cũng vui lắm. Mất năm năm không học hành gì rồi phải học trở lại, qua bên Pháp thì như vậy. Khi mình quyết tâm thì mình sẽ làm được. Khi mình quyết tâm thì hình như có một thế lực siêu nhiên nào đó giúp mình. Qua bên Pháp mà không có ông Thanh nấu cơm cho ăn, nuôi mình như bà vú nuôi, không có ông chú Thuyết từ bên Đức bỏ công việc bên đó về để dạy cho hàng ngày thì không có cách nào thi được. Cho nên mình quyết tâm muốn làm gì, thì có cái vô hình trợ lực, dắt dẫn mình đi tới...”

“Hình như bác bắt đầu có ngã rẽ riêng khỏi nhóm ‘ba chàng ngự lâm pháo thủ’?”

Vuốt mái tóc bạc lơ phơ, Bùi Kiến Thành vui vẻ nói:

“Đúng, từ việc lựa chọn... Mấy anh kia đi học Dược, còn bác Thành thì chuẩn bị đi học Hàng không Vũ trụ. Cũng có lí do của nó. Khi học tại trường ở Fontainebleau để đi thi phần hai đó, một hôm có cuộc hội thảo nói chuyện du hành vũ trụ của ông kĩ sư ở trong nhóm của Wernher von Braun, người sáng tạo ra tên lửa V2 trong Thế chiến thứ hai đó. Mình thấy mê lắm thế nên quyết định học ngành này. Làm sao mà thoát ra khỏi lực hút địa cầu, bay qua các hành tinh khác. Mình thấy cái này vui đó, học cái này đi. Mình cần bỏ ra hai năm học dự bị ở trường Henri IV, một trong những trường lớn của Paris, học Toán, từ ‘mathématiques supérieures’, tức là Toán cao, tới ‘mathématiques spéciales’, Toán đặc biệt, để thi vào ngành đào tạo Kỹ sư. Đang học được khoảng sáu tháng thì ông papa gửi thư qua bảo: ‘Hàng không vũ trụ cũng hay nhưng chưa phải cái dùng ở Việt Nam được. Chú mày chuẩn bị sang Mỹ mà học Kinh tế, sau này có chỗ dùng hơn.’ Mình cũng nghe thôi, mọi thứ ông papa dàn xếp cả. Trường bên Mỹ bắt đầu học vào tháng chín, mà lúc đấy là khoảng tháng một, tháng hai đầu năm. Chuyện đầu tiên là phải học tiếng Anh. Bên Pháp bác học tới Bắc, có hai năm học tiếng Anh vỡ lòng, mới biết chút chút ‘How are you?’”

Bùi Kiến Thành qua Anh học tiếng Anh, đăng kí trường dạy tiếng Anh nổi tiếng nhất là Davis School of English ở London. Qua đấy họ khuyên cậu nên ở trọ nhà một người Anh, như vậy có thể nói tiếng Anh suốt ngày từ ở nhà rồi tới trường. Họ giới thiệu cậu đến một gia đình ở ngoại ô London, có ông bố là hiệu trưởng một trường tiểu học trong thành phố. Hàng ngày, Hai Thành đi học bằng tàu điện ngầm, gọi là hệ thống London Underground. Ông bà chủ nhà có cậu con trai cũng cỡ tuổi Hai Thành, học về kiến trúc, kể đủ chuyện

phẩm cho cậu nghe, hai đứa nói chuyện với nhau vui lắm. Ông thầy đề ý nghe, bao giờ Hai Thành nói cái gì sai thì sửa. Bà má chăm sóc Hai Thành như con cái trong nhà. Trường Davis dạy phát âm làm sao cho chuẩn, chữ ‘war’ khác với chữ ‘were’ như thế nào, hay ‘I go for a walk’, ‘I go to work’ khác nhau ra làm sao. Cái lưỡi thế này thế nọ, họ dạy rất kĩ. Trúng trường nên Hai Thành học cũng nhanh, sáu tháng sau cậu lại xách cặp qua bên Mỹ.

“Nghe bác kể, cháu thấy từ ông nội đến ba má bác đều hết lòng vì sự nghiệp học hành của con. Không biết lần này bác sĩ Tín sắp xếp ra sao mà tài tình thế ạ?”

“Các cháu có biết Đức cha Ngô Đình Thục, anh trai của ông Ngô Đình Diệm không? Ông từng giữ chức Giám quản Tổng Tòa Giáo phận Vĩnh Long, và chức Tổng Giám mục Tổng Giáo phận Huế. Hồi đó, Đức cha Ngô Đình Thục quen ông papa nên ông papa xin Đức cha một suất học bổng cho mình qua bên Mỹ học trường dòng, là trường đào tạo ra các vị cha sứ. Trong trường dạy đủ các ngành, trong đó có cả khoa Kinh tế. Năm đầu tiên, bác Thành đi học nội trú ở Minnesota, là tiểu bang lạnh nhất Mỹ. Trên đó lạnh lắm. Minnesota được mệnh danh là ‘tiểu bang 10 nghìn hồ’. Hơn 10 nghìn cái hồ lớn nhỏ ở trong tỉnh ấy, hồ nào cũng đóng băng hết, có thể đem patin ra chạy chơi ở trên đó, hoặc mấy đứa rủ nhau đào một cái lỗ trên băng rồi thả câu. Cứ thả lưỡi câu xuống là bắt được cá, vì cá dưới đó không có gì ăn. Mỗi ngày phải có xe đi ủi tuyết, có khi tuyết dày tới ba, bốn mét, dọc hai bên đường. Trường ở ngay trong rừng, gọi là Saint John University ở thị trấn Collegeville, Minnesota, là đại học công giáo nổi tiếng lắm.”

“Đây đúng là bước ngoặt ạ. Xém chút nữa thì chúng ta đã có một Đức cha Bùi Kiến Thành, thay vì một chuyên gia tài chính...”

Mấy đứa chúng tôi cười rộ lên, bác Thành cũng cười:

“Chưa biết như thế thì sẽ thế nào, nhưng dòng Benedictine⁽²⁾ của Công giáo cực kì giỏi. Khi ấy bác thường dậy từ năm, sáu giờ sáng, đi lễ, ăn cơm xong rồi đi học, tối về đi lễ tiếp... Một năm ở trường đó bác học đủ thứ kinh điển, và đọc kinh. Khi quen với ông Cha rồi thì mình học có những điều trong Kinh thánh mình không đồng ý, mình cãi với ông. Thí dụ Kinh thánh nói, sinh con là phải rửa tội ngay để nó là con của Chúa, nếu không phải con của Chúa thì nó là ngoại đạo. Ngoại đạo thì phải xuống hỏa ngục. Xuống hỏa ngục rồi thì đời đời kiếp kiếp không thể nào ra được, thế nên nhất thiết phải cho con được rửa tội. Mình đọc cái đó, mình nói: ‘Cha ơi Chúa là gì mà ác vậy? Bố mẹ không biết, không rửa tội cho mình có phải tội của mình đâu. Bố mẹ không rửa tội cho mình mà mình bị đẩy xuống hỏa ngục đời đời kiếp kiếp không ra được là làm sao? Chúa ác lắm, tôi không chịu đâu...’ Hay có chỗ khác nói rằng thành phố Sodom và Gomorrah là thành phố hư hỏng bê bối nên Chúa sai thiên thần xuống diệt hết, không còn một người nào sống sót, trừ gia đình Lot. Chúa báo cho gia đình Lot ngày phải đi ra khỏi thành phố, mà đi thì đi luôn đừng khi nào quay đầu lại. Tới ngày đấy, Lot dẫn vợ con đi. Ra tới một nơi, vợ Lot không nghe lời Chúa quay nhìn lại, bị biến thành một đống muối. Những người khác trong gia đình nhà Lot thì được yên, được Chúa cứu. Tôi nói: ‘Thế này không được Cha ơi. Chúa ác lắm! Tại sao mà đi giết cả một thành phố như vậy? Chúa là người nhân từ, thương người mà nếu người ta có tội thì có

thể xử tội hay bắt người ta chuộc tội chứ sao lại sai thiên thần xuống giết không còn người nào hết như thế này, tôi không chịu đâu...' Mình toàn cãi kiêu đó, nên ông Cha nói, hoặc may có đức tin, hoặc là không có đức tin. Khi đó thì mình nghe thế cũng biết thế thôi."

"Vậy là bác học xong một năm đầu tiên, sau đó thì sao ạ?"

"Học ở đó một năm cũng rất là có ích trong vấn đề hướng thiện. Rồi bác viết thư về cho ông papa nói con học ở trường dòng không hợp, nên muốn đi lựa trường khác. Ông nói, mày ở bên đó mày biết thì mày lựa trường khác đi. Khi đó bác nói, tôi phải lựa cái trường nào số một thì tôi mới học. Hồi đó Mỹ có mấy trường lớn là Harvard, Columbia, Princeton, Yale, Cornell... Mình lựa Columbia vì nó ở ngay New York, còn Harvard ở tận Boston. Đó là trường dạy cho mấy ông chủ như Obama, hay là Warrent Buffet, nhiều lắm... Harvard thì dạy cho mấy anh CEO, quản lí tốt, nhưng không phải dạy làm ông chủ. Vào Columbia thì có lợi thế là mình học với những người sau này sẽ lãnh đạo hoặc có ảnh hưởng rất lớn, ra làm việc gì cũng dễ. Nhưng lí do chọn trường này bắt nguồn từ trước đây.

Hồi ở trong Chợ Lớn, bác suy nghĩ mãi không biết sau này làm gì, ngồi trầm tư mặc tưởng xem cái gì thú vị nhất. Hồi đó chưa biết gì về hàng không vũ trụ. Lâu lâu ông papa giao cho bác đi nộp tiền ở ngân hàng. Bạn ông là ông Nguyễn Thành Lập làm chủ Ngân hàng Việt Nam trong Sài Gòn, là ngân hàng đầu tiên do người Việt Nam thành lập ở nước mình. Hàng tuần mình mang tiền nhà thuốc tới nộp. Thế mình mới nói Ô-rê-ka, trúng rồi, mình học ngân hàng. Mình nghĩ rất vui, ai cần tiền thì mình cho vay hoặc mình giúp cho phát triển thay vì mình đi làm, thế là mình khỏe. Đi kinh doanh cái này cái kia như ông papa cũng mệt mỏi lắm. Rồi Minnesota xuống Columbia, nguyên thành phố tài chính đây có rất nhiều ngân hàng."

Đây là lúc Hai Thành chính thức bước vào cái "nghiep" của đời mình, cũng là thời điểm ông trở nên thân thiết với Ngô Đình Diệm, một trong những nhân vật ảnh hưởng lớn trên vũ đài chính trị Việt Nam thế kỷ XX, đồng thời ảnh hưởng lớn đến cuộc đời Hai Thành sau này.



GIỮA SÓNG GIÓ

Thời đại

Việt Nam thắng Tây là sướng

Đột đó trời rét đậm, mấy bác cháu khoác áo bông to sụ như những chú gấu. Sáu rười rối, những tia nắng hiem hơi tắt hẳn. Bác Thành đã nói chuyện với chúng tôi hai giờ đồng hồ liên tục sau một ngày làm việc miệt mài. Tôi nhắc bác nghỉ sớm thì bác bảo: “Nốt câu chuyện với các cháu, lát nữa bác chạy qua bên đài truyền hình luôn. Tôi nay họ mời bác tới làm chương trình đàm thoại về vấn đề nợ xấu đấy.”

Vâng, nợ xấu, một vấn đề cực kỳ nóng hổi của nền kinh tế Việt Nam. Còn bây giờ thì chúng tôi nói đến một con người với những dấu ấn đặc biệt trong chuỗi ký ức của bác, đó là Ngô Đình Diệm.

Sinh năm 1901 tại Huế, Ngô Đình Diệm hơn Bùi Kiến Thành tròn 30 tuổi. Ông xuất thân từ một gia đình quan lại có truyền thống theo Công giáo gốc ở làng Đại Phong, xã Phong Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình. Cha của Ngô Đình Diệm là Ngô Đình Khả, được biết đến như một vị khoa bảng xuất chúng hấp thụ cả hai nền giáo dục Đông - Tây, một vị quan thanh liêm, chính trực. Chính Ngô Đình Khả đã sáng lập nên trường Quốc học Huế mà Bùi Kiến Tín có thời gian theo học khi còn mang tên khai sinh Bùi Thứ. Đức cha Ngô Đình Thục mà câu chuyện đề cập ở phần trên là con thứ hai của Ngô Đình Khả, kế đến là Ngô Đình Diệm. Thuở thiếu thời, Diệm còn được tận tình dạy bảo bởi vị đại thần đức độ Nguyễn Hữu Bài, người dám công khai chống đối việc thực dân Pháp muốn đào mộ vua Tự Đức để lấy của cải. Với trí tuệ xuất chúng và tinh thần ái quốc, Diệm đỗ đạt và tham gia chính trường từ rất sớm. Năm 1921, ông nhận chức tri huyện khi mới 20 tuổi. Năm 1933, ông được bổ nhiệm chức thượng thư Bộ Lại dưới thời Bảo Đại, là vị Thượng thư trẻ nhất của triều Nguyễn lúc bấy giờ. Nhưng ngay cùng năm này, ông đệ đơn từ chức sau khi một loạt kế sách canh tân của mình không được Toàn quyền Đông Dương Pierre Pasquier chấp thuận...

Cuộc đời của Ngô Đình Diệm tiếp tục trải qua nhiều thăng trầm. Từ năm 1933 đến năm 1950, có những giai đoạn ông bị truy đuổi, bị bắt bởi thực dân Pháp hay Việt Minh. Gia đình bác sĩ Tín từng giúp đỡ ông, tạo nên mối quan hệ thân tình. Năm 1950, ông đi Vatican, qua Nhật rồi sang Mỹ lưu trú.

“Ông gọi đó là cách ‘tìm đường cứu nước’ của mình. Ông không có tiền, nên đến ở nhờ trong viện tu sĩ Maryknoll của mấy bà xơ bên New Jersey, cách New York khoảng một tiếng đồng hồ xe lửa và tàu điện ngầm. Ông cũng không cần tiền tiêu xài gì cả. Mà tội nghiệp lắm, ông muốn đi chụp hình, nhưng không có máy ảnh. Ông Cha Trần Văn Kiện có cái máy ảnh tốt lắm, thấy ông này thích chụp hình thì cho mượn, về kiểm cuộn phim rồi đi chụp.”

“Bác và Ngô Đình Diệm bắt đầu gặp gỡ nhau vào thời gian nào ạ?”

“Bác Thành có một người bạn tên là Bùi Công Văn, là biên tập viên, phát thanh viên của

Đài Tiếng nói Hoa Kỳ ở New York. Anh rủ bác Thành qua chơi và gặp ông Diệm ở nhà anh. Thứ Bảy nào ông Diệm cũng từ Maryknoll qua thăm gia đình anh Văn. Ông thường đi xe lửa và tàu điện ngầm, lúc nào cũng mặc một bộ đồ cũ với cái cà vạt màu nâu. Anh chị Văn có hai cô con gái, một cậu con trai. Chị Văn làm bữa cho mọi người, mấy anh em ngồi nói chuyện. Ông Diệm nói chuyện thì nhiều lắm. Tối thứ bảy, ông nói cho tới tờ mờ sáng hôm sau, ông cứ tiếp tục nói mà mình thì buồn ngủ ới là buồn ngủ, nghe tiếng được tiếng không. Mà ông với anh Văn hút thuốc không thể tưởng tượng được, vài ngày cuối tuần hút nguyên bịch thuốc Lucky vậy đó. À mà thật ra ông chẳng hút gì. Ông hút hút rồi chấm chấm đầu điều thuốc xuống, như cái tạt quen vậy. Ông hít một cái xong rồi chấm chấm chấm, một đêm đốt hết ba, bốn bao.”

“Rốt cục ông Diệm vẫn không ngủ ả?”

“Hai, ba giờ sáng anh Văn giục đi ngủ, sáu giờ sáng ông Diệm đã dậy đi lễ ở nhà thờ gần đó. Ông Diệm đi lễ về, chị Văn nấu phở cho ăn rồi ông lại nói chuyện tiếp, tới trưa lại ăn trưa rồi lại nói chuyện...”

“Mọi người nói những chuyện gì vậy bác?”

“Đủ chuyện trên trời dưới đất. Việt Nam ra sao, trước khi Tây đến ra làm sao, thời kì Tây ra làm sao. Ông Diệm luôn muốn có nhiều chủ quyền hơn cho Việt Nam, từ Tuần vũ tỉnh Phan Thiết (nay là Bình Thuận) lên làm Thượng thư Bộ Lại⁽¹⁾, ông đã cố gắng tạo ra thể độc lập hơn cho vua Nguyễn, cho Nam Triều trong quan hệ với Pháp nhưng Pháp gạt hết. Ông chính là vị thượng thư đầu tiên trong lịch sử Việt Nam treo ấn từ quan... Ông thao thao bất tuyệt. Rồi có khi cần thì ông nói anh Thành viết giùm tôi cái này cái kia. Ví dụ, ông bảo anh Thành nghiên cứu giúp tôi về cộng đồng chung Commonwealth của Anh, nó khác với cái cộng đồng French Union của Pháp như thế nào. Rồi nghiên cứu về Das Kapital hay Communist Manifesto, mình gọi là Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản đó. Qua lại nhà anh Bùi Công Văn còn nhiều người bạn khác, mấy anh em học ở Cornell, ở Yale, nhiều anh sau này làm lớn.



Ngô Đình Diệm trong một cuộc tiếp xúc với các nhân vật chính trị Mỹ (Nguồn: Võ Nguyên Giáp - Georges Boudarel)

Khi ông Diệm đi hội thảo ở đâu, ông nói anh nào đi cùng với tôi, thì có thể làm thư kí viết bài để tôi phát biểu. Một lần ông dự hội thảo ở Cleveland, chủ đề nói về Á châu, ông nói bữa nay anh Thành đi với tôi đi. Ngồi trên xe lửa, ông nói đủ chuyện. Mình đã mệt chết,

một nhòai rồi, ngòì bên thì ông cứ hút thuốc sáng đêm rồi ông nói. Ông nói trắng đêm mà mình có nghe thấy gì đâu, lâu lâu mở mắt ra thấy cái điều thuốc đỏ đỏ.” Bùi Kiến Thành cười khoái chí. “Về New York rồi thì mình về trường, ông qua bên New Jersey. Ông có rất nhiều ý tưởng, dự án trong đầu. Ông nói về vấn đề cộng sản thế nào, quan hệ với ông Hồ Chí Minh ra làm sao, vui lắm. Ở bên ông như vậy gần hai năm trời, mình học được rất là nhiều thứ.”

“Cháu được biết sau đó ông ấy qua Pháp?”

“Khoảng năm 1953 đó... Tình hình chính trường Việt Nam thay đổi. Bảo Đại đang bên Pháp, muốn giao cho ông Diệm làm Thủ tướng ở Sài Gòn, vị trí vốn đang được hoàng thân Bửu Lộc đảm nhiệm. Sau ngày ông Ngô Đình Diệm về bên Pháp thì bác Thành với ông không quan hệ thường xuyên nữa. Nhưng mà tội lắm, ông không có một xu dính túi. Hôm anh em tiễn ông ra sân bay, bác Thành thấy cái cà vạt của ông cũ quá thì chạy đi tìm mua cho cái cà vạt mới.”

“Ngô Đình Diệm từng từ chối chức vụ từ Bảo Đại và cả Việt Minh⁽²⁾, lần này thì thế nào ạ?”

“Bên Pháp, ông có em trai là Ngô Đình Luyện. Khi còn nhỏ Hoàng triều gửi Bảo Đại sang Pháp học, gửi cho một ông Toàn quyền tên là Charles. Tình cờ khi ấy gia đình ông Diệm cũng gửi Ngô Đình Luyện sang Pháp và cũng gửi đúng ông Charles đó. Luyện và Bảo Đại xấp xỉ tuổi nhau, chơi chung học chung suốt ngày trong công viên. Với Bảo Đại, ông Diệm là bề tôi còn Luyện là bạn. Đại thần hay khách Pháp tới gặp Bảo Đại đều phải tung hô ‘Sa Majesté’, tức là “Bệ hạ”, còn Luyện cứ ‘mời’ với ‘toi’, ‘mày tao’ thoải mái. Nếu ông Diệm có gì cần làm việc, liên lạc hay nói với cựu hoàng thì Luyện đi, nói chuyện dễ hơn.”

Những năm 1970, 1971, Bùi Kiến Thành qua Pháp có gặp lại Ngô Đình Luyện. Khi đó Bùi Kiến Thành đang kinh doanh phát triển nhà đất ở miền Nam nước Pháp, nơi làm việc cách nhà hơn 1000 cây số, cứ chiều thứ sáu lại lấy vé tàu về Paris rồi chiều chủ nhật quay lại nơi làm việc. Đi buổi tối thì sáng đến nơi, ngủ một đêm trên xe lửa. Thấy Luyện không làm gì, Thành liền rủ Luyện giúp làm kỹ sư nhà đất ở dưới miền Nam nước Pháp cho đỡ buồn. Luyện vốn là kỹ sư trường École Centrale. Thành giao cho Luyện vẽ đường xá, tính toán về vấn đề chia lô đất. Hai người ở cùng nhau tại thành phố Hyeres, khi xưa là nơi nghỉ đông của Hoàng gia Anh. Nữ hoàng Victoria thế kỷ XVIII cứ mùa đông lại đến đây nghỉ ngơi, do đó thành phố này rất nổi tiếng. Họ thuê căn nhà số 20 Avenue des Iles d’Or, vô tình chính là căn nhà mà Napoléon Bonaparte từng ở. Khi ở chung, Luyện mới kể chuyện năm 1953 Ngô Đình Diệm về Pháp...

Bác Thành thuật lại với chúng tôi:

“Đầu năm 1954, thấy tình hình Pháp thất thế, Cộng sản sắp làm chủ cả Việt Nam, Bảo Đại nản chí lắm, mới hỏi xem ý gia đình Ngô Đình Luyện thế nào. Cha của Ngô Đình Luyện là Ngô Đình Khả từng làm Thượng thư triều đình nhà Nguyễn kiêm phụ đạo đại thần và cũng là cố vấn của vua Thành Thái. Ngô Đình Luyện nói với Bảo Đại: ‘Mày làm Quốc

trường không tới nơi tới chốn gì, mày tính xem có làm được không thì tui tao làm giúp cho.’ Luyện về bàn với ông Diệm. Ông Diệm nói: ‘Công của Cộng sản trong việc giải phóng đất nước rất lớn nhưng lí tưởng của họ không phù hợp với dân Việt Nam mình nên mình phải có phận sự thôi. Giai đoạn đầu Tây, Cộng sản đã hi sinh nhiều để giải phóng đất nước, giờ mình cần phải xây dựng đất nước, quan hệ tốt với châu Âu, châu Mỹ và nước ngoài. Hồ Chí Minh từng có ý tưởng như thế khoảng năm 1945 nhưng chưa làm được. Không đến nỗi tuyệt vọng đâu. Nếu Quốc trưởng muốn mình làm mình sẽ phải cố gắng, mình sẽ làm.’

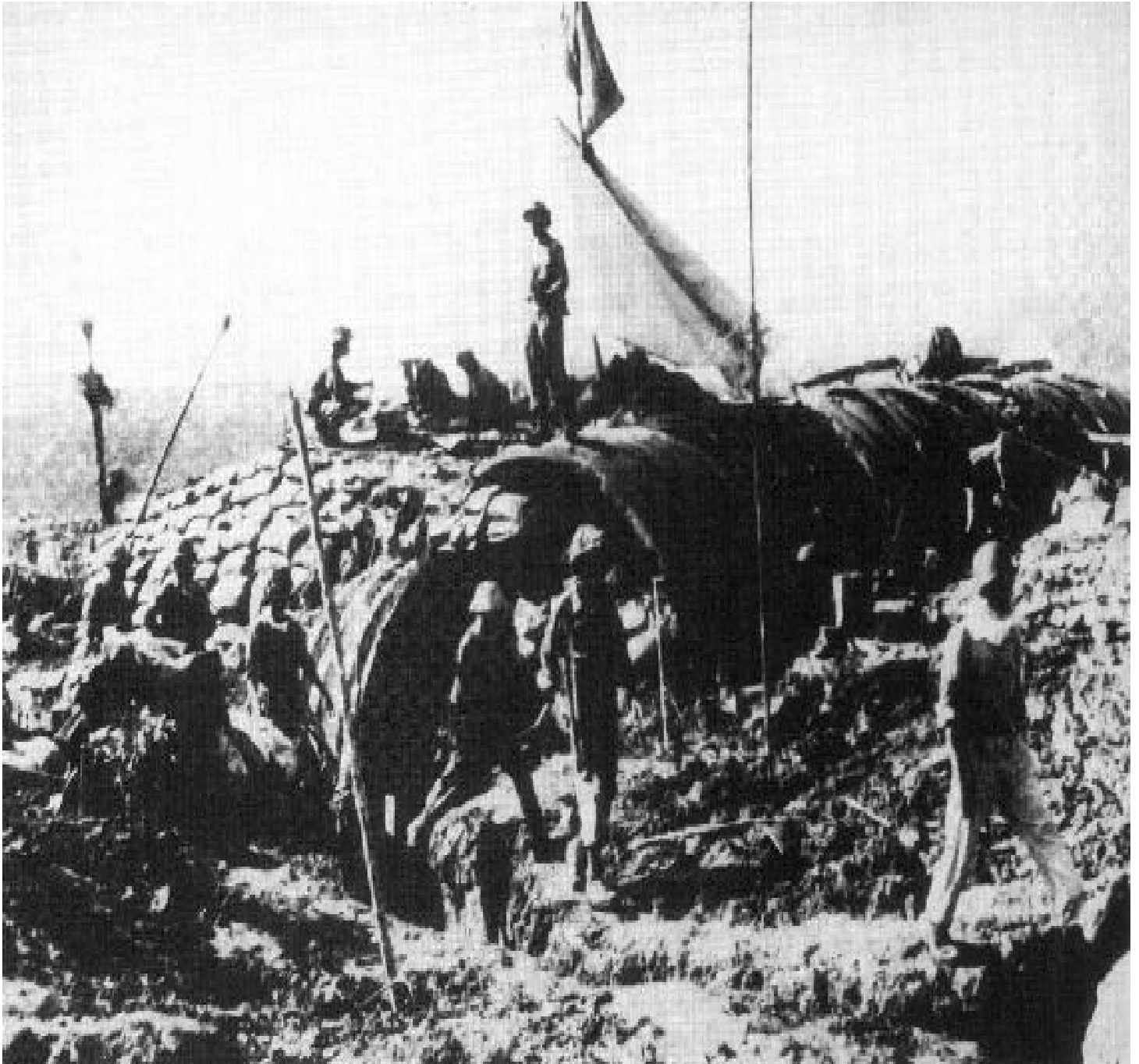
Ngô Đình Luyện bèn qua nói lại với Bảo Đại: ‘Nếu mày thấy bên Hoàng gia của mày không lãnh đạo được thì để tui tao làm, nhưng mày phải cam kết là cho chúng tao toàn quyền. Mày phải hứa là giao toàn quyền cho anh tao và không bao giờ thay đổi ý kiến.’ Khi ấy Ngô Đình Nhu, em trai Ngô Đình Diệm ở Sài Gòn đã lập ra và làm chủ bút tờ báo tên là Xã hội. Tháng 5 năm 1954, sau khi Võ Nguyên Giáp đánh thắng Điện Biên Phủ, bao nhiêu lực lượng của Pháp tan vỡ hết. Phía Quốc gia Việt Nam có một vài sĩ quan do Pháp đào tạo nhưng quân đội Quốc gia Việt Nam không có gì. Ngô Đình Luyện điện về hỏi Ngô Đình Nhu. Nhu bảo: ‘Theo tôi suy nghĩ thì vấn đề cản đường Cộng sản khi nước cờ đang lên thế này rất khó, nhưng tùy anh thôi, nếu anh thấy vì thiên mệnh của đất nước mà muốn dấn thân thì tôi vẫn sẽ lo.’ Cuối cùng Bảo Đại quyết định cử Ngô Đình Diệm làm Thủ tướng.”

Bác Thành tiếp tục câu chuyện: “Ông cụ Diệm có sẵn một số nhân sĩ ủng hộ từ trước bao gồm nhân sĩ miền Trung, miền Bắc nhưng không có nhân sĩ miền Nam. Không ai ở miền Nam biết đến ông. Ông móc nối với một số nhân sĩ miền Nam trên tinh thần còn nước còn tát, cố gắng làm sao để giữ được nền độc lập.”

Ngày 7/7/1954, Ngô Đình Diệm chính thức về làm Thủ tướng Quốc gia Việt Nam, ở Dinh Gia Long, Dinh Độc Lập tới tháng 9 năm 1954 Pháp mới trao trả. Khi ấy ở Sài Gòn, quân đội Quốc gia Việt Nam hoàn toàn dưới sự chỉ huy của quân đội Pháp. “Đứng đầu quân đội Quốc gia là Trung tướng Nguyễn Văn Hinh, rất đẹp trai. Ông là con của Nguyễn Văn Tâm, một trong số những người Việt Nam đầu tiên được đào tạo làm phi công máy bay ở Pháp. Cùng với Hinh, Pháp xây dựng một số anh sĩ quan, phần lớn là dân Pháp, như Trần Văn Đôn. Hồi đó trong Nam, tất cả dân Nam kì đều quốc tịch Pháp, những anh có máu mặt một chút thì được đi học trường Pháp và được đào tạo thành sĩ quan của quân đội Quốc gia Việt Nam. Quân sự hoàn toàn trong tay người Pháp. Ngô Đình Diệm về Sài Gòn làm Thủ tướng mà không có quân đội, chỉ có 27 sĩ quan đi theo từ khi xưa. Mặt khác, cảnh sát lại do phe gọi là Bình Xuyên của Lê Văn Viễn, đóng quân trong Rừng Sác, nổi tiếng chuyên ăn cướp, chỉ huy. Khi Diệm về thì Bình Xuyên điều khiển tổng nha cảnh sát, được Pháp giao cho đi buôn băng phiến, tổ chức cờ bạc, mại dâm, đủ thứ. Bình Xuyên nắm cảnh sát, Pháp nắm quân đội. Như vậy Ngô Đình Diệm làm Thủ tướng mà không có quân đội, không có cảnh sát. Làm sao để từ từ nắm lại quân đội, cảnh sát? Đó là cả một công trình.”

Sau khi nhậm chức, Ngô Đình Diệm thành lập nội các, trong đó bác sĩ Tín được cử làm Bộ trưởng Bộ Thông tin. Thời điểm này, Bùi Kiến Thành vừa tốt nghiệp trường Columbia. Ông ở cùng phòng với Nguyễn Nhân, luôn theo dõi tình hình ở nhà. Khi nghe tin Võ Nguyên Giáp thắng trận Điện Biên Phủ thì mọi người thấy rất vui sướng và mua nước ngọt

về ăn mừng với nhau. Không quan tâm đến chính trị, chỉ biết Việt Nam thắng Tây là họ sướng thôi. Trước đó, Ngô Đình Diệm cử Trần Văn Đỗ thay thế Nguyễn Quốc Định làm Trưởng phái đoàn Quốc gia Việt Nam đi thương lượng ở Genève, chủ trương không chấp nhận chia cắt, khước từ kí kết vào bất cứ thỏa ước ngừng bắn nào giữa Việt Minh và Pháp. Phía Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, cử đại diện là Phạm Văn Đồng, bạn cũ của Trần Văn Đỗ. Pháp vẫn yêu cầu tạm thời chia cắt Việt Nam trong thời gian hai năm sẽ tổ chức trưng cầu dân ý cho toàn miền Bắc và miền Nam để quyết định xem Việt Nam sẽ giải quyết vấn đề chính trị nội bộ như thế nào, lựa chọn chế độ nào. Trần Văn Đỗ chỉ trích Chính phủ Pháp khi tự ấn định thời gian tổng tuyển cử mà không hề thảo luận riêng với phái đoàn Quốc gia Việt Nam.



Cờ Việt Nam phấp phới trên nóc hầm tướng De Castries (Nguồn: Võ Nguyên Giáp - Georges Boudarel)

Hiệp định Genève sẽ được kí vào ngày 20/7/1954, phân chia Việt Nam từ vĩ tuyến 17, thực chất chỉ là một hiệp định đình chiến. Bùi Kiến Thành không định về nước mà lên Đại

học Cornell xin việc làm, được giao nghiên cứu về vấn đề nông sản. Đang lúc đó, Ngô Đình Diệm đánh điện qua Đại sứ quán ở Washington đặt vấn đề về mối quan tâm đến việc Việt Nam bị chia cắt, giao cho Bùi Kiến Thành nhiệm vụ tập hợp anh em bên Mỹ có ý kiến phản đối Hiệp định Genève. Những người hăng hái tổ chức là Huỳnh Văn Lang, Đỗ Trọng Chu, Đỗ Vạng Lý⁽³⁾... Mọi người quyết định đi biểu tình trước Liên Hợp Quốc phản đối chia cắt Việt Nam vào ngày 19, một ngày trước khi Hiệp định được kí.

“Chuyện này rất hay, tại sao bác Thành nhớ chính xác ngày mấy anh em dẫn nhau đi biểu tình trước Liên Hợp Quốc? Vì khi bác Thành học ở Columbia thì quen một cô bạn người Hà Nội qua Mỹ năm 1949 học về phát triển giáo dục bên Cornell. Cuối cùng, cô ấy nhất định đòi cưới mình, mình thì chưa biết gì. Một hôm bác lái xe tám tiếng đồng hồ từ New York lên Cornell chơi. Cô bạn đưa bác đến cửa tiệm nữ trang, bảo cậu mua nhẫn đính hôn cho mình đi. Bác mới 23 tuổi, chả biết gì, cũng nghe theo. Thế là tự nhiên mua nhẫn đính hôn, rồi định ngày cưới. Bác Thành đang đi bàn chuyện biểu tình, còn cô lo tổ chức lễ cưới. Đến ngày 17, bác Thành lên trường Cornell dàn xếp để 18 cưới nhau, cũng mời bạn bè đến ăn uống chúc mừng. Ba, bốn giờ chiều làm lễ cưới xong thì sáu giờ bác cùng cô và các bạn đi xe buýt từ Cornell về New York chuẩn bị biểu tình. Không có tân hôn gì hết. Ngày 19 tổ chức biểu tình trước Liên Hợp Quốc, bà vợ cũng đi theo tham gia, đi đâu bà cũng đi theo. Đến ngày 20 thì xuống Washington biểu tình trước Nhà Trắng. Lần đầu tiên có một đám thanh niên Việt Nam đi biểu tình ở Mỹ về vấn đề chính trị. Bao nhiêu đài báo quốc tế đưa tin vì lúc đó thời sự đang nóng vụ Genève.”

“Sự kiện lịch sử gắn liền với việc bác Thành cưới vợ hỏa tốc.” Tôi đùa.

“Mọi thứ cuốn băng băng như vậy. Biểu tình xong bác Thành trở lại Cornell để tiếp tục nghiên cứu về phân phối nông sản thì bố Tín gọi điện qua, nhờ Sứ quán chuyển thông báo của Bộ Thông tin, rằng Thành và các bạn chuẩn bị về Việt Nam làm việc giúp nước. Thủ tướng Diệm và Bộ trưởng Bộ Thông tin, khi ấy là bố Tín, giao cho bác Thành nhiệm vụ tập hợp anh em. Cuối cùng có sáu người, là bác Thành với Huỳnh Văn Lang, Đỗ Trọng Chu, Du Phước Long, Nguyễn Thái, Đỗ Vạng Lý về nước. Ngày 19 tháng 8, đang họp cựu sinh viên công giáo ở Chicago thì cả đám nhận được tin nhắn là phải về gấp. Về bằng cách nào? Hội sinh viên công giáo ở Chicago thuê giúp một máy bay riêng từ Chicago về Washington, yêu cầu ông Đại sứ Trần Văn Chương, bố vợ Ngô Đình Nhu chuẩn bị cho sáu vé máy bay để về Việt Nam.”

Từ đây bắt đầu một thời kì khó quên trong cuộc đời Bùi Kiến Thành, một bước ngoặt lớn đặt chàng trai thích lãng du vào vị trí một chính khách trong hoàn cảnh chính trị xã hội diễn biến phức tạp.

Chính khách trẻ nhất ra vào Dinh Gia Long

Tháng 5 năm 1954, chiến thắng Điện Biên Phủ là đòn kết liễu chí mạng cho sự hiện diện của thực dân Pháp tại Đông Dương, buộc Pháp phải rút quân. Ngày 4/6/1954, Pháp đã kí một Hiệp định với Quốc gia Việt Nam công nhận Quốc gia Việt Nam hoàn toàn độc lập. Tại Genève sau đó, Pháp và các nước cam kết tôn trọng độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia. Sông Bến Hải, vĩ tuyến 17, được dùng làm giới tuyến quân sự tạm thời chia Việt Nam làm hai vùng tập kết quân sự. Chính quyền và quân đội Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tập trung về miền Bắc; chính quyền và quân đội khối Liên hiệp Pháp tập trung về miền Nam. Tuyên bố cuối cùng ngày 21/7/1954 cho biết cuộc tổng tuyển cử tự do trên toàn lãnh thổ Việt Nam dự kiến sẽ diễn ra vào tháng 7 năm 1956. Sau ngày Hiệp định Genève được kí kết, Thủ tướng Quốc gia Việt Nam Ngô Đình Diệm phát biểu từ chối cuộc tổng tuyển cử nói trên, bác bỏ ngay cả những thảo luận sơ khởi với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa về vấn đề tuyển cử thống nhất Việt Nam.

“Khi ông Thủ tướng Diệm về làm việc cho tới suốt thời gian ông ấy chấn chỉnh lại thì quân đội hoàn toàn dưới sự chỉ đạo của Chính phủ Pháp, do Pháp trả lương. Cảnh sát do Bình Xuyên chỉ đạo, mà Bình Xuyên là một cái đám ăn cướp, dĩ điểm, đánh bạc... cũng do Pháp trả lương luôn. Vậy ai là người giúp cho ông Thủ tướng không tiền, không cảnh sát, không quân đội, người phải chịu trách nhiệm toàn bộ miền Nam, phải di một triệu dân từ bắc vào nam?” Bùi Kiến Thành chậm rãi kể, cặp mắt mông lung nhìn ra phía trước như thể có một bức tranh khổng lồ đang dần hiện ra.

“Có những chuyện mà sử sách chưa ai nói đến... Người ta cứ tưởng Mỹ đưa ông Diệm về, nhưng không, chính Bảo Đại đưa ông Diệm về và ông chấp nhận những rủi ro. Ông coi đây là cơ hội cuối cùng của mình. Đại sứ đặc quyền của Tổng thống Mỹ Eisenhower tại Việt Nam cho đến cuối năm 1954 là Donald R. Heath không hề ủng hộ chính thể Ngô Đình Diệm. Người kế nhiệm là Joseph Lawton Collins lại là bạn thân của Đại tướng Paul Ely, Cao ủy Pháp tại Đông Dương, tức là còn lớn hơn cả Toàn quyền. Cho nên Collins cũng thân Pháp. Tuy nhiên, có một nhân vật là Đại tá Edward Lansdale, Trưởng phái bộ quân sự Mỹ ở Sài Gòn. Ông này có kinh nghiệm giúp Tổng thống Magsaysay của Philippines giải quyết một số vấn đề nội bộ khủng hoảng. Ông đi khắp nơi để nghiên cứu tình hình quân sự Việt Nam, thấy rằng nếu Mỹ muốn quan tâm đến vấn đề ở Việt Nam thì phải ủng hộ Chính phủ hợp pháp của ông Diệm. Đại tá Lansdale còn có quan hệ với Cục Tình báo Trung ương CIA. Tổng Cục trưởng CIA, Allen Dulles, là em trai của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao John Foster Dulles, nhân vật đứng thứ ba trong Chính phủ Mỹ chỉ sau Tổng thống và Chủ tịch Quốc hội. Họ có cách riêng để nghiên cứu tình hình và báo cáo về, không phải theo chỉ đạo của Đại sứ. CIA cử Paul Harwood ngầm lấy thông tin từ các nhân sĩ ở Sài Gòn, trong đó có Ngô Đình Nhu. Giáo sư Wesley Fishel là người móc nối Lansdale cho ông Diệm chứ không phải tự nhiên Lansdale từ Philippines qua Việt Nam giúp ông Diệm. Wesley Fishel quen ông

Diệm bên Tokyo khi đang làm trong văn phòng tướng Douglas MacArthur⁽¹⁾. Fishel rất đặc lực nhưng lại không hề ồn ào.”

Tôi xoay xoay tách trà. Hương trà thơm khe khẽ theo làn khói bay lên làm không gian ấm cúng hơn.

“Theo bác, lí do gì mà Chính phủ Mỹ lại ủng hộ Ngô Đình Diệm?”

“Tuy rằng trong những năm 1951 - 1952 ông Diệm có tiếp xúc với một số nhân sĩ Mỹ như Hồng y Spellman, thẩm phán Tối cao Pháp viện William Orville Douglas, Thượng nghị sĩ Mike Mansfield... nhưng lúc đó Chính phủ Mỹ chưa biết ông Diệm là ai. Mỹ muốn can thiệp vào Việt Nam thì phải giúp Quốc trưởng Bảo Đại và những người do Bảo Đại bổ nhiệm, vì ông là quyền lực tối cao. Nhưng Bảo Đại không quan tâm tới chủ quyền Việt Nam, từ năm 1949 khi ông ấy làm Quốc trưởng cho đến năm 1954, ông ấy để mặc cho Pháp chỉ đạo tất cả. Ở Sài Gòn, ông chơi với Bình Xuyên. Máy cái sòng bạc lớn Đại Thế Giới, Kim Chung mỗi tháng thu được bao nhiêu thì chia cho Bảo Đại. Bao nhiêu tiền kiếm được từ tệ nạn, bê bối thì đều chia cho Bảo Đại. Mỹ bắt đầu nhìn nhận ông Diệm từ những báo cáo về mấy hoạt động hồi nãy bác kể. Nhân sĩ Việt Nam cũng năm, bảy phe. Khi ông Diệm nhậm chức thì chỉ có một đám nhân sĩ với 27 anh sĩ quan theo ông.”

“Và chàng trai trẻ Bùi Kiến Thành đã trở thành chính khách trong Chính phủ Ngô Đình Diệm trong hoàn cảnh đó ạ?”

“Mình về Sài Gòn ngày 23 tháng 8 khi ông Diệm làm Thủ tướng được hơn một tháng. Võ Văn Hải, thư kí của ông Diệm khi ấy bảo, ông làm Thủ tướng mà chả có ai nên yêu cầu mấy người về làm ban nghiên cứu cho ông. Ông Diệm gửi xe ra sân bay Tân Sơn Nhất đón sáu thằng về. Đúng giờ trưa, ông mời cả mấy người ăn cơm cùng hai, ba ông tổng trưởng, bộ trưởng nữa. Trong số đó có ông Phạm Duy Khiêm⁽²⁾, một nhân sĩ, học giả tốt nghiệp trường Sư phạm École Normale Supérieure - là trường đào tạo nhiều học giả tại Pháp. Ông là bạn học của Georges Pompidou, người sau này làm Thủ tướng, rồi Tổng thống Pháp, cũng như Léopold Sédar Senghor, người sau này làm Tổng thống Senegal. Nói chuyện thân tình thôi, ông Diệm bảo: ‘Các anh về đây vui quá. Cố gắng giúp tôi!’ Bàn về chiến lược, ban đầu sáu thằng sẽ thành nhóm làm việc, kiểu như ban cố vấn đặc biệt cho Thủ tướng, nhưng ông nghĩ sao lại bảo mỗi anh vào một bộ để nắm bắt tình hình. Dư Phước Long không thích nên sau đó xin đi làm Tham vụ Văn hóa Tòa Đại sứ ở Washington. Còn năm thằng, Huỳnh Văn Lang làm ở Bộ Tài chính, Đỗ Trọng Chu làm ở Bộ Ngoại giao, Nguyễn Thái làm ở cơ quan Thông tấn xã, Đỗ Vạng Lý làm ở Bộ Ngoại giao. Bùi Kiến Thành trẻ nhất thì ở cạnh ông Diệm.”

“Những việc bác giúp ông Diệm giai đoạn này là gì?” Thanh Huyền hỏi, tay không ngừng ghi chép vào cuốn sổ nhỏ.

“Ngày đêm bác Thành ở cạnh ông Diệm, mỗi lần ông tiếp các nhân vật lớn của bên Mỹ như Bộ trưởng Bộ Ngoại giao John Foster Dulles, Trưởng phái bộ quân sự Mỹ ở Sài Gòn, Trung tướng O’ Daniel, Đại sứ Joseph Lawton Collins... thường gọi bác ra làm phiên dịch.

Ông Diệm nói được tiếng Anh nhưng không muốn nói vì cần thời gian suy nghĩ, và nguyên tắc ngoại giao là người dịch có thể nói sai, sau đó nếu có thông cáo gì chưa đồng ý thì có thể sửa được. Ông nói trực tiếp thì không sửa được. Về vấn đề di tản hơn 900 ngàn đồng bào từ bắc vào nam, ông Diệm đi đâu bác Thành cũng phải đi theo, nhất là khi đi đón những người di cư xuống tàu để người ta thấy sự quan tâm. Nhiều người như thế mà trong ngân khố không có tiền, do đó phải đi thương lượng để Mỹ cấp tiền. Khi đó có Ủy ban Cứu trợ Quốc tế IRC (International Rescue Committee) và cơ quan cứu trợ của Công giáo, vì hơn 50% dân di tản là người Công giáo. Đó là ‘cuộc di dân vĩ đại’, tầm cỡ thế giới, di dân chống Cộng sản nên chính phủ Mỹ ủng hộ hết mình. Mấy anh làm truyền thông của Mỹ rĩ tai bảo anh nhớ đưa hình Thủ tướng, ví dụ hình Thủ tướng bế đứa bé di cư nè...”

Khi Diệm về làm Thủ tướng thì Ngô Đình Nhu còn ở trọ trong bệnh viện của Đức cha Thực. Gọi là bệnh viện nhưng rất nhỏ, chưa tới 100 giường, ông bà Nhu ở hai căn trong một dãy nhà phụ của viện. Mỗi khi cần, ông Diệm kêu Thành tới bảo Nhu ra bàn chút chuyện. Một thời gian sau Ngô Đình Nhu mới vào ở chung dinh Gia Long. Mỗi lần có chuyện gì quan trọng thì Thủ tướng lại kêu Nhu, bác sĩ Tín qua và có cả Bùi Kiến Thành ngồi đấy, bốn người bàn chuyện đại sự, hết chuyện này đến chuyện khác. Cuối cùng, Ngô Đình Diệm bảo Bùi Kiến Thành thỉnh thoảng qua Bộ Thông tin giúp bác sĩ Tín, làm quan hệ và thông tin cho tốt để người ta biết tình hình Việt Nam, đồng thời giúp ông Nhu quan hệ với những phái đoàn đặc biệt của Mỹ cử qua để liên lạc trực tiếp với Tổng thống Mỹ mà không qua sứ quán, vì sứ quán khi đó thân thiết với Pháp.

“Thủ tướng Diệm nói gì thì ông Nhu thực hiện. Ông Diệm, ông Nhu, bác sĩ Tín ngồi đấy thì bác Thành theo dõi tình hình, có gì trợ giúp. Như vậy là bác Thành một chón ba nơi, khi thì trợ lý cho Thủ tướng, khi thì trợ lý cho ông Nhu, khi thì giúp bác sĩ Tín, Bộ trưởng Bộ Thông tin... Nhiều lần bác Thành chở ông Nhu đi gặp Paul Harwood. Bác thường xuyên làm việc với người phụ tá Putney Westerfield và trợ lý của Harwood là chị Virginia Spence. Một hôm, Harwood đề nghị được gặp trực tiếp Thủ tướng Ngô Đình Diệm. Điều này trái với nguyên tắc ngoại giao thông thường nhưng ông Nhu đồng ý. Tôi đó, bác Thành đón Harwood vào Dinh Độc Lập ngồi đối diện với Thủ tướng, trực tiếp nghe Thủ tướng nói, bác Thành làm phiên dịch. Sau đó Harwood có báo cáo chi tiết về cho Chính phủ Mỹ.

Bất kể thời gian sáng trưa chiều tối, bất kể lúc nào ông Nhu gọi điện thoại là bác Thành lái xe chở ông đi, như cặp bài trùng. Trong điều kiện cảnh sát nằm trong tay của Bình Xuyên, cực kì nguy hiểm, ra phố có thể bị giết bất cứ lúc nào, bác với ông Nhu đi gặp những phái đoàn quan trọng nhất của Mỹ. Đi thì cứ đi thôi chứ mình không quan tâm đến nguy hiểm. Mình chỉ ngồi theo dõi chứ không tham gia vào câu chuyện, đôi khi giúp một chút trong việc phiên dịch do các viên chức Mỹ làm việc với ông Nhu thường dùng tiếng Pháp. Tụi Mỹ hỏi thằng nhỏ này học ở đâu về mà nói tiếng Anh giỏi thế, thì mình trả lời rằng ở Columbia...”

“Cảnh sát dám giết người của Thủ tướng sao ạ?”

“Nhiều chuyện li kì lắm... Anh này nắm cảnh sát, anh kia nắm quân đội, hai lực lượng

trở nhau. Ông Nhu ngồi tính làm sao chia nó ra, nó đã chống nhau thì cho nó chống nhau dữ dội luôn. Mình dùng quân đội để giải quyết mấy anh Bình Xuyên, tăng sức mạnh của quân đội lên. Nhưng nói vậy thôi chứ không đơn giản chút nào vì Bình Xuyên rất giàu, mà cảnh sát muốn giết ai thì giết, không cần luật lệ gì, mỗi ngày giết năm, bảy người như không. Nó đi qua trước cơ quan quân đội thì cứ xả súng bắn chơi thôi. Tội quân đội tức lắm. Ông Nhu nghĩ cách để quân đội tức đến mức đi giải tán lực lượng Bình Xuyên, đuổi ra khỏi Sài Gòn. Giải quyết vấn đề cảnh sát xong thì cần nắm lại quân đội... Câu chuyện rất dài... Nghĩ lại thấy vui vì chuyện quốc gia đại sự mà coi như chơi.”

“Bác vẫn để bác gái ở bên Mĩ đúng không ạ?”

“Tháng tám bác Thành về thì bà vợ nhất định đòi về. Bác nói với ông Diệm là vợ tôi đòi về, ông bảo về làm gì, bao giờ ổn định hãy về, ra đường nó giết mình lúc nào không biết... Ông sợ về là bị kẹt lại. Về thì dễ còn đi thì rất khó, xin thị thực để đi không đơn giản chút nào. Bác Thành mới bảo thôi cụ đừng lo, cụ cứ viết mấy chữ lên giấy cụ cho phép nhà tôi về, tôi đưa ra ngoài cho chánh văn phòng giải quyết. Mấy tháng sau thì mình làm vé máy bay cho vợ về. Bả cứ nghĩ là về sẽ giúp chồng, để chồng một mình cũng tội. Mình đi làm không có ngày giờ gì cả. Nhiều khi mình đi đến ba, bốn giờ sáng mới về, không gọi điện gì nên vợ trách lắm nhưng làm sao mà gọi được, đi toàn việc đại sự, bí mật. Mình không thể làm được những việc mà vợ mong đợi như đi về đúng giờ ăn cơm, về muộn thì báo,... Người phụ nữ có bao dung mấy cũng khó mà thông cảm được, nên cuộc sống gia đình cũng gặp vấn đề.”

Trầm ngâm vài giây, bác Thành kể tiếp:

“Tháng 9 năm 1954, Pháp trao trả Dinh Norodom. Đến cuối năm, mấy ông ngồi bàn nhau, bác sĩ Tín đề nghị đổi tên Dinh Norodom thành Dinh Độc Lập, nhằm thể hiện vị thế của mình với thế giới, còn đại lộ Norodom nổi Dinh Độc Lập tới vườn thú bây giờ đặt là đại lộ Thống Nhất. Đề nghị được tán thành. Đó là hai cái tên đầu tiên và cực kì quan trọng dưới chính thể của ông Diệm, là vấn đề ‘độc lập’ và ‘thống nhất’. Quyết định được đưa ra chính thức vào năm 1955, sau khi ông Diệm phế truất Bảo Đại và lên làm Tổng thống. Nhưng mình nói chuyện Thủ tướng Diệm chuyển từ Dinh Gia Long sang trước đã, khi đó Dinh Norodom trống trơn, không có gì cả. Mới đầu sáu anh em ở tạm một khách sạn trong Chợ Lớn, rồi được bố trí tới biệt thự ở số nhà 142 Hai Bà Trưng, ngày ngày vào dinh làm việc...”

Khi Thủ tướng Diệm và các cộng sự ngồi họp thì bên ngoài đài phát thanh chửi bới Diệm toi bời. Đài phát thanh là do quân đội kiểm soát. Ông Nhu đề xuất làm một đài phát thanh riêng, ông Tín đề xuất ra một tờ báo riêng, vì bấy giờ báo chí toàn của phe bên kia. Trong hoàn cảnh này, ông Diệm cần cơ quan ngôn luận.

Bác Thành đắm chiêu thuật lại tình hình bấy giờ:

“Trước khi ông Tín về làm Bộ Thông tin thì vị trí ấy do Lê Quang Luật đảm nhiệm. Ông là người Bắc di cư, đưa một nhóm hơn mười nhân sĩ, văn hào ngoài Bắc vào như Tam Lang, Vũ Khắc Khoan, Bàng Bá Lâm, Mặc Đỗ, Mặc Thu, Đinh Hùng... Mặc Đỗ hồi đấy là Chánh văn phòng Bộ Thông tin, Mặc Thu cũng ở chung trong Bộ. Sau một thời gian, ông Tín

không làm Bộ trưởng Thông tin nữa, trước khi nghỉ, ông kí giấy cho phép xuất bản một tờ báo, bảo bác Thành đi tìm người làm. Mình bàn với ông Diệm, ông Nhu là, muốn làm tờ báo có ảnh hưởng thì tờ báo cần có quyền ăn nói tự do, do đó tôi đề nghị lấy tên tờ báo là Tự Do, khi đi tập hợp anh em, tôi cần đảm bảo với họ là được nói tự do. Mình cử anh Tam Lang qua làm chủ nhiệm, anh Mặc Thu làm quản lí, anh Như Phong làm thư kí tòa soạn. Nhưng rồi vấn đề tiền lại xuất hiện. Ngân sách chẳng có gì, bác Thành quyết định đi lo tiền. Bác qua Phòng Thông tin Mỹ (American Information Service), đề nghị giúp đỡ tiền để thành lập tờ báo, sau đó tiếp tục đi xin mấy tổ chức phi chính phủ Mỹ. Mình giao tiền cho anh Mặc Thu, Tam Lang, Như Phong làm hết. Mình chỉ đảm bảo hai việc là quyền nói tự do và cung cấp tiền. Mới đầu các anh ấy viết rất tốt, có thể rất mạnh. Không ai hiểu sao trong cái đất Sài Gòn này mà các ông đây lại dám ăn dám nói kinh thế. Mấy năm sau, tờ báo còn vẽ hình châm biếm, hình Bà Trưng cầm cờ, viết mấy chữ ở dưới là ‘Phất cờ nương tử thay quyền tướng quân’ chỉ trích Trần Lệ Xuân. Nhưng khổ nổi, mấy anh lại chỉ chăm chăm đề tài chống Cộng chứ chưa có ý niệm gì về dân chủ tự do. Sau này khi bác Thành qua bên Mỹ, mấy anh quản lí báo Tự Do lục đục với nhau, cuối cùng Tam Lang làm đơn xin ngừng hoạt động, đóng cửa tờ báo. Đây thực sự là một cái lỗi. Mình đã mất công xây dựng lên một tờ báo, lôi kéo trí thức về tham gia mà cuối cùng lại để người khác giải tán. Bác sĩ Trần Kim Tuyến sau này xin xuất bản trở lại, tiếp tục tờ báo Tự Do, rồi xuất hiện một tờ báo Người Việt Tự Do. Đó là câu chuyện về tờ báo Tự Do mà chắc ít ai biết.”

“Đài Phát thanh thì thế nào ạ?”

“Cái đài phát thanh mới vui... Ông Nhu giao, bác Thành nhận. Bác Thành yêu cầu ông Nhu đề cử một người quản lí đài. Nhu kêu ông đại úy Phạm Văn Sơn, trong quân đội chuyên về ngành lịch sử, giúp bác Thành xây dựng chương trình. Chính những người viết báo Tự Do đã viết bài cho Đài Phát thanh. Ông Sơn nói, tôi làm được nhưng tôi không phải chuyên gia làm phát thanh. Cũng có duyên, hồi đó bác Thành quen ông Lê Đình Duyên, làm việc trong Đài Phát thanh Sài Gòn hay đi lên đi xuống trong Bộ Thông tin nên mời ông về phụ trách kĩ thuật. Ông Duyên đồng ý.

Bác gặp Paul Harwood, đại diện CIA Mỹ ở Sài Gòn, nói rằng Thủ tướng cần máy phát thanh, ít nhất phát trong Sài Gòn. Mỹ quyết định cho cái máy to bằng cái bàn, hẹn mai đến lấy. Nhận máy phải tính nước an toàn, sợ bọn Bình Xuyên định vị và tìm được ra nơi để đài, đến phá. Anh Sơn móc nối với đại tá Mai Hữu Xuân, lúc đó là Giám đốc An ninh Quân đội, được ảnh đồng ý đặt máy trong trụ sở An ninh Quân đội. Y hẹn, hôm đó bác Thành lái một chiếc xe jeep ra đường để đây, Mỹ tới lấy xe đi, bỏ máy lên rồi mang xe lại để chỗ cũ để mình lấy xe, lấy máy về. Rồi trong cùng ngày, cùng cách ấy, mình đưa máy qua An ninh Quân đội. Bác Thành đặt tên đài là ‘Tiếng nói Quốc dân Đoàn kết’. Hai ngày sau từ đây phát ra: ‘Đây là Đài Tiếng nói Quốc dân Đoàn kết...’ Chuyện tày trời mà làm như chơi vậy đó.”

Bác Thành ngừng một lúc rồi lắc đầu:

“Mình ra một tờ báo có tên là Tự Do với tinh thần tự do ngôn luận. Nhưng các anh ấy

chưa làm được, không xây dựng được không khí tự do như mình chờ đợi, một tinh thần khách quan, có tính nhân văn. Tờ báo phần lớn nói về chính trị, chống Cộng thôi. Đài Phát thanh cũng thế... Bác Thành không có thì giờ tham gia, mấy ông cũng không có nội dung phong phú mà chỉ lên án Cộng sản, được cái là tạo ra tiếng nói của mặt trận đoàn kết dân tộc ủng hộ Ngô Đình Diệm, dẫn đến dao động tinh thần phía bên quân đội. Cho tới khi ông Diệm củng cố được chính trị, chính quyền thì Đài Phát thanh không còn lí do để hoạt động nữa vì đã có Đài Quốc gia rồi.”

Chàng thanh niên 23 tuổi Bùi Kiến Thành, vừa tốt nghiệp đại học vài tháng trước, đang tính đi học tiếp về quản trị kinh doanh thì bị lôi về, ngồi ngay bộ tứ với Nhu, Tín, Diệm và vạch 114 Bùi Kiến Thành - Người mở khóa lắng nghe ra những chiến lược quốc gia, nhận những nhiệm vụ Thủ tướng không thể giao cho ai khác... Hình dung mình ở hoàn cảnh của ông, tôi hỏi:

“Bác có cảm thấy áp lực gì không ạ?”

“Không có áp lực gì cả, vì bác thấy không có việc gì quan trọng. Cứ bảo làm thì làm thôi, vui lắm. Bác Thành ở Sài Gòn là ở một cái nhà xa trung tâm, có thể nói nếu Bình Xuyên biết thì nó đến giết mình lúc nào cũng được. May quá nó không biết. Những chuyện mình làm không ai xì xào được, chỉ ngồi bốn người nói chuyện thôi. Nó chỉ thấy một thằng trẻ con 23 tuổi lái xe nên coi thường, không đề phòng.”

Thế nhưng hoạt động của chàng chính khách trẻ tuổi Bùi Kiến Thành trong nội các Ngô Đình Diệm năm ấy không chỉ toàn chuyện chính trị khô khan mà còn có nhiều điều trẻ trung, tươi tắn với bầu nhiệt huyết tuổi thanh xuân.

Làm văn hóa bình dân

Từ sau Hiệp định Genève đến cuối năm 1954, Thủ tướng Quốc gia Việt Nam Ngô Đình Diệm tiếp tục ở thế “cò cua” với các phe phái chống đối, đồng thời tìm cách thoát khỏi sự kìm kẹp của Pháp, lôi kéo sự ủng hộ của Mỹ.

“Khi bác Thành cùng mấy anh Huỳnh Văn Lang, Đỗ Trọng Chu, Nguyễn Thái, Dư Phước Long, Đỗ Vạng Lý vừa về Sài Gòn thì ở ngay Dinh Gia Long, ông Diệm ngủ bên kia thì mình ngủ bên đây. Hồi đó mình cũng gan lì, ngủ trong chính phòng ngủ của vua Bảo Đại, rất xa hoa. Anh Tôn Thất Thiết, một hoàng thân, hồi đó là Trưởng Sở Nội dịch của Dinh Gia Long, đồng thời quản lý tài sản của đức Quốc trưởng, thấy thế lấy làm khó chịu, cho rằng mấy thằng nhỏ ‘khí quân phạm thượng’, nhưng ông Diệm lại không quan tâm. Một hôm Đỗ Trọng Chu đau ốm, nôn đày ra phòng khiến Tôn Thất Thiết bức xúc lắm. Để cái nhóm này khỏi ngủ trên giường của Hoàng đế, ba ngày sau, người ta sắp xếp cho ra ở khách sạn Kim Hoa trong Chợ Lớn.

Chừng tháng chín, trong khi ở ngoài có bao nhiêu chuyện sôi sục thì tụi này nằm ngủ với nhau mới nói bây giờ nên làm cái gì cho vui giữa lúc tình hình chính trị chưa ngã ngũ. Huỳnh Văn Lang ở chung phòng với Đỗ Trọng Chu, Lê Thành Cường. Một hôm mấy anh gọi bác Thành vào bàn việc làm cái trường Bách khoa bình dân. Mỗi anh có một nghề, người kế toán, người vô tuyến điện, cắt may, quảng cáo, y học, ngoại ngữ... Trong tay mình có rất nhiều kiến thức để truyền cho mọi người thì tại sao mình không làm cái trường dạy buổi tối cho bà con tới học. Huỳnh Văn Lang sinh năm 1922 từng đi học làm cha, học đến năm thứ bốn thì bỏ, sau đó được gửi qua Canada học. Vấn đề quan trọng là tài chính. Hồi đó ông Diệm đã cử anh Lang sang làm trợ lý cho Bộ trưởng Bộ Tài chính Trần Hữu Phương. Lang làm kế toán nên thấy trong ngân sách của Bộ có một khoản để cấp cho việc học bình dân, bèn đề nghị Bộ trưởng cho dùng ngân sách đó để mở trường Bách khoa bình dân.”

Mọi người phân công Huỳnh Văn Lang làm giám đốc, Lê Thành Cường là thư ký kiêm thủ quỹ, Đỗ Trọng Chu phụ trách chương trình giảng dạy. Sau khi đi khảo sát, Huỳnh Văn Lang liên hệ mượn trường nữ Tôn Thọ Tường, ở ngay giữa thành phố đối diện rạp hát Đại Nam, vốn dạy ban ngày, ban đêm để trống. Cả đám mấy người đó đi kêu gọi các anh chị em học bên Anh, Pháp, Mỹ, Canada về, lập ban giảng dạy mười mấy người, lên giáo án rồi tuyển sinh. Giảng viên đều dạy không công và học sinh đăng kí cũng không mất tiền, còn có giấy bút cho học sinh nghèo. Ai muốn học cứ việc đăng kí, không cần bằng cấp, chứng chỉ.

“Thế là hôm mở đăng kí... Kinh khủng lắm! Tám giờ tối bắt đầu thì bảy giờ người ta đến đông nghịt, hàng nghìn người. Phải nhờ cảnh sát giữ trật tự, ban tổ chức bắc loa xin lỗi bà con, thông báo do không chuẩn bị kịp cho số lượng lớn như vậy nên xin hoãn một tuần để việc đăng kí quy củ hơn.”

Một tuần sau, anh em trong hội phải rí tai, huy động bao nhiêu bạn bè tới giúp. Số đó có

rất nhiều công tử, tiểu thư con nhà giàu ở Sài Gòn, xắn tay vào làm. Ai cũng có việc ban ngày nên hoạt động này thực hiện buổi tối. Người phụ trách sắp hàng, người phụ trách đưa sổ, người ngồi tiếp ở bàn... suốt từ bảy giờ tối đến mười rưỡi đêm. Theo ghi chép của Huỳnh Văn Lang, rốt cục có 7719 người ghi danh, đủ mọi thành phần xã hội, anh em huy động tăng cường thêm lớp, thêm ca mà chỉ đủ chỗ cho 1275 người. Mỗi khóa học hơn bốn tháng, toàn những ngành học xong dùng được liền: Giám thị công trường; Vô tuyến Điện; Kinh tế nhập môn; Nhiếp ảnh; Nữ công; Ước lượng viên; Trữ dục; Tóc kí; Đánh máy chữ... Khóa đầu tiên khai giảng vào tháng 11 năm 1954, đến năm 1964 riêng cơ sở ở Sài Gòn có 34.753 sinh viên hoàn tất chương trình.

“Năm 1955, mấy anh lập Hội Văn hóa bình dân để mở rộng mô hình, anh Lang làm Chủ tịch thì bác Thành được phân công làm Kiểm soát viên. Lúc đó có vấn đề hòa nhập Hoa kiều vào với người Việt. Chính phủ ra quyết định là mọi người muốn nhập quốc tịch Việt Nam thì phải biết tiếng Việt. Hội Văn hóa bình dân mở lớp tráng niên dạy người mù chữ, mà trong 10 năm có hơn 80.000 người được cấp chứng chỉ. Không chỉ có người Hoa, mà nhiều người Việt cũng muốn biết chữ để đọc báo, số người theo học nhưng không lấy chứng chỉ còn nhiều hơn mấy lần.”

Rồi tài chính lại thiếu, anh em đi quyên tiền bà con họ hàng không đủ. Huỳnh Văn Lang lúc này làm Giám đốc Viện Hối đoái thuộc Ngân hàng Quốc gia, Bùi Kiến Thành cũng được gửi qua làm cho Viện ở bộ phận cấp giấy phép nhập khẩu, hàng ngày chạy qua chạy lại Dinh Độc Lập. “Mấy anh em cực kì nghiêm túc, thanh liêm, không có ăn hối lộ gì, cũng trích lương đóng góp rồi kêu gọi quyên thêm cho Hội Văn hóa bình dân từ cộng đồng thương gia. Bác Thành vẫn nghĩ là cứ nhận ba cọc ba đồng thế thì khó có ngân sách lâu dài, mới đem sáng kiến nói với anh Lang, đó là đấu giá kiểu Mỹ những đồ quý giá cho những người ủng hộ.”

“Đấu giá kiểu Mỹ là thế nào hả bác?”

“Là anh trả bao nhiêu anh bỏ tiền vô bấy nhiêu. Ví dụ, anh trả 10 ngàn thì anh bỏ luôn 10 ngàn vào, anh khác trả 20 ngàn thì bỏ thêm 10 ngàn nữa vào cho tổng bằng 20 ngàn, được hay không được cũng bỏ tiền vô. Đấu giá kiểu này là người ta cho mình một cách chính thức, không phải để lấy cái vật đấy, và không phải để cái gánh nặng cho người cuối cùng... Nhưng lại cần cái gì đem đấu giá chứ. Bác Thành mới vào chơi với ông Diệm rồi nói: ‘Cụ ơi, tôi làm cái trường nhiều người học lắm mà bây giờ đang thiếu tiền. Anh em có nghĩ tới cách đi bán đấu giá một cái gì có giá trị. Tôi nói cái này cụ có nghe được không? Cho tôi cây viết của cụ đi!’ Cây viết Parker ông cắm trên bàn là cây viết ông kí bao nhiêu sắc lệnh, quyết định lớn, một cây viết lịch sử. Ông ấy bảo: ‘Ồ, thì anh lấy đi.’ Bác Thành đem về tiệm vàng và trang sức của ông Đức Âm, một đại gia về kim hoàn đá quý từng có tiệm vàng lớn ngoài Tràng Tiền, Hà Nội, dẫn con vào tị nạn. Ông có tám cô con gái dễ thương lắm. Mình mới bảo mấy chị tiểu thư làm cho mình cái hộp bằng kính hết sức đẹp, gắn một cái biển mác bằng bạc, đại ý là: Cây bút này đã kí những cái sắc lệnh này sắc lệnh này, quyết định này... Mình để cái bút vào trong cái hộp rồi đem đấu giá. Mình tổ chức một buổi dạ hội ở rạp Đại Nam của anh Ứng Thi. Anh Ứng Thi dòng dõi hoàng tộc rất đáng mến và rạp của

ảnh lớn nhất Sài Gòn. Mình mời bao nhiêu nghệ sĩ nổi danh Sài Gòn tới hát, có cả vua hài miền Nam thời đó là anh Trần Văn Trạch, em của Giáo sư Trần Văn Khê. Hồi đấy trong Nam tiền bạc không thành vấn đề, kêu mấy người quen đi hát giúp người ta đi liền. Bao nhiêu danh nhân Sài Gòn góp mặt, bác Thành mời cả ông Diệm tới luôn. Một sự kiện văn hóa mà Thủ tướng dự là ghê gớm lắm. Coi biểu diễn như vậy khi nghỉ giải lao thì mới đấu giá.”

“Kết quả đấu giá thì ai được cây bút ạ?”

“Cuối cùng là một anh Hoa kiều tên là Lí Bình, nhà nhập khẩu mua bán dược liệu đông y, cũng quen mặt ở Viện Hôi đoái rồi. Huỳnh Văn Lang mời anh Võ Văn Hải, thư kí ông Diệm, đại diện cho Thủ tướng đưa cái cây viết cho ảnh. Ông Diệm ngồi đấy theo dõi. Mình tạo được quỹ khá lớn để tiếp tục làm văn hóa bình dân. Sau ảnh tặng cây bút lại cho ban tổ chức, để ở trụ sở Hội Văn hóa bình dân.”

Huỳnh Văn Lang rất lao tâm khổ tứ, Đỗ Trọng Chu vô cùng tâm huyết, mấy người như Lê Thành Cường cũng xả thân vì Hội Văn hóa bình dân. Lang có sáng kiến xuất bản tạp chí Bách khoa, nội dung bao gồm tin tức, biên khảo, nghiên cứu, văn nghệ... Cả hội đi đâu cũng có nhau nên khi ra tạp chí này, Bùi Kiến Thành cũng là một trong số những thành viên sáng lập. Huỳnh Văn Lang không có thời gian làm nên giao cho Lê Ngô Châu làm chủ biên, cho đến năm 1975 cứ mỗi tháng đều đều ra hai số.

“Bác Thành tham gia ít hơn, nhưng cũng viết một số bài và có dạy tiếng Anh ở trường Bách khoa bình dân đó. Mình đã dạy hồi nào đâu, cho nên vào dạy thì hết sức là chi tiết, dạy người ta cách phát âm từng li từng tí. Dạy mới được hai tuần mình xui luôn, hết sức, không nói nổi nữa, nghỉ nằm ở nhà. Thế là học sinh, lớn có, nhỏ có, cả lớp tổ chức tới tận nhà thăm, vui lắm! Bác Thành không dạy nhiều, không biết cách dạy nên không giữ được sức.

Trường Bách khoa bình dân là một sự nghiệp cực kì lớn, sau này được tổ chức quy củ, được nhiều tổ chức quốc tế giúp, như Ủy ban Cứu trợ quốc tế International Rescue Committee (IRC), quỹ Asia Foundation của Chính phủ Mỹ, rồi Ford Foundation, Rockerfeller Foundation... Có những người vô gia cư, vô sự nghiệp, từ ngôi trường ấy đã trở thành những chuyên gia, danh nhân thành đạt hàng đầu tại Sài Gòn. Nhớ năm 1991, 1992, bác về Việt Nam, mấy ảnh nghe tin thì tìm tới thăm, nói em hồi trước có học trường của thầy đó. Làm văn hóa bình dân luôn là một việc tuyệt đối hệ trọng và vĩ đại trong mọi thời kì.” Ánh mắt Bùi Kiến Thành ánh lên vẻ hãnh diện và tự hào.

“Bác ơi, cháu muốn bác kể thêm về mấy cô tiểu thư nhà ông Đức Âm... được không bác?”

“Mấy cô tiểu thư họ Bảo... Tám cô con gái là Bảo Khánh, Bảo An, Bảo Yên, Bảo Anh, Bảo Nga, Bảo Vân, Bảo Khanh, Bảo Toàn với cô Bảo Thư là cô của mấy cô kia, tức là em ông Đức Âm. Ông di cư vào Nam với tám người con gái, hai người con trai. Cô chị cả tên Bảo Khánh, giúp trường Bách khoa bình dân rất nhiều, sau thành vợ anh Lang. Trường Bách khoa là

nơi gặp gỡ ban đầu của nhiều cặp vợ chồng lắm, từ chỗ làm việc xã hội với nhau rồi gặp nhau... Ngoài cô Bảo Khánh ra thì có Bảo An, Bảo Yên, Bảo Anh, Bảo Vân... cần cái gì là xắn áo, huy động cả bà con họ hàng tới giúp luôn. Khi đó bác Thành có vợ rồi nhưng mấy cô vẫn thương mình lắm, toàn chọc tức cho bà vợ mình ghen tuông tùm lum. Mấy cô nói anh Thành ơi bữa nào rảnh thì đi chơi, mình bảo ừ, rồi mình đón qua Thủ Đức, ra ngoại ô uống nước dừa rồi về. Có hôm đang ngồi chơi ở nhà mấy cô, bà xã ùng ùng tới thì mấy cô đem nhót bác Thành vào tủ, bà xã lục tung lên không thấy bác Thành đâu...”

Những kỷ niệm thật tuyệt vời, niềm vui và nụ cười xen giữa những ngày tháng Sài Gòn đầy biến động.

Chính biến, tiền tệ và con người

Trở lại vũ đài chính trị Việt Nam sau thời gian lang bạt, Ngô Đình Diệm đối diện với vô vàn khó khăn. Trong hai năm 1954 và 1955, ông không ngừng tranh đấu với các phe phái đối lập nhằm thay đổi cục diện, củng cố thực quyền. Tháng 7 năm 1954, ông nhậm chức Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Quốc phòng nhưng chưa nắm được quân đội, chưa nắm được cảnh sát. Quân đội do tướng Nguyễn Văn Hinh đứng đầu, được Pháp trả lương. Cảnh sát ở Sài Gòn - Chợ Lớn thuộc quyền lực lượng Bình Xuyên, cũng được Pháp hậu thuẫn. Miền Tây Nam kì lục tỉnh nằm trong tay giáo phái Hòa Hảo, miền Đông bị kiểm soát bởi lực lượng giáo phái Cao Đài. Xã hội miền Nam Việt Nam sau Hiệp định Genève cực kì hỗn loạn, dân chúng cực độ hoang mang.

Ngày 9/9/1954, tướng Hinh chỉ trích Thủ tướng trên Đài Phát thanh Pháp Á, đòi cải tổ Chính phủ. Ăn miếng trả miếng, ngày 11/9/1954, Diệm chỉ thị tướng Hinh phải đi Pháp khảo sát tổ chức quân đội Pháp trong vòng sáu tuần, thực thi trong vòng 24 giờ. Tướng Hinh từ chối. Lúc đó, Dinh Norodom vừa mới được Pháp trao trả một tuần, tướng Hinh cho một tiểu đội thiết giáp chạy quanh chửi bới, hăm dọa đồng thời tiếp tục dùng Đài Phát thanh tố cáo Thủ tướng Diệm độc tài, tham nhũng. Trong khi Diệm tích cực tiếp xúc với Đại tá Lansdale thì ngày 20/9/1954, chín trên 18 bộ trưởng đệ đơn từ chức.

“Ngày 24/9/1954, Diệm kí Sắc lệnh cải tổ thành phần Chính quyền Sài Gòn. Từ Bộ trưởng Bộ Thông tin, bác sĩ Tín qua làm Bộ trưởng Phủ Thủ tướng, nhưng rồi cuối năm ông xin rút. Diệm nói ông vào Quân y giúp quân đội tiếp nhận những khu của Cộng sản giao lại. Một thời gian ông không làm nữa, chỉ về làm thuốc. Ông Diệm lại bảo: ‘Bác sĩ không làm gì nữa thì cũng không sao, nhưng tôi cũng mong, việc này là cá nhân thôi, ông cố gắng tiếp tục công việc săn sóc sức khỏe cho tôi.’ Thế là suốt từ năm 1954 cho tới năm ông Diệm mất thì bác sĩ Tín là bác sĩ riêng của ông, sáng nào cũng vào thăm sức khỏe cho ông, trừ khi bận việc khác...”

Sang tháng 11, Diệm cách chức Nguyễn Văn Hinh, đưa tướng Lê Văn Tỵ lên thay. Tướng Hinh được Bảo Đại gọi sang Pháp. Tháng 12, quan hệ giữa Ngô Đình Diệm và Đại sứ Mỹ Collins trở nên căng thẳng nhưng nhờ các mối quan hệ của mình, Diệm vẫn giữ được sự ủng hộ của Tổng thống Mỹ Eisenhower. Ngày 30/12/1954, Pháp công nhận toàn vẹn chủ quyền tài chính và tiền tệ của Chính phủ Quốc gia Việt Nam và thi hành bàn giao ngay trong vòng ba ngày. Từ đây, Chính phủ Quốc gia Việt Nam nhận viện trợ trực tiếp từ Hoa Kỳ thay vì qua Pháp.

“Một đội được cử đi tiếp quản Ngân hàng Đông Dương (Banque de l'Indochine), trong đó có Huỳnh Văn Lang và bác Thành. Ông Dương Tấn Tài, trước đó làm Giám đốc ngân khố của Sài Gòn trở thành Thống đốc Ngân hàng Quốc gia. Phó thống đốc kiêm Tổng Giám đốc, chịu trách nhiệm về vấn đề ngoại hối là anh Vũ Quốc Thúc, tiến sĩ kinh tế từ Pháp về. Đồng thời Huỳnh Văn Lang qua phụ trách Viện Hồi đoái. Bác Thành phụ trách một vụ về

ngoại hối, khu vực đồng đô la. Trước đây, dưới ảnh hưởng của Pháp thì khu vực đồng Franc khá lớn. Sau này tình hình thay đổi thì khu vực đồng đô la cũng lớn lên. Khi đó trong Nam chưa có những chức danh như Trưởng phòng hay Vụ trưởng, chức vụ dưới Phó Tổng giám đốc là Chánh Sự vụ.”

“Như vậy là chính quyền phải thay đổi đồng tiền đúng không ạ?”

“Đúng. Trước trên giấy bạc Việt Nam có chữ ‘Banque de l’Indochine’ tức Ngân hàng Đông Dương, sau này mình bỏ hết, mời công ty Mỹ có tên là American Bank Note Company in giấy bạc của mình. Ông Diệm mới bảo bác Thành tìm hình gì để in trên giấy bạc, bác đi tìm một số chân dung các cụ Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Trần Hưng Đạo... đưa cho ông xem. Ông nói không được, đất nước không thiếu nhân vật, mình đưa ông này lên rồi lại không đưa ông kia lên, biết bao nhiêu cho đủ. Không nên tôn sùng cá nhân ai cả. Đưa lên thì mình phải điều tra như thế nào là xứng đáng, ví dụ cụ Phan Bội Châu xứng đáng chỗ nào, không xứng đáng chỗ nào..., sợ sẽ có tranh chấp. Cuối cùng mình chọn toàn hình ảnh đất nước Việt Nam. Sau này bác Thành qua New York làm đại diện Ngân hàng Quốc gia Việt Nam tại Mỹ, American Bank Note Company đã tặng bác cái khung ảnh có tất cả những giấy bạc mà họ làm cho Việt Nam hồi đó.

Bác Thành một mặt phải xuống Ngân hàng Quốc gia Việt Nam phụ trách Vụ Ngoại hối đồng đô la, mặt khác luôn phải trợ giúp ông Nhu bất kì lúc nào ông gọi, không gọi điện trực tiếp mà phải qua tổng đài. Ông Nhu trong Dinh Độc Lập là ghê gớm lắm mà lại gọi xuống bảo nói đây nói chuyện với Bùi Kiến Thành, nói chuyện xong bác Thành lại xách cặp đi. Máy người ở Viện Hối đoái rất ngạc nhiên, không hiểu bác Thành làm cái gì. Nhiều chuyện mình không thể nói ra được. Bác Thành lái xe chờ ông đi chứ ông không kêu tài xế trong dinh.

Từ vấn đề tiền tệ, quân lực mình không còn phải lĩnh lương của Pháp nữa. Quân đội thấy là không phải mấy ông Tây trả lương nữa mà Chính phủ Ngô Đình Diệm trả lương cho mình. Một số thành phần trong quân đội Quốc gia đã bắt đầu có cảm tình. Ông dám loại trừ Pháp, chống Bình Xuyên, mà Bình Xuyên là tội trộm cướp chẳng ai dám động đến. Giấy phép của Bảo Đại cho Bình Xuyên hoạt động tề nạn hết hạn, ông Diệm không kí tiếp. Ông đóng cửa sòng bạc Đại Thế Giới, Kim Chung, dẹp làng điếm Bình Khang... Nó như một ngọn lửa trong lòng nhân dân ngày đấy.”

Ngày 12/1/1955, Chính phủ Quốc gia thu hồi quyền quản trị thương cảng Sài Gòn.

Ngô Đình Diệm đã chặt đứt nguồn thu chính của Bình Xuyên, trong đó có cả phần Bình Xuyên nộp cho Bảo Đại. Quan hệ giữa Quốc trưởng Bảo Đại và Thủ tướng Diệm ngày một xấu đi và bùng nổ xung đột. Bảo Đại tìm cách truất quyền Diệm còn Diệm tính đường đi nước bước để diệt Bình Xuyên tận gốc. Edward Lansdale là người góp công lớn trong việc thuyết phục một số nhân vật trong các lực lượng giáo phái về dưới trướng Diệm. Một trong những nhân vật nổi tiếng nhất, có tầm ảnh hưởng lớn nhất phải kể đến là Trịnh Minh Thế, thủ lĩnh của lực lượng Cao Đài Liên Minh. Bảy giờ quân Trịnh Minh Thế chiếm đóng khắp xung quanh núi Bà Đen, rất được dân nể phục. Vậy mà ông ta đồng ý tham gia vào quân đội

Quốc gia và được Ngô Đình Diệm gán hàm Thiếu tướng.

“Có lần ông Nhu cử bác Thành đi chở một hộp các tông về Dinh Độc Lập. Bác Thành không biết trong đó có gì, thì ông Nhu nói đó là tiền để cho tướng Nguyễn Thành Phương, cũng là tướng của Cao Đài, và một số tướng sĩ của lực lượng Hòa Hảo. Nhiều tướng sĩ được mua chuộc bằng tiền bạc. Phối hợp cùng Lansdale trong quá trình thuyết phục có một số nhân sĩ Nam kỳ uy tín như Nguyễn Ngọc Thơ⁽¹⁾, Bùi Văn Thịnh⁽²⁾, Quách Tòng Đức⁽³⁾... Bác Thành cũng như đa phần mọi người gọi ông Diệm bằng ‘cụ’, nhưng ông Thịnh lại gọi ông Diệm bằng ‘ông’, còn ông Diệm gọi lại ông Thịnh bằng ‘ngài’. Cũng giống như Hồ Chí Minh lúc nào cũng gọi Bùi Bằng Đoàn bằng ‘ngài’. Ông Diệm nể trọng Bùi Văn Thịnh lắm. Nguyễn Ngọc Thơ thì trước là Đốc phủ⁽⁴⁾. Theo báo cáo của CIA, Lansdale có công lớn trong việc lôi kéo Trịnh Minh Thế nhưng thực tế không hẳn như vậy, mà còn do ông Thơ với Trịnh Minh Thế có mối quan hệ từ lâu rồi. Trong Nam, những người như ông Diệm từ Quảng Bình vào vẫn được gọi là người Bắc. Mà người Bắc thì người trong này không ưa, nên phải có những ông người miền Nam đi thuyết phục rằng ông này người Bắc nhưng anh ấy tốt lắm, yêu nước lắm...”

Vậy là Ngô Đình Diệm có quân trong tay để đấu với Bình Xuyên. “Quân đội với Bình Xuyên có mâu thuẫn từ trước nên ghét nhau ra mặt. Nhiều người bên quân đội Quốc gia đã về với Thủ tướng chỉ để đánh nhau với Bình Xuyên chứ không phải vì ủng hộ Diệm. Diệm nhân việc đánh Bình Xuyên mà nắm lại quân đội Quốc gia. Bình Xuyên mất miếng ăn nên mấy tháng trời khiêu khích, gây hấn, bên quân đội thì hăng, muốn đánh nhau nhưng ông Diệm bảo thôi thôi, từ từ. Tâm trạng của ông Diệm cũng có những thời điểm rất bấn loạn. Còn ông Nhu thì âm thầm xây dựng mưu lược để đẩy sự xung đột giữa quân đội và Bình Xuyên lên đến tột độ, đồng thời kết hợp các sĩ quan nòng cốt của quân đội về ủng hộ ông Diệm, như đại tá Trần Văn Minh, người thường được gọi với biệt danh ‘Little Minh’ để phân biệt với ‘Big Minh’ tức Dương Văn Minh do thân hình to lớn hơn. ‘Little Minh’ lúc đó là tham mưu trợ lý cho một thiếu tướng Pháp tư lệnh khu vực Sài Gòn, nắm bắt được nhiều thông tin quân báo, lên kế hoạch tấn công Bình Xuyên.

Một hôm giữa đêm ông Nhu gọi mình vào chỗ ông ấy đang điều khiển hành quân từ trong Dinh. Quá nửa đêm mới về tới nhà, bà xã nhăn nhó, bảo đi đâu tới khuya lác khuya lơ mà không chịu gọi điện báo trước để người ta phải chờ.”

“Thời gian đó bác gái ở nhà hay làm gì ạ?”

“Cổ tham gia nhiều việc lắm. Giám đốc Ủy ban Cứu trợ quốc tế IRC tại Việt Nam Robert MacAlister mời cổ làm phụ tá lo việc những người di cư từ Bắc vào. Cổ có mối quan hệ với rất nhiều người nổi tiếng. Chẳng hạn như Angier Biddle Duke, chủ tịch IRC, tỷ phú Mỹ, gia đình của ông này là chủ Đại học Duke nổi tiếng của Mỹ; Joseph L. Mankiewicz, đạo diễn phim của Hollywood, người đưa tiểu thuyết *Người Mỹ trầm lặng* của Graham Greene lên màn ảnh rộng lần đầu tiên năm 1958⁽⁵⁾; Joseph Buttinger⁽⁶⁾, một nhà văn có nhiều tác phẩm về Việt Nam như *The Smaller Dragon - A Political History of Vietnam* (1958). Tình hình bất ổn như vậy nên bà xã lo mình gặp nguy hiểm. Trong nhà luôn có súng và lựu đạn

do Lữ đoàn Phòng vệ trong Dinh họ đưa cho và hướng dẫn sử dụng vì sợ bị tấn công bất ngờ. Bà vợ thấy một đồng vũ khí thì sợ lắm. Nhưng mình toàn ở những nơi như vậy thì làm sao mà gọi điện được... Giữa sống với chết gần lắm. Bọn Bình Xuyên nó biết mình ở đâu nó xả súng bất cứ lúc nào, có gì đâu. Ông Nhu đi với bác Thành chứ đi với người khác thì cũng sợ, tại Bình Xuyên phát hiện ra ông đi đâu thì nó tiêu diệt dễ không. Ông cứ gọi là bác Thành lái xe vào, ông lên xe là đi thôi.”

Ngày 28/4/1955, Bình Xuyên nổ súng trước, pháo kích Dinh Độc Lập. Hai bên bắt đầu chiến đấu. Từ Cannes, cùng ngày, Quốc trưởng Bảo Đại đánh điện về Sài Gòn yêu cầu cử Thiếu tướng Nguyễn Văn Võ, Tư lệnh Ngự lâm quân Đà Lạt, làm Tổng Tham mưu trưởng Quân đội Quốc gia, chức vụ vốn đang thuộc về Lê Văn Ty, đồng thời yêu cầu Ngô Đình Diệm cùng Lê Văn Ty qua Pháp trình diện, báo cáo tình hình. Ngày 29/4/1955, Thủ tướng Diệm triệu tập các chính đảng và nhân sĩ Quốc gia để xin ý kiến về lệnh của Quốc trưởng, đặt hội nghị trước việc lựa chọn dứt khoát: Bảo Đại hay Ngô Đình Diệm. Hội nghị đi tới kiến nghị phế truất Bảo Đại, giải tán Chính phủ Ngô Đình Diệm do Bảo Đại chỉ định, ủy nhiệm cho chí sĩ Ngô Đình Diệm thành lập chính phủ mới.



Xung đột giữa quân đội của Ngô Đình Diệm và các đơn vị Bình Xuyên (Nguồn: Võ Nguyên Giáp - Georges Boudarel)

“Ông Diệm mời Lansdale tới, mở bản đồ ra cho ông xem mình bố trí quân tới đâu, Bình Xuyên bố trí quân tới đâu, lực lượng của mình như thế nào,... Trong khi ông Diệm ngồi với Lansdale thì bác Thành cùng Ngô Đình Nhu ngồi với phái bộ đặc biệt của CIA. Rồi có điện thoại gọi điện cho ông Nhu. Ông Nhu trả lời bằng tiếng Pháp, tạm dịch là: ‘Anh lãnh chỉ thị của Chính phủ Pháp hay anh lãnh chỉ thị của Chính phủ Việt Nam đây?’ Thì rõ ràng là có một anh đang cầm quân ở ngoài, đi tới đó thì bị quân Pháp chặn lại, không cho tiến tới nữa. Anh gọi điện về hỏi bằng tiếng Pháp. Có lẽ là Trần Văn Đôn hoặc một anh nào đấy thuộc nhóm của Trần Văn Đôn, vì chỉ mấy người đấy nói tiếng Pháp thôi. Trả lời xong, Nhu nói chuyện tiếp bình thường, tiếp tục theo dõi cuộc hành quân. Ông rất bình tĩnh. Cả Lansdale và CIA đều theo dõi tình hình để báo cáo cho Chính phủ Mỹ. Nước sôi lửa bỏng như vậy mà mọi chuyện diễn ra hết sức bình thản.”

Ngày 30 tháng 4, người không tham gia hội nghị ngày hôm trước là Nguyễn Văn Vỹ từ Đà Lạt xuống Sài Gòn yêu cầu Lê Văn Ty bàn giao chức vụ theo lệnh Quốc trưởng, kết quả là bị Nhị Lang rút súng uy hiếp ngay trong Dinh Độc Lập.

“Anh em ông Diệm, rồi bao nhiêu tướng lĩnh xanh mặt luôn. Ông phải đứng ra giảng hòa. Cuối cùng bên quân đội không phục tùng ông Vĩ nên ông này bị cô lập, phải qua bên Pháp. Còn Nhị Lang là thằng cha nào mà dám làm việc tày trời đó? Ông từng tham gia Quốc dân đảng những năm 1946, rồi theo Trịnh Minh Thế từ những năm 1950. Ông là nhà văn, nhà báo gì đó nhưng mà là quân sư chiến lược cho Trịnh Minh Thế, nghe đâu có tài bắn súng ngắn hai tay.”

“Tướng Trịnh Minh Thế... Hình như bác rất ấn tượng với ông ấy?”

“Ảnh dễ thương lắm. Anh Thế hơn bác Thành gần 10 tuổi, còn trẻ mà sự nghiệp đến lúc đó lẫy lừng lắm rồi. Bên lực lượng Cao Đài có nhiều nhân vật đáng nể... Trước đợt đánh Bình Xuyên, Trịnh Minh Thế tham gia phái đoàn Quốc gia Việt Nam đi Bandung, Indonesia, tham dự hội nghị Á - Phi. Đây là hội nghị tiền đề cho phong trào không liên kết⁽⁷⁾ sau này. Trưởng đoàn là ông Nguyễn Văn Thoại, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch, vốn là giáo sư ở Collège de France nổi tiếng bên Pháp. Phái đoàn còn có luật sư Nguyễn Văn Châu, anh rể của Trần Lệ Xuân, rất đẹp trai và tài giỏi. Hơi tiếc vì vợ chồng ảnh không hợp nên chia tay. Ông Diệm rất quý ảnh. Những ngày đầu mỗi lần có vấn đề gì về luật hay ngoại giao, ông luôn bảo: ‘Gọi Châu vào đây.’

Tham dự hội nghị đó, Nguyễn Văn Thoại có kí tên vào bản tuyên bố cuối cùng của Cộng đồng Không liên kết. Nhưng khi đó chính sách của ông Diệm chưa quyết định liên kết hay không liên kết, vì nếu không liên kết thì Mỹ không ủng hộ nữa. Kí vào đó khác nào tuyên bố nghỉ chơi với Mỹ. Ông Thoại phạm phải sai lầm như thế về chính trị. Ông Thoại không kí thì chẳng sao, kiểu như hỏi ông Diệm không cho ông Trần Văn Đỗ kí vào Hiệp định Genève năm 1954 đó. Không kí thì không ràng buộc, không chống mà cũng không theo. Do vậy ông Diệm phải cho ông Thoại nghỉ, không làm Bộ trưởng nữa, coi như mình không công nhận phong trào không liên kết. Vợ bác Thành khi đó đi làm trợ lý và phiên dịch cho đoàn. Cổ hời đó 29 tuổi, xinh đẹp, nói tiếng Anh lưu loát, nhiều người mê li. Anh Châu từ hội nghị Bandung về cũng muốn kết nối, làm thân với bà xã mình. Còn Trịnh Minh Thế thì nổi tiếng anh hùng hảo hán, ảnh với bà xã kết bạn rất vui...”

“Nhưng ngay trong trận chiến với Bình Xuyên thì ông Thế đã tử nạn phải không ạ?”

“Tội ảnh lắm. Quân Bình Xuyên của Bảy Viễn bị thua, phá cầu chữ Y, rút khỏi Sài Gòn vào rừng Sác. Ảnh chỉ huy đoàn quân đi qua cầu Tân Thuận thì bị bắn chết.”

Thời điểm đó dư luận rất hoang mang không biết ai ra tay với tướng Trịnh Minh Thế. Người ta đặt ra nhiều giả thiết, trong đó có cả giả thiết Thủ tướng Ngô Đình Diệm hoặc có vấn Ngô Đình Nhu tổ chức ám sát Trịnh Minh Thế để phòng trừ hậu họa tranh giành quyền lực, do ảnh hưởng của tướng Thế quá lớn mà lúc này Bình Xuyên gần như đã tan. Sau này theo một tài liệu do nhà văn Nhị Lang công bố, Thiếu tá tình báo Pháp Savani

trước khi qua đời đã thừa nhận sát hại Trịnh Minh Thế để trả thù cho thượng cấp của mình tướng Chanson. Cái chết của tướng Thế vẫn còn tiếp tục là điều bí ẩn gây tranh cãi cho tới tận hôm nay.

“Dẹp Bình Xuyên xong xuôi là ông Diệm thở phào nhẹ nhõm đúng không bác?”

“Người ngoài nhìn vào thì thấy thế, nhưng... còn nhiều chuyện. Ông phân công mấy anh soạn Hiến pháp. Từ đó đến cuối năm thì trưng cầu dân ý phê thuật Bảo Đại, lập Chính phủ Việt Nam Cộng hòa rồi lên làm tổng thống đầu tiên của chính phủ mới. Khi ấy bác Thành đã đi đến nhiều nơi trong Nam xem dân tình thế nào, cảm tưởng như chưa có khi nào người dân được yên bình như những năm tháng ấy. Dân bàn tán rằng đây là lần đầu tiên có một chính phủ độc lập, không còn tụi Tây chuyên hiếp đáp người mình, không còn tụi Bình Xuyên cò bạc đi điếm, dân chúng miền Nam lấy làm phấn khởi. Nhưng ông Diệm vẫn có nhiều mối lo, chẳng nói cho ai được.”

Chuyện công, chuyện tư, chuyện bạn bè

Năm 1955, là một chàng trai 24 tuổi vừa mới tốt nghiệp đại học, chưa kịp chuẩn bị tinh thần thì Bùi Kiến Thành đã trải qua một loạt những sự kiện “tày đình”: Kết hôn ngay trước ngày đi biểu tình ở Liên Hợp Quốc, được gọi về nước giúp Thủ tướng Ngô Đình Diệm trong một hoàn cảnh rối ren, chứng kiến bao cảnh tranh giành, đầu rơi máu chảy, hiểm nguy. Chàng thanh niên ngây ngô ấy dần trưởng thành và có những nguyên tắc riêng trong công việc.

“Trên bàn làm việc hồi đó bác Thành để mấy chữ tiếng Anh ‘Don’t knock people when they are down’, nghĩa là ‘Không đánh người bị ngã ngựa’. Khi trước mình phải ra Viện Hối đoái để xin giấy phép gửi tiền cho bà xã. Chỉ có mấy trăm đô la thôi, ngồi chờ gần cả buổi sáng mới được anh quản lí người Pháp tiếp. Anh trợ lí của anh người Pháp đó, là người Việt, thì hách lắm, coi mình chả ra gì. Sau khi bác Thành về Viện Hối đoái làm Chánh sự vụ, tức là trưởng phòng, thì anh ấy vẫn ở đó. Nhiều người nói rằng, cái thằng cha này hồi trước nó hống hách với mình thì bây giờ mình quật cho một trận cho sượng. Thì vốn ở đời, ăn nên làm ra thì được kính trọng còn thất bại thì bị vùi dập ngay, ai không tốt với mình thì có dịp mình tìm cách mình triệt hạ lại, không đội trời chung vậy đó. Thế nên khi gặp anh kia hàng ngày, bác Thành vẫn cư xử như đồng nghiệp, không trù úm gì thì người ta thấy lạ lắm.”

“Công việc của bác ở Viện Hối đoái là gì ạ?”

“Chủ yếu là xem các loại giấy phép, nhập khẩu như thế nào, xuất khẩu như thế nào. Viện Hối đoái không có nhiệm vụ cho phép xuất nhập khẩu, chuyện đó do Sở Thương mại của Bộ Kinh tế phụ trách. Sở Thương mại ra giấy phép và phải gửi những giấy đó đến Viện Hối đoái để kiểm tra đã đầy đủ mọi thủ tục chưa, nhất là khi xuất khẩu cần phải có tín dụng thư L/C. Bên nước ngoài thiếu cái L/C đó thì mình không làm thủ tục thanh toán được. Khi cho nhập khẩu thì mình phải xem nó có đúng không, phải xem trong chương trình nhập khẩu của mình có số tiền dự trù cho việc nhập khẩu mặt hàng đó hay không và nó còn không. Từ nhập khẩu thiết bị đến nhập khẩu lương thực... Ở miền Bắc thời gian đó là kinh tế một thành phần, còn miền Nam là kinh tế nhiều thành phần rồi. Người kinh doanh muốn nhập khẩu, xuất khẩu mặt hàng gì đều lên Sở Thương mại xin cấp phép rồi xuống Viện Hối đoái rà soát lại, phải có chữ kí của Viện Hối đoái thì giấy phép mới có giá trị.”

“Quyền lực lớn như vậy thì có hiện tượng tham nhũng không ạ?”

“Bao nhiêu anh thương gia, đại gia của Sài Gòn đều cần chữ kí của Viện Hối đoái, nên tham nhũng dễ lắm. Nhưng vấn đề đó hoàn toàn không có, anh em quản lí rất tốt, không có chuyện phong bao phong bì. Có một anh người Hoa trong Chợ Lớn làm đơn xin nhập khẩu mì chính và việc rà soát là của bác Thành. Mình làm cũng lâu, trễ mấy ngày, anh ấy hơi nóng ruột. Anh ấy tìm đến nhà bác Thành tặng cho một giỏ trái cây to. Hôm sau bác Thành mang cái giỏ trái cây đó tới cơ quan và gọi anh ấy đến cảm về. Mấy người cộng sự

mới nói ‘Anh thật là quá đáng. Người ta tặng có mấy cái trái cây chứ cái gì mà làm dữ vậy.’ Bác Thành nói: ‘Nguyên tắc của tôi là không được nhận cái gì cả. Hôm nay người ta tặng trái cây nhờ mấy hôm nữa người ta tặng tiền thì sao?’ Nhiều khi mình không ngờ được quyền hạn ở trong tay mình, khi có những việc xảy ra rồi thì mới thấy.”

“Có sự vụ nào nghiêm trọng không ạ?”

“Nghiêm trọng thì chưa, mà có chuyện vui như thế này... Một hôm, anh em dẫn nhau đi bắn nai hoẵng trong rừng. Anh Lang thích trò đó còn mình chỉ đi theo chơi thôi chứ không thích bắn giết. Một buổi sớm trên Tây Nguyên, ảnh bảo rẽ qua đồn cao su mà ảnh quen ông chủ đồn điền người Pháp từng xuống xin xuất khẩu. Ông chủ không có nhà, nhưng anh Lang vẫn vào trong tủ lạnh lấy nước ra uống. Tụi quản gia thấy thế mới sùng sộ nói này nói nọ, anh Lang xin lỗi rồi đi. Sau ông chủ đồn điền về, nghe kể Giám đốc Viện Hối đoái đến thăm mà bị tụi quản gia đuổi thì sợ lắm, hết gọi điện lại tới nhà xin lỗi rồi rút. Anh Lang thì bình dân thôi, cứ nghĩ bạn bè nên tự nhiên. Còn phong cách người Pháp, nó đi xin lỗi dù thực sự đó là lỗi của mình vào nhà mà không xin phép. Tổng Giám đốc Viện Hối đoái thì có quyền sinh quyền sát với việc làm ăn của nó mà.

Bác Thành hồi đó chưa đến 30 tuổi mà đã kí phê những giấy phép đó. Mình không kí mình không phê là họ tán gia bại sản. Cho nên người ta sợ lắm, sợ nên người ta mới tìm cách cho mình cái nọ cái kia. Mình không nhận và còn gọi người ta tới la cho một trận rồi xin lỗi um sùm. Vậy mới biết khi có quyền trong tay thì phải rất cẩn thận. Mình dễ lạm dụng quyền hành lắm. Khi mình không lấy hoa hồng thì người ta lại nghĩ chắc ông này muốn đòi thêm. Thực sự mình không có tiêu cực, mình đảng hoàng cũng rất khó chứ không phải dễ.”

Đảm đương vị trí quan trọng tại Viện Hối đoái, Bùi Kiến Thành thường xuyên tương tác với giới doanh nhân. Mặt khác, trên chính trường Sài Gòn, ông vẫn là cánh tay đắc lực của anh em Ngô Đình Nhu, Ngô Đình Diệm. Về ‘người bạn Tổng thống’, ông kể:

“Từ thời gặp nhau bên New York ông Diệm đã thích chụp hình rồi. Hồi đó ông hay mượn máy ảnh của Cha Trần Văn Kiện, còn ở Sài Gòn hay mượn máy của anh Hà Di - anh thợ chụp ảnh mà bữa nào đi đâu thì chụp cho ông. Ông kêu bác Thành vào bảo chỉ cho cách chụp. Hai người ngồi xem, gỡ ra gỡ vào như hai người trong gia đình với nhau vậy.”

“Giữa bọn bè công việc của cả hai người như thế thì bác gặp ông Diệm vào thời gian nào ạ?”

“Lâu lâu ông lại gọi bác Thành vào chơi, nói chuyện. Bác Thành ăn cơm xong rồi vào. Ông nói suốt từ tám giờ tối đến một, hai giờ sáng. Ông nói nhiều còn mình chỉ ngồi nghe. Thì cũng như ở bên New York thôi, nhưng New York thì nói chuyện khác, ở Việt Nam thì nói những gì xảy ra trong ngày, ông đang vướng mắc chuyện gì... Ông hỏi ý kiến nhiều chuyện.

Làm tới cái chức thủ tướng, tổng thống rồi thì cô độc lắm, bạn thật không có, kiểu như

ông vua vậy. Toàn ông to này, ông to kia vào gặp, sợ mất ghế nên khi muốn trình bày cái gì là không dám nói thẳng, cứ vòng vo rồi đợi ông hỏi đến thì lựa cách trả lời. Trong số những người xin gặp nói chuyện có bao nhiêu người vào gặp vì quốc gia đại sự và bao nhiêu người vào xin xỏ quyền lợi, chức tước? Tâm lý của người đời, ở vị trí của mấy ông vua hay mấy người nắm quyền lực cao nhất là luôn có người đến cầu cạnh, nịnh hót mình. Điều đó rất nguy hiểm, và sau này ông Diệm cũng không thoát nổi. Có những người nói năng rất hay, đề nghị đủ thứ và cuối cùng lại là nịnh hót để xin một cái gì đó. Việc cầu xin không bao giờ xuất hiện ngay từ đầu mà thường những buổi đầu họ sẽ nói rất hay để mình mất hết sức đề kháng... Khi ngồi nói chuyện với ông mình thấy thật khó. Những người mình tưởng là có giá trị nhân cách, trí thức, lòng yêu nước, mình yêu mến biết bao nhiêu rồi đến lúc họ lo cho tương lai của họ, họ bỏ cả chức tước, bỏ cả mình mà chạy, hoặc mình buộc phải cho người ta thôi. Rồi mình hỏi: ‘Tại sao sáu đứa tụi tôi về làm trong ban nghiên cứu cho cụ mà sau cụ lại gửi tụi tôi đi, người thì đi làm đại sứ, người thì về Bộ Ngoại giao? Tụi tôi là một nhóm nghiên cứu hoạt động chung, có gì anh em đưa ra chia sẻ. Mỗi đứa mỗi nơi như thế nên lực lượng bị phân tán... Làm sao vậy?’ Ông buồn bã đáp: ‘Thật ra tôi cũng muốn các anh ở đây để cùng chung trách nhiệm nhưng tôi cũng không biết mình có đứng nổi không, thì thôi, gửi mỗi anh đi một nơi cho có việc làm cho ổn định.’ Tội nghiệp như thế đấy.

Ông có mấy người tùy viên đặc biệt, trong đó có ông già Ân đi theo từ những năm 1930 hay Đại úy Bằng, lúc ông Diệm qua Mỹ thì ảnh qua lái xe cho nhà bác Thành, ông Diệm về thì ảnh trở lại giúp ông Diệm. Có lần ông Diệm bức xúc điều gì đêm ngủ không được, sáu giờ sáng ông bảo tùy viên gọi mình vào. Ông ăn cháo với nước mắm và dưa, giản dị lắm, hỏi mình có ăn cùng không. Mình hỏi có việc gì thì ông kể đủ thứ chuyện trên đời. Thường thì tới tám giờ, tám rưỡi sáng là bên văn phòng sắp kín lịch cho ông Diệm hết rồi. Mình biết việc đó, mình nói: ‘Cụ ơi, bây giờ tám rưỡi rồi, mấy người ngồi chờ kia’, thì ông ấy bảo kệ họ. Ngoài kia bao nhiêu là tướng tá, tỉnh trưởng, bộ trưởng... ngồi chờ. Đến hai giờ chiều, bác Thành ăn chút cơm với ông Diệm xong mở cửa phòng đi ra, mấy người kia trông thấy bức lắm.”

“Mấy ông tướng tá, bộ trưởng đó đối với bác Thành thì như thế nào?”

“Họ nể anh Bùi Kiến Thành lắm. Mỗi lần bác Thành cần giúp gì, cầm điện thoại lên gọi thiếu tướng này, bộ trưởng kia nhờ là răm rắp hết. Nhưng là những việc nhà nước thôi, không hề nhờ việc cá nhân. Các anh ấy chịu khó nghe và rất cầu thị. Bộ trưởng Bộ Lao động Huỳnh Hữu Nghĩa ngày nào đi làm việc cũng qua ngủ trưa ở nhà bác Thành. Anh ấy thân thiết với bác Thành và rất nghịch ngợm. Có lần bà vợ Bộ trưởng Bộ Quốc phòng gọi nhầm vào số máy của anh, lại hỏi xem chồng mình ở đâu mà giờ này chưa về. Anh Nghĩa giả làm thư ký cho ông chồng, biểu bà đó: ‘Thưa bà, hồi nãy có bà nào đó đến đón ông đi rồi.’ Hay Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Trần Trung Dung, bác Thành nói một tiếng là xong. Nhưng mình cũng giới hạn chuyện đó, không có làm gì đâu. Nếu là người khác, họ đã lạm dụng mối quan hệ mật thiết ấy rồi, còn bác Thành, ông Diệm cần gì thì ông gọi vào thôi chứ bác cũng chẳng có gì để mà vào.”

“Sau khi Ngô Đình Diệm lên làm Tổng thống chính thể mới là Việt Nam Cộng hòa thì

thế nào ạ?”

“Có nhiều vấn đề khiến ông buồn phiền, ưu tư... Phong trào tố Cộng của luật sư Trần Chánh Thành, vấn đề chính quyền ‘gia đình trị’ do sự can thiệp của mấy ông em với cô em dâu, rồi xuất hiện những nhân vật Cộng sản nằm vùng ngay trong Phủ Tổng thống. Cuối năm 1955, bác Thành được cử đi Mỹ học nâng cao nghiệp vụ, đến khi trở về thì tình hình khác nhiều lắm rồi. Nhưng trước hết, bác sẽ kể cho Khoa nghe về thời kì ở Mỹ lần thứ hai nhé.”

Nghị vụ ngân hàng

Thời điểm ấy, số viên chức Việt Nam được đào tạo chuyên sâu về ngân hàng, nhất là về ngân hàng trung ương, rất hiếm. Một số người học được một chút về ngân hàng xuất khẩu, ngân hàng thương mại, tín dụng thư... nhưng nghị vụ ngân hàng trung ương, tức là ngân hàng quản lý nhà nước về hoạt động ngân hàng, thì còn thiếu. Được sự trợ cấp của tổ chức International Cooperation Administration, Chính phủ cử ba cán bộ tương đối cao cấp đi Mỹ đào tạo, đó là Lê Văn Hào, Lê Phát Đạt và Bùi Kiến Thành.

Lê Văn Hào lớn tuổi nhất trong nhóm, khoảng trên dưới 40, từng được đào tạo bên Pháp nên phong cách lịch lãm, đánh kiếm kiểu Pháp rất giỏi. Ông ở khách sạn riêng, có nhiều bạn gái và hằng hái tham gia các câu lạc bộ đánh kiếm. Lê Phát Đạt lớn hơn Bùi Kiến Thành mấy tuổi, hai người ở chung và có hai bà xã đi cùng. Đạt dạy kế toán ở trường Bách khoa bình dân, phu nhân là Mai Thị Dung, tiểu thư con thương gia Mai Văn Hàm di cư từ Bắc vào, tới giúp trường rồi họ cưới nhau.

“Trước tiên, bọn bác tới Washington tham gia Orientation, nghe hướng dẫn, giới thiệu về chương trình tu nghiệp và đào tạo về phong cách làm việc, học hành, ứng xử trong vòng một tháng. Họ nói, các anh đến từ các quốc gia chưa phát triển bằng nước Mỹ, vì vậy các anh qua đây học được kiến thức nhưng chưa chắc đã dùng được ở trong nước các anh đâu. Mỗi người lấy giấy ra viết mấy chữ: ‘Adapt not adopt’, áp dụng một cách linh hoạt chứ không áp dụng một cách máy móc kinh điển. Môi trường phát triển kinh tế khác nhau. Các anh cố gắng điều chỉnh, ứng dụng trong hoàn cảnh đặc biệt của mỗi quốc gia. Họ kể chuyện một anh đến từ Bali, hòn đảo nổi tiếng du lịch của Indonesia hiện nay nhưng 60 năm trước còn hoang sơ lắm, qua Mỹ chơi rất mê chiếc xe mô tô Harley Davidson to đùng, rồ rồ chạy oai lắm. Anh mua về, chạy lên chạy xuống trong làng, đâu được một tuần thì biến mất không thấy tăm hơi. Sau này, người ta điều tra ra là dân làng cửa cổ vớt cả người cả xe xuống biển... Cho nên, họ bảo học viên xem chừng cách ứng xử ở đất nước mình, đừng thấy người Mỹ làm thế này thế kia mà mình bắt chước thì rất nguy hiểm.”

“Sau một tháng đó, họ đào tạo như thế nào ạ?”

“Mỗi tuần lễ họ đều đưa ra một chương trình cụ thể, tuần này thì đi làm việc ở ngân hàng nào, học cái gì. Mình được đưa về Chase Manhattan Bank, ngân hàng thương mại lớn thứ hai ở New York, sau Citibank. Hồi đó, luật ngân hàng bên Mỹ quy định ngân hàng chỉ được hoạt động trong phạm vi thành phố chứ không được ra tới tiểu bang. Mình học từ những nghiệp vụ cơ bản nhất, khi khách hàng tới gửi tiền thì phải đếm tiền, ghi tiền, cho biên nhận, sắp tiền trong ngăn kéo... Tất cả nghiệp vụ nhận tiền và trả tiền như thế nào đều được học. Mỗi người làm việc sau quây, có một cái hộp tiền riêng, buổi sáng tới thì cho vào học bàn của mình. Đủ hết các loại tiền 1 đô la, 10 đô la,... Cuối giờ từng người kiểm tra thu chi, cộng lại phải đúng, không thiếu một xu, thiếu cũng là lỗi mà dư cũng là lỗi. Anh trách nhiệm bộ phận chi thu phải có con số đầy, bấm nút chuyển lên trên bộ phận kiểm soát của

ngân hàng kiểm tra lại rồi bấm nút chuyển qua ở Ngân hàng Trung ương, không quá một, hai phút thì Ngân hàng Trung ương sẽ biết. Ngân hàng thương mại quản lượng tiền vào ra như thế. Nghiệp vụ sơ đẳng nhất của ngân hàng, thu tiền và trả tiền, là việc làm rất chi tiết và có phương pháp chặt chẽ.”

Bùi Kiến Thành lại được học cấp tín dụng như thế nào, coi hồ sơ của từng dự án người ta đem tới khả thi hay không khả thi, quyết định có cấp tín dụng hay không, nhiều tới mức nào thì đưa lên giám đốc, nhiều hơn nữa thì đưa lên hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị làm việc thế nào, họp mỗi tháng mỗi tuần định kì ra sao. Một thành viên hội đồng quản trị có thể bay từ Cali về, từ nước khác qua, thành viên hội đồng quản trị không chỉ trong ngân hàng mà mời cả những đơn vị kinh doanh ngoài ngân hàng. “Mấy anh có đủ kinh nghiệm hoạt động doanh nghiệp đó, nên có vốn kiến thức rất mạnh, tới ngồi xuống nghe trình bày khoảng 20 dự án. Mỗi dự án giải trình chưa đầy năm phút, xong rồi thì ‘ok’, ‘không ok’. Cái này thiếu, không xong thì đẩy sang một bên, anh phải xem lại điểm này điểm kia rồi lần sau báo cáo lại. Mình làm sao tưởng tượng được trong thời gian chừng một tiếng đồng hồ thôi mà nó có thể giải quyết được hàng chục hồ sơ, hồ sơ nào cũng lên tới dăm bảy chục, trăm triệu, thậm chí là hàng tỉ đô la. Phương cách làm việc của hội đồng quản trị hiệu quả kinh khủng lắm. Và từng bước từng bước, mình đi qua hoạt động của ngân hàng thương mại.”

“Sau ngân hàng thương mại, họ đào tạo về ngân hàng nào ạ?” Xuân Chi đặt câu hỏi. Cả cô và Thanh Huyền đều tốt nghiệp chuyên ngành về tài chính nên khá thích thú với chủ đề này.

“Tiếp là ngân hàng đầu tư. Ngân hàng đầu tư khác ngân hàng thương mại ở chỗ nó không mở tài khoản, nó quan hệ với tất cả những nguồn vốn dài hạn trong nước cũng như thế giới. Chẳng hạn, một công ty cần một số tiền để mua lại một công ty khác, hội đồng quản trị quyết định đưa sang ngân hàng đầu tư. Ngân hàng đầu tư lập kế hoạch xong thì điện thoại cho các hệ thống, các nguồn vốn dài hạn, chỉ nội một tuần, thậm chí một, hai ngày là có đủ số tiền đó. Mình lần qua hết, nào là thu xếp vốn, nào là phát hành cổ phiếu, anh nào đứng ra bảo đảm phát hành cổ phiếu, anh nào phát hành trái phiếu...”

Rồi mình được gửi qua Ngân hàng Trung ương. Vui lắm, lần đầu tiên họ muốn tạo cho mình ấn tượng, mới dẫn xuống dưới chín tầng hầm, tới tầng hầm thứ sáu, thứ bảy gì đó là cái kho chứa tiền và kho chứa vàng. Kho của Ngân hàng Trung ương Mĩ có cửa vào từ trên đóng xuống như cái nút chai vậy, con ruồi cũng không thể bay vào. Cái nút chai nặng hàng chục tấn. Xung quanh Ngân hàng Trung ương đầy lính bảo vệ lăm lăm súng đứng gác, mỗi lần xe chở tiền tới ra bao vây thì không có ai mà ăn cắp được hết. Mỗi tầng làm việc đều có lính bảo vệ. Nơi để vàng thì khỏi phải nói, năm bảy lớp mới đến. Vàng từng thỏi từng thỏi như cục gạch chất thành đống. Rồi mỗi ngân hàng trung ương nước ngoài, như Ngân hàng Trung ương Việt Nam đó, gửi bao nhiêu tấn vàng ở Ngân hàng Trung ương Mĩ thì có một chỗ riêng. Ngoài ra, họ cho xem nơi hủy tiền. Mỗi lần đồng đô la cũ không còn đủ chất lượng lưu thông thì được gửi về Ngân hàng Trung ương, phân loại mệnh giá và đưa vào kho đặc biệt để hủy. Trước khi hủy thì phải đốt, trước khi đốt thì đục hai cái lỗ bốn cạnh để xác

định là không xài được nữa, rồi cắt ra làm đôi, đẩy vào lò, đốt hai nửa vào hai ngày khác nhau chứ không khi nào đốt nguyên tờ.”

Về lĩnh vực mà mình kinh nghiệm và tâm huyết, Bùi Kiến Thành nói say sưa không hề mệt mỏi:

“Rồi mình mới lên trên xem dịch vụ của Ngân hàng Trung ương là như thế nào. Thứ nhất, chuyển tiền và thu tiền từ các ngân hàng về. Ví dụ, Citibank cần hai triệu tiền giấy bạc thì Ngân hàng Trung ương phải chuyển hai triệu lên xe bọc sắt để chở qua bên ấy. Mỗi lần các ngân hàng cần dùng giấy bạc mới thì phải làm phiếu mua của Ngân hàng Trung ương. Khi những ngân hàng gửi tiền trở lại thì nó ghi nhận vào. Đó là về tiền mặt, còn thanh toán séc thì Ngân hàng Trung ương chịu trách nhiệm cho các ngân hàng khác, gọi là ‘clearing house’. Ví dụ, người New York kí séc cho người Chicago hay ngược lại thì nó là nơi đếm tất cả những cái séc đó. Hồi đó không phải như bây giờ áp dụng công nghệ thông tin, tự động hóa mà phải làm hết, khổ cực lắm. Cầm cái séc ngân hàng nào thì đánh dấu ngân hàng đấy, bao nhiêu tiền thì đánh vào, từng cái từng cái một. Mỗi ngày làm cả triệu cái séc mà cuối ngày cộng lại phải cho đúng số, từ đó biết được từng ngân hàng thương mại có những tài khoản như thế nào, có bao nhiêu tiền giấy bạc lưu thông, bao nhiêu tiền ra tiền vào, mỗi ngân hàng có đủ tiền dự trữ hay không, hay là dư, không đủ sẽ bị phạt. Rồi xem giải quyết như thế nào? Việt Nam mình cũng có hoạt động tương tự, gọi là thị trường liên ngân hàng đó. Anh thiếu mua của anh dư để đắp vào. Ví dụ, cần 9% mà có 8,8% thì phải đắp vào 0,2%. Nội trong đêm đó phải giải quyết hết, mua qua bán lại, dựa vào đó mà tính ra lãi suất liên ngân hàng của ngày hôm đó.”

Tôi, một kẻ ngoại đạo, buột miệng nêu ý kiến:

“Ngân hàng Trung ương như cháu thấy, có một trách nhiệm quá nặng nề...”

“Quan trọng là nó phải dự báo trong thời gian tới nó phải phát triển tín dụng, đầu tư, thương mại như thế nào, nền kinh tế cần bao nhiêu tiền, kiểu như đo huyết áp người ta vậy. Tỉ dụ như M1 là tiền giấy bạc lưu hành, M2 là giấy bạc lưu hành cộng tiền trong tài khoản, thì mỗi buổi sáng Ngân hàng Trung ương phải biết M1, M2 và phải dự đoán trong tuần đấy, tháng đấy thì M2 của nền kinh tế sẽ là bao nhiêu. Nếu M1 hôm qua cộng lại dư ra hay không đủ so với nhu cầu huyết áp của nền kinh tế hôm nay, thì nó dùng những công cụ quản lí để bán ra hay mua vào bao nhiêu giấy tờ có giá của ngân hàng nhằm thu tiền vào hoặc đẩy tiền ra. Mình làm việc với ban lãnh đạo Ngân hàng Trung ương thì họ dạy mình điều tiết lưu lượng tiền tệ cho nền kinh tế phát triển ổn định, bền vững, không thừa tiền và không thiếu tiền. Ngân hàng Trung ương được quyền phát hành giấy bạc, phát hành tín dụng không có đối ứng. Khi trước thì nó có đối ứng, có thời Ngân hàng Trung ương chỉ phát hành giấy bạc nếu có vàng trong kho, bao nhiêu vàng thì được phát hành bấy nhiêu tiền, không được phát hành qua khỏi giá trị vàng mà nó có, gọi là ‘gold standard’ đó. Đến một thời điểm thì phương cách đó trở nên lỗi thời, không đáp ứng được nhu cầu của nền kinh tế. Việc chi tiền ra mua vàng về chẳng có ích lợi gì cho nền kinh tế. Tiền tệ đảm bảo được sức khỏe của nền kinh tế chứ không phải là bao nhiêu vàng. Không vàng nào có thể đủ để

đảm bảo cho lượng tiền hay lượng tín dụng, tất cả vàng trên thế giới cũng không đủ số tiền mà các quốc gia phát hành giấy bạc được.”

“Như vậy Ngân hàng Trung ương cần có khả năng dự báo cực kì mạnh.”

“Phải ổn định kinh tế vĩ mô. Nó theo dõi tất cả các thống kê trong nước để biết là kinh tế đang ra sao, dân số tăng đến đâu, GDP lên xuống như thế nào, nhân công thất nghiệp thế nào, xuất khẩu bao nhiêu, nhập khẩu bao nhiêu... Mỗi ngày nó đều phải cập nhật tất cả các thông tin dữ liệu đó để bắt mạch nền kinh tế, tháng tới sẽ lên xuống thế nào, cái nào hợp lí, cái nào không hợp lí, phải điều chỉnh như thế nào. Trong Điều luật Dự trữ Liên bang Mỹ (Federal Reserve Act) năm 1913⁽¹⁾ thì Ngân hàng trung ương có nhiệm vụ điều tiết lưu lượng tiền tệ với mục đích cuối cùng là đảm bảo tận dụng nguồn lao động, để nhân công không bị thừa cũng không bị thiếu. Nhiều việc quá thì dẫn đến khan hiếm nhiên liệu, khan hiếm nhân công, giá nhiên liệu, nhân công tăng cao. Sản phẩm cận biên mà giá quá cao là không được. Ngân hàng Trung ương phải đảm bảo mặt bằng lãi suất hợp lí lâu dài. Không biết trong thời hạn năm năm, ba năm nữa lãi suất nó sẽ như thế nào thì chịu không làm kế hoạch kinh doanh được.”

Để giúp chúng tôi hiểu rõ hơn, bác Thành giải thích về phương thức quản lí hệ thống ngân hàng của Mỹ. Đứng đầu hệ thống ngân hàng Mỹ là Cục Dự trữ Liên bang (Federal Reserve System - Fed), bao gồm 12 ngân hàng dự trữ liên bang khu vực. Mỗi ngân hàng khu vực chỉ quản lí vùng của mình chứ không phải toàn nước Mỹ. Hội đồng thống đốc của cả hệ thống nằm ở Washington gồm bảy thống đốc do Tổng thống đề cử và Quốc hội phê duyệt, nhiệm kì 14 năm, trong đó có một người là Chủ tịch Hội đồng thống đốc, nhiệm kì bốn năm và có thể tái đề cử. Nếu thống đốc mắc lỗi thì chỉ Quốc hội có thể miễn nhiệm thôi chứ không ai kể cả Tổng thống được quyền bãi chức. Chủ tịch Hội đồng thống đốc làm nhiệm vụ thông tin điều tiết cùng những người khác. Khi có vấn đề quan trọng cấp bách, Hội đồng Thống đốc họp lại ra quyết định mà không cần báo cho Tổng thống. Thứ bảy ngân hàng không làm việc nên họ thường họp vào chiều thứ sáu, đêm thứ sáu ra quyết định, ngày thứ hai áp dụng luôn, không để rò rỉ thông tin gây ảnh hưởng đến thị trường chứng khoán hay những tác động tương tự. Cũng có khi họ họp một mạch từ chiều thứ sáu tới sáng thứ bảy chứ không để vấn đề dở dang.

“Nhưng tại sao cơ chế của Hội đồng Thống đốc Ngân hàng Trung ương lại không phải qua Tổng thống ạ?”

“Vì Ngân hàng Trung ương hoạt động theo lợi ích của dân tộc, quốc gia, còn Tổng thống tuy đứng đầu đất nước nhưng vẫn là đại diện cho một chính đảng, hoặc là Cộng hòa, hoặc là Dân chủ. Nếu Tổng thống có quyền tác động thì ông có thể ra những quyết định có lợi cho đảng của mình. Thống đốc phải hoàn toàn độc lập vì sự phát triển của nền kinh tế, hoạt động rồi báo cáo cho Quốc hội và Tổng thống nắm thông tin. Họ cũng không có nhiều thì giờ, ví dụ thành thông lệ mỗi sáng thứ hai Chủ tịch Hội đồng Thống đốc gặp, ăn sáng và làm việc với Bộ trưởng Bộ Tài chính Mỹ... Ngân hàng Trung ương có vai trò đặc biệt thú vị lắm. Đảm bảo nền kinh tế có đủ lưu lượng tiền tệ để phát triển cũng giống như làm sao đủ nước

cho lúa mọc lên. Khi gieo mạ cần bao nhiêu nước, khi lúa lên cần bao nhiêu nước, khi lúa chín cần bao nhiêu nước... Những điều này mình không thể nào bịa được, mình phải đi học thôi. Không đi học làm sao mình đủ kiến thức để hiểu, chứ đừng nói đến chuyện làm.”

“Bác hoàn thành khóa học trong bao lâu và sau đó thì sao ạ?”

“Thời gian học là một năm. Học xong thì hai anh kia được điều về. Còn bác Thành, Chính phủ ra quyết định bổ nhiệm làm Đại diện Ngân hàng Quốc gia Việt Nam tại New York.”

Đó là câu chuyện chúng ta sẽ chia sẻ ở phần tiếp theo.

Làm đại diện ngân hàng và làm cha

C háng rõ ngày còn trẻ sức làm việc của Bùi Kiến Thành như thế nào, chỉ biết trước mặt tôi bây giờ là một người đàn ông tóc bạc có tinh thần và thái độ làm việc khiến thanh niên phải kính phục.

Tiếp nối mạch chuyện đang dở, tôi hỏi:

“Bác kể cho cháu nghe về công việc của người đại diện Ngân hàng Quốc gia Việt Nam được không ạ?”

“Năm đó bác Thành 25 tuổi. Đây là quyết định của Chính phủ chứ không phải của Thống đốc, trong quyết định có nói đến một nhiệm vụ là theo dõi việc thực hiện chương trình viện trợ kinh tế Mỹ. Chính phủ Mỹ lúc đó viện trợ thương mại cho Việt Nam Cộng hòa khoảng chừng hơn 300 triệu đô la một năm, có năm xuống còn hơn 200 triệu đô la và sau xuống còn hơn 100 triệu đô la. Chính phủ Mỹ không cho Chính phủ Việt Nam trực tiếp tiền mặt để chuyển đổi ra tiền Đồng trả lương cho công chức hay quân đội mà Chính phủ Việt Nam cấp giấy phép cho doanh nghiệp Việt Nam mua hàng của Mỹ đem về. Chính phủ Mỹ dùng tiền viện trợ trả cho anh xuất khẩu bên Mỹ. Mình có tín dụng thư xuất khẩu thì anh doanh nghiệp Việt Nam trả cho ngân hàng thương mại Việt Nam bằng tiền Đồng. Ngân hàng Thương mại chuyển tới Ngân hàng Trung ương số tiền đã thu của người nhập khẩu bên Việt Nam. Ngân hàng Trung ương chuyển sang ngân khố của Chính phủ Việt Nam Cộng hòa, Chính phủ dùng tiền đó trả lương cán bộ. Như vậy Mỹ viện trợ hàng hoá cho Chính phủ Việt Nam Cộng hòa, Chính phủ Việt Nam Cộng hòa bán hàng đấy cho doanh nghiệp, doanh nghiệp bán lại cho nhân dân để lấy tiền vận hành Chính phủ. Nó không tạo ra tiền không mà có đối ứng là hàng hóa đem về. Không phải Chính phủ Việt Nam Cộng hòa cứ in giấy bạc ra phát hành vô tội vạ. Chương trình viện trợ kinh tế Mỹ là như vậy.”

“Cụ thể thì quy trình xử lý từ Sài Gòn như thế nào ạ?”

“Sở Ngoại thương của Bộ Kinh tế cho giấy phép nhập khẩu, gửi xuống Viện Hối đoái của Ngân hàng Quốc gia để xem chương mục đó có đúng không, khi có đủ hai chữ ký của Bộ Kinh tế và Viện Hối đoái thì ngân hàng mở tín dụng thư cho phép nhập khẩu. Mỗi lần Chính phủ Việt Nam Cộng hòa cần tiền thì xin Chính phủ Mỹ giấy phép giải ngân, gọi là Procurement Authorization (PA). Ngân hàng Quốc gia Việt Nam gửi giấy đó qua cơ quan viện trợ Mỹ, khi đó cơ quan viện trợ Mỹ mới trích ra số tiền ví dụ như là 10 triệu đô la để Việt Nam nhập khẩu được phẩm. Giấy giải ngân chuyển về Ngân hàng Quốc gia, thông báo cho Bộ Kinh tế là có 10 triệu đô la để nhập khẩu được phẩm. Bộ Kinh tế mới cho ông A, ông B, ông C... giấy phép nhập khẩu được phẩm trích trong quỹ 10 triệu đó. Mình mở tín dụng thư ở Sài Gòn nhưng thanh toán ở Mỹ nên Ngân hàng Quốc gia Việt Nam chỉ định một ngân hàng thương mại Mỹ làm dịch vụ theo dõi, thanh toán. Mỗi khi có giấy phép giải ngân, ngân hàng đó phải trả tiền đô la cho tín dụng thư từ Việt Nam gửi qua. Dịch vụ ngân

hàng phải theo dõi danh mục hàng, danh mục tiền trả cùng tất cả tài liệu được cung cấp. Dù chứng từ thì anh trả tiền cho người cung cấp và báo cho bên Sài Gòn biết anh đã thanh toán trên cái tín dụng thư đấy rồi. Anh ngân hàng Việt Nam nào xuất tín dụng thư đó ra thì báo cho Ngân hàng Nhà nước biết là anh đã thu tiền của nhà nhập khẩu và trả vào cho Ngân hàng Nhà nước.”

“Và công việc của bác ở đây là gì ạ?”

“Ngân hàng Mỹ phải theo dõi từng lệnh giải ngân như thế, ví dụ giải ngân 10 triệu này gửi cho ngân hàng nào làm, sau thêm 20 triệu mua ô tô thì gửi cho ngân hàng nào làm. Trong 300 triệu, mấy chục lệnh giải ngân như thế thì mình phải theo dõi. Nếu ngân hàng thương mại Mỹ trễ nải thì Chính phủ Việt Nam Cộng hòa không có tiền đối ứng để xài. Họ trễ nải thì mình điện thoại cho anh chủ tịch, phó chủ tịch của ngân hàng đó mình nói chuyện.”

“300 triệu đô la ở thời điểm 1956 là một khoản tiền cực lớn.”

“Bây giờ, tổng tài sản của Citibank chừng 2.000 tỉ đô la, mà hồi đó mới có bảy tỉ thôi. 300 triệu đô la hồi đó tương đương với mấy chục tỉ không chừng. Một anh đại diện Ngân hàng Quốc gia Việt Nam, nắm trong tay quyền đề xuất với Thống đốc Ngân hàng Quốc gia quyết định số tiền như vậy thì giao cho ai làm. Như vậy bác Thành có quyền hạn tương đối lớn, có sức mạnh để điều hành các ngân hàng thương mại Mỹ làm việc cho mình và họ kiếm được nhiều tiền lắm.

Mình đã quen công việc ở Federal Reserve rồi, mình biết hết tất cả những số tiền Chính phủ Việt Nam Cộng hòa có, dự trữ bao nhiêu, làm gì với cái dự trữ đấy. Mình hết sức ngạc nhiên là số tiền cả trăm triệu đô gửi ở Ngân hàng Trung ương Mỹ không có lãi suất gì cả. Trời đất ơi, hàng trăm triệu đô la thế này... Mình đi mua trái phiếu nhà nước Mỹ không rủi ro gì cả, mà được 3,5% đến 4%. Tại sao bỏ một đồng tiền ở đấy mà không có phần trăm lãi nào hết? 100 triệu đô la, 3% thành ra mấy triệu đô la rồi mà sao không ai lăn tăn gì hết trơn? Mình nghĩ vậy mới đề nghị với Thống đốc Ngân hàng Quốc gia chia ra từng gói nhỏ để gửi cho các ngân hàng thương mại lớn thì lãi suất cao hơn là trái phiếu nhà nước Mỹ, đồng thời mình là chủ tài khoản lớn thì được nể nang vô cùng. Bác Thành phân cho Citibank 30 triệu, anh này anh nọ 20 triệu..., mấy ngân hàng lớn của New York phải chạy theo săn đón, xin mình mở tài khoản gửi tiền vào. Mình bảo gì họ phải nghe, mình thấy gì chưa bằng lòng mình nói thì họ sợ rằm rắp. Rồi họ mời đi coi hát ở Broadway, thăm chỗ này chỗ kia. Bên Mỹ coi hát là phải mua vé trước cả năm trời, mà mỗi vé hồi đó cỡ năm bảy chục, có khi tới cả trăm đô la.

Hồi đó David Rockefeller, một trong sáu anh em nhà Rockefeller lừng lẫy, là Phó Chủ tịch của Chase Manhattan Bank mời mình đến phòng ăn riêng dành cho khách VIP ăn trưa, rồi ngồi nói chuyện. Ông nói: ‘Nếu anh thấy có cái gì không bằng lòng, cho tôi biết.’ Thế giới kinh doanh thượng đẳng Mỹ giao thiệp với nhau rất chặt chẽ, rất nhạy bén. Có lần bác Thành không nói không rằng, chuyển 20 triệu đô la từ ngân hàng này qua ngân hàng khác, tức thì họ loạn lên ngay. Họ không hiểu tại sao mình có động thái bất ngờ như thế.

Chuyến 20 triệu đô la hồi đó giống như là bây giờ 40.000 tỷ Việt Nam đồng ở Việt Nam chuyển từ ngân hàng này qua ngân hàng kia. Họ mời mình tới ngay để hỏi mình, để lo giải trình.”

“Bác có nhận nhiệm vụ nào khác không?”

“Bác Thành có theo dõi hoạt động của American Friends of Vietnam, một tổ chức vận động hành lang để gây ảnh hưởng tại Quốc hội Mỹ. Ví dụ mỗi khi Quốc hội bàn vấn đề gì liên quan đến Việt Nam thì mình phải vận động họ ủng hộ, đưa bài lên báo chí... Theo bác Thành được biết, Wesley Fishel là người ‘thầy rùa’ cho Chính phủ Ngô Đình Diệm nhờ một nhóm người Do Thái lập nên Hội Những người bạn Mỹ của Việt Nam.”

Chủ tịch hội, người giữ cương vị này cho đến năm 1963 là tướng John W. O’Daniel, Chủ tịch danh dự cho đến năm 1957 là tướng William J. Donovan, Giám đốc điều hành là Leo Cherne. Qua nhiều thời kì, Hội có sự tham gia của nhiều học giả như Wesley Fishel, I. Milton Sacks, Robert Scalapino, George Tanham, và Frank Trager; nhiều chính trị gia như các thượng nghị sĩ John F. Kennedy và Mike Mansfield, Norman Thomas - người đứng đầu Đảng Xã hội Mỹ, Joseph Buttinger... Ngoài ra còn có giới doanh nhân và các nhà báo⁽¹⁾.

“Lúc này bác gái làm gì ạ?”

“Bà xã đi học Tiến sĩ về Giáo dục, ‘Management in higher education’ ở Columbia. Con gái đầu lòng sinh tháng 6 năm 1957, đặt tên là Kim Chi. Trước khi sinh, nhân viên y tế hướng dẫn bố mẹ cách tắm, thay tã, chăm sóc con... Thế là phải phân công ra, lúc nào bà xã đi học thì mình ở nhà bế con. Khi đi làm thì toàn tiếp các tỉ phú, nhưng khi ở nhà mình cũng biết thay tã cho con gái. Cũng phải thế chứ. Mình phải học cách giữ con, cho nó ăn, bà xã vắng nhà, mình đặt con ngửa ra, đỡ đầu con, cho con bú bầu. Một hôm, con bé uống sữa cứ ọc ra ba, bốn lần không giữ được, mình mới gọi điện cho bà bác sĩ gia đình bên Mỹ. Bà nói, thôi đừng cho bú sữa nữa, lấy nước trà đặc bỏ đường vào rồi cho uống nó sẽ giữ lại, không bị xót ruột mà ọc ra. Trà đặc có chất làm bao tử yên lại. Thỉnh thoảng vợ chồng được mời đi coi hát thì phải nhờ chị Ngô Bá Thành xuống làm ‘babysitter’. Chị ấy là luật sư quốc tế. Sau này chị ấy là người đầu tiên đi từ Mỹ qua Liên Xô hoạt động theo hướng Xã hội chủ nghĩa. Những năm 1991 lúc bác Thành về nước thì chị ấy làm được nhiều việc lắm, được trao tặng bao nhiêu huân chương, giải thưởng của Việt Nam và nước ngoài.”

“Rồi bác ở lại Mỹ đến chừng nào thì về?”

“Để tổ chức Vụ Thanh tra cho Ngân hàng Quốc gia nhằm kiểm soát chặt chẽ hoạt động của các ngân hàng thương mại, bác Thành mới nói Ngân hàng Trung ương Mỹ lên một chương trình đào tạo đội ngũ thanh tra cho Ngân hàng Quốc gia Việt Nam ở Sài Gòn. Ngân hàng Trung ương bên New York cử một đội qua giúp tổ chức Vụ Thanh tra cho Ngân hàng Quốc gia thì mình phải về giúp. Khi ấy con gái mới tám tháng tuổi. Bà xã còn học sáu, bảy tháng nữa mới xong, bèn nói: ‘Cậu ẵm nó về giùm đi, về Việt Nam thì có thể nhờ vú nuôi chứ mình ở đây làm sao vừa giữ con vừa đi học được.’ Mình mua vé máy bay giường nằm, pha sẵn mười mấy bình sữa, lên máy bay giao cho mấy cô tiếp viên, nói bỏ vào tủ lạnh, khi

nào cần tôi sẽ bấm nút rồi hâm nóng và mang lên giùm. Đang trên đường thì máy bay trực
trắc, phải hạ cánh xuống Philippines đúng một ngày. Mình phải thương lượng với người
trong khách sạn nhờ mua đúng loại sữa mà con gái đang dùng, rồi súc chai, đun nước, pha
sữa, thay tã, chuyên nghiệp lắm, như một bà mẹ thực thụ.”

Và đó là câu chuyện chàng trai Bùi Kiến Thành qua Mỹ học ngân hàng và học làm cha.

Dân doanh và vị thế quốc gia

Thay vì 24 giờ về tới Sài Gòn thì cha con Bùi Kiến Thành mất hai ngày. Về đến nơi, cả nhà bức xúc. Bà bác sĩ Tín kêu: “Vợ mày làm cái gì mà nó để mày làm thế này?”

Bà cố gắng giúp đỡ Bùi Kiến Thành chăm sóc bé gái mới tám tháng tuổi trong lúc vắng mẹ. Đó là năm 1958. Tìm người trông nom Kim Chi không phải dễ vì cách nuôi trẻ ở Mỹ khác hẳn ở Việt Nam. Cuối cùng, gia đình Bùi Kiến Thành nhờ được một chị đã có kinh nghiệm trông con cho Giám đốc Ủy ban Cứu trợ quốc tế IRC tại Việt Nam. Có người giúp việc nhà, Bùi Kiến Thành rảnh rang trí óc để làm việc. Sau thời gian tu nghiệp và làm việc tại Hoa Kỳ, chàng trai Bùi Kiến Thành đã có nhiều kinh nghiệm hơn, nhiều mối quan hệ hơn và sắc sảo hơn trong tư duy.

“Bác tiếp tục công việc tại Ngân hàng Quốc gia chứ ạ?”

“Tiếp tục nhưng không được bao lâu. Bác Thành đưa đoàn chuyên gia của Mỹ qua giúp xây dựng Vụ Thanh tra làm việc với Giám đốc Ngân hàng là anh Nguyễn Hữu Hanh, học bên Pháp về, hơn bác chừng bảy, tám tuổi. Hai bên không đồng ý với nhau về cách vận hành. Mình thì không muốn xung đột với lãnh đạo Ngân hàng Quốc gia. Mình suy nghĩ, việc lập Vụ Thanh tra không có mình vẫn triển khai được, mà thời điểm này mình xin ra ngoài phát triển thành phần dân doanh là phù hợp. Bác Thành mới tới gặp Tổng thống Diệm để xin phép. Ông nói: ‘Anh có giận dữ gì không? Đang làm tốt vậy tại sao nghỉ?’ Mình không công kích ai mà chỉ bảo: ‘Bây giờ có nhiều người tốt rồi, họ làm được. Nhưng mà ở Ngân hàng Quốc gia còn nhiều khâu quản lý chưa chặt chẽ, có gì cù lưu ý.’ Ông nói: ‘Tùy anh thôi. Bao nhiêu kinh nghiệm anh có mà giúp được Ngân hàng Quốc gia Việt Nam thì hay biết mấy, nhưng nếu anh quyết tâm đi ra khu vực dân doanh thì cũng không vấn đề gì.’”

“Lúc đó bác đã có dự định tham gia vào khu vực dân doanh thế nào chưa ạ?”

“Cơ hội cũng lạ lắm. Mình nói thế rồi tự nhiên Chủ tịch sáng lập Công ty Bảo hiểm American International Underwriters, gọi tắt là AIU, tiền thân của tập đoàn American International Group, AIG nổi tiếng sau này đó, là ông Cornelius Vander Starr mời bác Thành vào làm.”

Bác Thành say sưa kể về lịch sử hình thành của AIG như một dẫn chứng cho việc nắm bắt vận hội. Starr là người Do Thái và từng là quân nhân. Năm 1919, khi 27 tuổi, ông khởi nghiệp dịch vụ bảo hiểm từ một đại lý nhỏ tại Thượng Hải, Trung Quốc với 25 đô la trong túi. Vần vắn 25 đô, vậy mà Starr xây dựng nên vương quốc AIG, cho đến trước khủng hoảng năm 2008, đó là tập đoàn bảo hiểm và tài chính hàng đầu thế giới. Starr đưa dịch vụ bảo hiểm của mình đến Đông Dương từ năm 1925. Tới năm 1959, AIU là công ty Mỹ duy nhất trong số hơn 30 công ty bảo hiểm nước ngoài hoạt động ở Sài Gòn. Họ muốn thay đổi ban lãnh đạo, thay ông giám đốc người Pháp bằng một người Việt Nam có đủ năng lực, kiến

thức, uy tín đối với chính quyền sở tại. Họ đi lòng khắp nơi và có người chỉ đến Bùi Kiến Thành.

“Buổi đầu ông chưa qua, mà gửi CEO bên Hong Kong qua, cũng là một ông rất nổi tiếng tên là Kong Kai Tse, thường gọi là KK, hai chữ đầu tiên. Sau này họ cũng gọi bác Thành là BK. Ông này được biết đến là viên chức tư nhân lãnh lương cao nhất Hong Kong, cao hơn cả Thống đốc. Sau Starr qua gặp bác, ông quý trọng người châu Á và quyết tâm phát triển. Ông thuyết phục mình chấp nhận lời mời. Bác suy nghĩ thấy đây là một cơ hội lớn để học hỏi chứ không chỉ là làm việc, lĩnh vực này còn có thể phát triển rất tốt. Vậy nên bác đồng ý, trở thành người Á Đông đầu tiên nhận chức vụ Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc AIU tại Sài Gòn.”

“Họ có thể mời bác vào vị trí ấy khi bác chưa hề có kinh nghiệm và kiến thức nghiệp vụ về lĩnh vực này ạ?” Tôi ngạc nhiên.

“Người Mỹ làm việc chu đáo lắm. Để đặt vấn đề thì họ đã phải nghiên cứu tiểu sử của mình rồi. Thời đó mà có anh Việt Nam học từ Columbia ra, là trường kinh doanh hàng đầu, về làm trợ lý cho Thủ tướng, rồi tiếp quản Ngân hàng Trung ương do Pháp giao lại, rồi làm Viện Hối đoái, rồi qua Mỹ làm Đại diện Ngân hàng Quốc gia Việt Nam, về lại ‘available’ thì ông ấy thấy đây là một cơ hội rất hiếm... AIU hồi đó chưa làm bảo hiểm nhân thọ, chỉ chuyên bảo hiểm phi nhân thọ. Mình chưa làm bảo hiểm bao giờ thì mình phải học, họ gửi qua Hong Kong sáu tháng để làm quen với tổ chức. Mỗi ngành bảo hiểm phi nhân thọ như bảo hiểm vận chuyển, hàng hải, hỏa hoạn,... mỗi ngành mình mất chừng một tháng để học.

Ngoài ra, họ bổ nhiệm anh Marius Belle, đang làm Phó Giám đốc khu vực châu Á bên Hong Kong qua đặc trách chi nhánh Sài Gòn để hỗ trợ cho mình. Anh là người Lyon - Pháp, thích ăn ngon và làm bảo hiểm rất chuyên nghiệp. Họ lại bổ trí thêm một phó giám đốc nữa là anh Jack Shaw người Hong Kong, cũng rất giỏi chuyên môn. Mình giao anh lo những việc liên quan đến Á Đông, Hong Kong hay cộng đồng người Hoa, anh kia lo cộng đồng Âu châu, mình lo trách nhiệm toàn bộ, chủ yếu là khối doanh nghiệp Mỹ và Việt Nam. Thị trường những người Hoa ở miền Nam rất quan trọng. Đầu thế kỷ XX, trên thì có Pháp, dưới có Hoa kiều chiếm 80, 90% thương mại miền Nam. Ăn thua là vận dụng tài năng của cộng đồng. Những người giỏi mà mình cố gắng nâng đỡ thì người ta sẽ cố gắng hết sức để làm thôi. AIU có sẵn bộ máy, sẵn đội ngũ nhân viên tư vấn cả rồi, mình vào phát triển lên. Có anh người Hoa là tư vấn viên giỏi nhất đất Sài Gòn, mình anh ấy đem về hơn nửa doanh thu cả công ty, như người hùng vậy đó... Ai đi học kinh doanh cũng phải biết một chút về bảo hiểm, nhưng có ai ngờ một anh thanh niên 27 tuổi chưa biết bảo hiểm là gì lại dám bắt tay điều khiển một công ty bảo hiểm.”

“Vâng, vậy bác triển khai công việc thế nào?”

“Trước năm 1954 Pháp kiểm soát bộ máy hành chính nên các công ty bảo hiểm Pháp ở mình phát triển mạnh. Giờ Pháp rút đi và ảnh hưởng của Mỹ tăng lên, mình phải vận dụng triệt để thời cơ để phát triển. Mỹ viện trợ thương mại cho Việt Nam Cộng hòa mấy trăm triệu đô la một năm. Mình đi thương lượng với tất cả ngân hàng, giờ chúng tôi là công ty

Mỹ, làm bảo hiểm cho nó là tốt nhất, mình đón gần như toàn bộ hàng hóa từ Mỹ qua. Mấy công ty Pháp coi như thất trận, mới tìm cách khai thác, tận dụng khả năng của mình, bầu mình làm Chủ tịch Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam. Mình còn được mời qua Nhật họp Hiệp hội Bảo hiểm Đông Á (East Asia Insurance Congress). Tới năm 1962 thì AIU đã vươn lên đứng đầu trong các công ty bảo hiểm tại Sài Gòn.

Họ còn khai thác mình ở cái gì nữa? Thì cái anh Thành này là người lái xe vào phủ Tổng thống như lái xe đi chợ vậy. Tổng thống là ghê gớm lắm. Hiệp hội Bảo hiểm cần chính sách gì mới mình nói thì người ta nghe, tụi Tây nói thì không ai nghe. Ví dụ thời kì Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời năm 1960, gạo từ miền Tây chở về Sài Gòn bị Việt Minh bắn, cháy tùm lum. Bây giờ Hiệp hội sẵn sàng bảo hiểm rủi ro chiến tranh, giúp hàng hóa lưu thông và xuất khẩu gạo nhưng việc hộ tống thì cần quân đội. Cuối cùng chỉ phí hộ tống Chính phủ chịu hết. Bây giờ phải yêu cầu quân đội chiến đấu chứ sao lại đi hộ tống gạo? Nếu không hộ tống, Sài Gòn lấy gạo đâu mà ăn? Xuất khẩu gạo mà gạo không lên tới Sài Gòn thì phải làm sao? Mình đại diện cho Hiệp hội vào nói trực tiếp với Tổng thống thì Tổng thống hiểu ngay. Ông điện lên Bộ Tổng tham mưu cử Nguyễn Khánh phụ trách. Tướng Nguyễn Khánh sau này chiếm hết quyền lực đó.”

“Dù bác không làm trong Chính phủ nữa nhưng quan hệ giữa bác với anh em Ngô Đình Diệm dường như vẫn rất thân thiết?”

“Mình có thể nói chuyện với ông bất kì lúc nào. Việc gì quan trọng dính dáng tới Chính phủ thì mọi người phải nói chuyện với đồng lí văn phòng hoặc chánh văn phòng. Sau đó các anh ấy sẽ làm giấy, trình báo, nhưng như thế bao giờ mới xong. Gấp lắm thì mình gọi cho cận vệ, là ông già Ân, người mỗi ngày đem cháo cho ông Diệm ăn, mời ông ấy đi dự lễ này nọ. Mình hỏi ông già Ân tối nay Tổng thống có bận không, nếu không thì cứ thế vào thôi, kiểu như người nhà vậy. Nhưng bác Thành cũng không lạm dụng cách này, chỉ dùng khi có việc cần kíp. Bác Thành chỉ làm việc qua lại với ông Diệm, ông Nhu thôi chứ không làm việc với ai khác. Với mấy ông bộ trưởng bác chỉ ngồi chơi cùng thôi chứ không bàn chuyện công việc bao giờ.

Năm 1963 kinh tế gặp khó khăn, Bộ trưởng Bộ Kinh tế Hoàng Khắc Thành ngỏ ý mời mình về làm Tổng thư kí trong Bộ, chức vụ chỉ dưới Bộ trưởng thôi. Bác Thành tới xin ý kiến ông Nhu. Ông bảo: ‘Anh làm mà làm chi? Anh muốn làm Bộ trưởng thì ông Tổng thống kí cho anh một chữ là xong chứ Tổng thư kí làm gì cho mệt. Nhưng tôi cũng không khuyên anh làm Bộ trưởng đâu, làm Bộ trưởng dễ quá. Anh làm Chủ tịch - Tổng Giám đốc cho một công ty quốc tế, hoạt động kinh tế tài chính tầm cỡ quốc tế thì vị thế quan trọng hơn cho đất nước sau này.’ Bác Thành nghe thế nên từ chối làm Tổng thư kí.”

Thế là từ một đại diện Ngân hàng Quốc gia Việt Nam tại Hoa Kỳ đầy quyền lực, Bùi Kiến Thành sau khi về nước đã chuyển hướng ra phát triển sự nghiệp dân doanh và thành công rực rỡ trong việc điều hành công ty bảo hiểm quốc tế. Nhưng đó chưa phải tất cả hoạt động của chàng trai Bùi Kiến Thành ở giai đoạn này.

Nắm bắt vận hội

Ngày quyết định ra phát triển dân doanh, chưa nói đến chuyện AIU mời về quản lý thì Bùi Kiến Thành vẫn có những dự án riêng của mình.

Âu Trường Thanh⁽¹⁾ là một chuyên gia kinh tế có tài. Ông có dự án xây dựng nhà máy pin-ắc quy, đã nghiên cứu được cơ sở kỹ thuật, thương lượng được với đối tác Philippines chuyên sản xuất bình ắc quy cho Ford, nhưng chưa kiếm được đối tác Việt Nam và còn gặp một số khó khăn với phía Chính phủ. Khi nghe Âu Trường Thanh nói về dự án này, Bùi Kiến Thành nhận lời hợp tác. Ông kéo thêm mấy đại gia về phụ tùng ô tô mà mình có quan hệ từ hồi làm ở Viện Hối đoái. Sáu người đều là chuyên gia đầu ngành, chiếm lĩnh gần 90% thị trường nên ngay từ đầu đã có đầu ra ổn định. Mỗi ông đầu tư vào công ty một ít tiền. Bùi Kiến Thành mời Ngân hàng Việt Nam của Nguyễn Thành Lập tham gia dịch vụ ngân hàng. Nguyễn Thành Lập là người đầu tiên đi học ngân hàng bên Pháp, về nước xin mở được ngân hàng đầu tiên của người Việt giữa bao nhiêu ngân hàng của Pháp. Ông Lập là chỗ quen thân của gia đình vì bác sĩ Tín có tài khoản rất lớn ở đó, từ hồi 14, 15 tuổi Hai Thành đã giúp bố đem tiền tới gửi ở đây. Bùi Kiến Thành là “khách sộp” nên Nguyễn Thành Lập nhận lời ngay. Công ty Sản xuất Ắc quy Việt Nam, viết tắt là VABCO ra đời từ đó. Đây chính là tiền thân của công ty PINACO nổi tiếng hiện giờ.

“Thì ra là vậy. Việc triển khai có thuận lợi không ạ?”

“Mình mời đối tác Philippines qua làm việc, toàn mấy anh cựu sĩ quan quân đội. Họ có nhà máy bình điện bên đó rồi, mình kí hợp đồng, các anh ấy mang công nghệ, mang mẫu nhà máy sang Việt Nam dựng lên, đào tạo người và quản lý cho mình một thời gian. Mình mua linh kiện, nguyên liệu và lo khâu tiêu thụ. Bác Thành sang Mỹ gặp công ty chuyên giao công nghệ là Autolite. Sau khi sáp nhập với Ford, Autolite không được quyền tự do cho mình sử dụng thương hiệu Autolite nữa, nên lập ra một công ty gọi là Prestolite. Công nghệ vẫn thế, chỉ tên là khác. Mình phải trả 3% tổng doanh thu để được dùng thương hiệu quốc tế Prestolite và công nghệ của nó.”

“Nhà máy thì đặt ở đâu ạ?”

“Ông Diệm làm khu công nghiệp đầu tiên tại Việt Nam rộng mấy trăm héc-ta, gọi là Khu Công nghiệp Biên Hòa, giờ là Sonadezi, lúc chưa giải tỏa thì bác sĩ Tín đang sở hữu đến năm sáu chục héc-ta trong đó. Giám đốc Khu Công nghiệp là Khương Hữu Điều, bạn học bên Mỹ với bác. Anh này đánh bóng bàn giỏi lắm, toán cũng rất siêu, trưa nào cũng rủ mình đi ăn cơm Tàu. Anh đi học công nghiệp xây dựng đường cao tốc, về nước hợp tác xây dựng đường cao tốc Biên Hòa bây giờ, cao tốc Hà Nội đó. Rồi sau đó Chính phủ giao cho anh làm Giám đốc Khu Công nghiệp Biên Hòa. Mình bèn bảo: ‘Ê coi chừng nha! Đất nhà tao trong đó.’ Anh nói: ‘Bây giờ tôi là người của Nhà nước rồi, không thể nói chuyện bạn bè được, cứ áp dụng đúng quy tắc của Nhà nước thôi.’ Đất của mình như vậy mà đền bù mấy chục đồng

như đất bỏ đi thì đền bù làm gì. Bác Thành tới gặp ông Tổng thống thì ông kêu mình cứ bàn với mấy người có trách nhiệm chứ ông không giải quyết được. Cuối cùng mình không lấy đồng nào, không kí, không nhận, không chuyển giao, không gì hết. Tới bây giờ đất đó vẫn còn là đất đang tranh chấp vì không có giấy tờ nào chính thức chuyển từ chủ đất cho vào Khu Công nghiệp Biên Hòa. Khi làm công ty bình điện, mình thấy chỗ tốt nhất là trong khu công nghiệp đó, vậy là làm hồ sơ dự án cho ban quản lí duyệt và giao lại khoảng 5 hécta để xây dựng nhà máy.”

“Việc vận hành nhà máy diễn ra như thế nào ạ?”

“Nhà máy chạy ngon lành, ra bình điện chất lượng cực kì cao, không ai cạnh tranh nổi. Lần đầu tiên tại Việt Nam có một liên doanh nước ngoài có thương hiệu nước ngoài, với nhà máy sản xuất công nghệ cao, sản phẩm chất lượng cao nhưng bán giá nội địa. Thị trường dân sự nằm trong tay sáu ông đại gia phụ tùng ô tô cả rồi. Thị trường quân sự cũng cực kì lớn, bác kết nối với ông anh vợ Nguyễn Lương Tài bên quân nhu, giới thiệu cho Thiếu tá Vũ Văn Minh, tính rất nghiêm túc, sòng phẳng, từng ở bên quân nhu, qua làm Phó Giám đốc công ty. Anh này làm việc rất tốt. Mình có người trong người ngoài, từ đó gần như độc quyền cung cấp 100% nhu cầu của quân đội, doanh thu vọt lên gấp đôi luôn.”

Sau này, Bùi Kiến Thành qua Pháp, giao lại cho bác sĩ Tín ở nhà quản lí, có thời gian Mai Văn Hàm làm Giám đốc. “Mĩ ồ ạt đổ quân vào Việt Nam, nhu cầu bình điện tăng lên khủng khiếp. Tổng số lính Mĩ tham chiến ở Việt Nam cho tới khi kí hiệp định Paris năm 1973 là 3 triệu. Lính Mĩ cần quân trang, quân dụng, trong đó có bình điện. Bình ắc quy lính Mĩ dùng là loại bình rất lớn. Lính Mĩ xài phí lắm, dùng bình ắc quy tính ra mấy chục nghìn đô la, móc vào máy bay chở lên những quả đồi cao ngoài Khe Sanh, thả xuống cho tụt ở dưới dùng để truyền tin, nhưng khi đi họ bỏ lại trong ô tô hoặc căn cứ. Bên quân nhu Việt Nam mới cử người qua chào hàng, quân nhu Mĩ kiểm tra chất lượng thấy đạt chuẩn. Thêm mỗi khách hàng này nữa, thì đến năm 1975 doanh nghiệp của mình đứng số một và áp đảo trong thị trường bình điện, pin, ắc quy, doanh thu bằng năm, bằng mười lúc bác còn ở nhà.”

“Sau năm 1975, bác sĩ Tín bị kết tội tư sản mại bản, còn bác Thành thì bị kết tội ‘văng chữ’. Nhà nước xã hội chủ nghĩa quốc hữu hóa và đổi thành Công ty Pin Ắc quy miền Nam. Đó là thời điểm hàng trăm nghìn nhà doanh nghiệp đi cải tạo, có người ở năm năm, 10 năm để nghe mấy ông cán bộ Mác xít giảng cho về kinh tế tập trung. Làm kinh tế là tư sản mại bản, là bị lên án, thậm chí tù tội. Đến năm 1986 cải cách đổi mới, Đại hội VI mở ra chính sách kinh tế nhiều thành phần. Năm 2004, họ cổ phần hóa thành PINACO nhưng bác Thành không được ai mời tới và không được chia cho một cổ phần nào.”

“Như vậy là bác làm song song hai việc, công ty bảo hiểm và sản xuất bình điện?”

“Chưa hết đâu, còn cái này hay nữa... Một hôm, ông Nhu gọi bác Thành vào bảo: ‘Anh tổ chức khai thác phân bón trên đảo Hoàng Sa giúp tôi được không?’ Đảo Hoàng Sa chìm đắm mấy triệu năm để lại phân dày thành từng lớp cao mấy thước. Có một công ty Việt Nam đã chịu trách nhiệm khai thác tài nguyên, có đối tác Singapore phụ trách vận chuyển, nhưng

thời điểm đó họ gặp khó khăn trong việc thanh toán chi phí chuyên chở nên rút ra. Bác Thành nhận lời, lại huy động mấy anh cùng làm VABCO và Ngân hàng Việt Nam góp chung 10 triệu đầu tư, khi ấy lớn lắm. Mình đặt tên là Công ty Phân bón Việt Nam, ông Mai Văn Hàm đứng ra chịu trách nhiệm pháp lí. Mình phải thương thảo với Singapore kí hợp đồng lại. Hồi đó, Singapore còn nghèo, họ quyết tâm giữ mối làm ăn cho công ty vận chuyển. Đích thân Thủ tướng Singapore hồi đó là Lim Yew Hoo sang làm việc nên bên mình phải mời Phó Tổng thống Nguyễn Ngọc Thơ đứng ra mới tương đương, mình là đơn vị thực hiện, cùng tham gia từ sáng đến chiều. Ông Thơ trước cũng góp công mót nổi một số nhân sĩ miền Nam về giúp cho Chính phủ Ngô Đình Diệm. Sau khi Ngô Đình Diệm bị giết, Nguyễn Ngọc Thơ lên làm Thủ tướng đầu tiên của chế độ quân phiệt Sài Gòn.”

“Vâng, và dự án này tiến triển tới đâu ạ?”

“Hải quân cho tàu đưa bác Thành với ông Hàm ra Hoàng Sa khảo sát thực địa, tận mắt xem phân chim để lại hàng triệu năm, trộn lẫn với san hô. Mình kí hợp đồng với đối tác đào lên đem về. Mình xử lí được thì nông dân mình đỡ phải nhập phân bón, nhưng tiếc là lúc đó thiếu kĩ sư đủ chuyên môn khoa học nên phân chim chất đầy kho ở cảng Sài Gòn mà không chế biến được. Sau này bác Thành rời Việt Nam thì giao lại công ty cho người khác quản lí, việc sản xuất phát triển không nhiều nhưng công ty nhập phân bón về phân phối cũng ăn nên làm ra...”

Đó là một số việc Bùi Kiến Thành làm trong thời kì Ngô Đình Diệm mà ông kể lại cho chúng tôi nghe. Lần gặp Bùi Kiến Thái, con trai út của ông, anh còn cho chúng tôi biết thêm cũng trong giai đoạn này, bác sĩ Tín làm Chủ tịch Rotary Club⁽²⁾ của Sài Gòn, bác Thành làm Tổng thư kí, hai bố con sở hữu hai chiếc Cadillac duy nhất ở Sài Gòn. Cả sự nghiệp chính trị lẫn sự nghiệp kinh doanh đều rất đáng nể đối với một chàng trai trên dưới 30 tuổi, biết vận dụng kiến thức, quan hệ và nắm bắt thời cơ.

Mầm mống của sự sụp đổ

Những ngày cuối năm 2013, bác Thành không được khỏe. Đúng đợt gió mùa, ông di chuyển nặng nề hơn vì bị thấp khớp, cộng thêm khó thở, đêm nằm không được, cứ phải ngồi, mà ngồi lâu thì lại đau chân nên hầu như mất ngủ. Dầu vậy, ông không nề hà với công việc hay với những cuộc trò chuyện cùng chúng tôi.

Vượt qua sự mệt mỏi của thân thể, ông tiếp tục quay lại quãng đời oanh liệt giữa sóng gió thời đại, giai đoạn mà Bùi Kiến Thành là một trong số doanh nhân thành đạt và ảnh hưởng nhất nhì Sài Gòn cho đến trước cuộc đảo chính năm 1963 khi anh em Ngô Đình Diệm bị giết. Hồi tưởng lại, giọng nói của ông đan xen nhiều cung bậc cảm xúc lẫn lộn.

“Theo bác thì những nguyên nhân nào dẫn đến sự sụp đổ của chính quyền Ngô Đình Diệm?” Tôi đề nghị ông đưa ra nhận định.

“Chà, để điểm lại một số yếu tố... Vấn đề trước nhất là ‘gia đình trị’. Nói đến chế độ Ngô Đình Diệm và Ngô Đình Nhu thì không thể không nhắc đến Trần Lệ Xuân. Bà Xuân là vợ ông Nhu nhưng vì ông Diệm không có vợ nên bà được xem như Đệ nhất phu nhân, sự kiện quan trọng nào cũng góp mặt. Người ta ghi chép về bà cũng nhiều, ở đây mình chỉ điểm lại một vài cái bác Thành tận mắt chứng kiến. Hồi năm 1954, bao nhiêu người di cư Thiên Chúa giáo biểu tình ủng hộ Diệm thì bị cảnh sát Bình Xuyên chặn lại. Một số người biểu tình hung hăng nên bị bắn chết. Giữa lúc ông Diệm, ông Nhu đang họp trong Dinh thì bà Xuân xô cửa vào quát nạt, hò hét: ‘Các anh hèn lắm. Chúng nó giết người mà các anh chẳng dám làm gì cả.’ Trước mặt bao nhiêu quan chức, tướng lĩnh mà bà nói rất xác xược với chồng và anh chồng khi đó đang là Thủ tướng.

Ngày 26/10/1955 là ngày chính thức khai sinh ra chính thể Việt Nam Cộng hòa sau khi ông Diệm trưng cầu dân ý phế truất Bảo Đại và được bầu làm Tổng thống. Chiều hôm đó, bao nhiêu tướng tá đứng ở thềm Dinh Độc Lập chờ tuyên bố, ông Diệm chuẩn bị lên lầu còn bác Thành đang đứng nói chuyện với ông Nhu cùng mấy người Mỹ. Ông Nhu cầm điều thuốc lá, mặc sơ mi cộc tay cổ hở. Bà Nhu mặc quần áo đẹp, mặt mày trang điểm rất kỹ, xuống thấy thế thì nạt ông Nhu: ‘Làm gì mà như cái thằng ăn mày vậy? Có biết hôm nay là ngày gì không mà còn đứng đây như thế kia?’ Ông Nhu thui thui lên lầu thay đồ. Tội nghiệp ông, may mà mấy người Mỹ họ không hiểu tiếng Việt, nhưng người Việt thì hiểu hết.”

“Sao bà ấy có thể không nề nang ai và bất chấp tất cả như vậy ạ?”

“Cha Trần Lệ Xuân là luật sư Trần Văn Chương nổi tiếng Hà Nội, cả nhà nói tiếng Pháp không à. Mẹ bà thuộc bên ‘thân trọng’, tức là họ hàng của phò mã. Bà thua ông Nhu 14 tuổi, hồi đó là nhiều lắm, bà được nuông chiều từ bé đến lớn. Từ chuyện đối xử với ông Nhu, ông Diệm hay sau này bà làm Dân biểu quốc hội nữa thì ngang ngược lắm, và trở thành vấn nạn cho chế độ. Bà cho rằng bà có quyền làm tất cả những gì mình muốn làm,

ông Nhu ông Diệm nói gì bà cũng sẵn sàng bỏ ngoài tai. Người Mỹ có khái niệm rất hay: ‘unguided missile’. Bà như cái hỏa tiễn không điều khiển, không biết rơi ở đâu vậy, tác hại kinh khủng. Ngô Đình Luyện kể là hồi ông Nhu đưa bà Xuân về nhà thì bà mẹ đã không thích rồi, đứng dậy bỏ đi luôn. Bà Nhu có ảnh hưởng xấu đến chế độ của ông Diệm. Cả miền Nam 164 Bùi Kiến Thành - Người mở khóa lăng du hồi đấy trọng ông Diệm thế nào thì ghét bà Nhu như vậy. Bà lập ra Phong trào Phụ nữ liên đới mà người ta chả hiểu ‘liên đới’ cái gì nên toàn gọi là ‘Phụ nữ lên đài’ thôi. Có tội nghịch ngợm chế ra là có phụ nữ tiếp xúc với nhân dân thì tiếp xúc đứng, có phụ nữ tiếp xúc ngồi và phụ nữ tiếp xúc nằm... Đa phần mọi người đều ác cảm với bà. Sự tham chính của bà là một phần của vấn đề ‘gia đình trị’ trong chính quyền Ngô Đình Diệm.”

“Cháu được biết vấn đề đó còn gây ra bởi Đức cha Ngô Đình Thục?”

“Đúng thế. Đức cha Ngô Đình Thục là anh của ông Ngô Đình Diệm, sau ông Ngô Đình Khôi, ông nói gì ông Diệm thường nghe theo hết, không dám cãi. Đức cha là bên tôn giáo, là người lãnh đạo tinh thần. Gia đình xưa thì quyền huynh thế phụ, ông anh lớn có quyền với em như ông bố vậy. Ai muốn làm việc gì thì cứ tới gặp ông Đức cha, ông ấy mà đề đạt lên là được ngay, từ tỉnh trưởng, tướng lĩnh chỉ huy sư đoàn, trung đoàn này, tiểu đoàn kia, đến việc mở công ty này nọ. Ông thì liêm khiết nhưng người ta lợi dụng ông để làm kinh tế. Đức cha nói thì ông Nhu cũng không dám cãi lại. Vấn nạn ‘gia đình trị’ là những ảnh hưởng của Đức cha Thục, của cố vấn Ngô Đình Nhu và Madam Nhu bên cạnh Tổng thống, của cố vấn Ngô Đình Cẩn ở Trung phần...”

Giai đoạn khó khăn lúc trước có rất nhiều người ủng hộ ông Diệm và ông còn biết lắng nghe, đến khi bình định rồi, ông Diệm thiếu hệ thống tổ chức để đi tới quyết định mà hay quyết một mình và nghe theo những người gần mình. Tổng thống quyết định thì ai dám cản? Nhiều khi ông Nhu ông không nói đâu, nhưng lắm kẻ cứ mượn bóng ông ấy để nói, không ai dám hỏi lại ông Nhu xem họ nói vậy có đúng không, ông Nhu hay ông Cẩn ủng hộ thì cứ để cho làm thôi. Gia đình trị không chỉ trong công quyền đơn thuần như vậy mà ngoài ông Nhu, Đức cha Thục, ông Cẩn ra còn các loại con cháu của mấy ông đấy nữa. Bà con thì vào gặp cậu, gặp chú dễ lắm, thành ra bộ chân rết. Dân chúng phản đối kinh lắm.

Người ta thấy có các nhóm lợi ích lấn át quyền lợi của nhà nước. Nhóm lợi ích quan hệ với cơ quan quyền lực tới đâu, có cái là thật, có cái chỉ là người ta tưởng thôi chứ nó cũng không hẳn là khổng chế hết. Nhưng sự thật vẫn có dây chuyền quyền lợi trong đó, ví dụ công ty này của bà Nhu, công ty này của ông Đức cha...”

“Có phải việc thiên vị Thiên Chúa giáo thái quá dẫn đến đàn áp Phật giáo không bác?”

Trước câu hỏi này, Bùi Kiến Thành ngừng lại giây lát rồi mới trả lời:

“Có thể nói là như vậy, nhưng Chính phủ Ngô Đình Diệm không chủ trương đàn áp Phật giáo. Ở đây còn những cái không hiểu nhau... Dân chúng Việt Nam chủ yếu theo Phật giáo và thờ ông bà tổ tiên, đa phần các bộ trưởng trong nội các cũng không phải người Thiên Chúa giáo nên không có lí do để đàn áp Phật giáo. Hồi đó, Chính phủ có đưa ra qui định

không treo cờ tôn giáo ngoài các cơ sở tôn giáo, nơi thờ tự như đền, chùa, nhà thờ... Qui định này là áp dụng cho mọi tôn giáo chứ không riêng gì Phật giáo, nhưng chưa được thực thi triệt để. Trước lễ Phật đản, người Thiên Chúa giáo treo cờ tràn lan trong dịp lễ Đức Mẹ Lavang khiến nhiều người ý kiến với Tổng thống, đề nghị thực hiện việc này chặt chẽ hơn. Chỉ thị của Chính phủ thắt chặt việc treo cờ tôn giáo được đưa ra ngay trước Phật đản, trong khi Phật tử lại treo cờ khắp nơi để thể hiện đối chọi với Thiên Chúa giáo. Chính phủ gỡ hết cờ lộng thì họ cảm thấy bị đàn áp nên đấu tranh dữ dội. Đỉnh điểm là vụ Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu giữa ngã tư Sài Gòn đông đúc để phản đối chính quyền chấn động dư luận quốc tế ngày 11/6/1963.

Một phần nữa là những người Thiên Chúa giáo được ưu ái trọng dụng, đưa vào tràn ngập các cơ quan nhà nước, vì lúc đó phong trào tố Cộng ác liệt quá, thường thì người theo Thiên Chúa sẽ không theo Cộng sản vì Cộng sản là vô thần. Sự thật không phải thế, thiếu gì người đi theo Cộng sản mà dùng cái chiêu bài Thiên Chúa giáo để che mắt thiên hạ, kiểu như Phạm Ngọc Thảo chẳng hạn. Từ đó mình nói tiếp tới vấn đề tổ chức và sử dụng con người. Hồi đó ở các địa phương, toàn quân đội làm tỉnh trưởng. Quân đội nắm hành chính, quân đội nắm cả quân sự thành ra dân tình không được bình ổn, tình trạng chiến tranh tràn lan. Nhiều người được đẩy lên bởi nhãn đảng viên Cần lao trên đầu, hoặc cổ đeo thánh giá, đi tới đâu cũng đem mác Cần lao ra áp đảo mặc dù chưa thấy hoạt động Cần lao khi nào, rồi xung người thân cận Đức cha.

Theo quan điểm của bác, quân đội dưới trướng ông Diệm là một đạo quân ô hợp. Một phân đội ngũ kế thừa tổ chức do Pháp để lại, mấy anh ngày trước theo Tây như Trần Văn Đôn, Dương Văn Minh, Mai Hữu Xuân... không dễ phục tùng những người có uy tín thời kỳ Nam Triều và cũng không ưa những người gốc 'Bắc' như ông Diệm. Ngoài Bắc, một quân nhân muốn thăng tiến buộc phải phát triển sự nghiệp đảng viên Đảng Cộng sản từ đoàn viên Đoàn Thanh niên đi lên. Còn trong Nam, lên đến tướng tá mà anh thì đảng viên Đảng Cần lao, anh thì đảng viên Đại Việt Quốc dân đảng, anh thì không, rồi thì người Thiên Chúa giáo, người không nên cũng chia rẽ. Ông Nhu không tạo được nền móng cho một tinh thần sống chết vì chế độ. Chuyện trả lương Mĩ lại nằm trong tay nên quá dễ xúi bẩy. Bất đồng chính kiến ở chỗ quân đội muốn Mĩ vào đem theo vũ khí, trang bị để đánh Việt Minh tới cùng..."

"Nhưng trước đó họ đã ủng hộ Ngô Đình Diệm dẹp Bình Xuyên, phế truất Bảo Đại và thành lập chính thể mới Việt Nam Cộng hòa ạ?"

"Chế độ nào người ta cũng phục vụ được, trước đó thì phục vụ chế độ của ông Bảo Đại với bao nhiêu ông Thủ tướng khác. Khi ông Diệm lên thì vì tình thế họ phải phục vụ thôi, không tâm huyết. Chuyện đề bạt, thăng chức chẳng biết có ảnh hưởng bởi quan hệ hay do công trạng mà có người nhẩy chức rất nhanh, có người đi đệt mãi, thế nên xảy ra bất mãn. Sau khi dẹp Bình Xuyên, có lần Huỳnh Văn Cao đem đề lên bàn ông Diệm danh sách tên và cấp bậc quân lực Quốc gia Việt Nam. Hồi đó anh Cao mới là đại úy, mà đã quản việc chăm công và đề bạt cho các sĩ quan cấp tá.

Tướng hồi đồ to lắm, chỉ có Nguyễn Văn Hinh là trung tướng, Lê Văn Ty với Nguyễn Văn Vỹ là thiếu tướng, còn lại toàn cấp tá, Dương Văn Minh cũng chỉ đang là đại tá. Cả miền Nam có bốn quân khu thôi: Quân khu 1 ở Quảng Trị, Quân khu 2, ở Tây Nguyên, Quân khu 3 ở Sài Gòn, Quân khu 4 ở lục tỉnh. Anh Cao từ đại úy một lèo lên cấp tá rồi lên thiếu tướng, Tư lệnh Quân khu 4. Dương Văn Minh, Trần Văn Đôn cũng không tiến nhanh như vậy. Trong khi có người như Đại tá Mai Hữu Xuân có xuất phát điểm cao hơn và có công không nhỏ bảo vệ Đài Tiếng nói Quốc dân Đoàn kết, lại bị gạt tên khỏi danh sách đề bạt, sau cũng được lên thiếu tướng nhưng trễ hơn. Bác Thành không thuộc lí lịch các tướng lĩnh quân đội nên không dám khẳng định, nhưng có thể nó ảnh hưởng tới tinh thần của Mai Hữu Xuân đối với Đệ nhất Việt Nam Cộng hòa. Sau này đảo chính, người ta vẫn còn tranh cãi ai là người ra lệnh cho Đại úy Nguyễn Văn Nhung giết anh em ông Diệm ông Nhu, Mai Hữu Xuân hay Dương Văn Minh...”

Chúng tôi đang ngồi trên văn phòng làm việc tại tòa nhà VIT trên đường Kim Mã, Bùi Kiến Thành nheo mắt nhìn xa xăm qua lớp cửa kính xuống con đường tấp nập bên dưới:

“Hai tổ chức tập hợp lực lượng hậu thuẫn cho ông Diệm từ khi mới về Sài Gòn nhậm chức năm 1954 là phong trào Cách mạng Quốc gia và Cần lao Nhân vị Cách mạng đảng. Phong trào Cách mạng Quốc gia ban đầu do bác sĩ Tín phụ trách. Phong trào hoạt động mở, tự do mặc dù nhiều rủi ro vì dễ bị người của Bình Xuyên hay quân đội thủ tiêu. Rất nhiều nhân sĩ ở Bắc, Trung, Nam theo bác sĩ Tín. Họ hăng hái lắm. Họ công khai biểu tình ủng hộ Diệm. Một thời gian sau bác sĩ Tín rút lui, giao lại cho luật sư Trần Chánh Thành, khi xưa là Giám đốc Tư pháp rồi Giám đốc Kinh tế Liên khu 3 của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Ảnh là người Thiên Chúa giáo và từng là Việt Minh, sau chống Cộng khùng khiếp lắm. Sau khi Thủ tướng Diệm giải quyết Bình Xuyên năm 1955, ảnh làm Bộ trưởng Bộ Thông tin và tổ chức phong trào Cách mạng Quốc gia thành phong trào chống Cộng.”

“Hoạt động chống Cộng diễn ra như thế nào ạ?”

“Trần Chánh Thành áp dụng những thủ thuật triệt tiêu đối phương mà ảnh đã được học khi còn là cán bộ Việt Minh, đó là xác lập và đảm bảo nền chuyên chính.”

“Trần Chánh Thành nói với ông Diệm lập ra Hội đồng tổ Cộng, trong Bộ Thông tin, Tư pháp, Quốc phòng và Nội vụ, lật mặt những cán bộ Cộng sản nằm vùng len vào các cơ sở chính quyền từ trung ương đến địa phương. Hết cơ quan này tổ Cộng đến cơ quan kia tổ Cộng. Người này là Cộng sản, người kia có vẻ có bà con chú bác là Cộng sản... Điều tra từng người từng người. Hễ nhà nào có bà con đi kháng chiến thì bị lôi ra hỏi, mà thời kì đó thì làm gì có người nào không có bà con là Cộng sản hay đi kháng chiến. Bác sĩ Tín lúc trước chủ trương phong trào để củng cố chính quyền chứ đâu phải chống Cộng. Ông nói, dù anh là Cộng sản hay không Cộng sản cũng đều được chấp nhận tham gia phong trào này, miễn anh làm cách mạng cho quốc gia, nên mới gọi là Phong trào Cách mạng Quốc gia.”

“Sao Ngô Đình Diệm lại để phong trào Cách mạng Quốc gia biến chất như vậy? Theo bác, như thế Hội đồng tổ Cộng là một hướng đi sai lầm?”

“Ông Diệm không có nhân sự để kiểm soát, cản trở, ai nhận việc gì thì cứ thế mà làm, ai muốn làm gì cũng được. Đúng là sau hiệp định Genève có nhiều người là Cộng sản đã ở lại thâm nhập vào chính quyền quốc gia, tìm cách tiêu diệt chính quyền nên mục đích của Trần Chánh Thành không phải thiếu cơ sở. Nhưng cái độc hại của nó chính là lợi dụng phong trào tố Cộng để tố những người không phải Cộng sản, những người quốc gia chân chính có uy tín mà phe phái nào đó muốn triệt hạ để xây dựng một ảnh hưởng độc tôn trong chính quyền. Trần Chánh Thành trở thành một ông đại thần tiền trạm hậu tầu trong chính quyền Ngô Đình Diệm.

Việc làm của ông tạo ra một không khí căng thẳng, gây phân tán lực lượng. Bao nhiêu người khi xưa theo ông Diệm trong phong trào Cách mạng Quốc gia của bác sĩ Tín hay những người từ bung biển trở về ủng hộ ông Diệm đều bị Hội đồng tố Cộng của Trần Chánh Thành đưa ra đấu tố. Phong trào càng mạnh, thì nhân sĩ có tư cách càng bỏ đi nhiều. Người ta bỏ đi thì phải thay thế, thay thế vào toàn người Thiên Chúa giáo. Chế độ Việt Nam Cộng hòa từ năm 1956 yếu dần, mất sự ủng hộ của nhân dân. Những người thương yêu ông Diệm dần dần đi hết, chỉ còn lại một đám nịnh thần, phe phái với nhau thôi. Những anh Cộng sản nằm vùng ảnh hưởng cực kì lớn như Phạm Ngọc Thảo thì không ai lôi ra được, trở trêu đó lại là người của Đức cha Thực, được Tổng thống Diệm tín nhiệm... Theo bác Thành nghĩ thì người phá đổ chế độ Ngô Đình Diệm là đám quân Trần Chánh Thành.”

Đại tá tình báo Phạm Ngọc Thảo là nguyên mẫu của nhân vật Nguyễn Thành Luân do diễn viên Nguyễn Chánh Tín thủ vai trong bộ phim “Ván bài lật ngửa” từ thập niên 80 của thế kỷ XX được rất nhiều người yêu thích. Tôi hỏi ý kiến đánh giá của bác Thành về vai trò của ông trong thực tế lịch sử. Bác Thành trả lời:

“Về Phạm Ngọc Thảo thì... đích thân Lê Duẩn chỉ thị cho ở lại miền Nam, không ra tập kết. Ảnh công khai hết quá khứ từng là bộ đội cụ Hồ để hoạt động. Thứ nhất, ảnh là người Thiên Chúa giáo, thứ nhì là gia đình quan hệ quen biết lâu đời với Đức cha Ngô Đình Thực. Đức cha dẫn ảnh lên giới thiệu với Tổng thống nên sau này được giao rất nhiều nhiệm vụ quan trọng. Có lẽ với sự sáng suốt của mình, Ngô Đình Nhu cũng hoài nghi Phạm Ngọc Thảo, nhưng tất cả những chuyện Đức cha cho ý kiến thì ông Nhu không can thiệp, cũng có thể ông muốn tương kế tựu kế dùng Thảo bán tin làm lệch hướng Cộng sản. Thảo, được chính Huỳnh Văn Lang, Bí thư Liên kì bộ Nam Bắc Việt, đưa vào Đảng Cần lao. Rồi ảnh làm thanh tra khu trù mật, có văn phòng ngay trong Dinh Độc Lập, ông Diệm ngồi tầng trên thì Thảo ngồi tầng dưới. Khu trù mật là kiểu nông thôn mới đó, ‘trù mật’ là phát triển tốt, xây dựng và thanh tra trên trực đường mà cộng sản chuyển quân. Nhiệm vụ đó mà lại được giao cho Thảo.” Bác Thành lại lắc đầu, cười.

“Mỗi lần bác Thành gặp ảnh ở Sài Gòn thấy ảnh dễ thương, nói chuyện rất thông minh mà không thể hiện gì hết. Một mình Thảo đã tạo ra sức mạnh không biết bằng bao nhiêu sư đoàn quân đội. Bao nhiêu bí mật, ngõ ngách Thảo nắm hết, hoàn toàn chính thức. Tổng thống giao quyền, thành ra ảnh cũng thoải mái lắm. Làm Tỉnh trưởng tỉnh Kiến Hòa, tức Bến Tre ngày nay, Phạm Ngọc Thảo móc nối với Nguyễn Thị Định tổ chức khởi nghĩa, sau này làm phong trào Đồng khởi. Thảo là Cộng sản nên về địa phương hoạt động rất thuận

lợi, Kiến Hòa là một trong những tỉnh yên bình nhất vùng Hậu Giang lúc đó, nên được đánh giá cao lắm. Rồi anh nhúng tay cả vào bộ phận tình báo của bác sĩ Trần Kim Tuyền, làm đủ thứ chuyện... Mình anh mà đảo chính liên miên, hết lần này đến lần nọ. Anh là người rất có công với cách mạng miền Bắc.”

Tới đây, Bùi Kiến Thành đã kể một số vấn đề dẫn đến khủng hoảng của chính quyền Ngô Đình Diệm, từ bên trong và bên ngoài. Nhưng vẫn còn một nguyên nhân cốt tủy dẫn đến sự sụp đổ chế độ, đó là việc không tổ chức được một chính đảng đứng đầu, thống nhất về mặt tư tưởng, mà chúng tôi sẽ trao đổi ở phần tiếp theo.

Lâu đài bằng cát

“**N**gười ốm xấu xí xin chào!” Đó là câu đầu tiên bác Thành nói với chúng tôi khi vừa bước từ phòng trong ra. Ông mới phải tới bác sĩ. Nom ông xanh xao và mệt mỏi, nhưng ông vẫn mỉm cười. “Hôm trước mình nói tới đâu rồi các chiến hữu? À à...”

Thế là câu chuyện lại được tiếp tục, với một giọng kể nhẹ hơn thường lệ nhưng không kém phần hấp dẫn...

Cha của Bùi Kiến Thành, bác sĩ Bùi Kiến Tín, từng làm Bộ trưởng Bộ Thông tin, Bộ trưởng Phủ Thủ tướng trong Chính phủ Ngô Đình Diệm, là Chủ tịch sáng lập Phong trào Cách mạng Quốc gia ủng hộ Ngô Đình Diệm nhưng cuối cùng đều xin nghỉ và rút lui.

“Ông Tín nghỉ rồi thì lộn xộn lắm. Chính phủ Ngô Đình Diệm 1, Chính phủ Ngô Đình Diệm 2, 3... Vì có sự tranh chấp của quân đội và Bình Xuyên, Chính phủ đưa những người của Hòa Hảo, Cao Đài vào, do đó nhân sĩ miền Bắc trong Bộ Thông tin tan rã hết. Từ cuối năm 1954 đổ lại, Bộ Thông tin có ông Trần Kim Tuyến, cũng là người trong lực lượng công giáo Bùi Chu Phát Diệm vào Nam lo phần dân vận. Anh thỉnh thoảng chạy qua Dinh Độc Lập gặp bác Thành, thuyết phục bác ủng hộ lập cơ quan tình báo ở miền Nam. Ông Nhu đồng ý để anh làm, đặt tên là Sở Nghiên cứu Chính trị Xã hội. Bác Thành phải đi thương lượng với các phái bộ đặc biệt của Mỹ rằng chúng tôi cần một cơ quan như thế, đề nghị các ông giúp gửi người đi đào tạo. Sau này mấy anh xây dựng nên một tổ chức như là mật vụ, không chỉ có quyền điều tra, đi tìm những thông tin tình báo và phản gián mà còn bắt người một cách không rõ ràng. Nó tạo ra phản ứng trong nhóm trí thức quan tâm tới vấn đề tự do dân chủ. Bác sĩ Tuyến cũng trở thành một nhân vật ảnh hưởng trong Chính phủ và Đảng Cần lao.”

“Đảng Cần lao hoạt động như thế nào hả bác?”

“Ông Diệm làm Tổng thống nhưng khâu tổ chức ông Nhu lo. Đảng Cần lao Nhân vị của ông Nhu thì có phần bí mật hơn phong trào của bác sĩ Tín, không công bố tên đảng viên. Nhưng theo bác Thành nhận xét thì Đảng Cần lao thật sự không có tổ chức. Tổng Bí thư là ông Nhu vừa không có thời giờ chăm lo, vừa không biết tổ chức công tác đảng. Ông Nhu giao việc tổ chức ở miền Trung cho ông Ngô Đình Cẩn, còn trong nam là Huỳnh Văn Lang, người trước khi về nước đã có mối quan hệ với ông Nhu, tổ chức Liên kì bộ Nam Bắc Việt. Vừa được giao hoạt động Đảng như thế, anh Lang vừa có phận sự qua làm việc bên Bộ Tài chính, trợ lí cho ông Bộ trưởng Trần Hữu Phương, một người công giáo khác. Anh Lang một mặt làm công tác chính quyền, một mặt công tác đảng. Anh dù cố gắng rất nhiều nhưng không có khả năng và không được đào tạo. Cho nên, Đảng Cần lao nói nghe thì ghê gớm lắm, nhưng thực chất lại thiếu tổ chức. Vì tổ chức lỏng lẻo nên tạo cơ hội cho một số người như Phạm Ngọc Thảo tham gia vào.”

Bùi Kiến Thành tỏ ra thất vọng với một số vấn đề của Chính phủ Ngô Đình Diệm lúc đó mà ông không thể can thiệp hoặc chưa thay đổi được.

“Anh Lang tổ chức ra văn phòng Tổng Bí thư của Đảng Cần lao, gồm năm phòng. Phòng 1 về hành chính giao cho ông Phạm Văn Nhu, khi đó là Chủ tịch Quốc hội, chịu trách nhiệm. Phòng 2 là phòng Nội chính, kiểm soát nội bộ, giao cho anh Lê Quang Tung. Khi nhận trách nhiệm trưởng phòng 2, anh Tung mới là trung úy quân đội Quốc gia, rồi thành đại tá, tổng tư lệnh đặc biệt của quân đội. Sau này anh Tung không ủng hộ quân đảo chính thì bị bắn luôn. Phòng 3 giao cho anh Lê Văn Đồng, Bộ trưởng Bộ Lao động. Phòng 4 về tài chính thì Huỳnh Văn Lang đảm nhiệm. Phòng 5 về phản gián, tổ chức an ninh giao cho bác sĩ Trần Kim Tuyến. Nghe qua thì thấy văn phòng Tổng Bí thư của Đảng Cần lao rất hoành tráng, toàn các nhân vật lịch sử có tầm cỡ nắm giữ, nhưng thực chất thì nó không có gì. Công tác phát triển đảng có vai trò tạo ra rường cột giúp ông Diệm củng cố chính quyền, vậy mà ông Nhu không có thời gian làm. Một số người được đưa vào đây gần như phát triển tự phát. Đảng Cần lao không chỉ đạo trung ương mà chỉ đạo địa phương, dùng cái tên Đảng Cần lao, dùng sự hoạt động gần như bí mật đi chỉ đạo một cách không có hệ thống hoạt động của địa phương và gây ra một số vấn đề cho chính thể của Ngô Đình Diệm.”

“Theo bác thì tại sao những nhân vật lớn như thế lại không tổ chức được Đảng Cần lao?”

“Năm người đứng đầu năm phòng bên dưới Tổng Bí thư đều không có bản lĩnh tổ chức đảng. Phạm Văn Nhu là Chủ tịch Quốc hội nhưng không thực sự có bản lĩnh chủ tịch quốc hội, chỉ là ông Diệm ông Nhu đặt ông vào đó thôi chứ đằng sau ông không có hậu thuẫn chính trị. Ông chỉ lo quản lý hành chính của Đảng, giấy vào giấy ra thôi. Ông Đồng, Bộ trưởng Bộ Lao động, cũng giống như Trưởng ban tổ chức Trung ương Đảng ngoài này, lo phần đề bạt chức nọ kia. Anh Tung là một người của quân đội, lo về tổ chức an ninh, sau này mang trách nhiệm xây dựng lực lượng nòng cốt đặc biệt trong quân đội nên thời gian đâu mà làm công tác đảng. Anh Lang là một chuyên gia tài chính, quản lý Viện Hối đoái, không có thời gian. Anh Tuyến bên tình báo cũng không phải chuyên gia. Anh nào làm công tác đảng thì công tác đảng, anh nào công tác chính quyền thì công tác chính quyền, chứ vừa công tác chính quyền vừa công tác đảng thì không được.”

“Bác Thành có tham gia gì vào đó không ạ?”

“Ban đầu bác Thành không nhận chức gì, cuối cùng anh Lang bảo cậu xuống giúp mình, mình làm Trưởng phòng, cậu làm Phó phòng về tài chính. Nói chung bác không làm gì đâu, thấy một số chuyện ngang trái thì báo lại cho ông Nhu xử lý thôi. Nếu hỏi áy bác Thành muốn đứng ra tổ chức đảng thì chẳng ai bì kịp vì ngày nào mình cũng đến gặp ông Diệm, ông Nhu nói chuyện, cả hệ thống chính quyền trong Dinh Độc Lập nghe thấy tên Bùi Kiến Thành thì ngại lắm. Nhưng mình thấy nó không phải sứ mệnh của mình. Tổ chức tình báo ở trong tay mình rồi vì anh kia anh áy cần mình, anh áy đã nhờ rồi nhưng mình không làm. Mình chỉ sắp xếp mọi việc, tạo điều kiện cho người khác làm, có khi người ta làm tốt, có khi người ta làm chưa tốt... Rất tiếc là ông Nhu không dành thời gian thực hiện vấn đề quan trọng nhất với một chính quyền, đó là tổ chức cán bộ, nên sau này đề bạt, bổ

trí, bổ nhiệm nhân sự rất lung tung mà không biết người đó thế nào. Thành ra chính quyền, như tụi Pháp nói, ‘chateau de sable’, giống như một lâu đài bằng cát vậy, đến khi Tổng thống bị quân đội đảo chính bắn chết thì tan vỡ hết.”

“Theo cháu được biết, ông Nhu cũng cố gắng học hỏi mô hình Đảng Cộng sản rất nhiều?”

“Nhưng chưa làm được như Đảng Cộng sản. Anh nào làm bí thư là bí thư, anh chủ tịch ủy ban nhân dân là chủ tịch ủy ban nhân dân. Anh trưởng ban tổ chức Trung ương Đảng thì vị thế không phải là vị thế hành pháp, vì vậy anh ấy có thể tổ chức bên này để hỗ trợ cho bên hành pháp. Bên hành pháp có thể hôm nay tôi đưa anh lên, ngày mai cắt xuống nhưng bên đảng thì không như vậy được, nó phải là một lực lượng hỗ trợ, phải là nòng cốt của một chính thể. Đảng Cộng sản giỏi, hay ở chỗ đó. Đó là nòng cốt. Đã là đảng viên thì chết là chết chứ không đầu hàng, không khi nào làm việc gì trái với điều lệ đảng. Đã là đảng viên thì chấp nhận mọi hiểm nguy về mình để bảo vệ đảng. Đảng là trên hết, cá nhân chỉ là phụ trách thôi.

Hồ Chí Minh đã xây dựng được một chính đảng rất quy củ. Chẳng hạn, Bác Hồ giao cho Võ Nguyên Giáp đi xây dựng quân đội nhân dân Việt Nam với nòng cốt là 34 chiến sĩ Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân, từ đó mới mở rộng ra, chứ nếu thiếu những người nòng cốt như thế thì không có gốc, không có gốc thì vững làm sao? Hồ Chí Minh dành thời gian để xây dựng đảng trước khi xây dựng chính quyền, nên khi nắm chính quyền thì có sẵn nền tảng rồi. Hồ Chí Minh tổ chức đảng từ năm 1930 rồi 15 năm sau mới nắm chính quyền. Ông Diệm thiếu tổ chức đảng đây, chưa có nền móng mà đã xây nhà. Chính thể Ngô Đình Diệm không có gốc, chỉ có ông Diệm thôi. Cần lao Nhân vị Cách mạng đảng nghe thì ghê gớm thế nhưng không có tổ chức hay đảng viên nòng cốt, không có những đảng viên sẵn sàng hi sinh để bảo vệ đảng.”

“Trách nhiệm này là của ông Nhu đúng không ạ?”

“Các cháu thử nhìn mô hình bên Mĩ nhé, có hai đảng Cộng hòa và Dân chủ, mỗi bên có tư tưởng khác nhau. Một anh bên vực người nghèo, một anh ủng hộ nhà giàu, nhưng họ không tiêu diệt lẫn nhau. Nhân sự từng bên vẫn vững để khi có cơ hội nắm chính quyền thì có nhân sự làm việc. Cần tổ chức nhân sự thì khi cò tới tay, mình mới phát được, mới tranh cử được.

Là Tổng Bí thư Cần lao Nhân vị Cách mạng đảng, nếu ông Nhu làm tốt, xây dựng đảng thật mạnh, bao nhiêu tướng tá toàn là đảng viên hết, sống chết vì đảng, thì sẽ không có vấn đề bị đảo chánh. Không có tổ chức đảng, ông Diệm xây dựng trên một chế độ bấp bênh, chỉ có đội ngũ ô hợp. Ông không được lòng tin, phong trào của ông không được thực hiện quy củ. Đường lối Cần lao Nhân vị Cách mạng đảng thật sự có lý thuyết của nó: ‘Cần lao’ là người lao động, ‘nhân vị’ là giá trị của con người, làm cách mạng để tạo ra một xã hội công bằng bác ái. Nhưng lý tưởng đó chỉ nằm trong đầu ông Nhu, ông Diệm chứ không được phổ biến, đảng viên không nắm được và nếu nắm được thì cũng chỉ là người theo chứ không có tinh thần sống chết... Đảng dựa trên lý thuyết cần lao nhân vị của đạo Thiên Chúa nên nó có sức

manh của nó, nhưng cũng có điểm yếu là vì theo đạo Thiên Chúa nên khó tập hợp được các Phật tử, mà Phật tử ở Việt Nam lại chiếm đa số... “

“Dường như là bác rất tiếc cho họ.”

Bùi Kiến Thành tiếp tục bằng giọng ngậm ngùi xen lẫn xót xa:

“Bác Thành thấy đau xót vì bác Thành đã cảnh báo ông Nhu, nói ông ấy là Tổng Bí thư thì phải dành thời gian, công sức tổ chức đảng... Năm 1962, anh Lang không làm Trưởng phòng nữa, giao lại cho bác Thành làm Trưởng phòng. Một hôm, bác Thành hội mấy anh kia lại: Bác sĩ Tuyến, anh Tung, anh Đồng... và nói với các anh ấy rằng bây giờ hoặc là làm hoặc là không làm. Tôi kiến nghị ngày hôm nay chúng ta họp lại lập biên bản cảnh cáo Tổng Bí thư không hoạt động đảng và yêu cầu ông dành thời gian qua đây sinh hoạt. Nếu Tổng Bí thư không thực hiện kiến nghị hôm nay thì chúng tôi sẽ giải tán văn phòng Trung ương Đảng này luôn. Bác Thành làm xong báo mấy anh kí, các anh ấy kí hết. Mời một lần, rồi hai lần, ba lần... Không ai biết chuyện đó xảy ra. Mấy bộ phận ở dưới vẫn tiếp tục làm nhưng thực sự bác Thành đã đặt bút kí kiến nghị chính thống đó và văn phòng Tổng Bí thư Đảng Cần lao đã giải tán. Tổng Bí thư không làm việc thì không ai làm việc được.”

“Như vậy sự chấm dứt của thể chế Ngô Đình Diệm là một kết cục tất yếu?”

“Những người nghiên cứu lịch sử sẽ hiểu tại sao một chế độ có tinh thần dân tộc vững chắc như thể có thể đổ ngã đột ngột như vậy. Ông Nhu có khi ngồi suy nghĩ, nói giữa Việt Nam anh em mình đánh nhau như thế này, Mĩ vào nữa thì dân mình chết. Có cách gì giải quyết nội bộ nước mình với nhau mà không phải đi tới một cuộc chiến tranh tàn khốc hay không? Mĩ vào thì tránh sao được chiến tranh tàn khốc. Mà nếu Việt cộng thất bại thì Trung Quốc sẽ nhảy vào chứ không để mình yên. Để chống lại chiến thuật du kích ‘tứ khoái nhất mạn’⁽¹⁾, tức bốn nhanh một chậm của Việt cộng, ông Nhu mới lập áp chiến lược với lực lượng Thanh niên Cộng hòa để bảo vệ làng xóm, rồi chiến lược chiêu hồi... Ông tìm cách liên lạc với bên giải phóng để đối thoại. Quân Mĩ không đồng ý dàn xếp, họ cho rằng áp chiến lược hay khu trù mật đều không hiệu quả, cần phải xóa sổ hẳn Việt cộng. Mĩ đòi vào thì ông Diệm không cho vào, nên Mĩ quyết định tiêu diệt Diệm, trong khi đó chính quyền Diệm không có đảng viên bênh vực lập trường mà toàn những anh tướng tá như trẻ ranh, thích tàu bay, thích đánh nhau. Quân Mĩ cung ứng cho không quân Việt Nam Cộng hòa bao nhiêu ‘đồ chơi’, đó là máy bay, lục quân thiết giáp, xe tăng thiết giáp. Mấy anh tướng tá thấy rằng đồng minh Mĩ đã quyết tâm như vậy mà ông Ngô Đình Diệm không chấp nhận để giải quyết Cộng sản đến cùng, chỉ chăm chú cho quyền lực cá nhân và gia đình trị, nên họ phải lật đổ.”

Có lẽ đây là một trong những chủ đề khiến Bùi Kiến Thành trăn trở nhất trong cả cuộc đời. Ông nói như thế trong ông cả một thời đại đang sống dậy.

“Cột trụ không chắc thì nhà sập. Mình rút kinh nghiệm, làm việc phải có nòng cốt. Với một chế độ thì nòng cốt đó là tổ chức chính trị, đảng viên nhân sự phải mạnh, không thì doanh nghiệp hay chính quyền không vững được. Trái mít bị ong chích nó thối ở trên cây

thì phải xử lí nó ngay, nếu không một ngày nó sẽ tự rụng mà không cần thế lực nào tới lung lay hết cả. Một thùng táo rất thơm, rất ngon nhưng trong đó có mấy trái thối mà không xử lí thì nó thối hết cả thùng. Đây mới là điều nguy hiểm, cũng như chính thể Ngô Đình Diệm chỉ vài người như Lê Quang Tung, đến phút cuối cùng vẫn không phản bội thì bị giết mà không biết xác ở đâu. Đây vẫn là bài học quý trong việc xây dựng một chính đảng hay một tổ chức ngày nay.

Bác Thành vẫn nhớ một câu Diệm đã trả lời Mĩ hồi xưa: ‘Nếu các ông vào đây thì chính quyền Việt Nam Cộng hòa không còn chính nghĩa nữa, quân đội Việt Nam Cộng hòa không còn là quân đội chủ động nữa mà đã thành một đội quân đi theo hỗ trợ giúp cho quân đội các ông. Mất chính nghĩa, thành tay sai của nước ngoài không sớm thì muộn cũng sẽ bị tiêu diệt thôi vì đất nước này nghìn năm nay không chịu thua bất cứ đội quân nước ngoài nào. Không khi nào một đạo quân đi theo nước ngoài chiến đấu mà có thể giành thắng lợi được. Lịch sử là như vậy nên mới có hàng trăm năm chiến đấu đuổi người Pháp, hàng nghìn năm chiến đấu đuổi người Tàu. Các ông đổ bộ vào đây ngày nào thì ngày đó kể như là chiến tranh chấm dứt rồi vì các ông thua rồi.’

Mấy ông quân sự đảo chánh Ngô Đình Diệm rồi để Mĩ chỉ huy, tưởng mình là đúng nhưng không phải, chủ quyền quốc gia mà trao cho người ngoài thì dân sẽ ruồng bỏ. Mĩ tự tin thắng nên không chịu dàn xếp, sau này thua rồi mới bỏ miền Nam mà chạy. Chính quyền giống như chiếc thuyền, sóng to cũng chết, nước cạn cũng chết. Chế độ Ngô Đình Diệm có rất nhiều phương tiện để xây dựng chế độ giống như Nam Triều Tiên nhưng lại sử dụng không đúng.”

Vở kịch buồng màn

Năm 1962, Chính phủ Đệ nhất Việt Nam Cộng hòa buộc phải nhượng bộ để Mỹ đưa vào một đạo quân cố vấn. Sau khi bị đảo chính hụt tháng 2 năm 1962 tại Dinh Độc Lập, Tổng thống chuyển tới Dinh Gia Long. Cuối năm 1962, đầu năm 1963, tình hình rối ren cực độ, anh em Ngô Đình Diệm như ngồi trên đồng lửa. Bùi Kiến Thành cố gắng trợ giúp Tổng thống và cố vấn Ngô Đình Nhu tháo gỡ khó khăn.

“Bác Thành nói ông Nhu cần cải cách Chính phủ thế nào để dân chúng thấy. Hôm sau, bác tổ chức một ban nghiên cứu tư vấn cải cách hành chính không chính thức, họp vào tối thứ sáu hàng tuần tại nhà bác Thành ở số 76 Trương Minh Giảng, gồm hơn chục người để hỏi ý kiến: Bác sĩ Trần Kim Tuyền - lúc này đã thôi làm tổ chức tình báo sau khi để xảy ra vụ hai phi công ném bom Dinh Độc Lập, Trần Văn Kiện, Trương Thái Tôn, Nguyễn Hoàng Cương, Trần Xuân Vinh, Trung tướng Trần Văn Minh, Bí thư Võ Văn Hải - người theo Tổng thống từ trước năm 1945... Toàn những người thật sự có tiếng tăm nhưng hội nhau lại bao nhiêu lần, có khi từ tám giờ tối đến hai, ba giờ sáng, vẫn không đưa ra được sáng kiến gì cải tổ cách quản lí nhà nước. Một phần là mấy anh cũng nản rồi, kiểu như đứng trước hoàn cảnh mà mình nói gì cũng chẳng ăn thua thì người ta không buồn nói nữa. Cuối cùng họ cũng chỉ nói: Thôi, đổi quách cái chế độ này đi. Bác Thành viết báo cáo lại cho ông Nhu với một số gạch đầu dòng, cả việc người ta nói phải đổi chế độ. Thời mạt vận, khai quốc công thần còn chống đối hướng chỉ những người khác. Những người ruột thịt biết rõ điểm mạnh, điểm yếu chống lại chính cái chính thể mình góp phần tạo nên thì thử hỏi chính thể ấy như thế nào?”

“Khai quốc công thần ở đây là...” Tôi với Xuân Chi gần như nói cùng một lúc.

“Huỳnh Văn Lang khác gì khai quốc công thần, là người thân tín với ông Nhu từ thời đi học. Ảnh quản lí Viện Hối đoái, cơ quan cuối cùng quyết định việc xuất nhập khẩu, mua bán ngoại tệ, thì quyền lực còn hơn bộ trưởng. Bộ Kinh tế xuất nhập gì cũng phải xuống Viện Hối đoái xin phép rồi mới được làm. Không hiểu Nguyễn Đình Thuần, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng kiêm Bộ trưởng Phủ Tổng thống, nói thế nào mà ông Diệm chẳng hề kiểm tra lại, kí giấy cách chức ảnh luôn. Thuần nói Lang có hoạt động tư lợi cho gia đình, chuyển tiền qua Pháp cho nhà bố vợ là ông Đức Âm. Trong chế độ Ngô Đình Diệm rất hiếm người bị cách chức, mà Huỳnh Văn Lang lại bị cách chức và bị mang tiếng lạm dụng chức vụ làm lợi cho gia đình, nhục nhã vô cùng. Ảnh tức giận lắm và muốn trả thù. Ảnh móc nối Phạm Ngọc Thảo với tình báo Mỹ tính cách lật đổ Chính phủ. ‘Cậu đi hơi quá, đừng nên quyết định đại sự quốc gia bằng cách nhìn chủ quan một thời điểm.’ Mình nói ảnh vậy mà không được, vì ảnh kẹt trong thế oán thù. Mấy lần ảnh tới gặp mình nói: ‘Thành ơi, bữa nào Thành vào xem thử ông Nhu ổng hút thuốc thì nhớ lượm cho mình một, hai cái tàn thuốc của ổng để mình về mình phân tích.’ Lang nói vậy mình chỉ làm thinh. Người ta đồn ông Nhu có bàn đèn hút thuốc phiện trong Dinh, mỗi lần đi đâu thì thuốc lá của ổng lén bên trong dây thuốc phiện.

Rồi chính Nguyễn Đình Thuần cũng trong nhóm chống đối mà đến phút cuối ông Diệm vẫn không tin. Nhiều người can gián về Thuần nhưng ông cứ mê đi. Một người đứng đầu hai bộ về quân sự và dân sự chỉ sau vua, có thể cách chức khai quốc công thần, tập trung quyền lực tạo ra quá nhiều sợ sệt như thế thì không tốt cho chế độ. Một ông bộ trưởng Bộ Quốc phòng để sĩ quan không quân đem máy bay bắn vào Phủ Tổng thống mà không có trách nhiệm gì ư? Một hôm, ông Diệm nói với bác Thành: ‘Thôi, tụi nó nói vậy mà không phải vậy đâu. Ông làm việc rất khổ cực, đau đủ thứ bệnh, tiểu đường nè, cholesterol cao ba độ lặn, mỗi ngày phải qua cầu lắc bộ thể thao bơi để giữ gìn sức khỏe. Tôi bảo là anh đi nghỉ đi, một hai tuần gì đó, tôi giữ nhà giùm cho, mà ông có chịu đâu.’ Ông Diệm như cô gái ngây thơ bị chàng trai mê hoặc, bác Thành nhiều lần nhắc nhở mà không ăn thua. Sau này có người nói rằng Nguyễn Đình Thuần chính là chủ mưu vụ đảo chính bất thành của hai phi công tháng 2 năm 1962 đó.”

“Vậy còn Trần Kim Tuyền? Ông ấy có trung thành với Ngô Đình Diệm không ạ?”

“Bao nhiêu sách báo bây giờ đã nói về việc Trần Kim Tuyền chống chế độ Ngô Đình Diệm như thế nào, cung cấp thông tin cho phe chống đối ra sao. Tội nghiệp ông Nhu, biết được bác sĩ Tuyền như vậy ông cũng chẳng làm gì, chỉ đưa đi Ai Cập làm Tổng lãnh sự. Bác sĩ Tuyền trên đường đi thì từ chức, rồi nằm nghe ngóng tại Hong Kong và vẫn liên lạc về với đám chống đối. Ngày 1/11/1963, đảo chính diễn ra xong, bác sĩ Tuyền bay về ngay, nghĩ mình là người có công, nên sẽ được mời làm chức nọ, chức kia, nhưng ngày hôm sau anh bị chính Hội đồng Quân nhân Cách mạng đã lật đổ ông Diệm tống giam.

Bác Thành còn có kỷ niệm này với anh Tuyền. Lúc bác Thành thay anh Lang làm quyền Trưởng phòng Tài chính trung ương Đảng Cần lao, một lần mình hỏi anh Trương Văn Tố, Tổng Giám đốc Công ty Đường: ‘Các anh khai báo còn 4.800 tấn thì 200 tấn chạy đi đâu? Tôi biết các anh chẳng thiếu hụt gì cả, vậy các anh ăn cắp 200 tấn làm gì? Các anh báo cáo đi chứ, tôi không thể để yên chuyện này được.’ Anh nói: ‘Không phải tui, chính anh Tuyền ra lệnh đó.’ ‘Anh Tuyền nào ra lệnh? Anh làm phòng 5 thì có quyền gì mà ra lệnh cho các anh?’ Anh mới nói: ‘Anh là người của Trung ương Đảng, lại lo mắng tình báo, tui tui không làm lỡ anh xử tui tui thì sao?’ Bác Thành phải báo ông Nhu: ‘Hôm nay anh Tố mới nói là mỗi tháng trích ra mấy trăm tấn đường làm quỹ cho Đảng mà tôi không hề thấy một đồng nào hết, anh nói giao hết cho anh Tuyền. Tôi với anh Tuyền ngang cấp nên tôi không tiện kiểm tra, vậy ông hỏi anh Tố rồi xử lí.’ Đó là một chuyện mình biết còn bao nhiêu chuyện mình không biết. Chẳng rõ ông Nhu xử lí ra sao, một thời gian sau anh Tuyền phải chuyển đi làm Tổng lãnh sự ở Ai Cập cũng như giải tán cơ quan tình báo vì nhiều lí do cộng dồn lại.

Tóm lại, xung quanh ông Diệm đến lúc này toàn là người phản bội.”

Tháng 5 năm 1963, chính quyền Ngô Đình Diệm bị thế giới lên án mạnh mẽ vì những hành động đàn áp Phật giáo từ lễ Phật Đản tới đưng độ ở Đài Phát thanh Huế gây ra thiệt mạng và đổ máu. Liên sau đó là một làn sóng phản đối dữ dội từ giới tăng lữ và Phật tử. Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu trong tư thế kiệt giả. Tờ báo tiếng Anh duy nhất tại Sài Gòn không đưa tin chính xác mà chuyên vuốt đuôi, bợ đỡ làm cho cộng đồng quốc tế

càng xem thường. Bùi Kiến Thành cùng một số anh em bàn nhau, định ra một tờ báo tiếng Anh khác làm tiếng nói ngôn luận nghiêm túc để phổ biến thông tin, đặt tên là Vietnam Daily News.

“Bác Thành trình bày, ông Diệm gật gà gật gù rồi bảo qua nói với ‘ông cố vấn’. Bác Thành bắt đầu thấy bức mình vì giờ ông không nói qua gặp ông Nhu đi, mà nói qua gặp ‘ông cố vấn’ đi. Ông Nhu thì đang điên đầu nhức óc, lại chỉ mình qua Giám đốc Thông tin Trần Văn Tho. Hồi đó không còn Bộ trưởng Bộ Thông tin nữa rồi. Tho nói: ‘Anh Thành à, thông lệ là mỗi lần cho giấy phép làm báo ấy, anh phải kí giấy tự nguyện đóng cửa tờ báo.’ Giấy đó không đề ngày đề tháng gì cả, lúc nào mình nói gì không phải thì họ sẽ tự điền ngày vào coi như mình tình nguyện đóng cửa tờ báo. Bác nói: ‘Anh Tho ơi, anh biết tôi nhiều rồi mà. Đờn nào tôi làm chuyện đó. Thôi khỏi đi, coi như tôi chưa nói gì với anh.’ Sau đó bác viết thư tay nhờ cận vệ chuyển cho Tổng thống, hơi nặng lời, ý là đến tôi mà còn xử lí theo kiểu lòng vòng, cụ chỉ sang ông cố vấn, ông cố vấn chỉ sang Giám đốc Thông tin rồi Giám đốc Thông tin yêu cầu vậy, thử hỏi người khác thì còn phũ phàng thế nào. Chế độ này gần như tâm thần rồi.”

“Có phải cả Diệm và Nhu đã trở nên rất bối rối với tình hình lúc đó?”

“Vào lễ kỷ niệm ngày 7/7/1963, tròn chín năm ông Diệm về Việt Nam làm Thủ tướng Quốc gia, ông Nhu soạn cho ông lời phát biểu trước bao nhiêu quan khách, bộ ngành, cơ quan, có câu đại ý là: ‘Chế độ này tuy còn nhiều khuyết điểm, nhưng còn hơn nhiều chế độ khác. Người ta chê là độc tài nhưng chỉ ngại còn những thứ độc tài khủng khiếp hơn. Tôi tiến thì theo tôi, tôi lui thì bắn tôi, tôi chết thì trả thù cho tôi.’ Báo chí trích đăng lại không hoàn toàn chính xác câu đó, nhưng cũng đủ khiến thế giới sửng sốt. Ngày kỷ niệm chấp chánh mà ông nói khủng khiếp quá, và theo bác Thành là không khôn ngoan. Thứ nhất mình là lãnh đạo mình không lùi bước, thứ nhì mình không mở đường cho người ta giết mình. Thực sự tinh thần của các ông đã bắn loạn vì biểu tình, vì các âm mưu đảo chính, vì áp lực của Mỹ...”

Tới tháng tám, Ban Nghiên cứu Tư vấn cải cách hành chính do Bùi Kiến Thành tổ chức rã đám. Tình hình xung đột giữa chính quyền và lực lượng Phật giáo càng thêm căng thẳng. Có thêm rất nhiều tăng ni tự thiêu, tự chặt tay... Tình báo Mỹ cho rằng nhiều cán bộ Cộng sản đã thâm nhập vào lực lượng Phật giáo để tổ chức biểu tình, nên ngày 21 tháng 8 Ngô Đình Nhu ra lệnh vây ráp, chiếm chùa, bắt nhiều tăng ni, Phật tử. Dư luận đánh giá hành động của chính quyền là phi đạo đức. Đó có thể coi là giọt nước tràn ly. Một số tướng lĩnh lên kế hoạch đảo chính, với sự hậu thuẫn và tiền của CIA.

“Cái gì đến phải đến. Việc Hội đồng Quân nhân Cách mạng thực hiện đảo chính ngày 1/11/1963 đã tốn không biết bao nhiêu giấy mực rồi, bác Thành sẽ không nói lại nhiều. Các tướng lĩnh hoặc làm ngơ hoặc phản cả, chỉ còn có Lê Quang Tung, Tư lệnh Lực lượng Đặc biệt thì cuối tháng 10, Mỹ đã cắt lương lực lượng này, rồi sáng hôm mùng 1 tháng 11 bên chống đối sát hại Tung. Trần Thiện Khiêm từng bảo vệ Tổng thống trong lần đảo chính nhảy dù trước đó, giờ cũng tham gia đảo chính. Trần Thiện Khiêm thì khăng khít với Phạm

Ngọc Thảo. Điều anh em ông Nhu ông Diệm không ngờ nhất là Trung tướng Tôn Thất Đính, Tư lệnh Quân đoàn III, quân đoàn lớn nhất bảo vệ thủ đô, người được mấy ông vô cùng tin cậy, cuối cùng cũng ngã theo phe kia. Ông Nhu đã dự liệu kế hoạch Bravo 2 giao cho Đính để phòng trường hợp đám kia đảo chính... 12 giờ trưa, ông Diệm gọi Đính, Đính vẫn còn bảo không có sao đâu...”

“Hôm đó bác đang ở đâu ạ?”

“Bác đang làm việc ở ngoài. Trưa hôm ấy, bác Thành về nhà ở 178 Trương Minh Ký, nay là Lê Văn Sỹ, chờ xem ông Diệm có tín hiệu gì không, có giúp được gì không nhưng không có tín hiệu gì nên mình không chủ động được. Khoảng một đến hai giờ chiều, bác Thành gọi vào Phủ Tổng thống hỏi thăm tình hình, bảo cần gì cứ gọi tôi sẽ vào ngay thì ông già Ân nói vẫn an toàn hết. Mình cũng biết kế hoạch Bravo 2 ông Nhu giao cho Đính nên cũng thấy lạ. Ba giờ chiều, ông Diệm gọi lại cho Đính thì Đính đã thể hiện rõ thái độ phản loạn. Quân đoàn I tận ngoài Đà Nẵng, quân đoàn II từ Tây Nguyên xuống Ninh Thuận là của Nguyễn Khánh. Khánh gọi cho Đính, Đính bảo không sao. Khánh gọi cho quân đoàn IV thì anh Tư lệnh cũng bảo không sao, nhưng thực ra anh đã bị Phó Tư lệnh Nguyễn Hữu Cồ dí súng vào bụng không chế rồi.

Qua điện thoại, Đại sứ Mỹ Henry Cabot Lodge Jr. nói với ông Diệm rằng tôi đảm bảo an ninh cho ông, tôi sẽ đưa ông ra khỏi Việt Nam, ý nói là ông đầu hàng đi nhưng ông từ chối. Ông không đặt mình trong sự quản thúc của nước Mỹ, dù thế nào cũng không thành bù nhìn của Mỹ và không để đời sống của mình do nước ngoài định đoạt. Sống chết gì mình cũng độc lập, sống chết gì cũng không phụ thuộc vào nước khác. Tầm tám, chín giờ tối thì Phạm Ngọc Thảo kéo quân chiếm Đài Phát thanh, công bố danh sách tướng lãnh ủng hộ đảo chính, đưa micro cho từng tướng lãnh có mặt ở đây xưng tên rồi tuyên bố ủng hộ đảo chính. Anh em ông Diệm ông Nhu cùng hai sĩ quan tùy tùng tạm lánh đến nhà Mã Tuyên, Tổng bang trưởng của người Hoa ở Chợ Lớn. Đến sáng ngày 2 tháng 11, Nguyễn Văn Thiệu dẫn quân chiếm Dinh Gia Long thì không thấy anh em ông Diệm, bối rối không biết làm thế nào.

Buổi sáng đó, ông Diệm đi lễ ở nhà thờ Cha Tam, rồi liên lạc với phe đảo chính nói sẽ công khai trao quyền. Ông bảo Đỗ Thọ gọi Trung tướng Trần Thiện Khiêm vì ông vẫn còn tin Trần Thiện Khiêm. Đỗ Thọ thay vì gọi Khiêm lại gọi cho cậu mình là Đỗ Mậu, Đỗ Mậu liền báo cho Mai Hữu Xuân. Bên kia cho xe bọc thép đến bắt Tổng thống và cố vấn Nhu ở nhà thờ, trên xe giữa đường hai ông bị đánh bầm mặt rồi bị đại úy Nguyễn Văn Nhung giết chết... Bác Thành nghĩ, khi họ lật đổ chính quyền của mình rồi thì cần gì mình phải về giao chính quyền cho họ nữa. Có rất nhiều kịch bản để ông trốn đi, nhưng ông nghĩ có thể tránh những cuộc xung đột tiếp theo của quân đội vì vẫn còn những quân đoàn trung thành với mình nhưng...”

Bùi Kiến Thành chùng giọng xuống nhớ lại những năm tháng đã qua. Ngẫm nghĩ một lát rồi ông tiếp:

“Người có chức có quyền nhưng quân đội không có trong tay thì quân đội sẽ phản mình

đây. Chẳng hạn ông Anwar Al-Sadad, Tổng thống Ai Cập, người kí hiệp ước hòa bình với 186 Bùi Kiến Thành - Người mở khóa lăng du Do Thái. Phe chống đối đã bắn ông trên khán đài danh dự trong một cuộc diễu hành văn hóa. Hay chuyện Indira Gandhi, Thủ tướng Ấn Độ. Ai giết bà Gandhi? Cận vệ của bà ấy, người giữ an ninh cho bà ấy, đã bắn bà ấy ngay trên cầu thang. Cho nên từ những chuyện xa xôi cho đến chuyện ngày nay mình thấy chính quyền tưởng là ghê gớm lắm nhưng lại rất mong manh.”

Vào tù vui vậy đó

Nhắc lên, sắc diện Bùi Kiến Thành đang rạng rỡ trở lại. Ông kể về ngày 2/11/1963, khi nghe tin anh em Ngô Đình Diệm chết rồi, ông lặng lẽ buồn.

“Mùng ba, Huỳnh Văn Lang tới tìm bác Thành nói: ‘Tụi quân đội mời Nguyễn Ngọc Thơ làm Thủ tướng. Ông đang tìm người giỏi ra làm việc, định bố trí mình làm Bộ trưởng Bộ Tài chính. Thế cậu có muốn làm Bộ trưởng Bộ Kinh tế không?’. Bác Thành trả lời: ‘Không được đâu. Mình là người của ông Diệm, ông vừa chết chưa có bụi mình làm vậy sao đành. Sức mấy tụi quân đội tin mình mà vào ổ kiến lửa đó? Chúng nó xâu xé nhau như một rổ cua, ông Thơ chẳng có quyền hành gì đâu. Lại còn mấy anh Đại Việt Quốc dân đảng, Việt Nam Quốc dân đảng⁽¹⁾, mấy đảng lúc trước bị ông Diệm loại ra đó... Tóm lại mình không làm đâu.’

Thuyết phục bác Thành không được, Lang lái xe chở bác Thành tới thăm Phạm Ngọc Thảo ở chỗ đóng quân gần Đài Phát thanh. Quân của Thảo là một trung đoàn trong Quân đoàn V từ Biên Hòa kéo về, tất cả mặc đồ bà ba đen chứ không phải quân phục Việt Nam Cộng hòa. Lang nói ngoài Mĩ ra thì Thảo rất mạnh về dân vận. Về việc để xảy ra cái chết cho anh em Ngô Đình Diệm, Thảo nói: ‘Mấy thằng tướng lĩnh làm ăn chả ra gì, tôi mà biết như vậy thì tôi tóm hết tụi nó rồi.’ Thật sự thì Phạm Ngọc Thảo có thể làm như thế được, vì đạo quân của ảnh chính là nòng cốt đảo chính. Lang khoe bao nhiêu thông tin phòng thủ của Dinh Gia Long, thậm chí cả góc bắn như thế nào, ảnh cùng một số người đem giao cho tụi phản loạn hết. Ý anh Lang là ảnh có vai trò quan trọng trong cuộc đảo chính đó, ảnh là người kiểm soát phía sau và Phạm Ngọc Thảo do chính ảnh đưa vào Đảng Cần lao lúc trước. Chừng một tuần sau thì Hội đồng Quân nhân Cách mạng bắt giam ảnh cùng những anh dân biểu quốc hội thời Diệm.”

“Vậy họ có bắt bác không? Công việc của bác những ngày này thế nào?”

“Bác chưa bị bắt ngay, vẫn lái xe đến công ty bảo hiểm đi làm bình thường. Ở nhà thuốc Bác sĩ Tín có anh Nguyễn Quang Sanh, từng là trung tá tư lệnh hiến binh làm Phó Giám đốc giúp ông cụ, do lúc này cậu Bảy Phan nghỉ ra ngoài làm nhà máy bột giặt. Chẳng biết ảnh có vai trò gì trong đảo chính không mà bảo anh Thành ơi, mình đem một số thuốc làm quà cho quân đảo chính, kiểu như khao quân. Bác Thành không đồng ý. Ai muốn thưởng bên đảo chính thì cứ việc, tôi là bạn thân ông Nhu, ông Diệm, nên lí do gì tôi ủng hộ đám đảo chính?

Ngày mùng ba, mùng bốn rất nhiều người trong Đảng Cần lao gọi điện hỏi bác Thành bây giờ thế nào, lãnh đạo Cần lao có ý kiến gì không? Ông Nhu chết rồi và không để lại chỉ thị gì cho những ai chịu trách nhiệm. Bác Thành không trả lời được, bác đã từ nhiệm vai trò Trưởng phòng Tài chính và Văn phòng Trung ương Đảng Cần lao đã giải tán rồi. Mấy ngày tiếp theo phe đảo chính bắt đầu bắt đảng viên Đảng Cần lao từ Đà Nẵng cho đến Cà

Mau, cả thầy mấy trăm người. Bao nhiêu lãnh đạo về quân sự, về hành chính bị bắt, chính quyền từ trung ương đến cơ sở bị vô hiệu hóa. Tình hình hỗn loạn như rắn mất đầu, rắn tỉnh, thành phố, quận huyện đều mất đầu, không có chỗ nào làm việc cả. Cấp trên không bảo được cấp dưới, mạnh ai người nấy trú ẩn. Trong danh sách những người cần bắt sau khi đảo chính đăng trên báo sau ngày đảo chính, bác Thành đứng thứ 12. Ông Diệm là số một, bác Thành số 12, nhưng không hiểu sao tại nó không bắt mình ngay....”

“Liệu có thể vì bác đang quản lí một công ty bảo hiểm của Mỹ?”

“Có thể. Mà bắt cũng chả để làm gì. Bác sĩ Tín nhiều tiền nên bị bắt mấy ngày thì được thả. Hình như nó nói với ông cụ là trả cho tôi bao nhiêu tiền đó thì tôi không bắt ông Thành. Ông cụ hỏi bác Thành, nếu tại nó làm tiền thì tính sao, bác Thành bảo không trả, cho nó bắt. Cuối tháng 11, chúng nó mới gọi bác Thành vào điều tra. Cách đôi ba ngày bác Thành phải lên lúc tám giờ sáng đi làm, chiều cho về. Bác Thành nói thẳng Cần lao là đảng hữu danh vô thực, các ông khỏi lo mất công. Lần thứ ba chúng nó để đến năm, sáu giờ chiều thì đưa xe chở mình vô nhà giam. Trong đó đã có mặt mấy trăm anh sĩ quan, cả trăm anh đại biểu quốc hội, rồi Trần Văn Thọ, Giám đốc Thông tin, bao nhiêu lãnh đạo các bộ ban ngành đều bị bắt hết. Mỗi phòng giam chừng hai mét vuông, có song sắt nhìn ra hành lang ở giữa. Bác Thành vẫn đóng bộ com lê chỉnh tề, chứ chưa mặc quần áo của nhà giam. Vừa mở cửa, bác nghênh ngang đi vào, hành lang sâu chừng 20 mét. Mấy anh trong các phòng giam tưởng mình làm cái gì lớn lắm, đến khi mình bị nhốt lại mới biết ‘À, thằng này nó bị bắt’. Bác Thành phải báo tin ra để bàn giao AIU cho người khác.”

“Bác có bị kết tội gì không ạ?”

“Không kết tội, cứ bắt giam thôi. Đông lắm, mỗi phòng chứa trên dưới 20 người một là ngồi, hai là nằm giở đầu giở đuôi. Trước cửa vào đặt một cái thùng để đi tiểu với mấy chiếc chiếu, nắp thùng dùng để đựng cơm được phát mỗi bữa. Thùng đặt ở vị trí đó để tiện việc dọn đi đổ mỗi buổi sáng và khi ‘giải quyết nỗi buồn’ không đạp lên anh em. Xung quanh tường là bao nhiêu cái phẩy đầy vết máu. Mấy con rệp cắn người xong bò lên tường rồi bị giết, phẩy phẩy phẩy phẩy. Những cái phẩy đó lâu rồi, có lẽ đến cả chục năm, vì trước kia nơi đây giam những người Cộng sản. Một tuần họ cho người tù đi giữ chiếu một lần, rồi đem rắc vôi xuống đất. Ngày mặc quần cộc, tối trải áo ra nằm. Mỗi ngày mình có năm phút ra ngoài buổi sáng, năm phút ra ngoài buổi chiều. Chế độ cơm tù, ngân sách nhà nước khoán mỗi anh 10 đồng thì nó mua hai, ba đồng còn nó đút túi. Đồ ăn thường chả có gì, ít canh rau muống nhỏ từ trong ruộng ra, nấu còn nguyên rễ.”

Tôi có hình dung ra cảnh tù tội của một người quá quen với cuộc sống đầy đủ, doanh nhân Bùi Kiến Thành.

“Đang sống cuộc sống sung túc đột nhiên vào tù giết rệp, cảm giác của bác là...”

“Mấy anh kia rầu rĩ lắm, bác Thành thấy bình thường. Mấy thằng cha đảo chánh, từ đại tá đến thiếu tướng, trung tướng mình biết hết mà, có gì đâu. Thời cuộc đổi thay, ông Diệm chết, ông Nhu chết, bao nhiêu người khác chết. Xung quanh mình thì anh này là Bộ

trưởng, anh kia là Thứ trưởng, lên rồi xuống, chuyện này rất bình thường. Hôm đầu, mình mức nước tắm, mình ngu không biết nước đầy cực kì bắn. Ba, bốn bữa sau cả người ngứa, sung. May sao cái anh hôm trước hỏi cung bác Thành, lại cùng họ Bùi, nên cho lên xe jeep chở về nhà lấy quần áo. Tội nghiệp, bà xã mình đang có thai, thấy mình đầu tóc râu ria tùm lum, quần áo bẩn thỉu thì ngất xỉu rồi bị sảy. Bả lo cho bác Thành nên đã đem đốt hết bao nhiêu hình ảnh cùng tài liệu của mình liên quan đến anh em Ngô Đình Diệm. Mình vớ được ít quần áo rồi phải đi luôn, chủ yếu là quần áo cộc. Các bạn tù trách mình sao không lấy ít muối đem vào, vì trong đó không có muối ăn. Thì có biết đâu, lúc đầu tưởng dẫn mình đi đánh đập ép cung gì cơ, hóa ra ảnh cho mình về nhà. Mình hoàn toàn không bị đánh đập bao giờ. Ở tù là một bước ngoặt lớn của đời mình, một bước ngoặt tốt, rồi mình cũng bình thản hơn.”

“Tình hình cứ như vậy trong bao lâu ạ?”

“Ở đó chừng một tháng thì họ chuyển mình qua phòng giam ba, bốn người, vệ sinh hơn. Trong thời gian đấy Nguyễn Khánh thực hiện ‘chỉnh lí’, phê truất Dương Văn Minh, Trần Văn Đôn, Lê Văn Kim, Mai Hữu Xuân. Phạm Ngọc Thảo đứng sau điều khiển, chứ Khánh ở tận trên Đà Lạt, có quân dưới này đâu. Nguyễn Khánh về một đêm cho bắt hết người. Những ngày đầu, Khánh gửi một số sĩ quan vào trấn an, nói anh em ở đây ít ngày rồi sẽ đưa về nhà, nhưng một tuần lễ sau thậm chí thay vì thả ra nó còn bắt giam tiếp mấy trăm người khác...”

Một hôm, Nguyễn Khánh lên đài phát thanh phát biểu vì ‘đoàn kết dân tộc’ nên sẽ thả hết tù Cộng sản. Bao nhiêu người Cộng sản từ trước đến nay tập trung trước nha cảnh sát làm giấy tờ rồi được thả ra hết. Mình thấy một chiêu rất siêu của Phạm Ngọc Thảo, là làm sao mà thuyết phục được Khánh đưa ra quyết định như thế. Những người tù Cộng sản ở Lao Bảo xuống hay Côn Đảo ra, được đưa về trại Võ Tánh giam tập trung một phòng gần phòng mình để chuẩn bị thả. Mấy anh dễ thương lắm, tối ngồi quạt giùm cho đồng chí ngủ, rất để ý chăm sóc những anh bị thương nặng. Buổi chiều được ra ngoài thì một, hai anh dìu một anh bị liệt tập đi bộ, lấy lại cơ bắp. Mình thấy thật sự tôn trọng tình đồng đội của những người Cộng sản, trong tù không có gì ăn mà toàn đòn thứ tốt lại nuôi mấy anh yếu.”

“Bác còn phải chuyển nhà lao thêm nữa không?”

“Khoảng mấy tháng sau, nó chuyển mình đến một nhà lao khang trang hơn. Phòng rộng rãi cho mấy chục người, có hai cái bệ để leo lên ngủ còn bên dưới đi qua đi lại. Lao tù nhưng không khắc nghiệt. Buổi sáng mình được tắm nước sạch, có xà bông, có những chiều được ra ngoài đi dạo trong sân. Người nhà được đăng kí thăm hàng tuần, được gửi sách vào cho mình đọc. Khi chưa vào tù thì giữa bác Thành với bà má đang có vấn đề xung khắc, nhưng khi mình vào tù thì bà má có mang trái cây tới thăm.

Đêm đêm có một anh đọc kinh Phật rất hay, mình thấy tinh thần thanh thản thoải mái lắm. Khi anh ấy đọc tới kinh Bát Nhã, tự nhiên có một luồng điện cực kì mãnh liệt bên trong, khơi dậy cho mình một sức lực, tiềm năng lớn lao khiến mình không còn sợ sệt bất cứ cái gì. Mấy tháng sau là bác Thành thuộc lòng kinh Bát Nhã. Mình bảo nhà đưa vào

thêm sách Phật. Phật Thích Ca đi giảng đạo 49 năm, dùng mọi phương tiện giúp chúng sinh tiếp cận giáo lý nhà Phật. Vốn là người sáng ý, mình đọc tới đâu nhập tâm tới đó.

Cùng thời gian đó, ở bên ngoài, lực lượng Việt cộng được tổ chức rất mạnh, còn lực lượng Việt Nam Cộng hòa thì tan rã hết, lãnh đạo bị bắt nhốt hết, quân đội thì đảo chính lên đảo chính xuống. Mĩ ủng hộ Nguyễn Khánh hết mức, đến nỗi Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Mĩ Robert McNamara tuyên bố trước dư luận Mĩ ‘If Khanh goes, I’ll go’, tức là nếu Khánh bị sa thải thì tôi từ chức. Trong thời gian đó, Nguyễn Quang Sanh được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc công an cảnh sát toàn quốc, chịu trách nhiệm về vấn đề lao tù. Một hôm anh đi thị sát qua, đến bắt tay, hỏi thăm thì bác Thành nói tôi khỏe, không sao.”

“Ở vị trí đó, ông ấy có tác động để thả bác ra không ạ?”

“Không tác động, mà mình cũng không xin xỏ lời nào. Rồi bên quân đội quyết định thế nào mà đẩy bao nhiêu tù nhân thời chế độ Ngô Đình Diệm trong trại giam ra Côn Đảo mấy tháng, chẳng hiểu sao chúng để lại hai thằng là bác Thành với Lê Trọng Quát. Mình thấy cũng không ổn, bao nhiêu đồng đội đi hết rồi, chẳng lẽ mình đòi đi... Sau này Lê Trọng Quát ra làm việc trong chính quyền Nguyễn Văn Thiệu.” Bùi Kiến Thành nheo mắt hóm hỉnh kể tiếp. “Tới tháng tám, Nguyễn Khánh lên nhận chức Chủ tịch Hội đồng Quân nhân Cách mạng, kiêm Quốc trưởng, kiêm một lô chức tước nữa. Vừa lên Khánh đã bị mấy chục nghìn người biểu tình, đã đảo tụi quân phiệt, đã đảo này, đã đảo kia thì Nguyễn Khánh cũng bắt chước cùng đám biểu tình đã đảo, ý là mình theo nhân dân mình ủng hộ nhân dân. Đến khi đoàn biểu tình hô ‘Đả đảo Nguyễn Khánh’ thì anh ta biến mất. Nguyễn Khánh giống một anh hề.

Tình hình chính quyền miền Nam dưới thời Nguyễn Khánh loạn lạc kinh khủng, hết anh này lên lại anh kia xuống. Chính phủ thay đổi liên tục, tới tháng 10 chúng đưa Trần Văn Hương lên làm Thủ tướng. Đó là một ông thầy giáo được lòng dân lắm. Nguyễn Xuân Oánh được bổ nhiệm làm Phó Thủ tướng. Qua cô Bảo Thư, em ông Đức Âm, làm thư kí cho ông Oánh, bà xã đã vận động ông Oánh kí lệnh thả mình ra.”

“Đó là thời gian nào ạ?”

“Khoảng 27, 28 Tết năm 1965, bác Thành với một số người được ra, bác đi tù gần 15 tháng. Mình cũng không biết trước mà báo gia đình. Buổi chiều mình được thông báo, bèn vợ vội mấy bộ quần áo, ra cửa kêu xe về. Mình về 76 Trương Minh Giảng thì cửa khóa, nhà chả có ai. Mình đứng ngồi ngoài cửa một lúc thì bà xã về. Vợ chồng gặp lại mừng mừng tủi tủi. Chuyện bác Thành vào tù vui vậy đó.”

“Ở tù mà bác thấy vui sao?”

“Thời gian đó, bác học hỏi được rất nhiều, từ kinh sách nhà Phật và đằng sau kinh sách đó. Phật pháp là tâm ấn, tâm từ tâm. Chữ chỉ là phương tiện, khi đọc chữ tùy căn cơ mỗi người mà ngộ ra vấn đề. Ở tù là thời gian cực kì quý báu, mình có rất nhiều thì giờ, cơ hội để tịnh tâm mà mở rộng tầm nhìn về cuộc đời cũng như cách ứng xử với cuộc đời khác đi so

với khi ở ngoài xông xáo. Đó là một thiện duyên cực kì độc đáo.”



CUỘC SỐNG *Tha hương*

Nhỏ neo tàu số phận

Tết ấy Bùi Kiến Thành được ở bên gia đình. Ngày 16/2/1965, Phan Huy Quát vừa lên làm Thủ tướng thì ngày 19/2 Phạm Ngọc Thảo làm đảo chính lần nữa, định tiêu diệt Nguyễn Khánh nhưng thất bại. Ngày 25 tháng hai, Nguyễn Khánh phải rời khỏi Việt Nam.

“Một hai tuần sau Đài Phát thanh liên tục réo tên Bùi Kiến Thành yêu cầu trình diện để nhập ngũ vì mình chưa thực hiện nghĩa vụ quân sự. Bác Thành không đi. Biết kiểu gì nó cũng tới bắt mình, bác Thành tới chùa Ấn Quang xin tá túc. Tại đây, bác gặp thầy Thích Trí Quang, là người lãnh đạo lực lượng Phật giáo trong giai đoạn căng thẳng khi Phật giáo bị chính quyền Diệm đàn áp năm 1963; và thầy Thích Quảng Liên, lãnh đạo thanh niên Phật giáo, ngày xưa được bác sĩ Tấn giúp đi học bên Nhật. Nhưng cái duyên may nhất của bác Thành là được tiếp xúc với thầy Thích Thiện Hoa, trụ trì của chùa. Thầy như ông Phật vậy, được các Phật tử vô cùng yêu kính. Thầy rất thương mình, chỉ dạy rất nhiều điều, cho mình một bộ kinh Lăng Nghiêm và một pho tượng làm từ 108 thứ cỏ bên Thái Lan. Trong chùa Ấn Quang, bác Thành nằm đây thì thầy Quảng Liên đầu kia, thầy Trí Quang đầu này, sát vách là Đại đức Thích Trí Quảng. Bên Phật giáo thì đại đức rồi tới thượng tọa rồi mới tới hòa thượng. Hòa thượng là lớn lắm. Thích Trí Quảng⁽¹⁾ bấy giờ mới là người đi học đạo cấp một, đẹp trai và lịch thiệp lắm.”

“Trong thời gian bác Thành đang ở chùa Ấn Quang thì Phạm Ngọc Thảo bị bắt. Chuyện thì dài nhưng anh Thảo đúng là gan dạ. Anh có thừa cơ hội rút lui khỏi địa bàn nguy hiểm hay ra nước ngoài nhưng anh quyết tâm chiến đấu đến cùng. Tháng 7 năm 1965, anh bị Nguyễn Ngọc Loan bắt, tra tấn suốt một đêm thì qua đời. Nghe tin anh Thảo chết mình cũng buồn. Bản thân bác Thành cũng sơ tán hết chùa này qua chùa khác vì không thể ở cố định một chỗ. Tháng 8 năm 1965, bác Thành đến chùa Minh Hương trong Chợ Lớn xin quẻ xăm xem thần linh chỉ bảo được hay không. Trước bác từng xem ở đó rồi nhưng giờ ông thầy giải xăm khi trước đã mất, con gái ông kế nghiệp coi xăm nói: Chuyện mà ông hỏi coi như qua rồi, một tháng nữa ông không còn ở Việt Nam. Mình đang trốn chui trốn lủi mà xuất ngoại gì chứ? Mình và bà xã đều thấy lạ lắm. Rồi trong vòng một tuần bác Thành bỗng gặp lại Phạm Quang Lộc.”

“Ông Phạm Quang Lộc là...”

“Một bạn tù nằm chung phòng với bác mấy tháng. Lộc là dân Tây⁽²⁾, trước khi bị bắt làm chương khế⁽³⁾. Nó hát hay lắm, tiếng Việt, tiếng Pháp đều hay. Lộc hỏi mình muốn đi Pháp không, nó sẽ dẫn đi. Mình đồng ý, tạm biệt vợ con để theo Lộc. Nó móc nối với hãng tàu Messagerie Maritime chuyên chở khách từ Sài Gòn qua Marseille. Năm 1965 mà mỗi người phải bỏ ra 1.500 đô la. Lộc đem theo bạn gái, thế là ba người. Tới ngày hẹn, Lộc tới đón mình đi ăn cơm tây trên tàu. Chỗ đó nhiều người dùng bữa xong người ta về, còn mình được dẫn xuống phòng dưới ở qua đêm. Bác Thành với Phạm Quang Lộc được giấu trong

hầm tàu. Không biết tại nó có móc nối với hải quan và cảnh sát không nhưng trước khi tàu nhổ neo, hải quan xuống khám xét xem tàu có chở hàng lậu không, cảnh sát đường thủy thì kiểm tra xem có ai trốn không, rồi đóng cái dấu cho đi. Khi tới Vũng Tàu rồi ra khỏi hải phận Việt Nam, bác Thành và Lộc được mời lên trên như hành khách bình thường. Tàu có mấy trạm dừng là Singapore, Colombo của Sri Lanka, Karachi của Ấn Độ, Port Said của Ai Cập, từ tháng tám qua tháng chín mới đến Pháp. Bình thường khi cập bến, thủy thủ đi một đường, hành khách đi một đường. Ở đây mình được bố trí đi theo đám thủy thủ, qua cảng Marseille rồi ra nhà ga mua vé xe lửa, chạy một đêm thì tới Paris.”

“Chắc bác đã liên hệ trước với bạn bè ở Paris rồi ạ? Gia đình bác còn kẹt ở Sài Gòn thì sao?”

“Qua tám cô tiểu thư nhà họ Bảo từng quen ở Sài Gòn, bác Thành dần xếp với một anh làm trong tình báo Pháp có quan hệ với cảnh sát Paris làm giấy tị nạn chính trị. Quy định Liên Hợp Quốc bảo vệ những người tị nạn chính trị, không phải công dân nước nào nữa. Muốn tạm trú định cư ở đâu thì cứ tới thành phố đó khai báo, ra nước ngoài thì được cấp giấy thay vì hộ chiếu. Bên Pháp tự do lắm, bác Thành đã sống ở Pháp từ năm 1965 đến năm 1984 dưới danh nghĩa tị nạn chính trị. Năm 1984, bác sang Mỹ rồi năm 1991 mới làm quốc tịch Mỹ. Bác Thành tới Paris thì may lại có sẵn nhà bà má mua cho cô năm Ngọc Nữ với chú sáu Kiến Quốc sang học từ năm 1962. Bà đã đi khắp Quận 5, quận của học sinh sinh viên, chọn mua cái nhà đó.”

Vợ của Bùi Kiến Thành có người anh rể là đại sứ bên Đức nên tính nước qua Đức tạm trú một thời gian rồi mới qua Pháp. Hành trình tương đối ly kì... Năm 1966, bà cùng anh Lương Xuân Tâm, bà con bên ngoại của Bùi Kiến Thành và là người giúp việc, đưa bốn đứa con nhỏ chui dưới hầm một cái ghe từ Sài Gòn sang Campuchia, qua đủ thứ trạm kiểm soát. “Như thế là cực kì mạo hiểm, coi như giao mạng sống cho người ta, vì những năm đó chiến tranh dữ dội, Mỹ can thiệp ào ạt. Từ Campuchia, sáu người đáp máy bay tới Rome, Italia...”

Anh Bùi Kiến Thái từng kể với chúng tôi, năm ấy anh mới bốn tuổi. Bác Thành viết thư về cho bác gái, bảo đi làm cho Đại sứ quán Pháp thì ba năm sau có thể qua Pháp, nhưng bà quyết định cho thuê một căn biệt thự ở Quận 3 rồi đưa con đi luôn.

Tại Italia, sáu người họ bố trí bay sang Đức, từ Đức đi xe qua Bỉ, từ Bỉ tiếp tục đi xe đến Pháp. Bùi Kiến Thành chờ sẵn ở Paris để lo làm giấy tờ cho gia đình.

“Bác đã bắt đầu cuộc sống mới như thế nào?”

“Trong mấy cô họ Bảo có cô Bảo Yên học bên Pháp, lấy chồng Việt Nam, sau khi li hôn thì lấy một anh Thụy Sĩ. Năm 1965, bác Thành bắt đầu cùng mấy chị em họ Bảo làm tiệm bán đồ cổ. Quận 5 có những tiệm đồ cổ rất đẹp, như của anh Michel Duchange. Ở Paris có những đại gia sở hữu đồ cổ nhưng không dùng làm gì, đưa ra phòng bán đấu giá gọi là Salles de vente Drouot, rất nhiều món đồ Trung Hoa từ thời Hán, Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh, đồ cổ Nga, Pháp, Âu châu hay gươm samurai của Nhật. Bác Thành chuyên về

đồ cổ Trung Hoa, mua về chơi rồi bán lại. Sau một thời gian thì đám mua đồ cổ quen nhau hết, tới phòng đấu giá thấy gì hay thì nháy mắt cho nhau, một thằng trả giá thôi, thay vì mua 10 ngàn, 20 ngàn thì chỉ mua năm, bảy ngàn rồi qua tiệm cà phê kể đó đấu giá lại với nhau. Thí dụ tám người khi món đồ từ 5.000 lên 8.000 mà một anh rút lui, thì còn bảy anh và anh rút lui được hưởng 1/8 chênh lệch ở đây là ba ngàn... Cứ thế đến khi có một anh trả cao nhất thì được món đồ. Nhưng đi đấu giá đâu chỉ có đám tụi mình, có những món mình thích lắm nhưng có những người họ thích họ đẩy giá lên cao lắm mình không theo được. Có lần bác Thành mê cái rô đựng chuối tràng hạt gồm 108 viên ngọc to tuyệt mỹ mà bị một anh đại gia nâng mất... Mua đồ cổ, bán đấu giá vui mà học được nhiều. Có anh tình cờ mua được cái hũ rỗng người ta dùng để cắm dùi, đem về định giá, gửi qua London bán được 1,5 triệu đô la. Thì ra hũ đó có một cặp, cái kia ở bảo tàng Bắc Kinh, cái này bị ăn cắp lúc loạn lạc hồi thế kỷ XIX.”

“Thế tức là đồ cổ không chỉ được sưu tập từ phòng đấu giá mà còn có thể ở những chỗ kiểu như chợ trời hay đồng nát?”

“Chính xác. Ở Paris có cái chợ Marché aux puces, ‘puces’ là cái con bọ chét đấy. Đây là cái chợ mua bán hàng người ta vứt đi, lớn lắm. Hàng ngày đồ phế thải từ các tỉnh chở về chợ từ hai, ba giờ sáng, nhất là một số ngày đặc biệt, mấy anh chuyên gia mua đồ cổ cứ giờ đấy có mặt để lùng. Anh Michel Duchange mua được rất nhiều đồ tốt, có khi cả hũ đồ sứ Thanh Hóa, đồ thời Lý Trần của Việt Nam... Bác Thành vẫn làm cho tới khi bà xã sang, nhưng không có nhiều kết quả bằng những người khác.”

“Bác gái cùng các con qua Pháp rồi làm gì ạ?”

“Bốn đứa hồi đó nhỏ xíu. Kim Chi sinh năm 1957, Kiến Thế 1958, Ngọc Diệp 1960, Kiên Thái 1962. Chuyện đầu tiên là cho tụi nó đi học. Kim Chi, Thế, Ngọc Diệp học tiểu học, Thái đi mẫu giáo. Thái bốn tuổi, chưa biết tự cởi quần đi tè, chưa biết mặc quần tây, một hôm cậu vào toilet cậu kéo quần thì dính chim trong đó, khóc um sùm. Đáng yêu lắm!... Bà xã với mình bàn tính xem bà làm gì, thì quyết định mở tiệm cơm. Hai vợ chồng mượn căn nhà nhỏ mà bà má mua rồi để không trong Quận 5 ở số 5 đường Daubenton, đối diện với đền Hồi giáo lớn nhất của thành phố Paris, gọi là Grande Mosquée de Paris. Bà xã rất thực tế, bà bảo tiệm cơm thì đơn giản, mình nấu cho con ăn, rồi bán cho mọi người ăn cùng. Tiệm ăn tên là Asia - Gourmets, vẫn còn tới tận năm chín mảy. Bác mang đồ cổ về, trang hoàng sơn son thiếp vàng như một cung điện nhỏ của nhà vua, phong cách Việt Nam rất đặc biệt.”

Bùi Kiến Thái từng chia sẻ, lí do anh mở lớp dạy nấu ăn cho khách du lịch nước ngoài ở Hội An vì hồi nhỏ được ăn quá nhiều món ngon ở quán ăn của mẹ.

“Bà xã làm tiệm ăn rất có duyên, thuê được một bà bếp cực kì giỏi, anh Xuân Tâm làm phụ bếp. Mấy đứa nhỏ đi học thì thôi, cứ về là ăn cơm ở đấy. Tiệm tạo ra nguồn thu ổn định. Tiệm nhỏ xíu, chưa đầy 30 chỗ ngồi, không đủ chỗ phục vụ. Bác Thành mới bày ra dịch vụ giao đồ ăn tại nhà, ‘take home delivery’, phát triển rất mạnh, phục vụ tận nhà còn nhiều hơn phục vụ tại chỗ, chỉ cần gọi điện. Một thời gian anh Xuân Tâm lái xe đi giao hàng. Asia - Gourmets là tiệm cơm Việt Nam đầu tiên có dịch vụ như vậy.



Cửa hàng ăn của gia đình Bùi Kiến Thành tại Pháp

Nhà hàng ở gần đền Hồi giáo nên có nhiều khách bên đền qua ăn cơm, trong đó có cả giáo chủ Khomeini, người sau này lãnh đạo cách mạng Iran, phế truất vua và lập nên chế độ Hồi giáo Iran ngày nay.

Một chị phóng viên chuyên đánh giá ẩm thực tới ăn rồi viết bài về tiệm cơm của bà xã đăng trên tạp chí danh tiếng Marie Claire làm quán ăn càng đình đám hơn. Khách hàng của mình bao nhiêu người nổi tiếng. Chị phóng viên thỉnh thoảng đặt hàng tới nhà chị ấy ở vùng sang trọng nhất Paris. Hồi năm 1969 có hội chợ ở Paris, ông papa gửi sang mấy thùng hàng thủ công mỹ nghệ, đồ gốm Thủ Đức, để triển lãm và bán nhưng không bán được. Giờ thấy chị phóng viên tử tế, mình đem ra tặng chị một con kì lân bày trong nhà cho vui.”

Đang từ một doanh nhân quyền lực ở đất Sài Gòn, trải qua hơn một năm tù tội, ra tù phải lần trốn, giờ đây Bùi Kiến Thành đã đưa vợ con sang Paris lập nghiệp, buôn bán đồ cổ và mở quán cơm Việt Nam. Cuộc đời ông lại lật sang trang mới.

Trái tim lãng tử

Hôm nay thời tiết dễ chịu, gió hiu hiu, thoảng trong không gian một mùi hoa nhẹ từ đâu đó. Gương mặt bác Thành hồng hào và tâm trạng cũng vui. Ông cho chúng tôi xem ảnh gia đình, từ các cụ Bùi Thân, Bùi Túc, Bùi Biên, ông bà bác sĩ Tín đến các anh chị em là Ngọc Hoa, Ngọc Nữ, Kiến Quốc, Kiến Nghĩa... Những bức hình cho chúng tôi thấy từ thời trẻ măng, anh chàng Kiến Thành đã thừa hưởng nét điển trai, hào hoa từ người cha.

Tiếp câu chuyện lần trước, ông hỏi chúng tôi:

“Mình đi qua cả một giai đoạn lịch sử phức tạp rồi, hôm nay các cháu có muốn thay đổi không khí chút không? Bác sẽ nói về tình yêu nhé!” “Bọn cháu ủng hộ ạ.” Cả đám hưởng ứng nồng nhiệt.

Đặt một ít bánh kẹo, hoa quả lên bàn, ánh mắt bác Thành mơ màng:

“Hồi bác Thành đi học ở Hội An, trường con trai bên đây, trường con gái bên kia, nam nữ đi học đều mặc áo dài. Mình thích nhìn mấy đứa con gái bên kia lắm, nhìn nó đứng, nó chạy đi chạy lại mà không yên. Kế bên trường có gia đình người Pháp làm công chức của hải quan, có hai đứa con gái tóc vàng, xinh lắm. Hồi đó chín, mười tuổi mình để ý con gái rồi nhưng mà đâu có làm bạn bè gì được. Cái này có hai mặt nhé. Một mặt là sự nghiêm túc với vấn đề đào tạo, mặt khác là hạn chế trong vấn đề phát triển con người. Nó âm a âm ục trong lòng, rồi mỗi lần có cơ hội gặp nhau thì cứ bẽn lẽn thế nào đó.”

Lớn hơn một chút, đi học trường Tàu trong Quy Nhơn, Hai Thành thầm thương trộm nhớ cô con gái ông chủ khách sạn Victoria. Con trai 13, 14 tuổi lạ lắm, thích người ta không dám nói gì, nhưng mà vẫn thích. Cô bé đi học về, anh chàng mượn xe đạp vòng quanh xem nàng nhảy dây... Vào Sài Gòn, ở chỗ thầy Vương Gia Cần, Hai Thành gặp một cô xinh lắm cũng tới đó học. Hồi ra Hai Thành mới biết cô ấy là con ông Nguyễn Duyên, nhỏ hơn mình hai, ba tuổi, nhà dưới đường Catina, đối diện hiệu sách Albert Portail, nay là hiệu sách Xuân Thu trên đường Đồng Khởi. Hai Thành mới giả bộ đi coi sách, nhìn qua bên kia, qua cửa sổ chạm vàng, cho đến khi nhìn thấy cô ấy mới về. Một thời gian sau anh chàng cũng làm quen. “Hồi đó ông papa mua xe hơi rồi, xe dài sáu mét thế này này, hai hàng ghế. Không nhớ nhấn tin thế nào mà cổ cũng ra ngõ sau rồi bác Thành đón đi chơi. Lên An Nhơn, Thủ Đức chơi, mỗi đứa một góc, có hai thằng em Tí với Tùng theo cổ vũ. Vào vườn thú có băng ghế dài, cổ ngồi bên đây, mình ngồi bên đây.” Hai Thành muốn xích lại mà chẳng dám. Nhưng cậu biết người ta thương mình đó.

“Bác biết yêu sớm thật đấy. Và cháu thấy hồi đó như thế là rất ga lăng, rất sành điệu rồi. Mọi chuyện sau đó tiến triển tới đâu ạ?”

“Trước khi cổ lên Đà Lạt học, sợ tình yêu đi luôn, cổ mới nhờ thằng em chuyển cho

mình cuốn sổ có ghi những lời lẽ yêu thương. Đó là lá thư tình đầu tiên trong đời làm mình cảm động lắm.”

Năm 1949, Hai Thành đi học bên Pháp thì chuyện dừng ở đây. Ở Paris, anh chàng ở trong khách sạn Hotel de Senlis, số 7 đường Malebranche. Nhóm ba “chàng lính ngự lâm” học ở tầng năm, ăn cơm trên tầng bảy thì phía trước là một tòa nhà bảy, tám tầng. Nhìn qua sân thượng bên đó, Hai Thành thấy một cô bé xinh xắn cầm khăn, mặc áo tắm đi qua đi lại phơi nắng. Một hồi thì cậu ngoác tay, bên kia cũng ngoác lại. Cậu lấy bảng viết chữ, cô bé cũng viết lên kính trả lời, hai bên gửi thông điệp làm quen trong mấy tháng. Một hôm ông chú Thanh với Trương Đình Lâm, Phan Hoàng Định và mấy người tổ chức đi công viên Parc de Sceaux chơi. Cậu viết chữ hỏi bên kia đi không, nàng gật đầu. Cô bé đứng trên sân thượng nhìn sang thì thấy lớn lắm mà gặp ở ngoài thì nhỏ xiu, khoảng 15 tuổi, mặt đầy tàn nhang nhưng thánh thiện như Đức Mẹ. Công viên Parc de Sceaux như một rừng cây thơ mộng, chỗ nào đẹp cứ việc lăn ra mà ngủ, từ đấy Hai Thành với cô bé Marcelle trở nên thân thiết.

“Bác đào hoa thật, chưa xong mối tình này đã tới mối tình kia...”

“Hai đứa dẫn nhau đi chơi mỗi ngày, không đi đâu xa thì đi quanh đền Pantheon giữa Paris mấy chục vòng mà chẳng mỏi chân. Marcelle bạo lắm, một hôm rủ mình về nhà. Bác Thành sợ bố cổ nên cổ hẹn tám giờ tới cửa sau rồi cổ mở cửa cho mà vô. Một thằng 18, 19 tuổi với một con bé 15, 16 tuổi, lần đầu tiên mình có bạn tình nhưng không có làm chi hết.” Bác Thành tùm tùm. “Nhiều khi mình đi chơi với mấy anh kia tới chín, 10 giờ mà cổ vẫn chờ từ tám giờ để mở cửa cho mình lên. Lúc thì vào phòng, lúc thì lên sân thượng ngắm bầu trời sao lấp lánh, hai đứa cứ ôm nhau và thủ thủ suốt mấy năm liền, cho tới khi bác Thành đi Mỹ học. Ngồi bên nhau trong bụi cầu thang suốt đêm, lạnh lẽo lắm mà vẫn thấy ấm áp... Người tình Paris của bác Thành đấy.”

“Sau cô Marcelle thì bác gặp bác gái bên Mỹ ạ?”

“Ừ. Bà xã tên Minh Đẩu. ‘Minh’ là sáng, ‘Đẩu’ là sao, ‘Minh Đẩu’ nghĩa là sao sáng. Ông bố là Bố chính⁽¹⁾, ông nội là quan đại thần Thái tử Thiếu bảo, Hàn lâm Đại học sĩ Nguyễn Văn Bân, người gốc Thạch Thất, Sơn Tây. Bên ngoại thì họ Dương, không kém phần ‘quí tộc’. Ông ngoại cũng là Thái tử Thiếu bảo, Hàn lâm Đại học sĩ Dương Lâm, quê ở Vân Đình, Hà Đông. Gia đình khuôn phép như thế nên bà xã cũng không yếu đương linh tinh.

Bà xã cùng người chị tên Vân Linh từ Hà Nội qua Cornell học. Bao nhiêu người chạy theo hai chị em làm quen. Mấy anh thích bà xã lắm nhưng bà không thích: Một anh kỹ sư MIT nổi tiếng học giỏi, lớn tuổi hơn bà; một anh khác là Huỳnh Sanh Thông hơn bà 1, 2 tuổi, học ở Cornell, cực giỏi, đầu tóc như cú vọ, sau làm giáo sư ở Đại học Yale, dịch cả Truyện Kiều ra tiếng Anh đấy. Anh đó cũng kì lắm, bố mẹ gửi qua học ‘business’, ảnh tốt nghiệp loại ‘Summa cum laude’, tức là hạng xuất sắc, kiểu như đạt 99/100 vậy. Sau đó ảnh đi nói: ‘Bố mẹ, con làm xong phận sự bố mẹ giao rồi, bây giờ con học thứ khác.’ Thế rồi ảnh đi học Nhân chủng học, ‘anthropology’, cũng lại xuất sắc luôn. Còn anh Nguyễn Chí Hiền trẻ

hơn bà xã mấy tuổi, cao hơn 1,7 mét. Ảnh học siêu cực kì mà chơi cũng cực kì, đánh đàn rất hay, bóng bàn rất tài. Bóng bàn ảnh không thèm thi, mà chờ thằng nào thi vô địch rồi ảnh thách đấu, đánh thằng kia thua thì thôi. Tại Mỹ, các nam sinh viên ở chung trong một ngôi nhà của trường, lập thành từng nhóm gọi là Fraternity, nữ thì có Sorority. Fraternity có hoạt động Friday Night Out vào thứ sáu, mời bọn con gái tới liên hoan, uống rượu ở phòng tiếp khách. Hiền không thèm tham gia. Nó để cho tụi kia uống say mềm, lênh chệnh lão đảo hết rồi, nó mới ở trên lầu xuống. Nó đi vòng vòng thấy cô nào đẹp nhất, xinh nhất thì nó lôi đi chơi... Bao nhiêu anh theo đuổi nhưng tự nhiên bà Minh Đầu thích mình rồi dẫn mình ra tiệm nữ trang bảo mua nhẫn đính hôn đó. Mà bác Thành cũng nhỏ tuổi hơn bà, nên khi biết chuyện, thằng Hiền kêu lên: “Thế mà tôi đã coi chị Đầu như một người chị. Tôi mà biết chị đi lấy thằng Thành này thì tôi đã...”

Tất cả chúng tôi phá lên cười.

“Cháu vẫn luôn ngạc nhiên khi nghe về quyết định hôn nhân của bác.”

“Thời đại đó như vậy, con người nó như vậy. Cả bác Thành với bà xã đều không biết gì. Có một dạo vợ chồng mình ở cùng vợ chồng anh chị Lê Phát Đạt tại New York học nghiệp vụ ngân hàng, đó là năm 1956. Một hôm đi học về, chị Đạt cứ nhìn mình tủm tỉm cười. Không hiểu là chuyện gì, xong một hồi bà xã lôi mình vào ti ti: ‘Mình biết không? Hôm nay tôi đi khám bác sĩ, xem tại sao lấy nhau gần ba năm rồi chưa có con. Bác sĩ bảo vẫn còn nguyên thì làm sao mà có con được. Bác sĩ dạy quan hệ vợ chồng thì phải làm như thế này, thế này. Anh làm không đúng.’ Bà xã đi về kể cho chị Đạt nghe thì chị ấy tức cười lắm, bảo thằng cha này nói dóc ghê gớm, bao nhiêu người yêu mà lấy vợ ba năm không biết làm gì cả, để vợ vẫn còn nguyên. Không biết những người khác thế nào chứ bác Thành thì như vậy đây.”

Mấy bác cháu cười nói rôm rả. Lắng lại một chút, bác Thành nói tiếp:

“Quyết định kết hôn là để chiều lòng người thật sự yêu thương mình chứ không theo mong muốn của lòng mình. Nó khác với Marcelle, là một mối quan hệ mình không bao giờ có thể quên nhau.”

“Sau đó bác còn gặp lại cô ấy không?”

“Có. Bác Thành qua Mỹ năm 1951 thì cô ở Pháp lấy chồng. Năm 1956, bác qua Paris chơi thì cô đã có một đứa con đầu lòng ba tuổi và một đứa nữa trong bụng. Hai người dắt nhau ra công viên Luxembourg ngồi nói chuyện suốt mấy tiếng đồng hồ dưới tán cây ‘marronnier’⁽²⁾. Năm 1962, bác Thành gặp lại cô khi qua Pháp mua thiết bị nghiền phân chim từ Hoàng Sa. Bác ở khách sạn Champs Élysées thì cô ấy kêu bắt taxi tới nhà cô ở ngoại thành chơi, từ 10 giờ đến 12 giờ mới tới nhà. Các con đi đâu hết, cô ở nhà một mình. Cô làm một ấm cà phê to đùng. Mình mới hỏi làm cho ai uống nhiều dữ vậy, cô nói làm cho mình anh thôi. Mình lại nói, uống nhiều cà phê vậy sao ngủ được, thì cô bảo tới đây để thức chứ để ngủ đâu. Thế là hai người ở đó ngồi chơi, tâm sự suốt đêm. Khi bác Thành trở lại định cư ở Pháp năm 1965, cô chuyển về sống ở một căn biệt thự khá yên tĩnh. Tiệm đồ cổ

của bác Thành ở số 6 đường Odéon, con đường văn hóa có nhà hát Odéon. Mỗi lần cô ấy đi ngang qua, lấy cây dù khở khở vào cánh cửa. Bác Thành ra mở cửa, cổ hỏi đang làm gì rồi rủ đi chơi.

“Bác với cô ấy còn gặp nhau tới khi nào ạ?”

“Tới khi bác Thành về Việt Nam thì không gặp lại cô nữa. Ngọc Hoa kể là cô có tới thăm Ngọc Hoa và vẫn hỏi thăm mình. À, còn cô con gái Federich thì vui vẻ, phóng khoáng lắm. Bố nó đi làm đầu tận Phi châu. Hồi mình gặp là nó còn đang trong bụng mẹ, đến năm 1986 có lần mẹ nó đi thăm nó ở Nice, miền Nam nước Pháp, thì nó đã gần 30 tuổi rồi và rất ủng hộ mẹ gặp bác Thành. Nó kêu, nếu mẹ gặp bác Thành thì nhắn cho con gái biết. Dù không gặp nữa bác vẫn luôn nhớ cái thuở đầu tiên. Marcelle là người tình đầu tiên mình ôm nhau đi ngủ, cũng là người đầu tiên cho mình cái rung động đắm say như một luồng điện thấp áp. Cổ giống một ngọn lửa mãnh liệt mà âm thầm, đặc biệt vô cùng.”

“Những rung động đó có phải là điều còn thiếu trong cuộc hôn nhân của bác với bác gái?”

“Bà xã là một người đặt nặng vấn đề gia đình, luôn nghĩ tới việc vun vén hạnh phúc gia đình, đem mọi thứ mình có cống hiến cho chồng con. Khi bà xã qua Paris năm 1966 thì bác Thành cũng hay qua lại chỗ mấy cô họ Bảo, lo bán đồ cổ thì bà ở nhà một mình buồn. Bà xã với một cô cháu rủ nhau đi học tiếng Trung, gặp một ông người Pháp tên là François ở lớp. Nhiều lần về nhà bác Thành thấy vợ nấu ăn tiếp bạn François. Không biết tình bạn của họ tới đâu, bác Thành hơi bực nhưng không thắc mắc. Còn bà thì ghen tuông dữ dội. Nhiều khi bác Thành về bà cũng lục túi xem có gì, đi đâu, với ai. Bên Pháp, đi đâu xa thì mình không lái mà thuê xe người ta cho tiện. Một lần bà xã tìm được tờ hóa đơn thuê xe kí tên cô nhân viên cho thuê xe là Yvonne gì đó, bà mới tra hỏi: ‘Anh đi đâu với cô Yvonne de Chalumeau?’ Trớ trêu là hồi ấy có một cô Yvonne de Chalumeau người lai đẹp nổi tiếng ở Sài Gòn.”

“Lúc đó bác phản ứng như thế nào?”

“Bác chẳng nói gì, làm dịu những chuyện đó rất khó, tính mình nó vậy. Nhưng có một chuyện bác rất nhớ. Khi đó cả nhà đã chuyển đến Milon-la-Chappelle. Bác Thành làm việc bận rộn và vô ý không mua quà cho con khi Noel đến. Anh François tới nhà chăm sóc bọn trẻ và dẫn đi mua quà. Noel là 24 thì bác Thành chờ mấy đứa nhỏ chơi mấy món đồ chơi đó đến mùng một năm mới, rồi kêu tụi nhỏ đem hết quà của François đưa mình. Tụi nhỏ không biết mình làm gì nên mang ra hết. Bác Thành nói: ‘Quà của bố mua thì chơi được còn quà của người khác mua bố không bằng lòng. Bây giờ đã qua Noel, sang năm mới rồi thì bố không chấp nhận nữa’ rồi bỏ hết đồ chơi vào thùng đem ra rừng đốt luôn, nào búp bê, nào xe...”

“Có lẽ bác hối hận vì chuyện đó?”

Bác Thành gật đầu, chùng giọng:

“Tôi tận bây giờ vẫn hối hận. Chuyện người lớn với nhau, không bằng lòng với anh kia thì nói anh ấy, không bằng lòng với vợ thì nói vợ. Hành động của mình như thế là vô ý thức đối với trẻ con. Mình có con mà những ngày lễ tết mình không có thời gian mua quà cho nó, săn sóc cho nó trong khi người khác mua quà, chăm sóc chúng nó mình lại nhẫn tâm đem đồ đi, không được! Có những chuyện như thế mình mới biết để rút kinh nghiệm, tự đánh giá và tự sửa mình.”

“Các con của bác có biết chuyện giữa bố mẹ không?”

“Sau này con gái Kim Chi mới hỏi bác Thành: ‘Papa ơi, tại sao papa với mama không thích nhau mà khi còn trẻ không ly dị để có cơ hội đi tìm hạnh phúc khác? Để tình cảnh như vậy, sống chung mà không hạnh phúc thế là thế nào?’ Bác Thành trả lời: ‘Mẹ không muốn ly dị, mẹ nói ly dị thì để lại tiếng xấu cho con là bố mẹ bỏ nhau, không ra gì. Vậy nên làm gì thì làm, mẹ không chấp nhận ly dị.’ Mình cũng nói thật cho Kim Chi biết. Mẹ muốn gia đình đầm ấm, bố có thể về nhà, mẹ hy sinh tất cả để nuôi các con ăn học. Mẹ muốn gia đình có đủ bố mẹ, các con và không nghĩ tới gia đình khác. Bà xã như thế thì bác Thành chấp nhận cuộc sống không hoàn toàn hạnh phúc bên nhau. Hạnh phúc của bác Thành với bà xã là nhìn con cái lớn khôn, thành đạt. Bác Thành đi làm suốt, ít có thì giờ gần gũi bọn trẻ, chính bà xã nuôi nấng, chăm sóc bọn trẻ đó. Lúc nào con về tiệm cơm ấy cũng có mẹ là trụ cột để nương tựa. Bà là tiến sĩ giáo dục, có thể làm được rất nhiều việc nhưng chấp nhận mở một tiệm cơm nhỏ là vì lẽ đó.”

Ông ngâm ngùi:

“Lỗi của bác Thành... là không đủ can đảm nói ‘không’ vào thời điểm bà xã dẫn mình đi mua nhẫn cưới. Bà xã yêu mình hết mực còn mình lại không. Bà xã có quyền mong đợi trách nhiệm nhiều điều ở người chồng nhưng mình lại không cho bà được cái bà xứng đáng nhận. Suy nghĩ chưa chín chắn của mình trước những quyết định quan trọng của cuộc đời dẫn tới một chuỗi những vấn đề tiếp theo. Hồi năm 1991, bác Thành về Việt Nam, bà xã cũng theo về nhưng chỉ được mấy năm đầu thường xuyên bên nhau vì bác Thành là người như cánh chim phiêu bạt bốn phương trời...”

Chuyện tình yêu của Bùi Kiến Thành mà các bạn đang đọc ở đây, có lẽ mới chỉ là phần nổi của tảng băng chìm.

Sau này bác gái sang Mỹ ở với con gái Kim Chi, cuối đời về Hội An sống cùng con trai út Bùi Kiến Thái. Trong lần chúng tôi đến nhà anh Thái tháng 3 năm 2014, anh kể rằng anh trông mẹ 24/7 trong ba năm cuối cùng, tới năm 2012 thì bà mất. Trước đó, bác gái bị nhiều bệnh: tai biến 10 năm, ung thư phải xạ trị, bị tim, rồi gãy xương phải tập đi lại...

“Từ nhỏ tới lớn bà cung Thái lắm, con út mà, cái gì cũng ưu tiên cậu con út, mẹ con khăng khít với nhau lắm. Con út thì gần mẹ, thương mẹ lắm. Anh Thái như một người y tá cho mẹ vậy, đút cơm, tắm rửa, chăm sóc mọi thứ cho mẹ, vì ở nhà không có ai, vợ Thái phải đi làm. Bà nằm đâu đó, ngồi đâu đó mà 15, 20 phút không thấy mặt Thái là bà kêu Thái ơi Thái hỡi... Còn mấy đứa con của Thái cứ chạy vào chạy ra chơi.”

“Còn các cô tiểu thư họ Bảo, bác cũng rất quý mến họ đúng không ạ?”

“Đó lại là một tình cảm khác, rất vô tư trong sáng. Bảo An, Bảo Yến, Bảo Nga, Bảo Khanh, Bảo Toàn,... Năm 1965, bác Thành vừa sang Pháp thì hay tới chơi với mấy cô lắm, cả chú Quốc nữa. Không phải chị cả nhưng ở đó Bảo An lớn nhất, khoảng 27 tuổi, còn Bảo Toàn bé tí, hình như 15. Bảo Yến thì có chồng rồi. Các cô đề mình ra phá, bắt ngủ lại không cho về. Cả đám dẹp sa lông phòng khách, trải chăn ra nằm chung. Ngày nào mọi người cũng đùa giỡn đến khuya, hôm sau dậy ăn sáng rồi dẫn nhau đi chơi. Có khi mình thuê xe chở các cô đi du lịch. Mình với các cô cứ thoải mái tự nhiên, sung sướng lắm, cả đám còn tắm chung với nhau cơ, như một đám con nít vậy. Sau này mấy cô đều lấy chồng, con cái đùe huê rất viên mãn.”

Nói rồi bác Thành lấy trong cặp ra một bài thơ đề ngày 24/7/1984 mà bác viết tặng các cô tiểu thư họ Bảo:



Bùi Kiến Thành và người bạn cố tri Bảo An năm 2012

Nhớ Paris Kany⁽³⁾

*Nhớ thuở nào chúng mình còn non trẻ
Vui tự nhiên và chẳng sợ tiếng đời
Mến, thương, yêu, mộng tưởng cũng trò chơi
Trưa, sớm, tối, cười đùa vô tư lự*

*Nhớ những chiều các cô cựa nựa
Đòi ngủ chung tất cả cho vui
Kéo nhau ra giữa phòng khách nằm vùi*

Cù với ghẹo như một đàn con nít

*Nhớ những sớm mai, người nhiều, phòng tắm ít
Đổ xô nhau giành trước một hai
Để cuối cùng chẳng ngại gái trai
Cười khúc khích, cùng chung một loạt*

*Nhớ những ngày trên đường du ngoạn
Cạnh biển Manche, gió mát trắng thanh
Tạm dừng chân giữa quăng đồng xanh
Nơi nhà trọ xinh xinh như tranh vẽ*

*Chúng mình sống tự nhiên với tâm hồn tuổi trẻ
Mến, thương, yêu, cười cợt vui đùa
Mặc cho đời khuôn phép hơn thua
Kho vô tận, mấy ai biết được?*

*Hỡi bạn ơi!
Chúng mình yêu nhau không sao kể xiết
Dẫu trăm năm không hò hẹn một lời
Nhưng lòng mình thấm đượm không vơi
Cùng vũ trụ hương hoa vui mãi mãi.*

Miền Nam nước Pháp

Bùi Kiến Thành tiếp tục nói về cuộc sống và công việc của ông tại Pháp. Sau một thời gian, gia đình mua một ngôi nhà lớn có vườn rộng 10 nghìn mét vuông ở thung lũng Chevreuse, thành phố nhỏ Milon-la-Chappelle, vùng đẹp nhất xung quanh Paris. Có một chiếc tàu chạy thẳng từ Luxembourg về Vallée de Chevreuse mất khoảng chừng 20 phút.

“Bác Thành vẫn làm ở Paris. Chỉ vào trường dành cho con gái Lycée Francois Couperin trong Fontainebleau, ở nội trú. Một năm sau Diệp cũng vào. Thế thì học trường dành cho con trai ở Paris, trường ngay dưới chân nhà số 1 Vanquelin đó. Nó quen Paris rồi, nó thân với Phan Hoàng Nam, con của cô ba Ngọc Hoa, bằng tuổi nó, nên xin mẹ tới nhà cô Hoa ở nhờ và đi học cùng lớp Nam, hai đứa dính nhau như hình với bóng. Thái về Milon-la-Chappelle học mẫu giáo trước khi vào lớp một. Ở Milon-la-Chappelle cảnh đẹp lắm, mình mua nhà của một bà quý tộc Pháp cũng khá tiền. Lâu lâu thứ bảy, chủ nhật, Chỉ với Diệp ở Fontainebleau về, hoặc là về Paris, hoặc là về Milon-la-Chappelle.”

“Bác vẫn tiếp tục mua bán đồ cổ ạ?”

“Việc buôn bán đồ cổ bác Thành làm một thời gian không chuyên tâm nên cũng không hiệu quả bằng mấy người khác. Năm 1969, chú em Quốc tốt nghiệp đại học, trở thành kiến trúc sư, một hôm anh em mới bàn nhau làm về bất động sản. Hồi còn ở Việt Nam, Quốc quen anh bạn là Maurice Bonin, lúc đó qua Việt Nam tham gia thiết kế Dinh Độc Lập cùng Ngô Viết Thụ. Đại học bên Pháp dạy chung tổng quát nhưng có cái atelier⁽¹⁾ đào tạo sinh viên đặc biệt theo trường phái của các ông thầy nổi tiếng. Ngô Viết Thụ giới thiệu cho Quốc vào atelier của ông Le Maresquier. Thời kì đó, bất động sản Pháp đang gặp khủng hoảng. Bác Thành, chú Quốc với Maurice Bonin lái xe một vòng miền Nam nước Pháp, từ Toulon tới Nice, Côte d’Azur. Tới thành phố Hyeres gần Toulon, ba người gặp François Leredu, một chuyên gia bất động sản đại tài nhưng bị phá sản. Anh dẫn đi xem bao nhiêu dự án bất động sản bị ngân hàng siết nợ. Ở miền Nam mọi người thường nhắc tới Nice hay Cannes, nhưng Hyeres là nơi mà các hoàng gia châu Âu thường tới nghỉ đông. Nice hay Cannes thì náo nhiệt nên hội thương gia, nhà giàu thích ghé, còn Hyeres thì cao cấp nhưng tĩnh lặng. Thành phố cổ từ thế kỷ XII với bờ biển trải dài...”



Bùi Kiến Thành tại Pháp năm 1969

“Thế là bác bắt đầu sự nghiệp bất động sản ở đó?”

“Ừ. Mình làm chương trình đầu tiên là Le Bau Rouge, rộng sáu hécta bên bờ biển. Bên Pháp, làm bất động sản có quy chế chặt chẽ lắm. Mình muốn bán khu đất để làm nhà thì ở khu đất đó phải làm đường xong xuôi hết rồi, dưới đường phải có bao nhiêu ống nước, đường điện, điện thoại ngầm dẫn tới từng lô. Trước mỗi lô phải có tủ gắn đồng hồ điện, nước... Phải làm xong hết cơ sở hạ tầng thì khu đất đó mới có thể bán được. Muốn bán nhà phải có hợp đồng công chứng, bao nhiêu tiền giao dịch phải trả cho công chứng chứ không phải trả tiền riêng cho mình. Khi công chứng làm giấy tờ xong xuôi, bên mua nhận được đầy đủ các quyền sở hữu đất mà không có gì cản trở nữa thì công chứng mới phát tiền lại cho mình là công ty bán.”

Mảnh đất dự án của Leredu ít nước, dự án phải làm cả một cái hồ chứa ở trên núi dẫn nước xuống. Cảnh thì đẹp mà Leredu chưa làm được vì không có đường vào. Miếng đất đó một bên là bìa rừng, một bên là vườn hoa. Hơn một cây số qua vườn hoa rất đắt giá. Từ Le Bau Rouge tới đường biển bên kia khoảng chừng một cây số đi qua rừng, tới một cảng nhỏ

gọi là Port Des Oursinières, từ đó có một con đường lớn về Toulon. Bùi Kiến Thành quyết định làm con đường qua rừng. Ông trình bày đề thuyết phục ngân hàng cho phép mình mua lại miếng đất, rừng thuộc đất của nhà nước nên phải xin phép địa phương. Địa phương ủng hộ, ông thuê Sở Công chánh Giao thông vận tải của địa phương làm con đường rộng khoảng chín mét chạy vào... Trước không ai làm được, vậy mà có anh Việt Nam qua lại dám nghĩ chuyện tày trời mở đường, đưa nước vào khu đất này.

Ông viết thư xin bác sĩ Tín trích ra một phần doanh thu từ công ty bình điện, gửi qua Pháp đầu tư bất động sản. Bác sĩ Tín gửi qua bảy tám trăm nghìn Franc. Bùi Kiến Thành lại rủ thêm Ngô Đình Luyện tham gia. Cháu của Luyện là Nguyễn Văn Bửu, trước là đại gia tàu thủy ở Sài Gòn, cho vay thêm ba trăm nghìn Franc, vậy là vốn ban đầu hơn một triệu Franc. Ông thương lượng với ngân hàng cho mình vay tiếp thì đủ tiền để làm dự án sáu hécta bên bờ biển. Qua đó, ông kiếm được tiền, quan trọng hơn là tạo được uy tín với ngân hàng và giới chuyên gia.

Thời gian làm bất động sản dưới miền Nam nước Pháp cũng là thời gian Bùi Kiến Thành gần gũi với Ngô Đình Luyện, em út của Ngô Đình Diệm. Thứ sáu hàng tuần, hai người mua vé giường nằm từ Hyeres về Paris, tám giờ tối lên tàu thì sáu giờ sáng đến nơi, tối chủ nhật lại cùng trở lại miền Nam làm việc. Họ thường ra hành lang đàm đạo. Luyện cũng có thói quen hút thuốc và nói chuyện tràn lan như ông anh Tổng thống của mình trước đây. Ở Hyeres, họ ở chung trên tầng hai ngôi nhà bốn tầng ở số 20 Avenue des Iles d'Or, nghĩa là con đường Những Hòn Đảo Vàng.



Bùi Kiến Thành và Ngô Đình Luyện ở miền Nam nước Pháp

“Thành phố Hyeres có nhiều đảo, gọi là những hòn đảo vàng, trên đó có rất nhiều khu du lịch. Đặc biệt, hòn đảo Ile du Levant tức là đảo mặt trời lên, dành cho những người theo chủ nghĩa tự nhiên, không thích mặc đồ. Người từ khắp thế giới tới đây, nhất là dân Bắc Âu thích ánh mặt trời. Đàn ông, đàn bà đi qua đi lại phơi nắng. Những người sống tự nhiên tới đó để nghỉ hè. Từ chỗ Le Bau Rouge, bác Thành làm việc ở trên triền núi, dẫn xuống tới bãi biển toàn đá, cách ly tất cả tầm nhìn của người khác. Nhà bác ở số 20 con đường Những Hòn Đảo Vàng, trên cổng vào có tấm biển bằng đá in dòng chữ: ‘Năm 1789, Napoléon Bonaparte từng sống ở đây.’ Nhà đó là di tích lịch sử, nhìn ra công viên, vô tình mình đến thuê ở thôi. Phía trước là văn phòng, phía sau là chỗ ở. Bác Thành, ông Luyện, anh Long - cháu ông Luyện - mỗi người một phòng, thuê một chị tới nấu cơm cho ăn.”

Ngô Đình Luyện tính thoải mái. Ông không phải là kiến trúc sư, mà là kỹ sư dự án, tham gia các vấn đề hành chính quan hệ. Bên cạnh công việc, ông hay tâm sự với Bùi Kiến Thành những chuyện riêng tư. Gia đình họ Ngô có nhiều đại họa. Đời trước đã có những giai đoạn gia đình bị tru di tam tộc, gần như tuyệt diệt. Đến đời này tưởng các con của Ngô Đình Khả

làm rạng danh dòng dõi, thế rồi Ngô Đình Khôi cùng con trai bị Việt Minh hành quyết năm 1945, Diệm với Nhu năm 1963 bị đảo chính sát hại, Ngô Đình Cẩn cũng bị bắt và xử tử, Đức cha Thục sang Vatican sống rất vất vả. Còn Luyện, sinh 10 đứa con gái liên tiếp, cố gắng tiếp tục đẻ một đứa con trai, một đứa con gái rồi một đứa con trai nữa, tổng cộng 13 đứa. Con gái Nhu sang Paris học bị xe tải lật phải, một đứa con gái của Luyện cũng bị tai nạn giao thông trên đường đi học...

Từ năm 1969 đến 1972, khi những vấn đề cơ bản giải quyết xong thì Ngô Đình Luyện về Paris.

“Sau dự án ấy, mọi việc diễn tiến ra sao ạ?”

“Dạo đó chú Quốc thân với gia đình Leredu nên thuyết phục ông cụ cho anh này vay tiền làm một số dự án. Chuyện thì dài nhưng Leredu phá sản, không trả được. Mình phải nhờ luật sư phong tỏa tài sản của anh, trong khi anh lại đem những tài sản đó bán cho một anh chủ nợ lớn là Oliva. Ngân hàng cho Leredu vay cũng kẹt vào. Cuối cùng bác Thành dàn xếp để ba bên, thêm những nhà thầu làm đường sá cho mình là bốn, cùng làm dự án La Galinette 48 hécta trên sườn núi trông ra biển. Mình thuê kiến trúc sư vẽ 168 lô đất, bình quân mỗi lô 2.000 mét. Ba bên kí hợp đồng hợp tác, mỗi lần bán được miếng đất thì mình chia, anh một phần, ngân hàng một phần, trả chi phí cho nhà thầu, còn lại phần của tôi là người phát triển. Bây giờ dự án đó ở tỉnh Var đẹp lắm, cạnh một sân golf hơn 40 hécta. Sau khi hoàn thành, mỗi lô như vậy rẻ nhất là 70 nghìn Franc, đắt nhất chừng 200 nghìn, nhưng bây giờ mỗi lô trên đồi đó là cả triệu đô la. Cũng như bờ biển sáu hécta kia, bây giờ ai mà động tới một cái lô bên bờ biển Le Bau Rouge kia thì không dưới một triệu đô la đâu.”

Thêm một dự án phức tạp nữa, uy tín của Bùi Kiến Thành trong lĩnh vực bất động sản tại Pháp càng lớn.

“Làm được thì ngân hàng tới tìm mình, hỏi mình có muốn làm những dự án khác thế này, thế kia không, ví dụ dự án khó đòi đó. Có những người thấy mình làm được thì tới mời mình làm, trong đó có bà Morabito trong thành phố Hyeres. Bà nhượng cho bác Thành ngọn núi mười mấy hécta của thành phố Hyeres, trên đó có lâu đài cổ Château Sainte Claire từ thế kỷ XII. Đó là một di tích lịch sử văn hóa, muốn làm cái gì trên đó đều phải có sự phê duyệt của Bộ Văn hóa Pháp. Mình đưa ra một chương trình được sự phê duyệt đồng ý của anh kiến trúc sư bảo tồn di tích lịch sử, người có trách nhiệm xem xét tất cả những công trình xung quanh có tác động tới những di tích lịch sử đó. Mình tốn nhiều tiền lắm. Chỗ đó không đủ nước để cung cấp cho các khu nhà nên mình phải làm một cái bồn chứa nước lớn tới 500 mét khối, ở trên đồi, bơm nước từ dưới lên. Thế kỷ XII, mấy ông hiệp sĩ Templier dựng lâu đài, tới thế kỷ XVII, vua Louis XIII với giáo chủ Richelieu giành chiến thắng trong cuộc chiến với các giáo phái đã đập nát lâu đài đó. Mấy trăm năm nó bị chôn vùi, không ai động đến. Khu Castel Sainte Claire cũng có hơn 30 lô, mình khoanh ra 5.000 mét vuông lâu đài, tặng cho thành phố để thành phố quản lí di tích lịch sử, cho khách du lịch tham quan.”

Bùi Kiến Thành chỉ giữ lại tháp Nữ Hoàng, là một đồng đá đồ nát đứng trên mấy tầng chóp núi, giữa một hệ thống thành trì chạy vòng quanh. Chóp núi cao 180 mét, lên đến tháp là khoảng 110 mét. Ông quyết định trùng tu nó. Vấn đề là phải dẫn điện dẫn nước lên tháp. Thế là ông đi hỏi mua thêm ba hecta đất phía trước, chia ra bốn, năm ngôi nhà rồi chừa lại để làm đường chạy điện, nước. “Làm thì khó khăn mà tiền thì chẳng được bao nhiêu, nhưng mình thích thì làm thôi, có duyên vậy đó.” Có thể tìm kiến trúc sư khác nhưng ông kí hợp đồng luôn với anh kiến trúc sư bảo tồn di tích lịch sử để làm thiết kế. Một cái ban công đẹp, một căn phòng với lò sưởi, đốt củi khi trời lạnh, một cái bàn làm việc. Tầng trên đặt một bàn thờ Phật và phòng thiền.

“Việc thi công có khó khăn không ạ?”

“Trong núi, bao nhiêu đá từ thành trì rớt xuống thì mình lượm từng viên đá đắp lên thành cái tháp giống như tháp cũ vậy, hai năm mới xong. Bác Thành thiết kế một con đường chở vật liệu lên tới chân tháp. Xung quanh cái tháp nhỏ xíu, bác mua thêm 2.500 mét vuông đất, làm một khu vườn trồng cây, mặt tiền nhìn xuống biển. Ở đó mình thấy thanh thản lắm. Có tiền chưa chắc người ta đã làm được việc mình làm, vì phải hội tụ nhiều nhân duyên. Gần 300 năm tháp Nữ Hoàng đã nằm yên lặng, chơi vui chờ cơ duyên này.”

Khoảng năm 1979, lúc công trình tháp Nữ Hoàng hoàn thiện, cũng là thời điểm Bùi Kiến Thành gặp Bùi Văn Thịnh, nhân sĩ miền Nam nổi tiếng, được Ngô Đình Diệm vô cùng trọng vọng một thời. Từng giữ chức Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Tư pháp, ông Thịnh sau đó được cử đi làm đại sứ tại Nhật Bản. Tới 1961, ông xin nghỉ, sang Pháp dành thời gian học đạo, từ đạo Phật đến đạo Lão.



Tháp Nữ Hoàng

“Ông rất giỏi chữ Nho, có thể dịch trực tiếp hàng trăm hàng nghìn trang chữ Nho sang tiếng Việt mà không phải viết lại trang nào. Chữ ông đẹp vô cùng. Cuối tuần nào về Paris, bác Thành với bà xã cũng dắt nhau tới nhà ông Thịnh một buổi chiều nghe ông giảng về tu tiên. Bà xã là người mở đường đưa bác Thành đến học đạo với ông Thịnh. Ông không giảng cho ai bao giờ, nay lại truyền thụ cho mình những gì ông dày công nghiên cứu. Nguyên tắc của đạo tiên là: ‘Luyện tinh hóa khí, luyện khí hóa thần, luyện thần hoàn hư, hoàn hư nhập đạo.’ Ngày ông đem sách ra nói trực tiếp, tối ông thiền rồi dịch sách. Về sau ông giao cho bác Thành một bộ 14 cuốn *Đạo pháp Tâm nguyên*, còn giữ tới bây giờ.”

“Dường như có những cơ duyên dẫn dắt bác quay vào bên trong bản thể của mình?”

“Đúng thế. Ở miền Nam nước Pháp, bác Thành ban ngày làm ở phố, tối lên tháp Nữ Hoàng ngồi thiền. Mỗi người có những ấn tín đặc biệt lắm. Người mới tập thiền ngồi chừng năm mười phút là khó chịu rồi, đầu óc nghĩ đủ thứ chuyện, chân tay mỏi mệt. Những người tu ở trong thiền viện thì có thể ngồi cả tiếng đồng hồ để tịnh. Bác Thành ngồi được chừng hai, ba tiếng đồng hồ.”

“Bác cảm thấy lúc đó thế nào?”

“Mình thấy con người mình biến mất, không còn một gram nào hết. Thân thể thấy nhẹ bẫng, tưởng mình như bay lên vậy, chỉ còn tinh thần thôi. Nhiều người tu Phật cứ rằng buộc là phải tu bao nhiêu giới, phải lạy Phật thế này, thế kia. Nhưng làm vậy là mình bị ràng buộc. Phải thoát ra mọi sách vở, không còn có từ ngữ, không còn sách tiếng Việt, tiếng Anh gì nữa. Khi mình hoàn toàn yên tĩnh, mình đi vào thế giới tịnh, gọi là ‘hoàn hư nhập đạo’. Mình không thấy mình nữa, không biết mình là cái gì nữa. Mình ngồi tịnh tự nhiên nó động. Mình đang ngồi im thì bỗng nhiên tay chân mình múa may quay cuồng, có khi nhẹ, có khi mạnh. Sau một khoảng thời gian cơ thể mình bình thản trở lại, khi ấy dường như mọi ức chế trong thân thể mình được giải tỏa. Nó như một phương thức chữa bệnh tự nhiên để tạo lập lại cân bằng năng lượng bên trong... Cứ ban ngày làm giám đốc bất động sản, đến chiều tối thì ra chợ mua vài thứ mang lên núi mình tự nấu ăn lấy, rồi ngủ tịnh thiền. Mình có điểm phúc được ngồi một mình trên núi. Thứ bảy, chủ nhật mình bắt xe lửa về với gia đình.”

“Cháu không biết bây giờ tháp Nữ Hoàng ra sao? Và hoạt động bất động sản của bác sau đó thì thế nào?”

“Bác giao cho mấy đứa con ở Paris. Tháp ở cheo leo sườn núi, nhiều khi có người tới phá cửa vào lấy đồ. Kiến Thế xuống sửa mấy lần rồi cực quá nên nói cho nó bán đi, không biết bán cho ai đó được hơn một triệu Franc. Bác Thành cũng vui vì đã để lại dấu chân mình trên con đường lịch sử của lâu đài Templier đó thôi. Bác làm đến năm 1984 vẫn còn tài sản để bán, đa phần là các dự án lớn, ít dự án nhỏ. Thời kì làm bất động sản, bác đã giúp bao nhiêu người trở nên giàu có. Mua đất của bác Thành xong bán là giàu rồi. Anh trợ lí được giao bán hàng sau này cũng có mấy triệu Franc. Môi giới bán hàng thì mỗi miếng đất như vậy cũng được 3% hay 4%...”

Bác Thành say sưa chia sẻ về nghề:

“Làm bất động sản không dừng ở việc bán mà phải đi kèm quy định về kiến trúc của khu đô thị để đảm bảo chất lượng ở cho tất cả mọi người, phải làm rất chặt chẽ. Đây là quy định của Chính phủ Pháp và mình phải thực hiện rất nghiêm túc. Muốn làm nhà thì phải tuân thủ quy định chặt chẽ của khu đất. Ví dụ, trong một khu nhà anh không được xây nhà mái bằng mà chỉ được xây nhà mái ngói, không được sơn cửa lòe loẹt, chỉ được sơn những gam màu nào đó thôi. Không được phơi quần áo ở cửa sổ mà muốn phơi thì phải ở sân thượng phía trong để người ta đi đường không nhìn thấy. Không được xây nhà quá ba tầng... Đó là quy định về kiến trúc của khu nhà. Mỗi khu đất chia lô đều phải có một kiến trúc sư chịu trách nhiệm về dự án, mang bản thiết kế tới anh đó kiểm tra quy định về xây dựng, người ta duyệt thì mới được làm. Anh kiến trúc sư đó là của mình. Quy định của dự án đây là của mình vì mình là người phát triển dự án. Mình sẽ nộp cho tỉnh quy định về xây dựng bảo toàn chất lượng cùng với hồ sơ triển khai dự án. Ai làm trái quy định thì người chủ những lô đất khác có quyền yêu cầu Sở Kiến trúc can thiệp.

Những công trình xây trong dự án đó, mình phải đảm bảo chất lượng trong vòng 10 năm sau khi giao nhà. Những gì thuộc về cấu trúc cứng của căn nhà như gạch bong, tường nứt... thì mình phải chịu trách nhiệm sửa trong vòng 10 năm. Còn vôi nước hay thấm không phải trách nhiệm của mình. Muốn phòng ngừa rủi ro thì mình kí hợp đồng với công ty bảo hiểm. Họ có trách nhiệm đền bù cho người chủ nhà nếu xảy ra sự cố trong khung luật bảo hành chất lượng. Mọi thứ đều theo một chuỗi chặt chẽ: Mình làm nhà phải cẩn thận, chắc chắn, công ty bảo hiểm sẽ cử chuyên gia đến theo dõi, giám định công trình. Anh kiểm tra chất lượng của công ty bảo hiểm và anh kiểm tra chất lượng của người phát triển làm việc chung với nhau để đảm bảo rằng công trình đó đạt được tất cả mọi tiêu chuẩn, tránh rủi ro về sau. Nếu mình làm tốt, hệ số tín nhiệm cao thì bảo hiểm ít.”

Lâu đài Château Sainte Claire là dự án bất động sản cuối cùng Bùi Kiến Thành làm tại miền Nam nước Pháp, hoàn thành năm 1979. Ông sống ở tháp Nữ Hoàng cho tới khi rời nước Pháp.

Dân có giàu thì nước mới mạnh

Thời gian ấy, tại Việt Nam, chiến tranh tiếp tục leo thang giữa hai miền Nam - Bắc. Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ở miền Bắc với sự viện trợ của phe Xã hội chủ nghĩa, chủ yếu là Liên Xô và Trung Quốc, còn miền Nam là chế độ Đế nhị Cộng hòa Việt Nam của Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu với sự viện trợ của Mỹ và một số đồng minh. Sự kiện Tết Mậu Thân năm 1968 gây ra tổn thất nặng nề cho tất cả các bên, với hàng chục nghìn người chết, hàng trăm nghìn người bị thương và mất tích, dẫn tới việc các bên ngồi vào bàn đàm phán. Ngày 28/1/1973, tham gia kí kết Hiệp định Paris, Mỹ đồng ý ngừng bắn, chấm dứt mọi hoạt động quân sự và cùng đồng minh nước ngoài rút quân ra khỏi lãnh thổ Việt Nam. Có thông tin cho rằng, Tổng thống Mỹ Richard Nixon hứa sẽ viện trợ cho hai miền Nam Bắc bảy tỉ đô la cho việc tái thiết đất nước nếu hòa ước được tôn trọng.

“Năm 1969, khi Bác Hồ mất, bác Thành đến viếng tại tòa Đại sứ quán Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Pháp, viết hai câu trong cuốn sổ tang tưởng niệm: ‘Sơn hà Minh trị. Chính nghĩa Minh truyền.’ Quan hệ của mình với sứ quán Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khá thân thiện. Rồi có gần một năm, chủ nhật nào bác cũng vác đàn tranh tới học tại nhà Giáo sư Trần Văn Khê ở Paris. Bác từng học đàn tranh từ lúc 14, 15 tuổi. Cũng vào năm 1969, con gái anh Khê lấy chồng, anh mời dự tiệc cưới mình vô tình ngồi cạnh ông Võ Văn Sung, Đại sứ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Bác Thành mới nói: ‘Anh Sung ơi, bây giờ Mỹ đã bắt đầu thương lượng để chấm dứt chiến tranh, Mỹ đã quyết định rút lui rồi, mình nói chuyện chống Mỹ làm gì cho mệt. Mình hợp tác với Mỹ tái cấu trúc Việt Nam còn hơn là tiếp tục chiến tranh đòi nợ máu. Bây giờ vấn đề của các anh là Trung Quốc, ngàn năm nay Trung Quốc vẫn là đối thủ của mình. Mình xem xây dựng quan hệ của mình thế nào cho cân bằng.’ Mới nói tới đó thì ông Sung đứng dậy bỏ đi. Mình biết vậy là làm khó ông, nói vậy là ngược lại hẵn với đường lối của Hà Nội bây giờ...”

“Thời gian đó, bác có gặp gỡ các nhân sĩ Việt Nam tại Pháp nhiều không ạ?”

“Bác Thành thường gặp gỡ một nhóm tám, chín người hay tụ họp tại nhà bác ở 25 Boulevard Arago, Quận 13, Thủ đô Paris trao đổi tình hình thế sự. Nhóm đó có Ngô Đình Luyện, Hứa Hiền Minh, Trương Công Cừ, Cỏ Văn Hai... Hứa Hiền Minh là trí thức công giáo có quen thân với Ngô Đình Luyện, Trương Công Cừ là dân Quảng Nam, có lúc làm Bộ trưởng Bộ Giáo dục dưới thời Tổng thống Diệm, Cỏ Văn Hai khi xưa là đại biểu Quốc hội thời Đế nhất Cộng hòa, là Chủ tịch Đảng Xã hội ở miền Nam Việt Nam. Suốt mấy năm trời, nhóm bàn nhau tìm giải pháp giảm thiểu chiến tranh mất mát cho nhân dân trong nước. Cuối năm 1974, tình hình chiến sự Việt Nam cực kì ác liệt, ngày nào truyền hình Pháp cũng chiếu những cảnh máu chảy đầu rơi ở quê nhà. Anh Cỏ Văn Hai nêu ý kiến với danh nghĩa Đảng Xã hội được quốc tế công nhận, thử đi qua Liên hiệp Quốc tế Xã hội trụ sở đặt tại London xem có làm được gì không. Còn nước còn tát, bác Thành cũng muốn thử. Để danh chính ngôn thuận, anh Hai đề nghị cử bác Thành làm Tổng Thư kí Đảng Xã hội, bác Thành đồng ý.”

“Sau đó mọi chuyện ra sao ạ?”

“Đó là đầu năm 1975. Bác Thành với anh Hai sang gặp gỡ các đồng chí Quốc tế Xã hội chia sẻ tình hình đất nước. Họ có quan hệ trực tiếp với chính quyền Hà Nội, họ ý kiến rằng lúc này trễ quá rồi, khả năng thương lượng trong hòa bình rất khó. Ở Việt Nam khi đó ngoài Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ở miền Bắc, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam còn có lực lượng thứ ba là lực lượng nhân sĩ miền Nam, chủ trương tìm giải pháp hòa giải dân tộc mà không cần đổ máu. Kể cả anh Sáu Dân Võ Văn Kiệt trong miền Nam cũng tin tưởng có thể hòa hợp, nhưng không được...”

Tiếp đó, Bùi Kiến Thành sang tham dự Đại hội thường niên của Đảng Xã hội Dân chủ Nhật Bản. Họ cho ông 15, 20 phút đọc một bài diễn văn kêu gọi lương tri thế giới, tìm phương thức chấm dứt chiến tranh Việt Nam mà không cần đổ máu phi nghĩa. Bài phát biểu phân tích, đây không còn là cuộc chiến giải phóng dân tộc nữa mà là cuộc chiến giành quyền lực giữa hai phe, phe Cộng sản và phe thân Mỹ, một bên phải thắng, một bên phải thua trong khi nhân dân làm than, như thế hợp lí hay không? Bài diễn văn gây tiếng vang, được báo Nhật đưa tin, được ghi lại trong báo cáo của Đại hội Đảng Xã hội Dân chủ Nhật Bản và Quốc tế Xã hội ở London cũng đưa lên tạp chí của họ. Sau đó trở về Pháp, Tổng Bí thư Đảng Xã hội Pháp François Mitterrand, người sau này trở thành Tổng thống, cùng với Lionel Jospin, phụ trách khối quan hệ quốc tế cũng hỗ trợ... Khoảng tháng ba, tháng tư, ông lên truyền hình Pháp tiếp tục phát biểu về chủ đề đó.

“Mấy anh trong sứ quán Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ở Paris theo dõi rồi hỏi bác Thành: ‘Anh Thành ơi, sao anh lại nói chúng tôi là đám hiếu chiến?’ Bác Thành trả lời: ‘Anh là một đám hiếu chiến, bên Sài Gòn cũng là một đám hiếu chiến. Anh không đồng ý là chuyện của anh còn tôi có ý kiến là chuyện của tôi.’ Thậm chí đến cả khi quân đội miền Bắc đánh chiếm Sơn Trà - Đà Nẵng rồi Buôn Mê Thuột, Nha Trang xong mà họ vẫn chưa có ý định chấm dứt chiến tranh, Bộ Tư lệnh ở miền Bắc muốn đi tới chiến thắng hoàn toàn chứ không hòa hợp hòa giải dân tộc như đã đề ra.”

“Những cố gắng của bác có đem lại kết quả nào không?”

“Nói chung không thay đổi được gì cả, mình chỉ làm với cái tâm của mình thôi. Sau 30/4, đất nước thống nhất rồi, bác Thành mới tới thăm mấy anh ở Đại sứ quán. Anh tham tán chính trị Lê Đình Nhân là con ông Lê Đình Thám nổi tiếng ở Quảng Nam. Hai cha con ngồi đánh cờ với nhau trong đêm mà không có bàn cờ, chỉ nói không, ờ tao lên xe mây xuống ngựa..., đang đánh dở ngày mai đánh tiếp mà vẫn biết đến đâu rồi, giỏi lắm. Bác Thành hỏi anh Nhân là tôi có thể về Việt Nam hợp tác, hỗ trợ gì cho các anh nhằm tái thiết đất nước không? Anh Nhân làm cho bác Thành hộ chiếu Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Sẵn có mặt anh Phạm Văn Ba, là người của lực lượng thứ ba, lực lượng nhân sĩ mình nhắc ở trên, thì mấy anh đều nói thời điểm này chưa phải là lúc, mình có về thì cũng chẳng làm được gì đâu.”

“Như thế là bác đã muốn về Việt Nam từ năm 1975?”

Bùi Kiến Thành gật đầu:

“Đúng, nhưng nghe lời khuyên của mấy anh thì bác không về nữa, lại tiếp tục làm các dự án bất động sản. Bẵng đi một thời gian khá dài, khoảng những năm 1980 - 1981, một số anh trong Đại sứ quán qua anh Hứa Hiền Minh muốn hẹn gặp mình bàn một số việc. Cuộc hẹn được sắp xếp tại nhà anh Minh ở ngoại ô Paris, cách trung tâm 40 cây số. Hai người bên sứ quán là anh Bình với anh Trung, ngồi nói chuyện cả một ngày. Anh Trung họp vài buổi rồi thôi, còn anh Bình tiếp tục là người liên lạc cốt cán. Năm 1976, ông Phạm Hùng làm Phó Thủ tướng, năm 1981 đổi thành Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, từ năm 1980 kiêm Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Chính ông là người chỉ thị việc liên lạc lại với bác Thành, xin ý kiến tháo gỡ nền kinh tế Việt Nam sau khi Trung Quốc đánh ở miền Bắc, Pol Pot đánh miền Nam, Mĩ cấm vận.”

“Bác trả lời họ ra sao?”

“Bác nói: ‘Tôi là tư bản hạng nặng, các anh lại tới tìm tôi... Bây giờ mình phải thật sự trung thực với nhau, mình xác lập quan hệ cho rõ ràng. Các anh biết là tôi như thế nào, hỏi trước tôi làm gì, từ ngày còn là bạn cố tri, vong niên với ông Diệm trước khi ông ấy lãnh chức vụ Thủ tướng cho tới khi bị quân đội Sài Gòn lật đổ và sát hại. Từ trước đến nay tôi là người không tin tưởng vào chủ nghĩa cộng sản. Vì vậy, thứ nhất là mình âm thầm đóng cửa nói chuyện với nhau, không cần ai biết và không để ai biết. Ai biết thì không có lợi gì cho các anh mà nguy hiểm cho tôi, có những người biết tôi ngồi nói chuyện với Cộng sản thì lập tức coi tôi như kẻ thù. Thứ hai, tôi sẵn sàng đóng góp thẳng thắn, biết gì nói nấy. Ý kiến của tôi mang tính tư vấn, cái gì dùng được ngay thì dùng, cái gì chưa dùng được ngay thì để đấy.’ Mấy anh ấy cũng nói, sau chiến tranh không dễ gì tìm được người chịu ngồi nói chuyện với các anh như vậy. Vậy là đồng thuận phương thức làm việc, không bàn chủ nghĩa nào mà chỉ bàn những vấn đề có ích cho đất nước.”

“Và những vấn đề bàn thảo đầu tiên là gì ạ?”

“Mấy anh nói: ‘Vì tình hình kinh tế Việt Nam đang đi vào ngõ cụt, chúng tôi lại không biết nhiều về kinh tế tư bản, kinh tế thị trường nên chúng tôi cần những người có kinh nghiệm hoạt động trong cơ chế của nền kinh tế thị trường như anh.’ Thấy mấy anh sẵn sàng cầu thị lắng nghe mình mới nói: ‘Theo lí thuyết của chủ nghĩa cộng sản thì bao nhiêu phương tiện sản xuất đều là sở hữu nhà nước, từ nhân dân tới lãnh đạo đều vô sản, không được quyền có tư sản. Không có tư sản tức là nghèo, mà giờ các anh thực hiện chính sách chuyên chính vô sản, cải tạo tư sản, tổ chức các hợp tác xã nông nghiệp, ngăn sông cấm chợ, không để một con gà lọt qua khỏi trạm kiểm soát của làng xóm... thì đi tới chỗ bàn cùng hóa nhân dân. Các anh suy nghĩ kĩ lại đi, nếu mình xây dựng chế độ dựa trên dân nghèo thì có xây dựng được độc lập, tự do, hạnh phúc không? Dân nghèo thì nước yếu, nếu Trung Quốc đánh một lần nữa thì nhân dân có gì trong tay để đỡ? Từ cổ chí kim, từ Hy Lạp tới Tần Thủy Hoàng tới La Mã, không quốc gia nào có thể xây dựng thành cường quốc từ dân nghèo. Bây giờ các anh về nói chuyện với lãnh đạo Hà Nội, muốn nước mạnh thì phải dân giàu. Tôi đề nghị các anh suy nghĩ: Dân có giàu thì nước mới mạnh. Đó cũng không

phải ý kiến cá nhân tôi, mà là trí tuệ tập thể mà tôi nghĩ là cần thiết cho lúc này.’

Các anh ấy nói: ‘Anh Thành nói như thế là làm khó cho chúng tôi, vì chữ GIÀU đó là tư sản, chữ GIÀU đó là kẻ thù của vô sản. Anh bảo tôi về trình bày với lãnh đạo, anh bảo *Dân có giàu thì nước mới mạnh*, tôi không dám nói. Tôi mở miệng trình bày thì người ta sẽ không cho trở lại đây đâu, nguy cơ là công việc của chúng ta sẽ bị gián đoạn.’ Bác Thành bảo, một là mình đồng ý với nhau về tư tưởng dân giàu nước mới mạnh, còn nếu không đồng ý thì không có chuyện gì để nói với nhau nữa. Cuối cùng bác Thành nhất trí viết ra một trang giấy, kí vào, đưa cho mấy anh cầm về.”

“Sau đó lãnh đạo có đồng ý không ạ?”

“Sau thời gian mấy tháng mình chờ đợi, cuối cùng mấy anh cũng trở lại thông báo rằng lãnh đạo đã chấp thuận quan điểm ‘Dân có giàu thì nước mới mạnh’, lúc đó mới đi vào bàn bạc cụ thể. Bác Thành nói với mấy anh, trước hết đặc thù của nền kinh tế thị trường là phải có sản xuất, làm ra sản phẩm. Muốn sản xuất ra sản phẩm thì phải có ưu thế tương đối trong vấn đề quan hệ kinh tế, tức là muốn sản xuất ra bất cứ thứ gì thì phải bỏ trí người đúng theo khả năng và lợi thế của người đó. Một anh thợ may thì làm thợ may, anh thợ giày thì làm thợ giày vì ưu thế tương đối của anh thợ may là may tốt, ưu thế tương đối của anh thợ giày là đóng giày tốt. Nếu bây giờ đặt anh thợ may đi đóng giày và anh thợ giày đi may thì nền kinh tế sẽ không tạo ra được sản phẩm tốt, không có lượng mà cũng không có chất. Vậy làm sao để nền kinh tế phát triển? Vấn đề thứ nhì là có sản phẩm rồi thì phải có trao đổi chứ anh thợ giày đóng ra 10 đôi giày rồi anh ôm không được, găm không được, còn anh thợ may may ra 10 bộ quần áo mà không đưa ai mặc thì cũng chẳng biết làm gì. Hai bên phải có sự trao đổi với nhau, có trao đổi thì mới có giao thương. Nếu bây giờ anh cấm giao thương, không cho người ta bán sản phẩm, đem hết các sản phẩm vào hợp tác xã rồi phân bổ theo hợp tác xã tức là không có giao thương, trao đổi thì nền kinh tế làm sao phát triển?”

“Ở thời điểm đầu thập niên 1980, những điều bác nói dường như không hề đơn giản?”

“Nghe thì đơn giản lắm nhưng thực tế không đơn giản chút nào. Mấy anh về nước báo cáo lại. Hồi đó ông Phạm Hùng ở ngoài Hà Nội còn ông Võ Văn Kiệt là Bí thư thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Văn Linh thì chạy ra chạy vào Sài Gòn với Hà Nội. Anh Kiệt có sáng kiến là cái gì nhà nước không cấm thì ta cứ thử. Anh cho phép các nhà máy tự tìm nguyên liệu thay vì chờ bên Ủy ban Kế hoạch Trung ương phân phối. Ví dụ xưởng sắt thép thì tìm sắt vụn đem về đập ra để có nguyên liệu, xưởng nhựa thì đi tìm đồ nhựa phế thải... Khi được lãnh đạo bật đèn xanh thì người ta sẽ làm tốt thôi. Những chuyện nhỏ nhỏ tích cực như thế dần dần từ Sài Gòn lan ra các tỉnh trong Nam. Tới tháng 1 năm 1983, thấy hoạt động thí điểm có hiệu quả, một nhóm cán bộ của Bộ Chính trị thu hẹp, trong đó có các ông Võ Chí Công, Phạm Văn Đồng, Trường Chinh... họp lại trên Đà Lạt nghe Võ Văn Kiệt và Nguyễn Văn Linh báo cáo tình hình Sài Gòn, rồi quyết định ủng hộ mấy anh này làm. Từ đó, mấy anh lần lần xây dựng nên những văn bản về vấn đề đổi mới, tới năm 1985 thì đưa ra Đại hội VI để tranh luận và phê duyệt kinh tế nhiều thành phần.

Năm 1986, đó là lúc Nguyễn Văn Linh lên làm Tổng Bí thư và đứng ra làm những thay đổi trong nhiệm kỳ của mình.”

Bùi Kiến Thành tiếp tục dành nhiều lời ca ngợi cho lãnh đạo Việt Nam thời kỳ này:

“Xóa bỏ ngăn sông cấm chợ, xóa bỏ kinh tế bao cấp tập trung để hướng tới nền kinh tế thị trường. Cái hay ở chỗ, làm thế nào không gây xáo trộn, như mình đang ngồi trên con tàu muốn bẻ lái sang một bên nếu không khéo là nó đổ. Làm sao để có sự đồng thuận của đảng viên? Không có sự đồng thuận của đảng viên thì làm sao thực hiện? Trước nền kinh tế một thành phần, giờ là nền kinh tế nhiều thành phần, không nói là kinh tế tự do nhé. Vậy tức là bỏ kinh tế tập trung quan liêu bao cấp. Vận hành theo cơ chế thị trường chứ không phải là nền kinh tế thị trường, mình không bỏ gì cả, không chấp nhận kinh tế tư bản, mình chỉ khai thác lợi thế của tư bản để mình vận hành theo cơ chế thị trường thôi. Mình là kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, với sự quản lý của Nhà nước, đây là vận dụng khoa học từ đề thuyết phục hàng ngũ đảng viên chấp nhận chính sách ‘Đổi mới’.

Nhưng tới đó vẫn chưa đủ, người ta hỏi sao phải thay đổi đường lối kinh tế như thế. Đáp án là: **VÌ DÂN GIÀU, NƯỚC MẠNH, XÃ HỘI CÔNG BẰNG, DÂN CHỦ, VĂN MINH.** Mục tiêu này không ai phủ nhận được, không ai phản đối được. Tuy hơi dài dòng nhưng câu này cực kỳ quan trọng để cho đại đa số đảng viên chấp nhận. Đảng Cộng sản là đại diện cho giai cấp công nhân. Máy ảnh phải nghiên cứu nát óc để đưa câu đó ra cho Ban Tư tưởng Văn hóa Trung ương tuyên truyền, giáo dục, từ đó chính sách mới được quán triệt.”

Bắt đầu cố vấn cho Chính phủ Việt Nam ngay từ quá trình chuẩn bị cho cột mốc quan trọng **ĐỔI MỚI** của nền kinh tế Việt Nam, Bùi Kiến Thành chia sẻ:

“Chuyển mình từ những đêm tối là nhờ sự sáng tạo và trách nhiệm của máy ảnh. Bác cũng vui vì mình đóng góp một số ý kiến thúc đẩy tiến trình đó.”



ĐI TÌM *Chùa Khóa*

Cánh chim về tổ

Năm 1984, Maurice R. Greenberg, người kế tục Cornelius Vander Starr điều hành American International Group (AIG) mời Bùi Kiến Thành sang Mỹ làm việc. Tập đoàn AIG phát triển lên từ công ty bảo hiểm quốc tế AIU mà ông từng là người đại diện chính thức tại Sài Gòn trước khi bị bắt vào tù. Bùi Kiến Thành được trao giữ vị trí thanh tra giám sát tại Chicago, khu vực quan trọng thứ hai trong số bảy khu vực kinh tế của Mỹ, sau New York. Trong một năm, doanh thu của 17 công ty thành viên chỉ vào khoảng 200 triệu đô la, hoạt động đang không hiệu quả. “Bác Thành là thanh tra đặc biệt của chủ tịch tập đoàn về đó thì mọi người nể lắm. Vị trí ‘controller’ đó mình là người đầu tiên và có lẽ cũng là người cuối cùng.”

Ông mất gần nửa năm làm việc với lãnh đạo các công ty con để báo cáo về tập đoàn tìm giải pháp. Một số vấn đề đặt ra là: Gần 20 công ty làm việc không có sự gắn kết với nhau, không chia sẻ thông tin, không tận dụng cơ hội, thêm nữa, thiếu kế hoạch phát triển mà chỉ tập trung làm việc vào cuối năm là thời điểm mà đa phần các hợp đồng bảo hiểm đáo hạn. Sau khi tìm tòi nghiên cứu, Bùi Kiến Thành đề xuất các công ty thành viên phải xây dựng lên kế hoạch phát triển đều đặn trong cả năm và đưa ra sản phẩm bảo hiểm mới là gói bảo hiểm nhân thọ về giáo dục dành cho cộng đồng người châu Á. “Bố mẹ đóng bảo hiểm làm phương tiện cho con đi học, bố mẹ có xảy ra chuyện gì thì con vẫn đi học được. Thống kê của Bộ Lao động Mỹ năm 1984 chỉ ra rằng, người châu Á chiếm 5% dân số Mỹ nhưng có khoảng 36% là học đại học còn dân da trắng chỉ khoảng 16 hay 17%. Như vậy, cộng đồng người châu Á rất quan tâm đến vấn đề giáo dục con cháu. AIG lại khởi điểm từ Thượng Hải, Trung Quốc nên rất phù hợp với đối tượng đó.” Bùi Kiến Thành còn về Pháp lấy mẫu phiếu đăng ký bảo hiểm nhân thọ về giáo dục dịch sang tiếng Anh cho họ tham khảo. Sau năm năm kể từ khi ông làm việc đó, doanh thu tăng khoảng năm lần, lên một tỉ đô la/năm.

Trong thời gian đó, Bùi Kiến Thành thường xuyên đi đi về về giữa Pháp và Mỹ. Việc trao đổi, tư vấn của ông với Chính phủ Việt Nam vẫn diễn ra thầm lặng thông qua Đại sứ quán Việt Nam tại Paris. Kiến nghị của ông thường gửi cho Nguyễn Cao Vân, chuyên viên cao cấp của Bộ Ngoại giao. Còn Trần Quang Bình, nguyên Bí thư Thứ nhất Đại sứ quán Việt Nam tại Pháp, là người báo cáo chính thức lên lãnh đạo Chính phủ.

“Từ năm 1975, một luồng dư luận Mỹ đã muốn bắt tay với Hà Nội để tái thiết đất nước nhưng phía Việt Nam gạt đi. Sau đó, Mỹ cấm vận Việt Nam trong thời gian dài. Các anh trong Chính phủ Việt Nam đã có ý nối lại liên lạc với Mỹ nhưng chưa thành công. Kể từ khi thực hiện ĐỔI MỚI năm 1986, bác Thành vẫn có mối quan hệ với Chính phủ Mỹ nên làm đầu mối để thúc đẩy việc này.”

Những năm 1989, 1990, việc đặt quan hệ với Mỹ trở nên cấp thiết hơn khi Liên bang Xô Viết sắp sửa tan rã, Việt Nam chuẩn bị mất đi khoản viện trợ lớn từ Liên Xô. Bùi Kiến Thành tích cực xúc tiến việc liên hệ với Chính phủ Mỹ.

“Về phía Mĩ, họ chấp nhận ngồi nói chuyện với Việt Nam khi Việt Nam giải quyết xong vấn đề về Campuchia. Mời Hun Sen tới ngồi vào bàn họp hòa bình với Campuchia thì Mĩ không làm được, phải nhờ Việt Nam. Hun Sen là người được Việt Nam ủng hộ, trong lúc Việt Nam và Mĩ đang lục đục thì khó để ông Hun Sen gạt đầu khi chưa có sự đồng ý của Việt Nam. Bác Thành là người kết nối thông tin giữa Mĩ với Việt Nam. Mình làm được điều đó là mình tạo uy tín để người ta nói chuyện với mình.”

Ngày 01/05/1989, Việt Nam rút quân khỏi Campuchia.

Ngày 21/03/1991, sau khi trao đổi qua điện thoại, Bùi Kiến Thành gửi một bức fax cho Frank Light, Vụ trưởng phụ trách khu vực châu Á - Thái Bình Dương của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, với nội dung:

“Ông Light kính mến,

Chúng ta đã trao đổi với nhau qua điện thoại ngày 22 tháng tám vừa rồi, về việc Việt Nam đang tìm kiếm các con đường cải thiện quan hệ của mình với Hoa Kỳ.

Tôi có thông báo với ông về việc những người đại diện cho lãnh đạo của Việt Nam đã liên hệ với tôi ở Paris, đề nghị tôi giúp làm cầu nối với Chính phủ Hoa Kỳ, bên ngoài các kênh ngoại giao thông thường. Tôi dự định tới Washington để sắp xếp một cuộc gặp với những nhà chức trách có thẩm quyền nhằm xem xét, đánh giá tình hình và xác định xem tôi có thể đóng góp gì cho nỗ lực này.

Ông đã cho tôi biết rằng các cuộc thảo luận về đóng góp của Việt Nam cho việc giải quyết tình hình Campuchia vẫn liên tục được tổ chức với Đại sứ Việt Nam tại Liên Hợp Quốc. Ông cũng cho tôi biết về việc Việt Nam đã được thông tin về những yêu cầu của Hoa Kỳ đối với vấn đề bình thường hóa. Ông đã gợi ý tôi viết một lá thư lưu ý cho ông để ông chuyển tới các cấp thẩm quyền phù hợp có thể đưa ra hành động hay quyết định gặp gỡ.

Kể từ đó, đầu mỗi liên lạc ở Paris có thông báo với tôi rằng lãnh đạo của Việt Nam đã quyết định triển khai 240 Bùi Kiến Thành - Người mở khóa lãnh du nền kinh tế thị trường, điều này theo thời gian sẽ dẫn tới một xã hội tự do và một bộ máy chính quyền dân chủ. Để thay đổi căn bản về kinh tế và chính sách quản lý nhà nước này thành công, Việt Nam thực sự cần sự giúp đỡ và hợp tác của Hoa Kỳ.

Tôi được yêu cầu trình bày rõ với lãnh đạo Hoa Kỳ một số vấn đề cơ bản ẩn bên trong kế hoạch chuyển đổi và sự giúp đỡ mà phía Việt Nam mong nhận được từ Chính phủ và cộng đồng doanh nghiệp Mĩ.

Tôi có kế hoạch sẽ ở Washington trong tuần tới, từ ngày 26 tháng ba tới ngày hết ngày 28, và sẽ rất hân hạnh nếu có được một buổi gặp ở Bộ Ngoại giao.

Kính thư,

B.K. Bui

Tháng 4 năm 1991, phía Hoa Kỳ lần đầu tiên đưa ra một kế hoạch bình thường hóa quan hệ với Việt Nam, mang tên “Roadmap”, gồm bốn giai đoạn. Việt Nam trả lời “chưa bác bỏ nhưng cũng chưa chấp nhận”.

Giữa năm 1991, Bùi Kiến Thành làm quốc tịch Mỹ. Ngày 29 tháng tám, ông viết bức thư gửi Trung tướng Brent Scowcroft, Chủ tịch Hội đồng An ninh Quốc gia của Mỹ. Trong thư có đoạn:

“Tôi được cho biết lãnh đạo mới của Việt Nam cam kết chắc chắn về những thay đổi căn bản trong chính trị và những quyền ưu tiên. Mục tiêu là kinh tế thị trường tự do và bộ máy chính quyền dân chủ.

(...)

Việt Nam tìm kiếm sự giúp đỡ để có thể mang đến những cải cách triệt để một cách có trật tự để chuyển đổi Đi tìm chìa khóa 241 sang nền kinh tế thị trường và chế độ dân chủ. Mỗi ưu tiên cao nhất là quan hệ thân thiết với Hoa Kỳ.

(...)

Không có gì là sai nếu nói chúng ta nên tự hào vì chiến thắng của mình và tiến tới việc xóa đi những tổn thương do thất bại của quân đội chúng ta ở Việt Nam. Nhưng ở một tâm ý thức cao hơn, chúng ta nên hành động để vinh danh thắng lợi của những lí tưởng dân chủ của mình. Thay vì giữ khư khư thái độ thù địch và thờ ơ, chúng ta nên, theo lời Tổng thống Lincoln, “hết lòng với nhiệm vụ cao cả vẫn còn ở trước mắt chúng ta” và áp dụng các biện pháp để đảm bảo rằng chiến thắng ở Việt Nam là hào phóng và mẫu mực.

Để thiết lập nền tảng cho một mối quan hệ mới, lãnh đạo mới của Việt Nam mong muốn được học hỏi để biết về những đối tác Hoa Kỳ của mình thông qua những liên hệ cá nhân linh động. Để tạo ra điều đó, họ muốn mời các lãnh đạo Hoa Kỳ tới thăm Việt Nam để thảo luận cởi mở và thân thiện về tất cả những câu hỏi về lợi ích chung mà không chịu sự ràng buộc của các cuộc gặp và chương trình làm việc chính thức. Nhân tố con người là cực kì quan trọng.

Để khởi động quá trình này, tôi được đề nghị chuyển tới ông một lời mời gặp Đại sứ Việt Nam tại Pháp, người chịu trách nhiệm chuẩn bị cho chuyến viếng thăm của ông tại Việt Nam. Cuộc gặp này có thể diễn ra tại Liên Hợp Quốc, Washington, Paris hay bất cứ địa điểm nào khác mà ông thấy thuận tiện.

Nếu cần, một giấy mời chính thức sẽ được gửi tới ông qua bất cứ kênh nào ông cho là phù hợp.

Tôi sẽ rất vinh hạnh nếu nhận được sự xem xét và hồi đáp của ông. Tôi sẵn sàng cung cấp thêm bất cứ thông tin nào theo sự yêu cầu của ông.”

Khoảng một tháng sau thì trợ lý của Scowcroft là Dona Proctor liên lạc lại để tiếp tục làm việc.

Tôi thắc mắc:

“Bác viết những thư này với tư cách là...”

“Bác Thành trình bày dưới nhãn quan của một công dân Mỹ được Nhà nước Việt Nam tiếp cận đặt vấn đề, nói chuyện với Chính phủ Mỹ về quan hệ mà Việt Nam mong muốn, không phải với tư cách đại diện Chính phủ Việt Nam hay đại sứ của Việt Nam. Cho đến tận hôm nay cũng vậy, bác Thành làm việc với Chính phủ Việt Nam với vai trò cố vấn độc lập. Ngoài một số chuyến công tác được bố trí xe hay ăn ở, còn bác chưa bao giờ nhận lương của Chính phủ Việt Nam. Mọi việc bay đi bay về như thế bác đều tự lo như việc cá nhân thôi. Tuy nhiên mọi thư từ bác Thành viết cho các bộ phận trong Chính phủ Mỹ đều gửi bản sao cho anh Cao Vân cả.”

Trong năm này, lần đầu tiên Thứ trưởng Bộ Tài chính Mỹ Sullivan trình ra Quốc hội một nghị quyết viện trợ nhân đạo cho Việt Nam một triệu đô la, đồng thời đặt ra vấn đề tìm kiếm người Mỹ mất tích ở Việt Nam.

“Bác Thành nói với mấy anh trong Chính phủ Việt Nam rằng đó là cơ hội để mình tiến sâu vào việc bình thường hóa quan hệ với Nhà Trắng. Lúc này mấy anh bảo bác Thành về Hà Nội để anh em có thể gần nhau bàn công việc, đỡ mất thời gian báo cáo, thông tin qua lại. Sau khi bàn luận kỹ lưỡng với mấy anh, thì tháng 11 năm 1991 mình đặt chân trở lại Việt Nam sau 26 năm.”

Trở về nước lần này, Bùi Kiến Thành ở chừng một tháng, nhưng gấp gờ và giải quyết rất nhiều việc. Người được chỉ định thay thế ông đi các nơi là Nguyễn Văn Thuộc, cán bộ Vụ Châu Âu 2 - Bộ Ngoại giao. (Hồi đó, Vụ Châu Âu 1 là phụ trách Đông Âu, Liên Xô, Vụ Châu Âu 2 là phụ trách Tây Âu, nay đã sáp nhập làm một).

Một trong những cuộc gặp quan trọng nhất là với Thiếu tướng Lê Minh Hương, Thứ trưởng Bộ Nội Vụ, người sau này trở thành Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Cùng tham gia họp còn có một số sĩ quan cấp cao khác và người liên lạc đầu tiên với Bùi Kiến Thành tại Paris là Trần Quang Bình. Những vấn đề được thảo luận liên quan trực tiếp đến tiến trình bình thường hóa quan hệ Việt - Mỹ.

“Vấn đề đầu tiên là việc giam giữ công chức và sĩ quan chế độ Sài Gòn. Theo bác Thành được biết có gần mười lăm nghìn người bị giam trong các trại cải tạo từ Lạng Sơn tới An Giang từ năm 1975 đến 1991 là 16 năm. Bác Thành hỏi mấy anh: ‘Thật tình các anh còn sợ mấy cái ông sĩ quan quân đội với mấy ông công chức Cộng hòa không? Tôi nói thật, ngày nào anh còn giam mấy ông này thì không khi nào anh nói chuyện với phía Mỹ được. Tại vì làm sao? Tại vì những người này khi xưa làm việc cho Mỹ, theo Mỹ. Giờ phía Mỹ làm sao nói chuyện với anh được khi người của họ vẫn bị giam giữ? Anh sợ người ta thì anh giam, anh không sợ thì anh giam làm gì, có lợi gì đâu. Anh thả họ ra thì có được bước đầu để nói

chuyện với người Mỹ.’ Anh Hương bảo: ‘Anh Thành ơi, để tôi nghiên cứu.’

Hết tháng 11, khi bác Thành về Pháp thì anh Hương nhắn tin sang báo lãnh đạo đã đồng ý thả. Bác Thành mới hỏi là anh thả chọn lọc hay thả hết. Anh nói tôi thả hết, trừ những người vi phạm luật pháp hình sự. ‘Thế thì tốt rồi nhưng bên Mỹ nhờ tôi hỏi anh, anh cho người ta ra tù rồi tiếp theo anh có cho người ta xuất ngoại không hay là anh giữ người ta quản thúc ở nhà?’ Không bao lâu sau anh trả lời ngay rằng Chính phủ đồng ý cho xuất ngoại, nếu Chính phủ nào nhận thì chúng tôi sẵn sàng cho đi. Bác Thành nói lại với Chính phủ Mỹ thì họ hỏi tiếp là có cho gia đình người ta đi không. Các anh bàn bạc rồi mới trả lời đồng ý. Anh Lê Minh Hương cam kết giải quyết nội trong một năm, nghĩa là tới cuối năm 1992 sẽ giải quyết hết cho người ta ra khỏi trại rồi tới những nước người ta muốn tới. Sau đó, mấy anh đã giữ đúng lời hứa luôn. Quốc hội Mỹ bỏ phiếu chương trình Humanitarian Operation (HO)⁽¹⁾, viện trợ cho những viên chức và các cựu sĩ quan quân đội Cộng hòa cùng tất cả gia đình, bố mẹ, vợ chồng, con cái qua Mỹ.”

Bùi Kiến Thành vui vẻ nhớ lại:

“Cái hay của anh Lê Minh Hương là anh có khả năng giải quyết vấn đề. Chị Dương Thu Hương, viết quyển sách ‘Những thiên đường mù’, bị bắt giam bảy tháng trời. Cả thế giới biểu tình đòi thả. Đến phu nhân Tổng thống Pháp François Mitterrand là bà Danielle Mitterrand cũng xuống đường tuần hành kêu gọi thả Dương Thu Hương. Bác Thành nói: ‘Anh bắt chị ấy làm gì?’ Lê Minh Hương nói chị này vi phạm pháp luật, lấy tài liệu mật đưa ra nước ngoài, viết lung tung. Bác Thành mới nói: ‘Lãnh đạo đất nước này có sợ chị Dương Thu Hương không? Có sợ tới mức phải bắt chị ấy giam không?’ Anh Hương đáp, sợ cái gì mà sợ, mình áp dụng luật pháp chứ sợ gì. Chẳng ai tin nổi. ‘Chẳng ai tin vì chị này phạm pháp mà bị bắt, người ta tin 100% là các anh đàn áp chị ấy vì giam bảy tháng rồi có xử đâu. Đây là tội kỵ với các nước dân chủ. Tôi đề nghị anh mang chị ấy ra xử đi, có tội trạng rõ ràng, chị ấy vi phạm điều khoản nào của đạo luật nào, thi hành án cho đảng hoàng, minh bạch. Anh phải làm sao cho người ta thấy là anh tôn trọng luật pháp.’

Đó là chuyện bác Thành nói với anh ấy. Kết quả hay lắm. Chỉ một tuần lễ sau, Lê Minh Hương thông báo cho bác Thành là đã đưa chị Dương Thu Hương ra tòa án hình sự Sài Gòn và xử chị ấy mấy tháng tù nhưng chị bị giam bảy tháng rồi nên thả luôn tại tòa⁽²⁾. Riêng chuyện đó thôi là cả thế giới không thể tin được. Dư luận cũng dịu lại vì chị Dương Thu Hương được trả lại tự do rồi, xử án đảng hoàng rồi.”

“Bác còn trao đổi với ông Lê Minh Hương vấn đề gì nữa không ạ?”

“Bác nhờ anh kiểm tra một việc xem có đúng không. Có một chuyện bác được Ngô Đình Luyện kể lại... Năm 1954, sau khi hiệp định Genève được kí, Thủ tướng Trung Quốc Chu Ân Lai làm tiệc chiêu đãi, mời Thủ tướng Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Phạm Văn Đồng cùng ông Tạ Quang Bửu hội đó là Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, ngoài ra phía Quốc gia Việt Nam có Ngô Đình Luyện đại diện cho Quốc trưởng Bảo Đại. Mấy người đó quen biết nhau. Luyện mới quay sang xuýt xoa quân hàm của Bửu: ‘Oai quá nhỉ? Trung tướng hả?’ Bửu

nói: ‘Trung tướng cái quái gì, người ta đeo cho hai cái lon để đi qua kí hiệp định đó, chứ tôi có đi quân đội hồi nào đâu.’ Trong bữa tối, Chu Ân Lai đưa ra đề nghị cả Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Quốc gia Việt Nam mở Đại sứ quán ở Bắc Kinh. Qua đó cho thấy ông đặt hai bên ngang hàng, và là hai chính phủ độc lập. Mấy ông này đều là nhà ngoại giao nên rất khôn khéo, bảo để đó về chúng tôi nghiên cứu. Luyện về nói chuyện lại với Thủ tướng Diệm thì ông Diệm bảo được vậy tốt quá, nhưng mình đâu có làm được vì Trung Quốc Cộng sản là một chính phủ không được Mỹ thừa nhận, Mỹ chỉ thừa nhận Đài Loan, với người đại diện hợp pháp là Tưởng Giới Thạch. Tình hình trong Nam là thế, còn ngoài Bắc về báo cáo Bộ Chính trị xong cũng bỏ đó. Bác Thành có nhờ anh Lê Minh Hương kiểm tra xem chuyện này thế nào để lưu lại lịch sử, thì anh Hương cũng kiểm tra lại nhưng không có trả lời.”

Cũng trong đợt về nước này, Bùi Kiến Thành có cuộc gặp với Bộ trưởng Bộ Tư pháp Phan Hiền. Phan Hiền nhờ ông tư vấn về vấn đề xây dựng nhà nước pháp quyền, của dân, do dân và vì dân theo nghị quyết của Bộ Chính trị, của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Ông còn gặp Giáo sư Nguyễn Duy Thông, Viện trưởng Viện Thông tin Khoa học Xã Hội. Từ yêu cầu của Phan Hiền và Nguyễn Duy Thông, đầu năm 1992, Bùi Kiến Thành làm việc với Bộ Ngoại giao Mỹ đề nghị Quốc hội và Hành pháp Mỹ gửi qua giúp Chính phủ Việt Nam một phái bộ chuyên viên kinh tế nghiên cứu việc chuyển từ kinh tế kế hoạch tập trung sang kinh tế thị trường, một phái bộ chuyên viên luật pháp làm việc cùng Bộ Tư pháp nghiên cứu mô hình luật pháp xây dựng nhà nước pháp quyền. Những nhân vật khác ông gặp và làm việc là Trần Sĩ Lương, Phó Vụ trưởng Ban Việt kiều Trung ương; Phạm Gia Toàn và Bùi Quốc Trung⁽³⁾, Vụ Hợp tác Quốc tế, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước; Nguyễn Xuân Phong, Phó Vụ trưởng Vụ Mỹ châu, Bộ Ngoại giao. Nguyễn Xuân Phong có nói đến việc trình lên Hội đồng Bộ trưởng đề nghị thành lập một ngân hàng tư nhân quốc tế phát triển đầu tư. Đặc biệt trong đợt này, Bùi Kiến Thành chưa gặp trực tiếp Thủ tướng Võ Văn Kiệt nhưng lại gặp phu nhân của Thủ tướng là Giáo sư, Tiến sĩ Hóa học Phan Lương Cầm.

“Chị Cầm quen với Nông Riệm. Riệm là con bác sĩ Phác, anh của Minh Đẩu. Hồi chị Cầm học ở Bách khoa với Riệm thì tóc chị dài đẹp lắm, chị là hoa khôi của trường. Trước khi lấy Võ Văn Kiệt chị có qua Paris chơi, một hôm đi xe điện ngầm bị mấy thằng du côn lấy kéo cắt tóc, thì khóc hết nước mắt. Khi bác về Việt Nam, Riệm nhờ bác hỏi thăm chị Cầm. Mình hỏi chị Cầm làm gì bây giờ, thì Riệm nói chị Cầm là vợ của ông Kiệt đó. Bác gặp chị Cầm tặng chị hộp sâm Cao Ly và hỏi han một số việc.”

Vậy là cuộc hồi hương của cánh chim không mỏi Bùi Kiến Thành đã mở đầu bằng những đóng góp sôi nổi cho Chính phủ.

Mĩ - Việt:

Từ lạnh nhạt đến bắt tay

Trở lại Mĩ, Bùi Kiến Thành tiếp tục liên lạc với một số chính khách liên quan đến tình hình quan hệ giữa hai quốc gia. Ông gửi thư cho Thượng nghị sĩ Donald W. Riegle, Jr., Thượng nghị sĩ George J. Mitchell - lãnh đạo Khối Đa số Thượng viện Mĩ, Thượng nghị sĩ Robert Dole - Lãnh đạo Khối Thiểu số Thượng viện Mĩ, Thượng nghị sĩ Richard Lugar - thành viên cao cấp của Ủy ban Đối ngoại Thượng viện Mĩ, Rep. Stephen J. Solarz - Chủ tịch Ủy ban châu Á - Thái Bình Dương của Hạ viện Quốc hội Mĩ... Trong thư phản hồi, Mitchell gợi ý Bùi Kiến Thành liên hệ trực tiếp với Claiborne Pell - Chủ tịch Ủy ban Đối ngoại Thượng viện Mĩ. Ngày 24/1/1992, Bùi Kiến Thành viết thư cho Pell, nội dung có đoạn:

“Lãnh đạo của Việt Nam yêu cầu tôi giúp truyền đạt tới Quốc hội và Chính phủ Hoa Kỳ mong muốn mãnh liệt của họ đối với một mối quan hệ thân mật và gần gũi.

Những thay đổi cơ bản đang được tiến hành và sự hợp tác của Hoa Kỳ là cực kỳ quan trọng. Việc chuyển đổi từ chủ nghĩa Mác xít sang một chế độ dân chủ dựa trên ‘chính phủ của luật pháp’ đòi hỏi sự tư vấn của chuyên gia.

Nhìn vào tương lai lâu dài, lãnh đạo của Việt Nam cho rằng vị thế đồng minh với Mĩ sẽ cấu thành một yếu tố bình ổn hóa ở châu Á. Sức nặng của Trung Quốc và sức mạnh tài chính của Nhật là những mối bận tâm thường trực của các nước châu Á nhỏ bé hơn. Mối quan hệ chặt chẽ với Mĩ được nhìn nhận là đảm bảo hơn.

Xem xét những phát triển gần đây ở châu Á và những lợi ích quốc gia của Mĩ ở khía cạnh sức mạnh ở Thái Bình Dương, và xét đến tiềm năng cũng như vị trí địa lý của Việt Nam, một mối quan hệ hợp tác và đồng minh mới giữa hai nước đòi hỏi một sự xem xét kỹ lưỡng của lãnh đạo cả hai bên.”

Thông qua sứ quán Việt Nam tại Pháp, Bùi Kiến Thành gửi cho Thứ trưởng Bộ Nội vụ Lê Minh Hương và Bộ trưởng Bộ Tư pháp Phan Hiền một bản *Đề nghị Đổi Mới*. Bản đánh máy dài chín trang đề ngày 25/2/1992. Bản đề nghị phân tích tầm quan trọng và thiết yếu của việc thiết lập quan hệ ngoại giao chiến lược với Mĩ, đồng thời đưa ra một số những gợi ý cụ thể, cả về mặt kinh tế và ngoại giao, để thúc đẩy xúc tiến bình thường hoá quan hệ giữa hai nước. Bên cạnh đó, ông nhấn mạnh vai trò của cộng đồng Việt kiều đối với việc đẩy mạnh phát triển kinh tế trong nước. Ông viết: “... đối với Việt Kiều, tâm lý và mục đích việc đầu tư có thể không dựa trên những sự tính toán lạnh lùng lợi hại như người nước ngoài. Không nói đến những chương trình đầu tư lớn, chỉ đề cập đến những hoạt động kinh doanh nhỏ, Việt Kiều có thể đầu tư hoặc giúp đỡ thân nhân những số vốn từ 1.000 đến 10.000 đô la... Chính những con số nhỏ này mới có khả năng tạo nhiều công ăn việc làm đáp ứng cho nhu

cầu phát triển... Vì liên hệ gia đình, với sự tin tưởng nơi chương trình đổi mới thật sự, Việt kiều sẽ là một nguồn vốn đầu tư đặc biệt có thể huy động ngay và không bị chi phối bởi những lý do làm nản chí người tư bản nước ngoài.”

Trong khi đó, ông vẫn báo cáo tình hình với Nguyễn Cao Vân và các lãnh đạo Việt Nam. Cuối tháng năm, đầu tháng sáu năm 1992, Bùi Kiến Thành đã soạn và gửi cho Chính phủ Việt Nam một loạt tài liệu quan trọng:

Vấn đề *Lobby* ở Mỹ giới thiệu phương thức và nhu cầu thiết yếu cần thực hiện vận động hành lang:

“Đây là một dịch vụ hoàn toàn hợp pháp, được quy định bởi những pháp chế rõ rệt.

Phân đông những người làm dịch vụ này là cựu công chức cao cấp, cựu dân biểu, nghị sĩ, thống đốc tiểu bang, những luật sư lỗi lạc có nhiều mối liên hệ với công quyền.

Hầu hết các quốc gia có sứ quán tại Washington đều có một tổ chức Lobby để ảnh hưởng dư luận quần chúng cũng như tạo sức ép với các cấp lãnh đạo.

Hiện nay Lobby Do Thái có sức mạnh lớn nhất. Qua ảnh hưởng Lobby này, Mỹ viện trợ biểu không cho Do Thái mỗi năm ba tỉ đô la suốt từ nhiều thập niên nay. So với số đầu người Do Thái khoảng hơn ba triệu dân, trung bình mỗi người Do Thái được viện trợ mỗi năm một số tiền rất lớn, mặc dầu ngân sách Mỹ đang bị thâm hụt trầm trọng, phải cắt bỏ nhiều chương trình quan trọng trong nội địa nước Mỹ. Vừa rồi, Do Thái còn làm sức ép buộc Mỹ phải bảo đảm cho Israel vay 10 tỉ đô la để định cư cho 200.000 người Do Thái di tản từ Liên bang Nga và các nước thuộc Liên Xô cũ.

(...)

Phương tiện này rất hữu hiệu mà Việt Nam cần suy nghĩ vận dụng để hỗ trợ cho công tác ngoại giao, hiệp thương, bảo vệ và phát huy chủ quyền.”

Vấn đề Quỹ Cấm vận đặt ra vấn đề Mỹ và Việt Nam trả lại những tài sản đang giữ của nhau. Vấn đề Luật sư có vấn đề nêu lên sự cần thiết nắm vững công pháp quốc tế khi Việt Nam hiệp thương với nước ngoài. Vấn đề quan hệ với các tập đoàn kinh tế lớn của Mỹ và việc giải tỏa cấm vận đề xuất một số phương hướng khai thác thị trường Mỹ. Một tài liệu khác là Tìm hiểu và tận dụng khả năng của Hoa Kỳ để Việt Nam phát triển và bảo vệ chủ quyền.

Bùi Kiến Thành giữ liên lạc với phó Vụ trưởng Vụ Mỹ châu Nguyễn Xuân Phong và Thứ trưởng Lê Mai của Bộ Ngoại giao. Lê Mai là người trực tiếp giải quyết các vấn đề liên quan đến quan hệ Việt - Mỹ. Nhằm bình thường hóa quan hệ hai nước, một vấn đề then chốt mà phái bộ Mỹ tại Bangkok đặt ra là cần xử lý khối tài sản của Việt Nam bị Mỹ tịch thu và tài sản của Mỹ bị Việt Nam tịch thu. Chưa tìm được hướng đi, Lê Mai nhờ Bùi Kiến Thành thu thập thông tin dữ liệu xem hai bên còn giữ của nhau những gì. Ông Thành liên hệ với Bộ Ngoại giao Mỹ, được Bradshaw, người phụ trách về Việt Nam trong khu vực châu Á - Thái

Bình Dương (East Asia Pacific - EAP), giới thiệu cho luật sư Lawrence Serra ở San Diego, California. Ở Mỹ, một số vấn đề Bộ Ngoại giao không giải quyết mà có những văn phòng luật sư được Chính phủ trao trách nhiệm xử lý.

“Bác Thành tới gặp trực tiếp anh Serra. Anh đem hết tài liệu cho mình xem. Sau khi chiến tranh kết thúc, Chính phủ Mỹ đưa ra Quốc hội một nghị định để tất cả những người Mỹ có tài sản bị mất mát, bị tịch thu ở Việt Nam trước 30/4/1975 làm tờ khai, cơ quan Foreign Assets Claims của Bộ Tài chính Mỹ được thành lập để theo dõi, triển khai, giám định tất cả những tài liệu khai báo. Chính phủ Mỹ tổng hợp lại, đại diện cho những người đó đi thương lượng với Việt Nam. Bác xem danh sách khai báo theo thứ tự A, B, C, bên kia là giá trị tài sản. Họ khai ra mấy trăm cái nhưng chỉ khoảng hơn chín mươi cái được phê duyệt thôi. Nó có những số tiền khác nhau, 1.000 đô, 2.000 đô, mấy chục nghìn đô... Qua anh Serra, cuối tháng 11, đầu tháng 12 năm 1992 mình mời một số luật sư có năng lực qua Việt Nam phỏng vấn và nhận nhiệm vụ giải quyết.”

“Cách giải quyết của mình như thế nào hả bác?”

“90% tài sản được xét duyệt nằm trong năm, sáu anh dầu khí lớn, cộng với khoảng 67 triệu đô la của Chính phủ Mỹ cho Chính phủ Việt Nam Cộng hòa thời Nguyễn Văn Thiệu vay để nhập khẩu hàng nông sản về bán, tính trượt giá đến thời điểm đó là hơn 200 triệu đô la. Giải quyết được mấy khoản lớn đó là xong thôi. Mỹ cũng đưa ra danh sách tài sản của Việt Nam mà họ tịch thu, ví dụ như villa đại sứ quán của chính quyền miền Nam Việt Nam ở Mỹ, rồi bao nhiêu tài sản vàng, đô la Ngân hàng Trung ương Mỹ giữ từ thời Ngân hàng Quốc gia Việt Nam gửi qua, thông tin rất chi tiết. Sau khi xem xét và định giá thì số tài sản ấy cũng xấp xỉ 300 triệu đô la. Hai con số của hai bên gần gần như nhau, Chính phủ Hà Nội nói rằng, chúng tôi không có lý do gì trả tiền Mỹ thay cho ngụy quyền. Mỹ hỏi lại, bây giờ nhà villa của sứ quán Việt Nam Cộng hòa bên Washington thì ông có lấy không? Vàng và đô la của họ gửi bên Ngân hàng Trung ương Mỹ ông có lấy không? Tài sản của người ta thì lấy mà cái người ta thiếu nợ thì ông không chịu trả là sao? Tài sản của Hà Nội bị Mỹ tịch thu không có là bao. Bác Thành đề nghị với Chính phủ Việt Nam nên giải quyết cho xong, họ đề nghị thế nào thì mình nên chấp nhận. Bác cũng nói với bên Mỹ rằng, phía Mỹ có đòi thì Việt Nam cũng không có để trả đâu, xây dựng nền ngoại giao quan trọng hơn chuyện tranh cãi số tiền đó. Phía Mỹ nói, chúng tôi không thể ra Quốc hội Mỹ nói các ông không nhận được, các ông cứ nhận đi, chúng tôi không đòi đâu, chúng tôi sẽ để số tiền đó lại để tài trợ phát triển văn hóa của Việt Nam, ví dụ đưa những người Việt Nam qua Mỹ du học...”

Thời gian này khi trở về Việt Nam, Bùi Kiến Thành được sắp xếp gặp Thủ tướng Võ Văn Kiệt. Hai người ngồi trò chuyện ở căn nhà gần cổng vào vườn cây Phủ Chủ tịch phía đường Hoàng Hoa Thám.

“Có lúc thì có thêm một hai anh ngồi nghe, chẳng hạn Nguyễn Ngọc Trân, Trưởng Ban Việt kiều Trung ương⁽¹⁾; Vũ Đức Đam, rất trẻ, thư kí cho ông Kiệt khi ấy; hay là anh Nguyễn Thiệu, thành viên Ban Tiền tệ... Ông Kiệt nói, mình đang gặp khó khăn vì một công ty Mỹ tên là Crestone kí hợp đồng với Chính phủ Trung Quốc để khai thác các lô dầu

khí 133, 134 và 135 trên hải phận biển Đông Việt Nam. Cùng một lúc Việt Nam phải đương đầu với hai cường quốc. Mình nói, Việt Nam không dùng quân lực được thì phải dùng luật pháp. Ông Kiệt bảo bác Thành qua Bộ Ngoại giao xin cuốn *Sách Trắng*⁽²⁾ do Lê Văn Lưu viết, nghiên cứu chủ quyền Việt Nam trên thềm lục địa. Nhưng đây chỉ là tài liệu do Việt Nam nghiên cứu, chứ không đủ cơ sở luật pháp quốc tế để đem ra nói chuyện. Mình cũng muốn đưa ra tòa án quốc tế để xử Trung Quốc và Mĩ vi phạm lãnh thổ nhưng nếu muốn đưa ra tòa án quốc tế thì cần có cả sự chấp nhận của bên bị, nên không đưa ra được tòa án quốc tế. Bác Thành mới nói với ông Kiệt, tại sao mình không tương kế tựu kế, thuê một công ty luật hàng đầu của Mĩ nghiên cứu cơ sở pháp lí cho mình?”

“Chúng ta làm được việc ấy khi vẫn đang bị Mĩ cấm vận sao?”

“Trong trường hợp này, ông Kiệt xử lý rất khéo léo. Ông nói anh Nguyễn Xuân Phong viết một tài liệu về lập trường của Chính phủ Việt Nam đối với vấn đề tìm người Mĩ mất tích, để bác Thành mang sang gặp Bộ Ngoại giao Mĩ. Việt Nam sẵn sàng hỗ trợ tối đa cho Chính phủ Mĩ tìm người Mĩ mất tích trên tinh thần nhân đạo, không phải chính trị, cũng không phải là sự nhượng bộ. Bác Thành nói: ‘Đây là tài liệu chính thức của Bộ Ngoại giao Việt Nam nhưng vì chưa có quan hệ ngoại giao để chuyển cho các anh nên họ nhờ tôi chuyển.’ Đó là sự giới thiệu bác Thành với Chính phủ Mĩ rằng mình làm việc có sự ủy quyền thật sự. Sau khi họ cảm ơn bác Thành mới nhân tiện trình bày vấn đề Chính phủ Việt Nam muốn giải quyết xung đột biển Đông trên cơ sở luật pháp quốc tế.

Họ ngạc nhiên lắm, trợn mắt không tin vào tai mình: ‘Ông nói gì? Nói lại được không?’ Mình nói lại rồi họ bảo: ‘Thú vị! Lần đầu tiên tôi nghe thấy Chính phủ Hà Nội muốn giải quyết xung đột, tranh chấp trên cơ sở luật pháp quốc tế.’ Bác Thành nói: ‘Nhưng chúng tôi cần nghiên cứu nghiêm túc cơ sở pháp lí về chủ quyền của mình trên thềm lục địa biển Đông và hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa. Để làm việc này, Chính phủ Việt Nam muốn kí hợp đồng thuê một công ty luật của Mĩ, nhưng Việt Nam đang bị Mĩ cấm vận nên không làm được.’ Vấn đề ở chỗ, để Việt Nam thuê được công ty luật của Mĩ thì Mĩ phải giải tỏa một phần cấm vận. Bộ Ngoại giao Mĩ tỏ ý ủng hộ, nhưng cái đó Bộ Ngoại giao không được quyết mà phải hỏi ý kiến Tổng thống. Bộ Ngoại giao Mĩ đánh giá cao một số việc Việt Nam đã giúp như mời Hun Sen ngồi vào bàn họp hay tìm kiếm người Mĩ mất tích, nên họ làm tờ trình qua bên Nhà Trắng, không lâu sau họ cho biết Tổng thống đồng ý.” Tiếp đó, Bùi Kiến Thành đề nghị Bộ Ngoại giao Mĩ giới thiệu một văn phòng luật sư để giúp Việt Nam thì Bộ Ngoại Giao Mĩ trả lời rằng họ không được phép chỉ định đích danh một văn phòng luật sư nào vì như vậy không công bằng đối với các văn phòng khác. Ông bèn đề nghị họ giới thiệu cho một số văn phòng luật hàng đầu của Mĩ. Bộ Ngoại giao Mĩ cung cấp cho phía Việt Nam một danh sách các công ty Luật bao gồm:

Baker and McKenzie

Sullivan & Cromwell

Covington & Burling

Morgan, Lewis & Bockius

Steptoe & Johnson

Whitman & Ransom

Kaplan

Russin & Vecchi

Từ danh sách này, Bùi Kiến Thành chọn ra ba công ty mời sang Việt Nam phỏng vấn. Phụ trách phỏng vấn là Hà Huy Thông, người của Cục Lãnh sự, Bộ Ngoại giao. Công ty được kí hợp đồng là Covington & Burling. Chính công ty này đã xin nói lỏng cấm vận cho Việt Nam, và vấn đề này được các bên thỏa thuận trước. Việt Nam cử hai chuyên gia Ban Biên giới Chính phủ là Vụ phó Trần Công Trục và luật sư Huỳnh Minh Chính qua Mỹ phối hợp nghiên cứu, tham khảo, tập hợp thông tin.

Năm 1992, con trai út của Bùi Kiến Thành là Bùi Kiến Thái cũng về nước, tham gia giúp bố trong một số công việc.

Tôi đề nghị Bùi Kiến Thành nói thêm về việc tìm người Mỹ mất tích.

“Ngay lần đầu về Hà Nội, theo đề nghị của Bộ Ngoại giao Mỹ, bác Thành đã tới gặp phái bộ tìm người Mỹ mất tích xem giúp họ như thế nào. Trưởng đoàn của phái bộ là Đại tá Donovan. Trong cuộc họp còn có Đại tá Robert De State, người của Trung ương Tình báo Bộ Quốc phòng Mỹ (Defense Intelligence Agency - DIA), từng làm việc trong Nam và rất thạo tiếng Việt. Anh nói: ‘Chúng tôi biết rằng trong Bảo tàng Quân đội Việt Nam có hàng nghìn tài liệu người ta ghi chép đầy đủ về những người Mỹ bị bắt và máy bay bị rơi. Nếu có được những tài liệu đó thì chúng tôi sẽ biết được tọa độ chỗ nào chỗ nào, máy bay rơi ở đâu... Có tài liệu thì sẽ tìm được người mất ở xung quanh chỗ đó. Nhưng chúng tôi không được truy nhập. Các anh có cách nào giúp được không?’

Hồ sơ về người Mỹ mất tích tại Việt Nam là tài liệu tối mật được cất trong Bảo tàng Quân đội, không phải ai cũng có quyền lấy ra xem. Cần nhắc mãi rồi cuối cùng người ta cũng có được sáng kiến. Cách xử lí là Bộ Quốc phòng Việt Nam thuê một anh phóng viên Mỹ viết lịch sử chiến tranh và quân đội Việt Nam qua các thời kì. Anh đó nhận nhiệm vụ của Quân đội Việt Nam nên trở thành người của Chính phủ Việt Nam, của quân đội Việt Nam, có thể truy xuất các tài liệu cần thiết. Anh xem rồi báo cáo lại cho Chính phủ Việt Nam biết rằng có tìm được những tài liệu có ích cho việc Chính phủ Việt Nam giúp Chính phủ Mỹ có thông tin tìm người Mỹ mất tích trên quan điểm nhân đạo như đã bày tỏ.

Trung tâm tìm kiếm người Mỹ mất tích xin phép scan hơn 4.000 tài liệu dưới sự giám sát của Việt Nam. Văn phòng Trung tâm nằm ở khu Quân Ngựa bây giờ. Một hôm, Donovan mời bác Thành tới văn phòng, các cơ quan bên Mỹ đang nóng ruột như ngồi trên đống lửa, cứ điện qua điện lại. Đó là thời điểm lịch sử để Mỹ xác nhận giải tỏa một phần cấm vận cho Việt Nam. Tổng thống Bush đang họp bên Hawaii. Bác Thành ngồi đó nghe cuộc

đàm thoại giữa đại tá Donovan và trợ lý của Tổng thống Bush. ‘Thế nào? Anh chắc chắn có tất cả những tài liệu đó ở trong hộp chưa?’ ‘Chúng tôi đã có đủ.’ ‘Anh chắc chắn không? Anh chịu trách nhiệm đó nha!’ ‘Vâng, thưa ngài.’ Bên này, Donovan xác nhận tài liệu đã được chuyển thì lập tức Bush đồng ý giải tỏa một phần cấm vận cho Việt Nam. Tiếp đó là tính cách làm sao đưa những tài liệu mật đã scan qua hải quan sân bay về Mỹ. Bác Thành điện cho anh Nguyễn Xuân Phong của Bộ Ngoại giao. Anh Lê Mai, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao mới xin ý kiến ông Võ Văn Kiệt. Cuối cùng họ dàn xếp anh Nguyễn Xuân Phong - Vụ phó Vụ Mỹ châu, người đặc trách theo dõi chương trình tìm kiếm người Mỹ mất tích tại Việt Nam, cùng đi với sĩ quan Mỹ, hộ tống tài liệu ra sân bay, tới tận máy bay quân sự Mỹ để chuyển về Mỹ. Sau đó, việc tìm kiếm người Mỹ mất tích tiến triển rất nhanh. Qua đó, Mỹ thấy được thiện chí của Việt Nam. Những tài liệu được scan đặt trong chiếc hộp đó đã tháo gỡ được nhiều vấn đề hệ trọng, trong đó có Hợp đồng nguyên tắc với AIG ở Đình Vũ mà bác sẽ kể cho các cháu nghe sau.”

Việc nói lỏng cấm vận cho phép các công ty Mỹ được quyền kí hợp đồng nguyên tắc với Việt Nam, nhưng phải đợi đến sau khi giải tỏa cấm vận hoàn toàn mới được thực hiện.

Ngày 11/6/1993, Bùi Kiến Thành nhờ Đại sứ Việt Nam tại Pháp là Trịnh Ngọc Thái chuyển cho Thủ tướng Võ Văn Kiệt lá thư với tiêu đề *Dầu khí và vấn đề quan hệ với Hoa Kỳ* nhân chuyến viếng thăm Pháp của Võ Văn Kiệt, trong đó có đoạn:

“Vào cuối tháng 11 đầu tháng 12 năm 1992, tôi có tổ chức đưa một phái đoàn luật sư Mỹ về làm việc với Bộ Ngoại giao để nghiên cứu giải quyết vấn đề tài sản cấm vận, giải tỏa những tài khoản của Việt Nam bị Mỹ phong tỏa, bảo vệ biên giới biển trên thềm lục địa. Đồng thời nghiên cứu một loạt các chương trình kinh tế lớn, hạ tầng cơ sở, và nhất là dầu khí.

Ngày 14/12/1992, Tổng thống Bush ban hành quyết định nói rộng lệnh cấm vận, cho phép các công ty Mỹ kí hợp đồng với Việt Nam. Người phát ngôn của Nhà Trắng cho biết bước đầu này sẽ dẫn đến nhiều bước khác nhau nữa khi Tổng thống Bush rời chức vụ, và chờ đợi phản ứng tích cực bên phía Việt Nam.

Ngày 24/12/1992, Việt Nam kí tắt cho công ty Úc BHP trúng thầu khu Đại Hùng.

Phía Mỹ đánh giá việc này như một tín hiệu tiêu cực. Đáng lí ra Tổng thống Bush còn đi thêm nhiều bước nữa nhưng cánh cửa Tổng thống Bush vừa hé mở dường như đã bị Việt Nam vô tình đóng sầm lại.

Vấn đề dầu khí có một tiềm năng chiến lược lớn trong chính sách ngoại giao và quốc phòng của Mỹ. Việc Hoa Kỳ gửi quân đánh giặc Vịnh không chỉ vì tự do, dân chủ, nhân quyền mà vì nguồn dầu khí của Trung Đông. Bề ngoài Hoa Kỳ tỏ ra thờ ơ đối với khả năng dầu khí Việt Nam, là để trấn an Trung Quốc, nhưng kì thật Mỹ đánh giá rất cao nguồn dầu khí có tính chất chiến lược trên thềm lục địa Việt Nam. Trong cuộc tranh chấp kinh tế toàn cầu hiện nay, vấn đề nguyên liệu chiến lược là then chốt. Chiến tranh Nhật - Mỹ trong Đệ nhị thế chiến cũng khởi sự bằng vấn đề nguyên liệu cho kĩ nghệ Nhật.

Cũng vì lẽ đó cho nên Mỹ đã ngấm ngấm cho phép Covington & Burling, văn phòng luật sư đầu ngành về luật biên giới biển sang làm việc với Bộ Ngoại giao Việt Nam để củng cố lập trường pháp lý của Việt Nam trong cuộc tranh chấp với Trung Quốc. Trong hành động này Mỹ đã kín đáo báo hiệu cho Việt Nam là Mỹ đã đi bước đầu để giúp cho Việt Nam trong việc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ trên thềm lục địa, một bước rất quan trọng về chiến lược của Mỹ trong khu vực.

Trong khi Mỹ cộng tác bảo vệ cho cả thềm lục địa của Việt Nam, Mỹ rất ngạc nhiên trước phản ứng của Việt Nam xem nhẹ bước giải tỏa tình phần cấm vận ngày 14 tháng 12 năm 1992 và kí hợp đồng cho công ty Úc BHP được trúng thầu khai thác khu mỏ Đại Hùng.

Cơ chế Hợp chủng quốc Hoa Kỳ buộc chính quyền Mỹ có bốn phận bảo vệ quyền lợi của các công ty xí nghiệp và công dân Mỹ trên mọi địa bàn, nếu Việt Nam khéo tổ chức quan hệ kinh tế với Mỹ, nhất là về dầu khí, chính phủ Mỹ sẽ có căn cứ pháp lý để hỗ trợ cho Việt Nam bảo vệ chủ quyền lãnh thổ.”

Bộ Ngoại giao Việt Nam cũng cho biết phía Việt Nam gặp nhiều khó khăn trong việc đối thoại với phía Mỹ.

“Mấy anh bên Bộ Ngoại giao hỏi mình là tại sao phía Mỹ khó thế, cứ tới nói chuyện lưng chừng rồi bỏ về không nói chuyện nữa, không có cách nào cả. Bác Thành mới đem vấn đề đó hỏi Bộ Ngoại giao Mỹ, thì bên đó mới nói, anh về nhắn giùm Chính phủ Việt Nam rằng tại sao khi ra Liên Hợp Quốc bất kì vấn đề gì liên quan đến Palestine và Israel thì Việt Nam cũng đều bỏ phiếu cho Palestine và chống Israel. Chúng tôi biết rằng ông thân thiện với Palestine, họ ủng hộ ông trong thời kì kháng chiến nhưng bây giờ thời kì đó qua rồi, muốn mở quan hệ với Mỹ thì các ông phải xem có chìa khóa nào mà mở nó.

Vì Mỹ có 5% dân số là người Do Thái nhưng 5% dân số đó lại nắm trong tay 90% tài chính, 90% các cơ quan truyền thông lớn. Không một ông tổng thống Mỹ nào có thể đắc cử nếu cộng đồng Do Thái quyết liệt chống đối. Không bỏ phiếu cho Israel tức là kẻ thù của Do Thái. Cộng đồng Do Thái chưa bật đèn xanh thì Chính phủ Mỹ không được làm. Nếu anh không ủng hộ tôi thì ít nhất anh cũng không được chống tôi. Trong trường hợp nào đó thì không bỏ phiếu, trong trường hợp nào đó thì bỏ phiếu trắng chứ Việt Nam đâu bắt buộc bỏ phiếu chống Israel. Ngay lập tức, bác Thành đề nghị Chính phủ Việt Nam thay đổi cách ứng xử với Israel, Bộ Ngoại giao trình bày và được Bộ Chính trị phê duyệt.”

Ngày 12/7/1993, Việt Nam và Israel thiết lập quan hệ ngoại giao.

Trong thời kì cấm vận, bất kì sản phẩm nào có bằng sáng chế của Mỹ thì Mỹ đều không cho phép bán cho Việt Nam. Ví dụ có đợt Đại tá Lê Đông Hải, con Đại tướng Lê Trọng Tấn nhờ bác Thành qua Mỹ hỏi công ty Bell mua một số bộ phận máy bay lên thẳng và những trang thiết bị có thể hợp nhất truyền tin giữa lực lượng xe tăng quân đội nhân dân và lực lượng xe tăng Mỹ để lại Sài Gòn vì hai hệ khác nhau. Công ty Bell không bán được vì lệnh cấm vận, nhưng lại chỉ mình qua bên Israel. Cuối cùng mình mời một đoàn chuyên gia

Israel qua giúp. Mỗi lần Việt Nam hỏi cái gì mà Israel giúp được là sang giúp ngay. Israel rất thiện cảm với Việt Nam, đất nước nhỏ mà đánh đông dẹp bắc, họ rất cảm phục. Thậm chí ông Đại tướng, Tổng tham mưu trưởng Moshe Dayan đã viết nhiều bài về chiến thuật, chiến lược ‘chiến tranh nhân dân’, ‘quân đội nhân dân’ của Việt Nam. Israel cũng áp dụng chiến tranh nhân dân mới thắng được Ả Rập, đi cày mà mang súng trên vai. Sau đó, quan hệ giữa Israel với Việt Nam rất chặt chẽ.”

Mỗi mục tiêu đều có những con đường mà chúng ta cần tìm cách mở. Bình thường hóa quan hệ Việt - Mỹ là một hành trình gian nan, có ý nghĩa quan trọng tới sự phát triển kinh tế Việt Nam ngày hôm nay, nhưng có lẽ rất ít người Việt Nam biết được câu chuyện của những năm tháng ấy.

Đình Vũ và câu chuyện thêm lục địa

“**M**ột hôm, trong vườn Bách Thảo, ông Võ Văn Kiệt đem bản đồ Á Đông ra nói chuyện. ASEAN thì hướng về phía nam còn sát nách mình là Trung Quốc với thị trường một tỉ dân. Việt Nam mình như thế này đây, bên này là Vân Nam, bên này là Quảng Đông, Quảng Tây, từ Vân Nam nghĩa là tây nam Trung Quốc qua đông nam Trung Quốc cộng với Việt Nam là vùng kinh tế chung hơn 300 triệu dân, lớn hơn cả thị trường chung châu Âu. Mặt khác, con đường ra biển từ Vân Nam qua Lào Cai đến Hải Phòng là ngắn nhất so với con đường “Vạn non” từ Vân Nam xuyên qua đến Quảng Đông. Có cách nào mình vừa phát triển thị trường chung đó, vừa dẫn khỏi Trung Quốc, bảo vệ được chủ quyền? Ông Kiệt nói muốn bác Thành kiếm một tập đoàn Mĩ nào thật lớn qua cấm cò Mĩ ở Hải Phòng để Trung Quốc phải nể.”

Ngày 14/12/1993, phòng Quan hệ Kinh tế đối ngoại của Hải Phòng được sự ủy quyền của Ủy ban Nhân dân Hải Phòng đã tổ chức buổi thảo luận với Bùi Kiến Thành và Bùi Kiến Thái về những khả năng hợp tác trong đầu tư kinh doanh và phát triển thành phố Hải Phòng, sau đó đưa ra những thỏa thuận cơ bản:

1. Ông Bùi Kiến Thành sẽ tìm kiếm các nhà đầu tư và ngân hàng để thực hiện những nghiên cứu cần thiết về chương trình đầu tư và tài trợ cũng như các dự án phát triển, đặc biệt là cho các dự án về cơ sở hạ tầng: 200 km² đảo Cát Bà để làm du lịch và thương mại tự do; phát triển cơ sở hạ tầng ở 1.200 hécta Khu Chế xuất Đình Vũ, bao gồm cả cảng biển nước sâu và nơi tập kết container; phát triển các dự án ở Khu Chế xuất Hải Phòng như nhà máy điện, nước...; những dự án khác như cầu Bính, Tiên Cừu và Quý Cao, sân bay Cát Bi, đường tàu hai chiều Hải Phòng - Hà Nội - Lào Cai.
2. Ông Bùi Kiến Thành sẽ tìm các nhà đầu tư và ngân hàng để lập quỹ đầu tư sẽ được văn phòng Quan hệ Kinh tế Đối ngoại đồng quản lý nhằm đầu tư sâu vào các nhà máy, xí nghiệp sản xuất đang hoạt động ở Hải Phòng.
3. Ông Bùi Kiến Thành sẽ đề nghị các nhà tư vấn và kiểm toán nước ngoài giúp Hải Phòng phân tích và quản lý các dự án đầu tư nước ngoài ở Hải Phòng.
4. Sở Quan hệ Kinh tế đối ngoại của Hải Phòng sẽ đề nghị Ủy ban Nhân dân Hải Phòng chỉ định ông Bùi Kiến Thành là cố vấn cho ủy ban để giúp thu hút các nhà đầu tư nước ngoài và phân tích các dự án đầu tư nước ngoài ở Hải Phòng.

Trùng thời gian đó, tập đoàn bảo hiểm AIG đang thăm dò việc trở lại thị trường Việt Nam. Thông qua Marius Belle, người trước đây làm Phó Giám đốc AIU Far East có trụ sở tại Hong Kong, từng qua giúp cho Bùi Kiến Thành ở Sài Gòn, biết ông về Việt Nam thì AIG muốn mời ông làm cố vấn thường trú cao cấp (Senior Resident Advisor). Họ mời ông qua New York để bàn về việc xin giấy phép hoạt động cho AIG tại Hà Nội. Sau này, Bùi Kiến

Thành có đề xuất AIG tư vấn và đào tạo giúp Việt Nam thành lập Công ty Tái bảo hiểm Việt Nam (Vietnam Reinsurance Company). Năm 1992, AIG mở ra Quỹ Phát triển Cơ sở hạ tầng châu Á (Asia Infrastructure Fund), mục tiêu ban đầu là gây quỹ 500 triệu đô la, nhưng vừa mở ra đã được đăng kí gấp bốn lần.

Bùi Kiến Thành đem tài liệu kế hoạch phát triển khu công nghiệp Đình Vũ qua Mỹ trình bày với Chủ tịch AIG là Maurice R. Greenberg.

Bác Thành trình bày chưa đầy 15 phút Greenberg đã gật gù đồng ý sẽ làm. Khu Đình Vũ bao gồm cả bán đảo 1.000 hécta bên bờ biển là khu kinh tế chiến lược, có phần quân đội đóng trên đấy. Miền Bắc chưa có khu công nghiệp nào, nên nếu Mỹ đến làm khu công nghiệp thì vị thế miền Bắc cũng được nâng tầm lên rất nhiều.”

Nhận tin báo về, Võ Văn Kiệt rất mừng, lãnh đạo Hải Phòng nhận chỉ thị cũng hồ hởi. AIG gửi một đoàn từ Mỹ, một đoàn từ Thái Lan sang Việt Nam. Họ thuê một máy bay trực thăng của quân đội đưa cả phái đoàn từ Hà Nội xuống Hải Phòng họp với Chủ tịch, Bí thư thành phố. Trong lúc phái đoàn đi tham quan đảo Cát Bà thì Bùi Kiến Thái giúp Sở Kinh tế đối ngoại soạn một Biên bản ghi nhớ hợp tác. Ba giờ chiều, MOU⁽¹⁾ được kí tại Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng. Trực thăng đưa phái đoàn quay về Hà Nội. Mọi việc diễn ra chỉ trong vòng một ngày.

Bùi Kiến Thái kể lại:

“Họ quên mất là phải có một luật sư. Phái đoàn AIG toàn lãnh đạo cao cấp, kí mà không qua bộ phận luật là bị đuổi ngay. Lẽch nhau là bên Hải Phòng thì muốn kí MOU ngay để báo cáo Thủ tướng, còn đối tác nước ngoài coi đó là miếng mồi béo bở nên muốn té nhị, không ép Việt Nam. Không có luật sư, tôi được giao viết biên bản hợp tác đó. Ông Thành nói với Kun Visit, hiện nay đang quản lí lương hưu trí của Thái Lan, rằng: ‘Kun, cậu sẽ là hoàng tử của AIG’, cậu ta nói: ‘Ôi ôi ông ơi, kí cái này mà có vấn đề thì tôi sẽ là công chúa’. Trong lúc mấy ông đi Cát Bà thì mình về Nhà khách Chính phủ soạn. Mình viết bằng tiếng Anh, không nhớ có tiếng Việt không, khi đó mình nói tiếng Việt còn không sôi. Mình chỉ viết có hai đoạn không quá cụ thể để hai bên cùng kí được.” Đó là năm 1993.



Bùi Kiến Thành (ngoài cùng bên trái) và phái đoàn AIG làm việc tại Đình Vũ năm 1993

AIG là tập đoàn tài chính bảo hiểm lớn nhất của Mỹ và cũng do Do Thái quản trị. AIG kí hợp đồng tại Việt Nam đồng nghĩa với việc Chính phủ Mỹ và cộng đồng Do Thái bật đèn xanh cho các tập đoàn kinh tế khác trên thế giới vào Việt Nam. Tới lúc đó, một số tập đoàn của Nhật, Đài Loan mới dám vào. Biển Hải Phòng là nơi Mỹ phong tỏa bằng hàng ngàn trái mìn để cấm vận Việt Nam. Sau khi đạt thỏa thuận với AIG, Mỹ đưa tàu rà mìn vào thu nhặt hết số mìn đó ở Hải Phòng và các khu khác, mất hàng năm trời. Việc AIG đầu tư Khu Công nghiệp Đình Vũ mang ý nghĩa then chốt trong tiến trình bình thường hóa quan hệ Việt - Mỹ.

“Hồi đó 500, 600 triệu đô la là nhiều lắm, Đình Vũ thành khu công nghiệp lớn nhất Việt Nam. Mình mới chỉ được quyền kí hợp đồng nguyên tắc thôi, chờ tới khi có quan hệ ngoại giao mới thực hiện... Muốn làm Khu Công nghiệp Đình Vũ, mình phải nạo vét một luồng dẫn đến vùng nước sâu để tàu lớn vào chứ cảng Hải Phòng tàu chừng 10 nghìn tấn là không vào được. Vương quốc Bỉ hợp tác với AIG, Thái Lan đứng ra nạo vét một luồng ngoài

biển đến vùng nước sâu, tạo mối quan hệ ngoại giao kinh tế với Việt Nam. Nhân cơ hội này, AIG mời hai đối tác kia cùng vào đầu tư. Thiết kế quy hoạch cực kì tốt, được nghiên cứu kĩ lưỡng. Những đơn vị Việt Nam như Caltex, Petrovietnam cần dùng kĩ thuật phát triển công nghiệp gì lớn cũng tới đây thuê lại để dùng... Đình Vũ đến giờ trải qua bao nhiêu khó khăn vẫn kiên trì làm tốt. Có thể nói, để sau này chúng ta có nhiều khu công nghiệp nước ngoài bài bản tại Việt Nam thì Khu Công nghiệp Đình Vũ mang một ý nghĩa chiến lược.”

Bác Thành chuẩn bị vào Nam một thời gian tương đối dài. Tối hôm đó, cả nhóm cố gắng “đóng gói” vấn đề nhưng càng nói thì càng được dẫn dắt đi xa hơn, rốt cục câu chuyện vẫn dang dở. Bác Thành bay vào buổi trưa hôm sau. Sáng sớm, trời xầm xì u ám, nhưng không mưa, cả nhóm phóng xe máy từ sáu rưỡi, gặp bác ở sân bay cùng ăn sáng, trò chuyện khoảng từ tám giờ đến 10 giờ.

Bác tiếp tục nói về cơ duyên dẫn tới việc triển khai thành công dự án Khu Công nghiệp Đình Vũ:

“Ông Võ Văn Kiệt giỏi lắm. Ông rất am hiểu vấn đề quốc phòng và kinh tế. Chính ông đã nhờ mình móc nối với AIG đây chứ. Một là mình đi ra đi vào Bộ Ngoại giao Mỹ, bên cạnh đó mình lại là cố vấn cao cấp thường trú của AIG. Cuộc đời có những điều thật thú vị. Nếu ngày trước hơn 20 tuổi bác không bỏ Ngân hàng Quốc gia mà ra làm dân doanh... Đại diện Ngân hàng Quốc gia Việt Nam ở New York đây, có một chứ đâu có hai. Nếu không làm bảo hiểm lúc đó thì làm gì những năm 90 mình có thể móc nối được cho Mỹ vào Việt Nam. Mình thấy lạ lùng lắm, cuộc đời dường như đã sắp xếp như thế từ 30, 40 năm trước đó.”

Sau thời gian đi đi về về, đến khoảng cuối năm 1993, Bùi Kiến Thành định cư hẳn tại Việt Nam. Thời điểm ấy và kể cả trước đó, Việt Nam đã chịu mối đe dọa của Trung Quốc trên thêm lục địa. Tháng 5 năm 1994, *The Wall Street Journal* và công ty sở hữu nhật báo này là Dow Jones & Company mời Phó Thủ tướng Trần Đức Lương cùng một phái đoàn gồm nhiều bộ trưởng, thứ trưởng sang Mỹ tham gia diễn đàn về phát triển cơ sở hạ tầng Việt Nam. Đây là lần đầu tiên một phó thủ tướng Việt Nam sang thăm và làm việc tại Mỹ kể từ lúc bắt đầu cầm vận. Lãnh đạo Việt Nam đề nghị Bùi Kiến Thành đi cùng, để hướng dẫn đoàn làm quen cách làm việc của Mỹ, cái gì nên làm, cái gì không nên và tranh thủ trình bày mong muốn đăng cai tổ chức một diễn đàn quốc tế về chủ quyền trên thêm lục địa, mời các nước trong khu vực cũng như các cường quốc tham gia để đưa vấn đề tranh chấp trên biển Đông ra dư luận quốc tế.

“Trước khi đi, Thủ tướng gọi bác Thành vào hỏi ý kiến. Bác Thành xem danh sách phái đoàn thấy không có đại diện nào của Bộ Tài chính. Vì mình qua Mỹ bàn về kinh tế tài chính nên phải đề xuất Chính phủ bổ sung ngay. Tuần cuối cùng, một anh Thứ trưởng Bộ Tài chính phải thay đổi lịch công tác để sang Mỹ. Khâu tổ chức của đoàn Việt Nam hơi kém, cứ đi mà không hề lên kế hoạch gì. Phái đoàn được ở khách sạn sang nhất New York là Waldorf Astoria. Bác Thành cũng sắp xếp cho phái đoàn Trần Đức Lương tiếp xúc với hai tập đoàn đầu tư lớn nhất nước Mỹ thời điểm đó là Morgan Stanley và Goldman Sachs. AIG mời cơm trưa ở trụ sở quốc tế của họ.”

“Còn về diễn đàn quốc tế, bác xử lí ra sao ạ?” Tôi khuấy đều ly nước chanh rồi nhấp một ngụm.

“Bác Thành cùng với Thomas Johnson bên văn phòng Luật sư Covington & Burling tới Bộ Ngoại giao Mỹ ở Washington nói chuyện với anh Andy Rothman, phụ trách Phòng Việt Nam (Vietnam Desk). Rothman rất thông hiểu vấn đề, nghe xong bèn bảo ngay: ‘Các anh không nên lập ra diễn đàn đó làm gì, các anh nói được gì ở đó? Chưa có quan hệ với Mỹ, các anh có đứng ra mời thì cũng không ai đến.’ Rothman khuyên Việt Nam nên gia nhập một diễn đàn chuẩn bị mở, là Diễn đàn Khu vực ASEAN⁽²⁾ (ASEAN Regional Forum - ARF) trong đó có Mỹ, Nga, Trung Quốc, Canada, Australia, Hàn Quốc, New Zealand, Indonesia, Singapore, Brunei, Philippines, Thái Lan, Lào, Papua New Guinea, Liên minh châu Âu... Quốc gia nào muốn tham gia đều cần có sự giới thiệu. Việt Nam chưa được ai giới thiệu, mà có được giới thiệu thì chưa chắc đã được chấp nhận. Không phải ngẫu nhiên họ khuyên mình vậy đâu. Bên đó đã nghiên cứu vấn đề này trước rồi chứ không phải không. 50% hàng hóa trên thế giới chạy qua biển Đông, bao nhiêu thuyền bè của Mỹ chạy lên chạy xuống khu vực đó. Người ta cũng có ý định kéo anh Việt Nam vào nhưng chưa có cái móc nào. Họ nói bác Thành truyền đạt lại với Chính phủ Việt Nam rằng Chính phủ Mỹ sẽ ủng hộ Việt Nam gia nhập diễn đàn này, nhưng Mỹ không đứng ra tuyên bố công khai vì chưa có quan hệ ngoại giao. Chính phủ Việt Nam hãy nhờ Chính phủ Indonesia của Tổng thống Suharto, là nước lớn nhất Đông Nam Á, giới thiệu, đưa ra bàn vào kì họp tới. Chính phủ Mỹ sẽ có thông điệp riêng cho tất cả mọi người rằng không phản đối. Khi đã vào diễn đàn thì Việt Nam có thể đưa vấn đề của mình ra.”

Tối đó, tại khách sạn Washington, Bùi Kiến Thành viết tay báo cáo trên hai trang giấy nhờ Trần Đức Lương chuyển về cho Võ Văn Kiệt thì chính phủ không ai tin nổi. Chuyện tày trời mà Bùi Kiến Thành qua nói chuyện với Bộ Ngoại Giao Mỹ một lần là giải quyết xong vấn đề. Chính phủ vui mừng khôn xiết. Đó là một thành công chưa từng có về ngoại giao.

“Sau này, nhân một dịp Tết, bác Thành tới thăm Chủ tịch nước, ông Trần Đức Lương ra cầm tay dắt đi nói chuyện như hai người bạn tri âm. Hồi đó ông Kiệt xử lí nhanh gọn, đúng cách nên chẳng bao lâu Việt Nam cũng vào được ARF, nhưng từ đó đến nay lại không tận dụng, khai thác được hết tiềm năng của diễn đàn này trong khi đã được Mỹ dọn đường sẵn. Vấn đề an ninh lãnh thổ của mình về sau không đưa ra diễn đàn lớn của các đại cường quốc để bàn, chỉ bàn đi bàn lại lòng vòng trong mấy nước ASEAN này...”

“Tại sao Thủ tướng Võ Văn Kiệt lại không làm triệt để?”

“Võ Văn Kiệt cũng muốn làm triệt để, nhưng ông có cái khó của mình. Trong Bộ Chính trị không chỉ có mình ông quyết. Nghìn năm lịch sử Việt Nam luôn là chư hầu của thiên triều Trung Quốc, xây dựng mối quan hệ ngoại giao rất khôn khéo, mềm dẻo. Trần Hưng Đạo tuy chiến thắng lẫy lừng nhưng vẫn cầu hòa nhà Nguyên, Lê Lợi thắng rồi cũng cầu hòa nhà Minh. Quang Trung đánh tan giặc Thanh rồi cũng cầu hòa Càn Long. Càn Long đòi vua nước Nam sang châu tận thiên triều, Quang Trung chấp nhận nhưng cử người đóng thế đi thay. Càn Long thừa biết, nhưng vẫn không sao, vì cả hai đều đã đạt được mục đích.

Đó là tài ngoại giao khôn khéo của cha ông bên cạnh một nước lớn. Nhưng sang thời hiện đại, Việt Nam làm được ít. Vì thế mới có chiến tranh biên giới năm 1979. Nói chuyện quan hệ song phương Việt - Trung là Việt Nam luôn bị lép vế. Trung Quốc không muốn mình có quan hệ đa phương, quốc tế hóa vấn đề biển Đông. Trung Quốc tuyên bố trên tất cả mọi diễn đàn, biển Đông là biển riêng của mình, đường lưỡi bò của mình, không muốn ai xâm phạm hết.”

Bùi Kiến Thành tỏ vẻ trầm ngâm tiếc nuối. Rồi chúng tôi trở lại câu chuyện công ty luật Covington & Burling nghiên cứu pháp lý về chủ quyền thềm lục địa Việt Nam trên biển đông đến giữa năm 1995 mới xong. Cùng năm đó, Việt Nam đạt được bình thường hóa quan hệ với Mỹ.

“Họ đăng tải bản nghiên cứu lên International Law Gazette, như là một công báo quốc tế về vấn đề luật biển, không phải luật của một nước nào nhưng cả thế giới nhìn nhận và không ai phản đối. Trung Quốc khi đó mới ngã ngựa. Đáng lẽ họ có quyền làm phải không? Họ cũng đi thuê một anh luật sư để làm, tiền họ thiếu gì. Nhưng mà họ không làm, họ dờ hơn mình cái chỗ đó. Nhưng Trung Quốc đã kí hợp đồng với công ty Mĩ Crestone thăm dò khai thác rồi thì phải vận động như thế nào để dừng khai thác. Chính phủ Mĩ âm thầm khuyên công ty dầu khí Crestone rằng đây là việc tranh chấp nên có nhiều rủi ro, cuối cùng chính công ty Mĩ kia không triển khai hợp đồng đó. Thế cũng chưa đủ, công ty luật mà mình thuê cũng rất thông hiểu thông lệ hoạt động dầu khí quốc tế, nhìn bản đồ Việt Nam khai thác dầu khí họ thấy bao nhiêu lô mình khai thác đều dồn về một phía, còn phía bên kia không động tới gì. Họ nói, nếu các ông cứ tiếp tục khai thác kiểu thế này, không qua khỏi đường biên này thì coi như ông chấp nhận rằng phía bên kia không thuộc về lãnh thổ của ông.”

“Chúng ta có biện pháp gì ạ?”

“Bác Thành đề xuất với ông Võ Văn Kiệt, rồi ông Hồ Sĩ Thoảng - Tổng Giám đốc Công ty Dầu khí Việt Nam, tìm một công ty Mĩ kí hợp đồng khai thác ở phía xa đất liền. Lan man một chút, chính anh Thoảng là người giới thiệu bà Cầm ra làm trợ lí cho ông Kiệt đó. Những công ty lớn rất ngại kí với mình vì ảnh hưởng tới quyền lợi của Trung Quốc, sợ bị Trung Quốc tẩy chay. Cuối cùng, công ty ConocoPhillips sẵn sàng kí. ConocoPhillips là thành viên của tập đoàn Mĩ Dupont. Dupont là công ty rất lớn, trước làm ra thuốc súng, vải sợi và rất nhiều mặt hàng dân dụng. Họ tính toán, nói với mình là họ chấp nhận rủi ro chính trị với Trung Quốc và muốn mình cho kí những lô màu mỡ trong vùng biển của mình. Một số tập đoàn vào thăm dò một thời gian rồi bỏ đi hết. Exxon cũng kí ba, bốn hợp đồng trong mấy lô trên vùng biển đó nhưng rồi bỏ đấy không làm gì. ConocoPhillips trở thành tập đoàn dầu khí đầu tư nhiều nhất ở Việt Nam, nhưng hầu như đến nay cũng không khai thác gì.”

Một trong số những vấn đề Bùi Kiến Thành tiếp tục tham gia tư vấn cho Chính phủ sau đó tiếp tục liên quan đến dầu khí.

“Hồi đó, Việt Nam khai thác một số giếng dầu ở biển Đông, trong đó có mỏ dầu Bạch

Hồ. Khi bơm dầu lên khí đồng hành⁽³⁾ cũng lên theo. Khí đồng hành nếu mình thả ra không khí thì gây ô nhiễm môi trường, còn nếu tích tụ ở đâu đó thì có khả năng gây nổ. Mọi giàn khoan ngoài biển đều có một ống dẫn khí trôi lên và mình phải đốt bỏ khí đồng hành đó đi. Bác Thành làm việc với World Bank một số vấn đề, trong đó họ nói Việt Nam đang lãng phí với việc mỗi ngày đốt lượng khí đồng hành trị giá khoảng 400 ngàn đô la theo giá quốc tế. Họ đề xuất thu gom khí đồng hành, đem vào đất liền bán cho các gia đình để đốt lửa. Sau đó, EVN thương lượng với World Bank, được World Bank cho vay 1,8 triệu đô la làm đề án xây dựng nhà máy điện Phú Mỹ 2-2, nhà máy điện chạy bằng khí đầu tiên ở Việt Nam, dưới hình thức BOT⁽⁴⁾ - xây dựng, vận hành, chuyển giao.”

“Dự án này tiếp tục như thế nào ạ?”

“EVN chọn được công ty tư vấn về công nghệ cao của Mỹ là K&M. Họ đưa ra chương trình giúp EVN thực hiện mời thầu, chấm thầu trong vòng khoảng 17, 18 tháng thì EVN đề nghị đẩy nhanh tiến độ cho đỡ phí nhiên liệu, cuối cùng kí hợp đồng là 11 tháng trị giá 1.111.000 đô la. Bắt đầu triển khai thì Chính phủ đổi ý, yêu cầu chuyển dự án ra Bộ Công nghiệp ở Hà Nội. Bộ Công nghiệp là Bộ Công nghiệp nặng kết hợp với Bộ Năng lượng. Bộ Công nghiệp không có chuyên gia thông thạo lĩnh vực này, thay vì 11 tháng thì ba năm mới xong hồ sơ đi gọi thầu, rồi từ 1997 đến 2001 mới thương lượng xong hợp đồng mời nhà đầu tư BOT vào làm. Bộ Công nghiệp không tự quyết được nên mỗi lần hợp phải mời Hội đồng liên Bộ gần chục người. Cái lối ở Việt Nam là nếu mời chín cơ quan thì phải có đủ chín đại diện tới dự, thiếu một anh là không hợp được. Mỗi người tới hợp nhận phong bì, có thể bồi dưỡng ăn trưa. Chẳng hạn Bộ Công nghiệp bỏ phong bì 100 nghìn Việt Nam đồng, nhưng có cuộc họp cùng giờ bên khác bỏ 150 nghìn, thì người ta sang bên kia, cuộc họp phải hoãn một tuần, hai tuần. Mỗi ngày ngoài khơi vẫn đốt 400 nghìn đô la nhưng trong này vẫn đề chưa giải quyết được vì cách biệt 50 nghìn đồng bồi dưỡng.”

“Lại là vấn nạn phong bì...”

“Người ta muốn có phong bao, phong bì người ta ít quan tâm đến lợi ích chung. Công ty Luật Phillips Fox của Australia đang đại diện cho Chính phủ Việt Nam trong quá trình thương thảo Phú Mỹ 2-2 nhưng công ty BHP lại thuê họ qua tư vấn luật trong dự án Phú Mỹ 3. Do vấn đề xung đột lợi ích, Phillips Fox bắt buộc phải rút lui và Bộ Công nghiệp phải tìm công ty luật khác thay thế để tư vấn cho phía Việt Nam trong dự án Phú Mỹ 2-2. Chỉ có việc gọi thêm công ty luật Johnson Stokes & Master từ Hong Kong qua mà Bộ Kế hoạch Đầu tư mất cả tháng mới phê duyệt.”

Bùi Kiến Thành làm cố vấn cho Bộ Công nghiệp phát triển ngành điện chạy bằng khí đốt. Ông nhận ra nhiều khó khăn của Việt Nam xung quanh vấn đề dầu khí.

“Thăm dò dầu khí trên biển Đông rất tốn kém, phức tạp. Những mỏ như Đại Hùng, đấu thầu khoảng năm 1993, 1994, 1995 có nhiều triển vọng nhưng cuối cùng cũng không khai thác được bao nhiêu, lại nằm trong vùng tranh chấp. Kỳ vọng dầu khí của Việt Nam không được như mong đợi, những công ty lớn của Mỹ cứ vào rồi bỏ đi. Đến cuối năm 2011, bác

Thành thôi không tham gia các dự án dầu khí nữa.”

Đó là một số câu chuyện thú vị xung quanh việc bảo vệ chủ quyền Việt Nam trên biển Đông và khai thác dầu khí đã kéo dài từ trước khi Mỹ và Việt Nam chính thức ngồi lại với nhau đến nay.

Tâm nhìn thế kỉ

Trong thời gian bác Thành vào Nam, chúng tôi vẫn hẹn và liên lạc thường xuyên với bác qua Skype. Có những lần tôi chờ bác mỗi mùng 10 giờ tối, gọi điện thì bác nói chưa về đến Sài Gòn. Bác vừa đi miền Tây thương lượng việc xuất khẩu gạo. Bình thường, bác sẽ online vào khoảng tám giờ tối.

“Xin chào, bác đây.” Giọng bác cất lên ở đầu bên kia.

“Bác ạ, cháu nói thế này bác nghe rõ chưa ạ?”

“Bác nghe được rồi. Chúng ta bắt đầu luôn nha.”

Tôi chỉnh lại tai phone một lần nữa...

Ngày 11/11/1991, Chính phủ Hoa Kỳ chính thức cho phép khách du lịch, cựu chiến binh, nhà báo, doanh nhân Hoa Kỳ thăm Việt Nam. Ngày 14/12/1992, Tổng thống George Bush cho phép các công ty Hoa Kỳ có thể mở văn phòng đại diện tại Việt Nam và kí các hợp đồng sau khi lệnh cấm vận thương mại được bãi bỏ. Ngày 02/07/1993, Hoa Kỳ bỏ lệnh cấm các khoản vay song phương và đa phương dành cho Việt Nam, mở đường cho Việt Nam tiếp cận các khoản vay tài chính nước ngoài... Ngày 03/02/1994, Tổng thống Bill Clinton thông báo quyết định bãi bỏ lệnh cấm vận thương mại đối với Việt Nam, Thượng viện Hoa Kỳ đã thông qua quyết định trên một tuần trước đó. Ngày 28/1/1995, hai nước mở văn phòng liên lạc. Ngày 12/7/1995, Tổng thống Mỹ Bill Clinton và Thủ tướng Việt Nam Võ Văn Kiệt chính thức tuyên bố bình thường hóa quan hệ ngoại giao, gác lại quá khứ và mở ra một chương mới trong lịch sử hai nước. Đây là kết quả của một hành trình gian nan với bao nhiêu cố gắng, mồ hôi và công sức của nhiều người, trong đó có Bùi Kiến Thành.

Ngày 06/08/1995, Warren Christopher trở thành Ngoại trưởng Mỹ đầu tiên thăm Việt Nam thống nhất, chính thức khai trương Văn phòng Đại sứ quán Mỹ tại Hà Nội. Cùng ngày, Việt Nam khai trương Văn phòng Đại sứ quán Việt Nam tại Washington D.C. Đầu tháng 9 năm 1995, vợ chồng cựu Tổng thống Bush cha đến thăm Việt Nam, ngay sau đó là cựu Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Mỹ Robert McNamara.

Những đóng góp không ngừng của Bùi Kiến Thành được các cơ quan nhà nước ghi nhận. Nhân dịp xuân Kỷ Mão năm 1999, ông được Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam mời tham gia buổi họp mặt “Mừng Xuân, mừng Đảng, mừng khối đại đoàn kết dân tộc”.

Ông tiếp tục tham gia vào nhiều dự án khác nhau của Chính phủ cũng như các doanh nghiệp tư nhân, trong đó phải kể tới dự án Cảng trung chuyển Quốc tế Vân Phong, chủ đề tôi đã được nghe ông nói vào lần tiếp xúc đầu tiên ở Hội thảo tại Khánh Hòa mùa hè năm 2011. Mọi chuyện khởi đầu từ đầu những năm 2000, Bùi Kiến Thành tiếp xúc với Chu

Quang Thứ, bây giờ là Cục trưởng Cục Hàng hải, Bộ Giao thông Vận tải. Chu Quang Thứ là người ôm ấp giấc mơ phát triển vịnh Vân Phong, Khánh Hòa thành khu kinh tế tổng hợp tầm vóc quốc tế.

Vịnh Vân Phong cách Nha Trang hơn 30 kilômét theo đường chim bay về phía bắc, 60 kilômét đường bộ và 40 hải lí theo đường biển. Ý tưởng đầu tiên về Cảng trung chuyển container Vân Phong được kĩ sư Doãn Mạnh Dũng - Tổng thư kí Hội Khoa học Kỹ thuật biển Thành phố Hồ Chí Minh đưa ra trong “Hội thảo quy hoạch du lịch Vân Phong - Đại Lãnh” tại Nha Trang năm 1997. Sau khi Chu Quang Thứ lên làm Cục trưởng đã có lời mời ông Dũng theo đuổi giấc mơ Vân Phong của mình và ông đã chấp nhận xa gia đình, từ bỏ công việc thu nhập cao, cùng tham gia.

Từ cuối năm 2002, Bùi Kiến Thành tích cực kết nối trực tiếp Đại sứ quán Mỹ tại Việt Nam với Cục Hàng hải.

“Lúc ấy ông Thứ đang xoay sở tìm chiến lược, làm thế nào để lãnh đạo Nhà nước quan tâm. Quan hệ giữa Việt Nam và Mỹ mới được bảy năm, hãy còn sơ khai. Bác Thành ngồi bàn, rồi giúp ông một việc, đưa ông Đại sứ Mỹ Raymond F. Burghardt xuống gặp Cục trưởng Cục Hàng hải bàn về vấn đề Mỹ có thể giúp gì cho Việt Nam phát triển lĩnh vực hàng hải, từ đó đề cập tới việc phát triển cảng Vân Phong. Ông Đại sứ đi cùng với bao nhiêu tham tán: tham tán chính trị, thương mại, kinh tế... Đưa ông Đại sứ, nhất là Đại sứ Mỹ, tới một cuộc họp như thế là không đơn giản, thường phải báo với Bộ Ngoại giao để chuẩn bị. Nhưng đảng này ông Đại sứ đi thẳng tới Cục Hàng hải thì Bộ Giao thông với Văn phòng Chính phủ đều giật mình. Chính phủ sững sốt lắm.

Họp ở Cục Hàng hải ngày 8/4/2003 thì tới giữa tháng năm mình đặt lịch xuống Vân Phong. Bình thường Đại sứ Mỹ đi đâu thì phải thông qua Bộ Ngoại giao dàn xếp, Bộ Ngoại giao mới thông báo cho lãnh đạo của tỉnh sắp xếp để tiếp Đại sứ. Bác Thành bảo không cần, vì đây không phải xuống thăm tỉnh mà thăm vịnh Vân Phong, Cục Hàng Hải đứng ra mời ông Đại sứ, nhân tiện chào xã giao Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa Phạm Văn Chi, cháu của Phạm Văn Đồng. Vân Phong ở vĩ tuyến 16 nên đến thăm vừa có Đại sứ Mỹ Raymond F. Burghardt ở Hà Nội, vừa có Tổng lãnh sự Mỹ ở Sài Gòn là bà Emi Lynn Yamauchi, cùng các tham tán, và tùy viên hải quân. Ông Thứ phụ trách dẫn đoàn ra xem Vân Phong. Người ta nói nếu Mỹ quan tâm thế này thì hẳn là phải quan trọng lắm. Không bao lâu sau, Chính phủ bố trí một đoàn bao gồm cả Thủ tướng xuống Vân Phong quan sát.”

Năm 2002, Phó Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng kí quyết định 302: *Vịnh Vân Phong phát triển thành khu kinh tế tổng hợp lấy du lịch làm gốc...*

Tôi nghe thấy một số tiếng xoẹt xoẹt trong tai phone, bèn tạm dừng và hỏi:

“Alo... Bác nghe cháu nói có bị lúc được lúc mất không bác?”

“Làm sao ấy... Hơi rè, nhưng vẫn nghe được.”

“Cháu nghĩ là đường truyền internet đang có vấn đề.” Tôi vỗ vỗ lên micro.

“Không sao. Mình cứ tiếp tục đi.”

“Vâng... Theo bác thì Vân Phong có tầm quan trọng như thế nào?”

“Cả thế giới đều quan tâm tới khu vực Cam Ranh. Từ thời Pháp thuộc. Cảng Cam Ranh phát triển thành căn cứ hải quân chứ không phải cảng hàng hải. Trong khi Vân Phong lớn gấp ba lần thì Pháp không có phương tiện để phát triển. Vân Phong phải là một trung tâm trung chuyển quốc tế. Trước đó trong năm 2002 và đầu năm 2003, Cục Hàng hải đã bố trí cho Vân Phong hoàn thành 10 đợt trung chuyển cho những tàu mẹ chở dầu từ Trung Đông qua các tàu nhỏ hơn tới các điểm đến ở Việt Nam và trong khu vực, thu được phí trung chuyển là 400 tỉ Việt Nam đồng. Song khi ấy Chính phủ cũng không quan tâm. Bà Rịa hay Hải Phòng không đủ tiêu chuẩn làm cảng trung chuyển, không đủ sâu và trái đường, trái tuyến. Vân Phong ở vùng cực đông bán đảo Đông Dương, là điểm gần nhất trên tuyến đường hàng hải quốc tế qua Việt Nam. Vân Phong có tầm cỡ như Singapore hay Hong Kong, thậm chí là lớn hơn nữa. Singapore nhỏ lắm, quá tải rồi. Hong Kong ở quá phía bắc, Singapore ở quá phía nam, những vùng từ Nhật Bản cho tới Thái Lan, Indonesia thì Việt Nam là trung tâm.”

Theo các tài liệu nghiên cứu, từ Vân Phong vượt Thái Bình Dương là quãng đường ngắn nhất so với đường qua Hong Kong và Singapore. Vân Phong có độ sâu tự nhiên tốt, trong tổng số 110 kilômét bờ biển có thể làm cảng thì có tới 60 kilômét bờ bán đảo Hòn Gốm và Hòn Lớn có độ sâu từ 15 - 22 mét. Luồng vào cảng ngắn có độ sâu trên 22 mét và ổn định do không có dòng sông lớn hay hải lưu chảy vào. Độ sâu này gấp hai lần độ sâu giới hạn của luồng vào cảng Sài Gòn (10 mét), và gấp hơn bốn lần của cảng Hải Phòng (7 mét). Chiều rộng luồng nơi hẹp nhất là trên 400 mét, cho phép tàu có thể lưu hành hai chiều thuận tiện và an toàn. Vân Phong có bán đảo Hòn Gốm che chắn phía Đông và phía Bắc nên tránh được sóng, và có độ kín gió tốt nhất trong tất cả các cảng của Việt Nam, an toàn cho tàu ra vào cảng. Khu vực mặt nước của cảng cũng khá lớn với trên 43.500 hécta, gấp ba lần vịnh Cam Ranh gần đó. Mặt đất bán đảo Hòn Gốm và Hòn Lớn rộng 13.800 hécta. Về tính ổn định của địa chất nền móng, nơi đây hoàn toàn không có núi lửa và động đất. Chân núi là đá granit, không có hang động, thuận lợi cho việc xây dựng các công trình vĩnh cửu.

“Người ta nói chuyện năm năm, 10 năm nhưng ở đây mình nói chuyện trăm năm. Sài Gòn hay Cái Mép Thị Vải chỉ tiếp nhận tàu từ 100 đến 150 nghìn tấn. Tàu dầu bây giờ thường có trọng tải 500 nghìn tấn. Hiện giờ những tàu container trên thế giới là 18 nghìn thùng, 20 nghìn thùng. Tàu chở container tới gần 6.000 thùng vào Cái Mép thì được, nhưng khó mà vào được cảng Hải Phòng. Hiện tại việc phát triển cảng trung chuyển ở Việt Nam toàn do các nhóm lợi ích phụ trách, trong khi chuyện đó cần một tầm nhìn thế kỷ, thậm chí trăm năm vẫn còn ngắn. Từ Sài Gòn vào cảng Cái Mép còn không có đường đi. Đường bộ thì không đi được, đường biển thì không đủ sâu, có nạo vét đâu mà vào. Xây dựng bao nhiêu cảng, cảng lớn cảng nhỏ rồi cạnh tranh với nhau, hạ giá nhưng vẫn không ai tới. Chưa ai đủ tầm cỡ để phát triển Vân Phong.”

Vì nhiều lí do khách quan lẫn chủ quan mà tới thời điểm hiện tại, dự án cảng trung chuyển quốc tế Vân Phong vẫn đang gặp nhiều vướng mắc. Tuy thế, ông Chu Quang Thứ, nguyên Cục trưởng Cục Hàng hải và Chủ tịch sáng lập Ngân hàng Hàng hải, vẫn nguyên vẹn nhiệt huyết khi tiếp đón chúng tôi tại văn phòng. Vân Phong có lẽ là câu chuyện mà ông có thể kể không bao giờ biết chán.

Trong những ngày này, chúng tôi liên tục được tiếp xúc với những người từng làm việc với Bùi Kiến Thành suốt thời gian ông làm cố vấn cho Chính phủ Việt Nam sau khi về nước. Một trong những người thú vị đó là Nguyễn Văn Thuộc. Ông là người của Bộ Ngoại giao, sát cánh cùng Bùi Kiến Thành trong những ngày đầu tiên về Việt Nam. Ông nhiệt tình kể lại:

“Tôi là bí thư thứ hai của Đại sứ quán Việt Nam tại Pháp, nhiệm kì từ năm 1987 đến 1990, phụ trách lãnh sự, kí visa cho người nước ngoài, thương gia người nước ngoài. Cuối năm 1989 tôi cùng các đồng nghiệp đi từ Đại sứ quán ra cách thủ đô Paris 40 cây số tới nhà bạn của bác Thành để gặp bác nhằm thuyết phục bác tham gia ủng hộ đất nước. Đến khi bác Thành về nước, tôi là nhân viên Vụ Châu Âu 2 - Bộ Ngoại giao, được giao nhiệm vụ đi theo tháp tùng, hỗ trợ bác Thành gặp gỡ các cơ quan ban ngành, rồi báo cáo lại những ý kiến của bác Thành lên cấp trên.

Có những cái 10 năm, 20 năm sau Chính phủ mới hành động, giá sớm hơn thì hay biết bao. Như việc bác Thành thu xếp để ngành đóng tàu Việt Nam liên doanh với Mỹ đóng tàu biển các loại, nếu làm từ cuối những năm 1990, thì bây giờ Việt Nam đã làm chủ công nghệ về đóng tàu hiện đại.

Bác Thành là người trực tiếp khai thông vấn đề bình thường hóa quan hệ Mỹ - Việt. Bình thường hóa quan hệ với Mỹ là một bước chủ động chiến lược của Việt Nam, chứ bây giờ Bắc Triều Tiên hay nhiều nước khác muốn bình thường hóa cũng khó, bị kẹt cứng trong quan hệ với Mỹ. Tôi đi dự hội nghị an ninh đối ngoại Asian tại Phnompenh thì trưởng đoàn của Myanmar hẹn gặp trưởng đoàn Việt Nam và hỏi: ‘Tôi được giao nhiệm vụ gặp ông để hỏi là các ông bình thường hóa quan hệ với Mỹ thì các ông được gì?’ Tôi bảo: ‘Chúng tôi được nhiều lắm. Đơn cử một việc, khi muốn hiện đại hóa đội máy bay của Vietnam Airlines, kí hợp đồng mua bốn máy bay Airbus của Pháp rồi mà không mua nổi, vì trên máy bay đầy có hai cái động cơ General Electric của Mỹ. Phải bình thường hóa quan hệ mới mua được.’

Ngay việc bình thường hóa quan hệ với Mỹ cũng thể hiện trí tuệ Việt Nam, sự cố gắng của từng con người Việt Nam, trong đó có bác Thành đây, cá nhân tôi, tôi cũng thấy tự hào. Bác Thành giữ trong lòng nỗi niềm cá nhân nhiều lắm, tài sản gia đình bác mất hết, nhưng bác đã vượt qua cái đó để giúp đất nước, vì yêu nước mà vượt lên trên tất cả. Nhưng công việc của tôi với bác Thành không phải cứ làm đến đâu công khai đến đấy được, mà chỉ thầm lặng hướng tới kết quả thôi. Nguyên Chủ tịch nước Trần Đức Lương khi còn là Phó Thủ tướng đã đánh giá các ý kiến đóng góp của bác Thành có giá trị ngang tầm một viện nghiên cứu. Ví dụ như khi khai thác dầu khí ở biển Đông, nếu mình khai thác ở ngoài xa trước, ở gần sau thì giảm được việc bị Trung Quốc tranh chấp Hoàng Sa, Trường Sa như hiện giờ,

nhưng mình lại chọn khai thác gần trước.”

“Việc phối hợp giữa chú và bác Thành diễn ra thế nào?”

“Chúng tôi làm việc trực tiếp với nhau là từ năm 1991, 1992 trở đi. Còn trước đó thì tôi đã là người xử lý các thông tin của bác Thành gửi. Tôi viết báo cáo nhanh và phải biết đi con đường nào, tiếp cận ai. Chúng tôi đi làm việc là đi ô tô của cơ quan, hồi đó có cái xe Lada đi mãi không thay, bác Thành đùa bảo cái xe này tốt thật. Cơ quan chỉ có thế thôi. Bây giờ mà bác đi thì đã có Camry. Tôi tháp tùng bác Thành đi nhiều nơi, nhiều tỉnh thành. Tôi được dự các buổi làm việc của bác Thành với lãnh đạo, ghi chép lại và viết thành báo cáo.”

“Thái độ tiếp nhận của những nơi mà bác Thành tới có tích cực không ạ?”

“Có nơi người ta tiếp nhận được, có nơi người ta không tiếp nhận được. Có những ý kiến khác nhau. Những người cấp bộ và có hiểu biết, hay những người nghiên cứu chiến lược như chúng tôi thì đánh giá rất cao. Nhưng có những người ở các ngành có phe nhóm, thì người ta thấy hay nhưng không muốn làm theo vì sợ mất lợi ích. Việc thiết lập quan hệ chiến lược với Mỹ thì cơ quan chúng tôi là người ủng hộ. Hay việc phát hiện Vân Phong của bác Thành, chúng tôi báo cáo rất sớm, nhưng triển khai rất chậm. Bên quân đội cũng muốn có một dịch vụ ở Cam Ranh và cũng có triển khai, nhưng chậm. Nếu nhà nước táo bạo giao cho bác Thành chủ trì việc đó thì đã kí được một hợp đồng với hải quân Mỹ, đưa tiền trước cho mình xây cảng chẳng hạn.

Bác Thành đưa ra ý tưởng đóng tàu liên doanh Mỹ với Việt Nam, đóng ở Việt Nam rồi hoàn thiện tại Mỹ, hoặc đóng tại Mỹ rồi hoàn thiện tại Việt Nam. Nếu đóng tàu trong nước giá thành chỉ khoảng 16 triệu đô, đóng theo Mỹ thì phải 21 triệu đô. Giá thành có thể cao, nhưng nếu đi theo hướng đó thì chắc là không có vụ Vinashin. Mà chúng ta lại chỉ thích giá thành rẻ, những người trong Vinashin vì lợi ích nhóm đã không thấy được điều đó hoặc thấy được nhưng không muốn theo nên thành ra lỡ cơ hội. Thực ra nếu làm được cái đó là ta đã tiếp cận được công nghệ đóng tàu của Mỹ, thì ta đã đóng được tàu cho ngành ngư chính và cảnh sát biển Việt Nam từ lâu rồi, chứ đâu phải đến bây giờ. Công nghệ tàu chiến của Mỹ làm sao Trung Quốc theo kịp được. Chúng ta đã quá chậm. Thật đáng tiếc, vì có nhiều lực lượng, ý kiến khác nhau.

Hay ở địa phương, ví dụ như Thái Bình, bác Thành đề xuất tổ chức huấn luyện cho ngành kế hoạch đầu tư nhưng người ta chưa thấy tiền bạc gì thì người ta không nhiệt tình. Người ta cần có tiền ngay. Lúc đó, Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Thái Bình không tiếp cận được với tư tưởng của bác Thành.”

“Những dự án hiệu quả nhất mà chú làm chung với bác Thành là...”

“Bình thường hóa quan hệ Mỹ - Việt là công trình đầu tiên và có ý nghĩa to lớn. Trước kia người Mỹ nghĩ Việt Nam gắn bó với Trung Quốc lắm. Mỹ đâu có chấp nhận Việt Nam. Trước nhất là di sản quá khứ từ cuộc chiến tranh, có thể các nhà chính trị chiến lược đã muốn khép lại, nhưng còn lực lượng cựu chiến binh Mỹ, nhiều người hi sinh mất mát, và

cự chiến binh Việt Nam... Khó lắm chứ, đâu phải xóa nhòa được. Bác Thành đi vận động thả hết hơn 14 nghìn viên chức chế độ cũ, rồi cho khôi phục nghĩa trang Biên Hòa của sĩ quan quân đội Việt Nam Cộng hòa. Thậm chí bác Thành đưa ra những ý kiến tuy không thực hiện được, nhưng nếu thực hiện được thì sẽ rất tuyệt vời, là tìm cách trả lại tài sản cho những người Việt đã chạy đi. Có thể số tiền phải trả là 2,5 tỉ đô la nhưng người thân của những người Việt ra đi vẫn còn trong nước, do đó họ vẫn gửi tiền từ nước ngoài về, số tiền đó cũng không phải là nhỏ. Thế nhưng Chính phủ Việt Nam không làm được, nên kinh tế Việt Nam chưa đủ mạnh. Hơn nữa, làm như vậy cũng gây xáo trộn trong nước.

Sau đó, Đình Vũ là theo chủ trương bác Thành đưa các tập đoàn kinh tế lớn vào Việt Nam. Bác Thành làm rất nhiều việc. Đầu tiên, muốn bảo vệ lãnh hải Việt Nam thì phải đưa ba văn phòng luật sư lớn của Mỹ là Baker & McKenzie, Sullivan & Cromwell và Covington & Burling vào phỏng vấn. Chính phủ Việt Nam chọn Covington & Burling. Chúng ta chỉ chi mất khoảng 100.000 đô la thôi, Covington & Burling giúp xây dựng một lập luận về chủ quyền Việt Nam ở biển Đông. Lập luận này đã được trình bày tại Hội nghị Luật biển quốc tế tại Oklahoma, Mỹ, trước sự tán phục của giới luật gia Mỹ. Họ không ngờ Việt Nam có lập luận chặt chẽ như vậy. Và lập luận đó đã được đăng trên tạp chí Luật pháp quốc tế về luật biển, các nước muốn thăm dò, khai thác ở khu vực biển Đông là phải tham khảo lập luận đó của Việt Nam. Những lập luận đó bây giờ vẫn đang phát triển, Việt Nam vẫn tiếp tục củng cố chứng cứ pháp lí để đưa hồ sơ về Hoàng Sa lên Tòa án Luật biển quốc tế chứ không phải dừng lại. Mình muốn tham khảo tài liệu đó thì tới Ủy ban Biên giới Quốc gia, ở phố Nguyễn Du đó.”

Mạch chuyện vẫn chưa ngừng lại:

“Đây là về luật pháp bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, còn về kinh tế thì bác Thành đưa tập đoàn AIG vào đầu tư nên mới có Đình Vũ. Thời buổi đó kinh tế khó khăn, Việt Nam chưa có gì, AIG vào rất sớm. AIG vào rồi sau đó các tập đoàn khác cũng vào theo. Ý kiến của bác Thành về Vân Phong tôi cho là mang tầm chiến lược. Giá làm được từ năm 2002 thì không chừng đất nước chúng ta đã có một ngành công nghiệp đóng tàu, đã có đủ tàu để đi bảo vệ chủ quyền ở biển Đông, ngăn chặn tàu thuyền Trung Quốc. Bác Thành phát biểu thế này: Vịnh Cam Ranh trước giờ rất nhạy cảm, trước đây cho Mỹ, sau này Nga thuê, giờ không cho nước nào thuê cả, Việt Nam sử dụng thôi, làm cảng thương mại, nhưng như thế thì không đáp ứng được yêu cầu của Mỹ. Trong khi đó hải quân Mỹ rất cần một cơ sở hậu cần tại bờ biển Việt Nam. Singapore thấy được ý đồ của Mỹ, họ bảo chúng tôi sẽ xây dựng cảng Changi thứ hai để phục vụ hải quân Mỹ. Nhưng Mỹ bảo tại Singapore chúng tôi không cần, chúng tôi cần ở Việt Nam. Nếu Việt Nam nắm được điều này thì Việt Nam phải xây dựng cảng lưỡng dụng dân dụng - quân dụng để làm công tác hậu cần cho tàu chiến Mỹ. Khi đó, tàu chiến Mỹ sẽ ra vào cảng Việt Nam thường xuyên và quốc tế hóa cảng biển Việt Nam, nên Trung Quốc hay nước nào có ý đồ sử dụng quân sự tấn công Việt Nam thì bom rơi đạn lạc vào Mỹ là đối mặt với quân đội Mỹ rồi, không thể được. Trước đây mỗi năm Việt Nam chỉ cho tàu chiến Mỹ cập cảng nước mình hai lần. Chúng tôi đã kiến nghị phải quốc tế hóa các cảng biển Việt Nam. Phải làm sao để tàu chiến Mỹ một năm phải cập cảng Việt Nam nhiều lần như ở Malaysia. Chúng tôi đã kiến nghị với cấp trên như thế. Bây giờ số lần càng ngày

sẽ tăng lên. Điều Trung Quốc sợ nhất là sự quay trở lại của quân đội Mỹ.”

Bùi Kiến Thành bổ sung:

“Khi đó nếu không muốn cho Mỹ có căn cứ trên lãnh thổ của mình thì mình vẫn có thể tổ chức cơ sở sửa chữa tàu, bảo dưỡng tàu, hợp đồng có thể lên tới hàng tỉ đô la. Như thế tàu Mỹ, bao gồm cả tàu chiến, tàu sân bay, có thể chạy ra, chạy vào. Trung Quốc không cần biết mình làm gì, cứ thấy tàu Mỹ ra vào thì cũng phải nể nang. Hồi đó mình đề xuất Chính phủ không cần phải bỏ ra một đồng nào cả. Kí hợp đồng với Chính phủ Mỹ thì mình dùng hợp đồng đó làm tài sản thế chấp để xây dựng cảng cho mình.”

Nguyễn Văn Thuộc tiếp lời:

“Nói thế để các cháu biết công việc của bác Thành là bao trùm tất cả mọi vấn đề, kinh tế, tài chính, đối ngoại, ngoại giao, giáo dục, an ninh lãnh thổ, đủ cả... Ngày xưa tôi gặp bác Thành thì bác Thành còn trẻ trung quyến rũ lắm. Còn chuyện lãng mạn trên đường công tác thì của ai người nấy giữ. Phải nói rằng, tôi đã gặp được một người trí thức của Việt Nam. Bác Thành lại là kết tinh của những nhà văn hóa Việt, một bộ óc chiến lược đi trước thời đại.”

Chặng đường còn tiếp diễn

Năm 2001, tại buổi họp mặt đại biểu các tầng lớp nhân dân toàn quốc kỉ niệm 70 năm ngày thành lập Mặt trận Thống nhất Việt Nam, Bùi Kiến Thành có bài phát biểu gây xúc động những người tham dự:

“Trước thềm thế kỷ XXI, chiến cuộc không còn phải như những năm nào. Dân quân, du kích, xe tăng, tên lửa... tuy rằng cần thiết để ngăn chặn xâm lăng biên giới nhưng không giải quyết được tiến thủ trên chiến trường kinh tế toàn cầu.

(...)

Nền kinh tế của Việt Nam hiện nay đang trong tiến trình công nghiệp hóa - chuyển đổi từ nền kinh tế nông nghiệp sang nền kinh tế công nghiệp. Tuy nhiên, công nghiệp hóa chỉ có nghĩa là chuyển sang ‘Nền Kinh Tế Cũ’. Vậy Việt Nam cần phải làm thế nào để chuyển đổi sang ‘Nền Kinh Tế Mới’?

Tại hội trường này, việc thảo luận về các sách lược kinh tế chưa phải là vấn đề. Nhưng trước hiểm họa lệ thuộc kinh tế ngàn cân đang treo trên tiền đồ của dân tộc, một lần nữa truyền thống đại đoàn kết được đặt ra cấp bách hơn bao giờ hết. Chúng ta không còn có thể đối kháng với hiểm họa kinh tế trong thời đại Internet bằng chiến lược trường kỳ du kích để xây dựng lực lượng bước sang thế phản công. Thời gian không còn đo lường bằng năm tháng mà bằng phần tỷ giây đồng hồ. Trong cuộc chiến này, tri thức là chủ lực.

(...)

Làm thế nào để khơi dậy truyền thống đại đoàn kết trong cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, để huy động khối tri thức tiềm năng này phục vụ cho đất nước?

Lịch sử đã tạo ra cho anh em một nhà nhiều cảnh chia ly cách biệt. Kẻ ra đi, người ở lại. Mỗi người một tâm tư, chưa hàn gắn được. Sách lược nào để mọi người xích lại gần nhau, xóa bỏ cách biệt đối xử, để đoàn kết quyết tâm một lòng vì dân vì nước?

(...)

Ôn cố tri tân. Đất nước và dân tộc đã trải qua bao nhiêu cuộc chia ly sâu hận, nhưng sau cơn bão tố trời lại yên lành, sau đêm tăm tối âm u trời lại sáng.

“Quán thiên chi đạo, chấp thiên chi hành”.

(Quán triệt nguyên lí của đạo trời, theo đó mà hành động)

Người lãnh đạo nhân đức chỉ cho dân con đường sáng. Người lãnh đạo nhân nghĩa coi việc phải hơn điều lợi. Người lãnh đạo trí biết lẽ đời sẽ dẫn đến đâu. Người lãnh đạo dũng

biết tạo điều kiện cho toàn dân đoàn kết một lòng vì đại cuộc.”



Bùi Kiến Thành chúc rượu Đại tướng Võ Nguyên Giáp trong buổi Hợp Hội Khuyến học Việt Nam do Đại tướng Võ Nguyên Giáp làm Chủ tịch danh dự năm 1996

Với những cống hiến không mệt mỏi cho việc phát triển Việt Nam, năm 2004, Bùi Kiến Thành được báo điện tử *VietNamNet* với sự hợp tác của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trao tặng giải thưởng “Vinh danh nước Việt” nhằm tôn vinh những người Việt Nam ở nước ngoài có nhiều thành tích trong sự nghiệp và có nhiều đóng góp cho đất nước. Năm 2007, ở tuổi 76, ông được nhập quốc tịch Việt Nam.

Nhưng bước chân lẫm tử vẫn chưa có ý định dừng lại...

Tình hình kinh tế Việt Nam những năm gần đây gặp nhiều khó khăn. Hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp đình trệ. Hàng loạt doanh nghiệp giải thể, ngừng hoạt động. Hàng trăm ngàn doanh nghiệp đứng trước bờ vực phá sản, người lao động mất việc làm, nông dân ngừng sản xuất nuôi trồng vì sản phẩm không có đầu ra, hàng hoá tồn kho nhiều... Con số nợ xấu được Ngân hàng Nhà nước đưa ra giữa tháng 11 năm 2013 là 4,7%, trong khi tổ chức đánh giá tín nhiệm Moody's Investors Service đưa ra con số nợ xấu của hệ thống ngân hàng Việt Nam lên đến 15%. Nợ xấu của toàn hệ thống Ngân hàng Việt

Nam vẫn chưa xác định được con số đích thực, nhưng không nhỏ hơn 200 ngàn tỉ Việt Nam đồng.

Nguyên nhân sâu xa của vấn đề này bắt nguồn từ ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu từ 2008 đến nay, ảnh hưởng của chính sách đầu tư công của nhà nước và quan trọng nhất là hệ quả đương nhiên của quá trình tăng trưởng tín dụng quá nóng. Một thời gian dài, hệ thống ngân hàng chạy đua tăng trưởng tín dụng trong khi bộ máy quản lí, kiểm soát rủi ro chưa hoàn chỉnh và chưa đủ sức thực thi nhiệm vụ của mình. Do đó, khi thị trường đảo chiều, kinh tế thế giới khủng hoảng, bất động sản đóng băng, chứng khoán giảm điểm thì ảnh hưởng ngay tức thì đến các doanh nghiệp và người vay tiền: Không thể tiêu thụ hàng hóa, tiêu thụ rồi nhưng chưa thu được tiền. Và điều tất yếu của việc này là nợ xấu phát sinh và bùng nổ.

Một khi bị nợ xấu, các doanh nghiệp không thể tiếp tục nhận tín dụng từ ngân hàng nhằm duy trì sản xuất để trả nợ. Cứ như thế, nợ xấu ngày càng gia tăng còn doanh nghiệp thì đành bất lực đứng nhìn cơ hội kinh doanh trôi qua trước mặt vì thiếu vốn sản xuất, các ngân hàng mất nhiều tâm sức và nhân lực nhưng không thể giải quyết căn cơ nợ xấu. Một số doanh nghiệp kí được hợp đồng, nhận được L/C nhưng không có tiền mua nguyên liệu sản xuất, không thực hiện được hợp đồng và phải bồi thường cho đối tác nước ngoài. Doanh nghiệp khó khăn, người lao động mất việc làm, ngân hàng phát sinh nợ khó đòi, kinh tế chững lại và đời sống người dân càng ngày càng khó khăn hơn, sức mua sụt giảm nghiêm trọng. Vòng luẩn quẩn cứ thế tiếp diễn.

Bước qua độ tuổi 80, Bùi Kiến Thành lại tiếp tục đi tìm những chiếc chìa mở khóa mới.

Từ năm 2012, những ngày đầu làm việc với ông cho cuốn sách này, giữa lúc khủng hoảng đang tăng cao, ông đã chia sẻ với chúng tôi những khúc mắc xung quanh vấn đề lãi suất:

“Chính sách lãi suất cao là một thứ vũ khí hủy diệt các doanh nghiệp Việt Nam, tiêu diệt nền kinh tế Việt Nam, tiêu diệt chủ quyền Việt Nam. Vì sao? Bây giờ doanh nghiệp khó khăn, giãy chết, buộc phải tự bán mình cho người khác. Ai có tiền mua thì bán, Việt Nam không có tiền mua thì nước ngoài mua. Những doanh nghiệp yếu họ sẽ để cho chết hết. Họ nắm hết những doanh nghiệp tương đối tốt của mình. Mình không có cách nào cản được vì luật pháp cho phép. Mua trên thị trường chứng khoán thì chỉ tới 49% thôi nhưng không phải thị trường chứng khoán thì có thể mua 100%. Chính sách lãi suất cao làm mất chủ quyền từng doanh nghiệp rồi sẽ mất chủ quyền nền kinh tế. Nền kinh tế đã sập thì nhà nước còn đâu nữa. Không ai chủ trương lãi suất cao, chỉ có mấy anh ngân hàng nhỏ đi huy động vốn và đẩy lãi suất lên cao.”

Tại buổi họp với các chuyên gia do Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng chủ trì ngày 25/3/2012, Bùi Kiến Thành nêu đề xuất táo bạo với Chính phủ hạ lãi suất ngân hàng xuống dưới 10%, Ngân hàng Nhà nước nên đặt ra mặt bằng lãi suất 6-7%, có thể cho các ngân hàng thương mại vay 2-3% tạo điều kiện để họ cho doanh nghiệp vay 6-7%. Ông dẫn chứng lãi suất ngân hàng trung ương các nước như Mỹ hay Nhật cho ngân hàng thương mại vay với lãi suất cao

nhất là 0,25%, sau đó các ngân hàng thương mại cho doanh nghiệp vay với lãi suất 2-3%, tại sao chúng ta không làm được việc này? Ông không đồng tình với ý kiến của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho rằng ngân hàng thương mại huy động với lãi suất cao nên không thể cho vay thấp được, vì trần lãi suất ở đây không đại diện cho lãi suất thị trường mà lãi suất huy động đang ấn định trần lãi suất. Đề xuất của Bùi Kiến Thành khi đưa ra vấp phải sự phản đối của nhiều chuyên gia trong lĩnh vực tài chính. Có người bảo: “Ông này nói chuyện thật vô duyên! Chính phủ còn đang đi vay với lãi suất 11-12% bằng trái phiếu thì làm sao cho ngân hàng thương mại vay với lãi suất 2-3% được? Thứ hai, việc in tiền vô tội vạ có thể gây ra lạm phát, điều chúng ta đang rất vất vả để giải quyết. Thứ ba, lãi suất thấp khiến người dân không đi gửi tiền mà đầu tư vào các tài sản khác như vàng, chứng khoán, bất động sản, ngoại tệ gây bong bóng tài sản.”

“Những lý luận trên đây xuất phát từ việc thiếu hiểu biết về hoạt động, quyền hạn và trách nhiệm của ngân hàng trung ương trong một nền kinh tế thị trường hiện đại. Việc này cũng dễ hiểu thôi, vì trong chế độ kinh tế kế hoạch tập trung, ta chưa hề có cán bộ được đào tạo bài bản về kinh tế thị trường. Trong thể chế chỉ biết có ngân hàng nhà nước và chưa hề tiếp cận với khái niệm ngân hàng trung ương. Mãi đến năm 2010, cụm từ ‘ngân hàng trung ương’ được đưa vào Luật về ngân hàng nhà nước.” Ông giải thích: “Ngân hàng trung ương là một định chế có quyền phát hành, có vai trò điều tiết, đảm bảo lưu lượng tiền tệ cho nền kinh tế phát triển ổn định bền vững, tạo điều kiện cho doanh nghiệp hoạt động với lãi suất hợp lý và ổn định. Lạm phát chỉ xảy ra khi tiền đưa ra nền kinh tế nhiều quá mà nguồn hàng không theo kịp. Còn trường hợp của chúng ta hiện nay là tăng trưởng tín dụng quá thấp, tám tháng đầu năm 2014 vẫn chỉ ở mức 1,6%, tiền không đến tay doanh nghiệp, tín dụng không đưa ra được nền kinh tế mà lãi suất lại quá cao. Chuyện này với chuyện gói kích cầu năm 2009 gây lạm phát cao là hai chuyện hoàn toàn khác nhau. Năm 2009, Chính phủ hỗ trợ lãi suất 4% vốn lưu động là không có định hướng kinh doanh rõ ràng, chúng ta không quản lý được dòng tiền đi đâu, có vào sản xuất kinh doanh không hay lại đi đầu tư ngoài ngành. Ở đây, Ngân hàng Nhà nước cho ngân hàng thương mại vay với lãi suất 2-3% nhưng ngân hàng thương mại không được cho vay vô tội vạ mà doanh nghiệp phải có luận chứng kinh tế rõ ràng về dự án định vay.” Mặt khác, ông cho rằng Ngân hàng Nhà nước không phải là đơn vị kinh doanh cần có lãi, do đó nếu cho ngân hàng thương mại vay với lãi suất 3%, Ngân hàng Nhà nước có thể trích lập dự phòng 2% để thiết lập quỹ bảo lãnh các khoản vay cho doanh nghiệp. Đề xuất này đưa ra từ tháng 3 năm 2012 nhưng không được tiếp nhận.

Cuối năm 2012, đầu năm 2013, nhằm san sẻ gánh nặng với Chính phủ, giúp Ngân hàng giải quyết nợ xấu, đẩy mạnh việc phát triển chuỗi cung ứng hàng xuất khẩu của doanh nghiệp và các thành phần trong nước, ông cùng một số doanh nhân tâm huyết xây dựng các đề án “Thành lập Trung tâm Điều phối xuất khẩu” và “Thành lập Ngân hàng Tài trợ xuất khẩu”.

Vai trò của Trung tâm Điều phối xuất khẩu là tạo ra một kênh tài chính, khơi thông nguồn tín dụng đang bị đóng băng bởi cục “máu đông” nợ xấu; làm nhịp cầu nối giúp doanh nghiệp và các thành phần tham gia xuất khẩu tiếp cận được nguồn vốn tín dụng trong nước

và ngoài nước; Hỗ trợ các ngân hàng thương mại gia tăng dư nợ, kiểm soát việc sử dụng vốn vay đúng mục đích nhằm phát huy hiệu quả kinh tế cao nhất, hạn chế rủi ro, từng bước giải quyết tình trạng nợ xấu; các doanh nghiệp xuất khẩu dù có nợ xấu vẫn được cung cấp vốn hoạt động, ổn định kinh doanh, dần dần thanh toán nợ xấu, tái cấu trúc, ổn định hoạt động, phát triển sản xuất kinh doanh, giữ vững thị trường; duy trì việc làm và ổn định đời sống của hàng trăm nghìn lao động; giúp Chính phủ đạt được chỉ tiêu tăng trưởng GDP do Quốc hội đề ra và vẫn đạt được mục đích kiềm chế lạm phát.

Trung tâm sẽ được điều hành bằng cách thành lập Công ty Cổ phần Điều phối xuất khẩu với các chức năng: Tư vấn về tài chính cho các doanh nghiệp xuất khẩu; Dịch vụ xuất khẩu, Nhận ủy thác xuất khẩu; Dịch vụ phát triển thị trường. Ưu tiên ban đầu của trung tâm là tập trung hỗ trợ các hoạt động sản xuất, xuất khẩu sản phẩm có nguồn gốc từ nông nghiệp, thủy sản.

Trung tâm cần một lượng vốn lớn với chi phí rẻ nhất nhằm hỗ trợ nền kinh tế Việt Nam. Đó là căn cứ để Bùi Kiến Thành cùng cộng sự đề xuất thành lập Ngân hàng Tài trợ xuất khẩu. Đây sẽ là ngân hàng với các cổ đông có uy tín trên thị trường tài chính quốc tế, có khả năng quản trị và điều hành. Nó sẽ huy động vốn từ các tổ chức tài chính quốc tế với chi phí thấp để tạo nguồn vốn cho Trung tâm Điều phối xuất khẩu hoạt động hiệu quả hơn, đồng thời có thể cho các ngân hàng thương mại trong nước vay lại để có nguồn ngoại tệ cho vay với chi phí thấp. Trong trường hợp này Ngân hàng Tài trợ xuất khẩu sẽ đóng vai trò ngân hàng bán sỉ và các ngân hàng thương mại sẽ đảm nhận vai trò ngân hàng bán lẻ.

Với mục đích giải quyết nợ xấu, Ngân hàng Tài trợ xuất khẩu hoạt động theo phương thức tài trợ cho các doanh nghiệp có hợp đồng xuất khẩu và có L/C hay các phương tiện thanh toán khác do các ngân hàng uy tín trên thế giới phát hành. Ngân hàng Tài trợ xuất khẩu giám định từng hợp đồng, từng L/C và sẽ chiết khấu hợp đồng xuất khẩu và L/C để cung cấp vốn cho doanh nghiệp làm hàng xuất khẩu. Doanh nghiệp sẽ hoàn trả vốn bằng nguồn ngoại tệ xuất khẩu mà Ngân hàng Tài trợ xuất khẩu nhận được trực tiếp từ các ngân hàng phát hành L/C. Lãi suất huy động trên thị trường tài chính quốc tế không quá LIBOR⁽¹⁾ cộng 0,5% đến 1% với thời hạn không quá 12 tháng để có thể cho doanh nghiệp vay với lãi suất thấp. Giai đoạn đầu (khoảng năm năm) Ngân hàng Tài trợ xuất khẩu không huy động vốn Việt Nam đồng trong nước.

Mục tiêu trong kế hoạch năm năm (2013 - 2018), mỗi năm sẽ cho doanh nghiệp xuất khẩu vay khoảng từ hai tỉ đô la (2013) đến 15 tỉ đô la (2018) vốn tài trợ xuất khẩu, với tốc độ quay vòng vốn từ 30 đến 90 ngày cho mỗi hợp đồng.

Cả hai đề án thành lập Trung tâm Điều phối xuất khẩu và Ngân hàng Tài trợ xuất khẩu đã được Bùi Kiến Thành cùng cộng sự trình bày với Bộ Công thương và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong năm 2013 tuy nhiên không được sự nhất trí của Ngân hàng Nhà nước. Mọi việc vẫn đang ở trên đường.

Đồng hành với những dự án kinh tế tài chính, Bùi Kiến Thành tiếp tục tham gia cố vấn

và hỗ trợ chính phủ trong lĩnh vực ngoại giao. Từ giữa năm 2013, ông đóng vai trò cầu nối giữa Mỹ và Việt Nam trong quá trình thương thảo hiệp định Đối tác Kinh tế Chiến lược xuyên Thái Bình Dương (Trans-Pacific Strategic Economic Partnership Agreement - TPP). Mỹ tham gia vào hiệp định sau nhưng lại có vai trò lớn trong việc thúc đẩy hiệp định phát triển.

“Hiệp định đến nay đang tổ chức với 12 quốc gia, trong đó có Việt Nam, thành một khu kinh tế mở về mặt dịch giữa Mỹ và các quốc gia đó, từ Bắc Mỹ, Nam Mỹ, châu Á, châu Úc..., chủ yếu về kinh tế, hải quan. Hiện giờ hiệp định thương lượng được vài năm rồi, chia ra các lĩnh vực như may mặc, công nghệ cao... thương lượng từng mảng. Họ chủ động lựa chọn quốc gia mời tham gia. Hiệp định không có Trung Quốc, còn Nhật Bản chưa kịp đặt chân vào. Việt Nam rất được ưu ái và đã tiến hành thương thảo rất nhanh khiến phía Mỹ kinh ngạc và đánh giá cao.”

Trong khi đó, Pháp cũng muốn đẩy mạnh quan hệ song phương với một số nước, trong đó có Việt Nam. Nhân dịp kỷ niệm 40 năm thiết lập quan hệ ngoại giao giữa hai nước, năm 2013 - 2014 được gọi là năm Việt Nam - Pháp.

“Bác Thành là một kênh không chính thức, họp với Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Pháp Laurent Fabius⁽²⁾ cùng ông Đại sứ Pháp và mấy ông cục trưởng tìm những lĩnh vực thiết yếu, những dự án tầm cỡ để Pháp cùng tham gia với Việt Nam. Việt Nam cũng đang ở thế chậm so với các nước khác...”

Tôi mong ông sẽ có sức khỏe thật tốt để tiếp tục có những đóng góp hiệu quả cho sự phát triển của kinh tế Việt Nam, chân cứng đá mềm để đi chặng đường còn tiếp diễn.

Nhân duyên và những gì còn lại

Một chiều Sài Gòn nhộn nhịp, bác Thành rất vui vì mấy bữa trước con gái Ngọc Diệp vừa về Việt Nam chơi, dẫn theo chồng và cháu ngoại bác Thành là Mỹ Hạnh, mẹ nó thường gọi là Jade. Mỹ Hạnh 14 tuổi, không biết nói tiếng Việt nhưng rất dễ thương. Bác Thành đưa cả nhà đi thăm trẻ mồ côi ở chùa Từ Ân.

“Nào, mấy đứa muốn nghe chuyện gì nào?”

Chúng tôi nhìn nhau giây lát rồi nói:

“Cháu nghĩ mình tạm ngưng nói các dự án, để bác kể chút gì đó về gia đình ạ.”

Bác Thành mỉm cười hiền hòa:

“Vậy câu chuyện hôm nay sẽ là những gì còn lại...”

Bùi Kiến Thành qua Pháp năm 1965 rồi đến năm 1975 bác sĩ Tín cũng qua Pháp. Những tài sản của gia đình ông do quân đội giải phóng tiếp quản theo thời giá hiện nay cũng phải hàng tỉ đô la.

“Sau khi bác về nước định cư rồi có nhận lại những tài sản đó không ạ?”

“Không, Chính phủ không có chế độ nào trả lại... Ngày ông papa còn sống, ông làm đơn gửi Tổng Bí thư Đỗ Mười với Thủ tướng Võ Văn Kiệt, xin lại ngôi nhà 178 Lê Văn Sĩ, là từ đường của gia đình, nơi họ hàng tề tựu cúng tổ tiên. Bác Thành vẫn giữ văn bản của cơ sở tiếp dân Thành phố Hồ Chí Minh trả lời có nhận được đơn, khi nào ông hồi hương sẽ xem xét. Năm 1993, 1994 thì ông ngoài 80 tuổi rồi, ông cũng muốn về Việt Nam sinh sống, hưởng tuổi già nhưng chưa kịp hồi hương thì mất bên Pháp. Năm 1975, ông papa cũng phải qua Mỹ rồi mới sang Pháp, phải mất một thời gian vì thị thực từ Mỹ qua Pháp không đơn giản.”

“Sau đó bác có theo đuổi việc xin lại căn nhà 178 Lê Văn Sĩ không?”

“Bác Thành là trưởng nam, nhiều người bảo bác Thành đứng ra xin. Một mặt, bác Thành gửi thư cho năm anh em mình ở nước ngoài, hỏi đó là tài sản của bố mẹ thì các em có muốn anh thay bố đi xin lại Nhà nước để mình có một cái từ đường cho gia tộc hay không, nếu đồng ý thì làm giấy ủy nhiệm để anh đứng ra đại diện gia đình. Một thời gian không có ai trả lời, có lẽ là không đồng thuận. Bác Thành không nhắc nữa. Cuối cùng, bác Thành không làm đơn xin bất cứ cái gì.”

“Về Việt Nam rồi, nhà bác ở đâu? Bác có nhận được sự hỗ trợ nào từ Nhà nước sau nhiều năm cố vấn cho Chính phủ?”

“Bác ở nhà thuê 20 năm nay. Có tiền thì ở nhà to, ít tiền thì ở nhà nhỏ. Nhà nước không trả đồng nào thì mình đi làm tư vấn cho các công ty, các tập đoàn tài chính, cũng đủ lương để sống. Mình rất thoải mái, không hận thù ai mà cũng không chờ đợi xin xỏ gì ai. Cũng có nhiều người bảo mình, chưa nói tới chuyện trả lại tài sản cho anh nhưng ít nhất với tất cả những công việc anh làm như thế thì họ cũng nên suy nghĩ về nhu cầu tối thiểu của anh. Tại sao có những ông chẳng làm gì hết thì được cấp nhà to, nhà nhỏ, còn anh còng lưng ý kiến vực dậy nền kinh tế, bao nhiêu vấn đề biển Đông, chủ quyền trên thềm lục địa thì chả có gì? Đơn giản thôi, tôi chỉ làm những việc để phục vụ đồng bào.

Sau thời gian dài thử thách, đất nước mình mới thấy những yếu kém trong đường lối kinh tế xã hội chủ nghĩa, từ đó mới học hỏi cách làm việc của những nền kinh tế khác, bắt đầu áp dụng những phương thức kinh tế mà trước kia mình phủ nhận. Mà để có được điều này, bao nhiêu người đã phải trả giá, hi sinh.

Việc mình làm là hướng về tương lai.”

Tôi nhìn đôi mắt đang cười của ông, lặng đi đôi chút:

“Có lẽ cháu rất muốn nghe bác kể tiếp câu chuyện ở chùa Từ Ân...”

“Chuyện bắt đầu khá lâu rồi đấy...”

Cách đây 21, 23 năm, khi bác Thành về ở Sài Gòn thì có người quen dẫn một cô gái đi học làm ni cô tới nói chuyện. Cũng như sinh viên đi học làm bác sĩ, kĩ sư thì cô này học làm sư. Thấy dễ thương, bác Thành giúp đỡ cho cô cùng hai cậu em cũng đi tu, đôi chút học phí... Cô gọi bác Thành bằng ‘ba’. Cô ấy học từ trung học đến hết Đại học Phật giáo, rồi ra hoàng pháp, tức là đi hành đạo. Cô là ni cô Minh Hải. Hơn hai mươi tuổi, từ Sài Gòn cô xuống dưới Long Thành, quyên góp nơi này nơi kia mua được miếng đất trong làng xóm, cất lên cái am nhỏ nhỏ, không phải nhà cấp bốn đâu mà chỉ mới lợp lá thôi. Những người đi hoàng pháp đều như vậy đó... Cô lập nên chùa tên là Từ Ân. Xã đó có tới 40 cái chùa. Mới đặt bàn thờ Phật, chưa kịp giảng đạo cho Phật tử thì một hôm nghe tiếng khóc ngoài thềm, cô ra xem thì thấy đứa trẻ đỏ hỏn, bèn bế vào. Một đêm khác, ai đó lại bỏ hai đứa bé sinh đôi nữa. Tháng nọ qua tháng kia, sau hơn một năm thì cô đã nuôi hơn chục đứa trẻ. Hồi đầu cô không biết chăm trẻ, phải học từng bước từng bước cực lắm. Làng xóm thấy tội họ cũng tới giúp giùm. Nhiều hôm cô lấy mấy tấm ván ngăn lại để đi chợ, về thì tụi nó đái ỉa tùm lum, lấy cứt bôi lên mặt nhau. Thì có ai trông đâu... Mình cô tắm giặt cho tụi trẻ, nấu cơm nấu nước rồi ngồi khóc một mình.

Phải xin tiền nuôi tụi trẻ ăn, mặc, học hành. Hai mươi năm khó khăn, Phật tử quyên tiền lại rồi cũng lần lần xây lên một chút. Nhà thờ Phật chùa Từ Ân vẫn là cái nhà cấp bốn thế thôi. Bề ngang khoảng sáu mét, bề dài khoảng chừng 10 mét, đằng sau có một cái trại lợp lá để nấu nướng. Bác Thành xuống thăm hôm chủ nhật, thứ hai vừa rồi thì hiện giờ có hơn 100 đứa trẻ rồi, lần trước mới là 90. Đứa nhỏ nhất hơn một tháng, đứa lớn nhất hơn hai mươi tuổi, mấy chục đứa đi học trung học được phần thưởng. Học xong thi đại học, rồi ra làm việc ở các nơi, được bằng khen...” Từ 20 năm nay tất cả có hơn 400 em được nuôi

dường nơi đây.

“Những đứa bé ấy lớn lên trong vòng tay cộng đồng bác nhi?”

“Hôm vừa rồi bác xuống thì có anh trồng hai hécta đu đủ, anh chở nguyên một xe tải đu đủ đến cho. Ni cô lại nhờ bà con trong xóm chở cho các chùa khác. Mỗi đứa đi học trường công thì một năm phải tốn 150 đô la học phí. Ở trường không đủ thì phải có người dạy kèm ở nhà, chiều chiều có anh chị tới dạy kèm, hôm nay thì dạy kèm cho lớp ba, lớp bốn, hôm khác thì lại kèm cho lớp năm, lớp sáu... Mỗi một đứa trẻ học kèm như thế mỗi tháng tính ra cũng tốn mấy chục đô la, rồi còn tiền gạo. Mấy người giúp việc cũng là tự nguyện thôi. Ví dụ, có lần có người mang tới chùa thả cặp sinh đôi, mỗi đứa có một kilôgam rưỡi. Cô không biết nuôi thì người trong xóm tới nuôi giùm, gọi là mẹ đỡ, mẹ nuôi. Trời giúp đỡ không có đứa trẻ nào chết, cũng có bé bị bệnh thì tốn tiền thuốc thang. Chung quy lại là trời nuôi trời giúp. Người nào có tâm cho được chừng nào thì dùng chừng đó.

Tới giờ thì tụi nhỏ cũng không thiếu thôn gì, ăn uống đầy đủ. Mấy đứa nhỏ thì mặc áo của mấy đứa lớn. Cách đây ba năm thì cô xin tiền cất được khu kí túc xá ba tầng, tương đối lớn, dài chừng 30 mét, ngang 10 mét để cho mấy đứa trẻ ở. Con trai con gái ở chung với nhau, sơ sanh nhỏ nhỏ thì ở tầng dưới, mấy đứa lớn lớn thì ở trên lầu. Đi tắm đi rửa thì mấy đứa lớn chăm lo cho mấy đứa nhỏ, bếp núc thì có Phật tử tới giúp. Hiện giờ viện mồ côi đó đã có một số ni cô, tu sĩ mới. Ví dụ tới lúc nào đứa bé nói với ni cô mình phát nguyện muốn đi tu thì làm lễ cho nó đi tu. Có một số tu sĩ như vậy, lớn thì chừng 21, 22 tuổi, nhỏ thì 15, 16 tuổi, cũng giúp đỡ được nhiều.”

“Vậy là chúng cũng có lựa chọn.”

“Ừ, một là ở chùa, phát nguyện đi tu, không thì đi học rồi đi làm ăn như bao công dân bình thường nhưng có tâm Phật. Từ nhỏ mới biết đi là đã ‘Nam mô a di đà Phật’ rồi. Mấy đứa chừng một, hai tuổi mà khi ‘ông ngoại’ tới là ra chào ông ngoại rồi, chấp tay cúi đầu chào hoàng lắm. ‘Ông ngoại’ đi thì đứng xếp hàng hát cho ông ngoại nghe vài câu. Sáng mai nè, bác Thành lấy xe chở chị Yapsuyin, giám đốc một quỹ từ thiện bên Singapore, đưa tủ sách đến cho các cháu. Tủ sách có mấy trăm đầu sách cho học sinh cấp một, cấp hai. Chị này là người Singapore, không có gốc gác Việt Nam gì cả. Bác Thành dẫn xuống một lần rồi, chị ấy yêu mấy đứa nhỏ lắm. Kỳ này chị ấy dẫn mẹ với chồng qua thăm chùa Từ Ân luôn.”



Bác Thành cùng các cháu nhỏ ở chùa Từ Ân (Tổ 16, ấp Mỹ Tân, xã Mỹ Xuân, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

“À bác ơi, thế chuyến thăm chùa của gia đình chị Ngọc Diệp bữa trước thì thế nào?”

“Kể cho các cháu nghe vui lắm. Con nhỏ Mỹ Hạnh ngồi chơi cả buổi với mấy đứa nhỏ. Nó thích đứa nhỏ mới một tháng rưỡi, nó cứ nói với mẹ nó là yêu quá, yêu quá, con muốn ẵm nó về. Bác Thành mới nói giờ không dẫn về được, nhưng con có thể bảo trợ, mỗi tháng gửi cho bé năm, 10, 20 đô la để giúp đỡ nuôi bé. Có thể gửi sáu tháng hoặc một năm một lần cũng được. Viện mồ côi sẽ cập nhật hình ảnh cho mình. Mình có thể theo dõi đứa bé từ khi nó nhỏ cho tới đại học như thế... Bố mẹ và con nuôi có thể thư từ qua lại kể chuyện với nhau. Ở các nước phát triển, có khi họ thương nhau còn hơn ruột thịt nữa đó.

Một đứa trẻ bị bỏ rơi trong chùa như thế sau này nó làm được gì? Ví dụ như Lý Công Uẩn lên làm vua vậy đó. Trước sau gì Mỹ Hạnh cũng quan hệ mật thiết với đứa bé đó thôi.

Là nhân duyên mà, đâu phải tự nhiên từ Pháp về Việt Nam rồi gặp đứa trẻ hơn một tháng tuổi và kết tình kết nghĩa với nhau được phải không?”

Buổi chiều ngập ngừng những vạt nắng ấm áp.

Thắp lên một ngọn đèn

Tôi nhìn ông xếp lại từng tài liệu về các dự án cũ lẫn mới, những kỷ niệm về gia đình, dòng họ. Tình cờ trong số đó tôi thấy tập bút tích của nhà thơ Bùi Giáng, được viết bằng bút bi nguệch ngoạc trên mấy cuốn vở ô ly cho học sinh tiểu học và một số trang A4 có lần ông đã khoe chúng tôi ở Sài Gòn. Trong tình trạng tâm hồn lơ lửng mãi đâu đâu, Bùi Giáng đã viết cho Bùi Kiến Thành:

“Thân tặng Bùi Kiến Thành Đại Ca

Kiến Thành rất mực một cây

Bất ngờ tái ngộ ngày này muôn sau

Bùi Giáng thân thiết tặng Bùi Kiến Thành

Thì giờ đáng giá bao nhiêu

Mà tình nghĩa nặng đành tiêu tán rồi

Thưa nhau - đời rộng tuyệt vời

Đang tan vỡ giữa mộng đời phiêu linh

Lời cuối cùng tặng Bùi Kiến Thành

Bao nhiêu bấy bấy nhiêu ngày

Bỗng nhiên tái ngộ thiên tài Kiến Thành

Niềm đau quá vãng thập thành

Từ nay bắt chợt tâm thành tái sinh

Tái bút vô cùng cho cháu Kiến Thành

Khuếch trương sự thể cuối cùng

Niềm đau vô tận mịt mù vô biên

Bùi sau sau rất diện tiền

Niềm vui hồi phục nguyên huyền ban sơ

Tháng 6_92_ Bùi Giáng”

Ông đọc từng vần thơ với niềm vui rạo rực.

TÀI BẮT VÔ CÙNG
cho cháu Kiến THÀNH
Khước từ dòng sự thế
cuối cùng
Niềm đau vô tận
một mình vô biên
Bụi Sầu — sầu rồi biến tiến
Niềm vui hột phước
nguyên vẹn bản sơ

Bút tích của Bùi Giáng

Khi tôi viết tới những trang cuối cùng này của cuốn sách, một mùa hè nóng nực đang bủa vây Hà Nội, mùa hè thứ ba từ ngày chúng tôi bắt đầu thực hiện các cuộc trao đổi với chuyên gia tài chính Bùi Kiến Thành. Dưới cái nắng như thiêu đốt, có những hôm nhiệt độ lên đến gần 40 độ C, ngay cả những người trẻ tuổi như chúng tôi còn phờ phạc, vậy mà sức làm việc của ông vẫn chưa giảm sút chút nào so với hai năm trước. Gần một thế kỷ đã trôi qua nhưng câu chuyện về người đàn ông này hãy còn tiếp diễn. Ông vẫn đều đặn tới các hội thảo, các cuộc thảo luận, vẫn lặn lội với các dự án, đề xuất ý tưởng cho những vấn đề nan giải của nền kinh tế Việt Nam. Mỗi ngày, ông vẫn đọc sách, nghiên cứu tài liệu, viết báo, trả lời phỏng vấn các cơ quan truyền thông, phát thanh, truyền hình...

Tạo hóa sinh ra mỗi người có một sứ mệnh. Như có lần ông chia sẻ, sứ mệnh của ông không phải là chủ tướng lãnh đạo ba quân trong trận chiến công thành khốc liệt, cờ ở trong tay thì ông cũng trao cho người khác làm nhiệm vụ phát cờ. Nhưng ở mọi thời kì, ông đều đóng vai trò quân sư, người tìm chìa khóa lặng thầm không biết mệt mỏi. Ông sẽ xuất hiện ở những cánh cửa rỉ sét gây ra ùn tắc trên con đường gập ghềnh để tìm cách mở khóa. Quá trình đó luôn gặp vô vàn khó khăn, trở ngại.

Trong thời gian trao đổi, ông thường chủ động nói về các dự án, các hoạt động của mình. Hiếm lắm mới có lần chúng tôi được ông nói thêm về tâm tư, suy nghĩ cá nhân.

“Từ đầu bác có được nhiệt tình và quyết tâm như thế, trong khi còn nhiều ý kiến trái chiều, thậm chí cản trở với thái độ gay gắt?”

Bùi Kiến Thành điềm đạm nói:

“Hồi năm 1944, 1945 khi bác Thành mới 13, 14 tuổi, cả miền Bắc bị chết đói. Hà Nội mỗi buổi sáng có xe đẩy đi để nhặt xác chết bên đường kéo đến những chỗ chôn tập thể. Ở trong Nam ông papa đứng ra tổ chức một hội đi quyên tiền mua gạo cứu đói cho miền Bắc, bác Thành cũng cố gắng chạy theo in tờ rơi, giúp việc này kia thì thấy bao nhiêu hình ảnh ngoài Bắc gửi vào, bao nhiêu người chết. Có những gia đình cả nhà chết, có những ngôi làng bị xóa sổ... Chỉ một năm như thế mà chết gần 10% dân số cả nước. Mình thấy cảnh đấy khủng khiếp quá. Con người ở đâu? Tại sao lại có những khổ đau như thế? Trong tâm trí đứa trẻ 13 tuổi nảy ra quyết tâm là mình phải làm gì để không còn thấy cảnh này...”

Suốt 30 năm nay, từ thời ông Phạm Hùng, bác Thành đã tham gia tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế Việt Nam, từ chỗ ăn con gà phải đào lỗ giấu lông, dậy ba, bốn giờ sáng để xếp hàng mua vài cân đường, lạng thịt... Một đất nước như vậy, ở trong cảnh cá chậu chim lồng, ngăn sông cấm chợ, mình nghĩ cần tranh đấu để người dân lấy lại được quyền tự do kinh doanh, làm kinh tế, đó là bước đầu đi tới nền kinh tế thị trường... Tranh cãi ý thức hệ là vô ích trong khi hàng triệu trẻ em suy dinh dưỡng, dẫn đến suy giảm sức khỏe tinh thần, IQ,... đồng bằng sông Cửu Long thì thiếu gạo, miền Bắc phải ăn bo bo. Bây giờ bác Thành nhìn xung quanh mình 90 triệu dân không phải làm tôi tớ cho các cơ quan quản lý nhà nước như xưa, đường phố mở tiệm ra bán chứ không giống Hà Nội những năm tám mươi không ai thích tầng một, ồn ào lắm, dọn lên tầng hai ở. Có hoạt động kinh tế trong nước là quá vui rồi...”

“Bác có lúc nào thấy mệt mỏi không ạ?”

“Bác không thấy mệt mỏi gì mà chỉ thấy vui và hạnh phúc vì với những kinh nghiệm, kiến thức tích lũy được mình có thể giúp đất nước, nhân dân, tạo ra lợi ích cho nhiều người. Thời nay tai họa có thể đến không phải vì người nào muốn giết đồng bào, mà có thể do quản lý yếu kém dẫn đến hậu quả doanh nghiệp thì chết lên chết xuống, gia đình không có tiền mua sữa cho con. Bác Thành đi xuống đồng bằng sông Cửu Long, đi thăm những khu công nghiệp thì thấy nhiều cảnh đau lòng lắm. Nhà máy thì đóng cửa, công nhân thì không có việc làm, chỉ từ vấn đề chính sách tiền tệ không phù hợp. Mình đề xuất chính sách mới nhưng có khi người ta không nghe, hay nghe mà người ta không hiểu, hiểu mà người ta không làm. Những người khác có thể muốn có thì giờ dạo chơi, du lịch còn bác chỉ quan tâm làm sao để mang lại ích lợi cho hàng triệu người thì mình thấy mình sung sướng lắm...”

“Bác không thấy tức giận khi liên tục bị đá chặn đường sao ạ?”

“Cũng có những lúc cảm thấy tức giận nhất thời nhưng tức giận để đi đến đâu? Mình không chống đối, đập đổ gì, chỉ cố gắng với những thứ có trong tay mình. Thiếu gì người có tư tưởng đập đổ. Ngày Phạm Hùng cử người sang Pháp gặp bác Thành, bác Thành đồng ý có

vấn thì nhiều người suy nghĩ cổ điển nói anh ngu thế, anh là là bạn cố tri của Ngô Đình Diệm, kẻ sĩ chỉ thờ một chúa, chúa bị lật đổ thì mình phải về vườn, sao giờ anh lại đi giúp kẻ đối nghịch với mình. Cũng có người bảo, anh ngu thế, gia đình anh từng là đại tì phú, thế mà giờ già anh không có cái nhà để ở, vậy mà giờ anh đi cố vấn không công. Người ta nghĩ vậy nhưng bác Thành nghĩ khác. Bác Thành cho rằng lịch sử như vậy thì than thở không giải quyết được gì. Bác chỉ đơn giản nghĩ đến đồng bào đang lâm vào cảnh lầm than, làm sao giải quyết ngăn sông cấm chợ, bế quan tỏa cảng để cho người dân dễ thở. Mãi tranh cãi cộng sản hay tư bản, trong khi việc đất nước vươn lên, dân tộc phát triển thì quên hẳn. Con người là quan trọng chứ không phải những lí thuyết.”

“Bác nghĩ thế nào về con người trong cuộc đời này?” Tôi đặt câu hỏi cuối cùng về nhân sinh quan.

“Như một cây lúa giữa ruộng đồng mênh mông, mình phải dựa vào nhau mà đứng, không thể trời lên rồi đạp đổ tất cả theo ý mình. Thế giới này, trái đất này làm sao đứng riêng một mình được nếu không có mặt trời và những hành tinh khác? Hệ thái dương này làm sao tồn tại nếu không có hàng tỉ ngôi sao trên dải ngân hà? Và dải ngân hà này làm sao tồn tại nếu không có hàng tỉ, hàng tỉ dải ngân hà khác kết hợp với nhau?”

Bác Thành cố gắng truyền tinh thần lạc quan của mình sang mọi người. Có lần tôi chứng kiến bác động viên một phóng viên qua điện thoại, người gọi tới phỏng vấn bác cho bài viết trên cuốn tạp chí số cuối cùng trước khi đình bản: “Đừng có vì chuyện đình bản mà buồn nhé! Ngày mai trời lại sáng, mình cố gắng làm tất cả những gì có thể nha. Nó có cái quẻ Phục biết không? Quẻ Phục là sau giờ Hợi thì qua giờ Tí, chuyển qua một ngày mới. Trừ khi thế giới này nổ tung, vẫn luôn luôn có một ngày mới nha.”

Sau công việc giờ hành chính, chúng tôi tới gặp bác, dù chủ yếu là nghe bác nói nhưng không tránh được những thời điểm uể oải, kiệt sức vì áp lực văn phòng. Chính những chia sẻ của bác giúp chúng tôi tỉnh táo, hứng khởi và hướng tới tư duy tích cực.

“Dường như thế hệ trẻ bây giờ có rất nhiều phương tiện để tiếp cận những luồng tư tưởng khác nhau nhưng lại chưa thể hiện được nhiều tinh thần dân tộc. Có thể vì mình quá bận với hiện đại hóa, khoa học kĩ thuật... Cần xây dựng cho giới trẻ một tinh thần dân tộc mạnh mẽ hơn mà không chỉ là tuyên truyền. Việt Nam có một lịch sử hào hùng, trải qua bao nhiêu sóng gió, thế hệ bây giờ có cơ hội vươn lên hội nhập cùng các cường quốc năm châu.”

“Thế hệ bọn cháu cũng có những cái khó...” Tôi nói.

“Mình khó nhưng không khó bằng các cụ đi trước. Các cụ không có nhiều cơ hội, lúc là thuộc địa thì dư địa rất ít. Nguyễn Tất Thành trẻ măng đã đi tìm đường cứu nước. Nguyễn Thái Học trẻ măng đã lãnh đạo khởi nghĩa Yên Bái, rồi lên đoạn đầu đài khi chưa đến tuổi 30. Nguyễn Thái Học với 12 đồng chí Việt Nam Quốc dân đảng đều hô hai tiếng ‘Việt Nam’ ngay trước khi máy chém sập xuống, có người mới chỉ hô xong chữ ‘Việt’. Vậy mà Phó Đức Chính còn không chịu cúi đầu, đòi nằm ngựa mặt lên mà nhìn lưỡi dao rớt xuống. Họ ngã

xuống cả đây, còn bao nhiêu người khác bị tù đầy, nào Côn Đảo, nào Hỏa Lò... Các cháu nhìn những tấm gương ấy đi.

Mình phải là Nguyễn Tất Thành mới, không phải để giải phóng đất nước mà để thay thế một thể hệ bị xuống cấp rồi. Không nên nguyên rửa bóng tối mà hãy thắp lên một ngọn đèn. Mỗi người thắp lên một ngọn đèn, có được 100 ngọn đèn, 1000 ngọn đèn nó sẽ sáng ra.”

Chúng tôi thích thú tập hát những bài bác hát từ thời bác tham gia phong trào Hướng đạo sinh ở Quy Nhơn. Rồi mấy bác cháu cùng hợp ca bài “Bạch Đằng giang”, nhạc Lưu Hữu Phước, lời của Mai Văn Bộ và Nguyễn Thành Nguyên:

Đây Bạch Đằng giang sông hùng dũng của nòi giống Tiên Rồng,

Giống Lạc Hồng, giống anh hùng, Nam Bắc Trung.

Trên trời xanh muôn sắc đua chen bóng ô

Dưới đáy, dòng nước ánh sáng vờn vờ nhấp nhô

Hàng cây cao soi bóng, gió uốn muôn ngàn lau

Hồn ai đang phảng phất trong gió cảm xiết bao...

Và tôi hiểu rằng dù phía trước là bao nhiêu khó khăn, chúng ta cũng không được nản chí. Mỗi cánh cửa đều có chìa khóa để mở./.

Tháng 7 năm 2014

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Quốc gia Việt Nam: Là chính thể thuộc Liên bang Đông Dương, thuộc Liên hiệp Pháp, tồn tại từ giữa năm 1948 đến năm 1955. Cựu hoàng Bảo Đại làm Quốc trưởng nhưng Pháp vẫn giữ quyền kiểm soát tài chính, thương mại, chính sách đối ngoại và quân sự của Quốc gia Việt Nam.

Năm Giáp Ngọ 2014.

Từ tiếng Pháp “cartes”, nghĩa là thẻ, bài.

Thơ “Công chúa Huyền Trân” của Hoàng Cao Khải.

Luật Hồng Đức: Tên gọi thông dụng của Bộ Quốc triều hình luật thời Lê sơ.

Những người có công quy dân lập làng/ấp.

Thước tức là mét.

Tại miền Trung, 1 mẫu = 4.970 mét vuông. Ở đây theo cách tính ở miền Trung nên bốn mẫu gần bằng 20.000 mét vuông.

Theo Bảo Phước lưu tập - Gia phả của ông bà Bùi Biên (ông Cửu Thứ).

Bùi Kiến Thành thường gọi cha mình là ông papa.

“Xét rõ, chỗ đắc pháp của đức Thích Ca Phật Tổ và chỗ ngài nói pháp huyền diệu, quyết chẳng ngoài phép Thiền Định và trí huệ (Bát Nhã) mà thoát khỏi khổ ách phiền não trần lao, đặng nhứt thiết chủng trí (Chơn Trí) chứng quả Vô Thượng Chánh Chơn Giác tức là Niết Bàn. Dù ngài có nói ra muôn vàn phương tiện pháp môn, cũng chú ý về pháp vi diệu ấy mà thôi. Thiền Định và Trí Huệ tức là con đường dẫn đến mục đích kiến tánh thành Phật vậy. Ấy là phép tu Tối Thượng Nhứt Thừa của các bậc Thánh sĩ và các bậc Bồ Tát.” (Trích Kinh Pháp Bảo Đàn - Bản dịch của Hòa thượng Thích Minh Trục)

Tên đầy đủ là François Séverin Marceau-Desgraviers (1/3/1769 - 21/9/1796), một vị tướng của Pháp.

Sau khi Bùi Kiến Tín đỗ tú tài thì vợ ông còn được mọi người gọi là cô tú.

Bài thơ “Cắt tóc” (sáng tác năm 1905) của Nguyễn Quyền nói về trào lưu cắt tóc búi tóc của trí thức Việt Nam hưởng ứng phong trào Duy Tân đầu thế kỷ XX. Tác phẩm còn có một số dị bản khác.

Nay là trường Cao đẳng Sư phạm Đà Lạt. Đây là một trong những ngôi trường đẹp nhất Việt Nam, tiêu biểu cho kiến trúc cổ điển Pháp.

Từ gốc Hoa, có nghĩa là “tạp hóa”.

Tiếng Pháp là “Ordre national de la Légion d'honneur”.

Tiếng địa phương Quảng Nam nói “đái” là “đời”.

Bắc: Tú tài Pháp, (tiếng Pháp: baccalauréat, còn gọi tắt là le bac) là bằng chứng chỉ giáo dục của Pháp cấp vào cuối bậc trung học cấp ba. Đây là chứng chỉ cần thiết để ghi danh vào đại học.

Còn gọi là Dòng Thánh Biển Đức. Các tu sĩ của Dòng sống theo Quy luật của Thánh Biển Đức.

Năm 1929, Ngô Đình Diệm được bổ nhiệm làm Tuần vũ tỉnh Phan Thiết. Năm 1933, ông được bổ nhiệm Thượng thư Bộ Lại dưới triều vua Bảo Đại.

Năm 1945, Hồ Chí Minh từng mời Ngô Đình Diệm giữ chức Thủ tướng nhưng ông từ chối vì Hồ Chí Minh không chấp nhận những yêu cầu ông đưa ra. Năm 1948, Bảo Đại cũng mời ông làm Thủ tướng Quốc gia Việt Nam, nhưng ông cũng không nhận lời.

Có tài liệu ghi là Đỗ Vạn Lý.

Tư lệnh Tối cao của lực lượng Mĩ tại Thái Bình Dương và Chỉ huy cao nhất của quân đội Mĩ tại Nhật sau khi Nhật đầu hàng Đồng Minh.

Nhà giáo, nhà văn, cựu Đại sứ Việt Nam Cộng hòa tại Pháp và tại UNESCO.

Người trải qua các vị trí: Bộ trưởng Bộ Kinh tế, Chủ tịch Hội đồng Kinh tế quốc gia, Phó Tổng thống dưới thời Ngô Đình Diệm. Sau khi Ngô Đình Diệm bị đảo chính, một thời gian ông giữ chức Thủ tướng.

Người trải qua các vị trí: Bộ trưởng Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Đại sứ Việt Nam tại Nhật dưới thời Ngô Đình Diệm.

Người giữ vị trí Đồng lý văn phòng của Thủ tướng, rồi Đồng lý văn phòng của Tổng thống dưới thời Ngô Đình Diệm.

Một chức quan trong triều Nguyễn.

Tiểu thuyết “Người Mĩ trầm lặng” (The quiet American) (1955) còn được dựng thành phim lần thứ hai vào năm 2002.

Chính trị gia người Australia, sinh ra tại Đức, sau nhập cư vào Mĩ.

Phong trào không liên kết được thành lập tháng 4 năm 1955, là tổ chức quốc tế gồm các quốc gia tự xem mình là không thuộc hoặc chống lại bất kỳ khối cường quốc lớn nào.

Section 2A. Monetary policy objectives The Board of Governors of the Federal Reserve System and the Federal Open Market Committee shall maintain long run growth of the monetary and credit aggregates commensurate with the economy’s long run potential to increase production, so as to promote effectively the goals of maximum employment, stable prices, and moderate long-term interest rates. (Tạm dịch: Mục 2A. Mục tiêu của chính sách tiền tệ Hội đồng Thống đốc của Cục Dự trữ Liên bang và Ủy ban Thị trường mở Liên bang sẽ duy trì sự phát triển dài hạn của những các khối tài chính và tín dụng tương xứng với tiềm năng tăng trưởng sản xuất trong dài hạn của nền kinh tế, nhằm thúc đẩy một cách hiệu quả các mục tiêu tận dụng tối đa nhân lực, ổn định giá và giữ lãi suất dài hạn ở mức vừa phải.)

Joseph G. Morgan, The Vietnam Lobby: The American Friends of Vietnam, 1955-1975, NXB Đại học Bắc Carolina, 1997.

Âu Trường Thanh (1925-2009), sau này có lúc làm Tổng trưởng Kinh tế dưới thời Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu.

Một câu lạc bộ tại từng quốc gia với thành viên là các chuyên gia và doanh nhân, trực thuộc tổ chức quốc tế Rotary International bao gồm các câu lạc bộ tương tự với mục tiêu phục vụ cộng đồng.

Tứ khoái: Tập trung nhanh, Thanh toán chiến trường nhanh, Thu dọn chiến trường nhanh, Rút lui nhanh; Nhất mạn: Chậm trong nghiên cứu chiến trường và soạn thảo kế hoạch lực lượng.

Đại Việt Quốc dân đảng, thường được gọi tắt là Đảng Đại Việt, thành lập năm 1939. Việt Nam Quốc dân đảng, gọi tắt là Việt Quốc, thành lập năm 1927. Năm 1960, Đại Việt và Việt Quốc ra tuyên cáo ủng hộ đảo chính Ngô Đình Diệm. Để trả đũa, Ngô Đình Nhu đã ra lệnh trấn áp hai tổ chức này. Năm 1962, lấy lí do Đại Việt có liên quan đến vụ ám sát Tổng thống Diệm, Ngô Đình Nhu một lần nữa thực hiện trấn áp mạnh mẽ với Đại Việt.

Vào thời điểm chúng tôi thực hiện cuốn sách này năm 2014, Hòa thượng Thích Trí Quảng đang là Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, là nhà hoằng pháp có rất nhiều cống hiến cho Phật giáo Việt Nam.

Người mang quốc tịch Pháp.

Người có chức vụ chứng thực và quản lí giấy tờ khế ước; công chứng viên.

Một chức quan trong triều Nguyễn.

Cây to làm cảnh có hoa thành chùm trắng hay đỏ, cây dẻ Ấn Độ.

Viết tắt tên bốn cô tiểu thư nhà họ Bảo là Khánh - An - Nga - Yến.

Tiếng Pháp nghĩa là “hội thảo”.

Chương trình tị nạn ở Hoa Kỳ dành cho những người từng làm việc cho chính quyền miền Nam Việt Nam trước năm 1975.

Dương Thu Hương bị bắt ngày 14/4/1991, được thả ngày 20/11/1991.

Hiện là Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Việt Nam tại Kuwait.

Sau này đổi tên là Ban Người Việt Nam ở nước ngoài.

Sách do chính phủ hay bộ ngoại giao một nước công bố nhằm trình bày trước dư luận quốc tế một cách hệ thống và có dẫn chứng một vấn đề chính trị, kinh tế, văn hóa quan trọng.

Viết tắt của “Memorandum of Understanding”: Biên bản ghi nhớ hợp tác.

Được thành lập năm 1994 nhằm thúc đẩy cơ chế đối thoại và tham vấn về các vấn đề an ninh và chính trị trong khu vực, xây dựng lòng tin và phát triển ngoại giao phòng ngừa. Khẩu hiệu của ARF là “Xúc tiến hòa bình và an ninh qua đối thoại và hợp tác ở châu Á Thái Bình Dương”. Năm 1994, Việt Nam chưa gia nhập ASEAN, năm 1995 Việt Nam mới gia nhập.

Khí đồng hành: là khí tự nhiên được tìm thấy cùng dầu thô, có thể ở dạng hòa lẫn với dầu thô hoặc tạo thành không gian phía trên lớp dầu thô trong mỏ dầu.

BOT: Viết tắt của Build - Operate - Transfer.

Viết tắt của “The London Interbank Offered Rate”: Lãi suất liên ngân hàng London.

Chính trị gia Đảng Xã hội Pháp (sinh ngày 20/8/1946): từng làm Thủ tướng Pháp từ ngày 17/7/1984 đến ngày 20/3/1986. Khi được chỉ định vào chức vụ này ông mới 37 tuổi và cho đến nay ông vẫn là Thủ tướng trẻ nhất của đệ ngũ Cộng hòa Pháp. Ông nắm cương vị Ngoại trưởng Pháp từ ngày 16/5/2012.